

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
1975-2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2010

Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Chỉ đạo biên soạn :

PHẠM ĐÌNH KHỐI
NGUYỄN HÒA BÌNH
CAO KHOA
NGUYỄN XUÂN HUẾ

Ban Biên soạn :

PHẠM THANH HẢI
TRẦN CAO MINH
TỪ TÂN VŨ
PHẠM NHỚ
BÙI HỒNG NHÂN
TẠ THANH
NGUYỄN THÁI BÌNH

Chủ biên :

THS. VÕ VĂN HÀO

Cố vấn biên soạn :

PGS, TS. NGUYỄN THANH TÂM

Thẩm định nội dung :

TS. HOÀNG VĂN TỤÊ
TS. HOÀNG KIM THANH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Quảng Ngãi, vùng đất của núi Ấn, sông Trà, nằm ở vùng duyên hải miền Trung - Tây Nguyên, phía bắc giáp Quảng Nam, phía nam giáp Bình Định, phía tây nam giáp Kon Tum, phía đông giáp biển. Thiên nhiên hùng vĩ và nên thơ, có núi, có sông, có ghềnh thác, có biển nên từ buổi bình minh của lịch sử, vùng đất Quảng Ngãi đã là nơi cư trú của người Việt cổ. Con người nơi đây đã sớm được hun đúc nên tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng; nơi đây đã sản sinh ra nhiều danh nhân dân tộc mà tiêu biểu là Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định và cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Ba mươi năm (1975-2005), một khoảng thời gian chưa phải là dài trong lịch sử, nhưng đây là quãng thời gian diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt, có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 12-1975 hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình. Trong suốt thời gian từ 1975-1989, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nghĩa Bình, quân và dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, khắc phục hậu quả chiến tranh, bước đầu ổn định đời sống, đồng thời cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, nêu cao nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Từ tháng 7 năm 1989 tỉnh Quảng Ngãi tái lập. Đây là một thuận lợi lớn để Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và nguồn lực của quê hương và đã giành được nhiều thành tựu quan trọng.

Những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy được trong ba mươi năm (1975-2005) xây dựng và bảo vệ quê hương là hành trang quý báu để Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tự tin vững bước vào thế kỷ XXI, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tỉnh Quảng Ngãi vượt qua tình trạng là một tỉnh nghèo, kém phát triển, hòa nhịp cùng đất nước phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để ghi lại một giai đoạn lịch sử của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho toàn Đảng bộ, nhân dân và các thế hệ mai sau; thiết thực chào mừng ngày kỷ niệm 65 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVIII, hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi xuất bản cuốn sách: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI GIỚI THIỆU

Với khí thế hào hùng của cuộc tổng tiến công, nổi dậy mạnh mẽ mùa Xuân 1975, Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi đã chủ động đứng lên giải phóng toàn tỉnh, góp thêm tinh thần và lực lượng, sức người và sức của giải phóng hoàn toàn miền Nam, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới, hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, hoà bình, thống nhất đất nước. Từ sự kiện trọng đại đó cho đến Đại hội lần thứ XVII (tháng 12-2005), Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi có thời kỳ kề vai sát cánh cùng Đảng bộ và nhân dân Bình Định trong Đảng bộ hợp nhất tỉnh Nghĩa Bình, bước tiếp chặng đường lịch sử 30 năm. Vượt qua muôn vàn khó khăn, khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến hành cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội; tái lập tỉnh, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, Đảng bộ quân và dân Quảng Ngãi đã đoàn kết một lòng phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần lao động sáng tạo, nắm bắt cơ hội, hóa giải thách thức và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa quan trọng trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương giàu mạnh. Chặng đường lịch sử đó là sự tiếp nối bản anh hùng ca mà Đảng bộ và nhân dân đã viết nên trong suốt 80 năm kể từ khi Đảng bộ ra đời, lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh.

Ghi lại, phản ánh khách quan lịch sử của Đảng bộ và nhân dân nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo để thúc đẩy công cuộc đổi mới thành công là một nhiệm vụ cấp thiết. Nhận thức và quán triệt sâu sắc mục đích đó, đồng thời thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Quảng Ngãi, khoá XVII đã quyết định biên soạn, xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn từ sau giải phóng năm 1975 đến năm 2005. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn. Sau một thời gian khẩn trương thực hiện các công việc, công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)* đã hoàn thành.

Cuốn sách trình bày hệ thống những sự kiện tiêu biểu trong quá trình hoạt động, lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào cách mạng của nhân dân thực hiện đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh qua các thời kỳ cách mạng. Trên cơ sở dựng lại bức tranh lịch sử, tổng kết, khẳng định những thành tựu, đồng thời cũng nêu lên những hạn chế, yếu kém của chặng đường lịch sử 30 năm (1975-2005), cuốn sách đúc rút những bài học kinh nghiệm chủ yếu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Cuốn sách là một tài liệu tham khảo, giáo dục truyền thống, tài liệu học tập quý của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

Hoàn thành cuốn sách, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chân thành cảm ơn những đóng góp quý báu của các đồng chí lão

thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp, qua các thời kỳ; sự giúp đỡ tận tình về tư liệu của các cơ quan lưu trữ trong tỉnh, ngoài tỉnh; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; sự nỗ lực cố gắng của Ban Chỉ đạo, Ban Biên soạn và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Mặc dù đã được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo chặt chẽ về tư tưởng, nội dung khoa học; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Biên soạn đã tiếp thu ý kiến nâng cao chất lượng nội dung của cuốn sách, song chắc chắn vẫn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Ban Thường vụ Tỉnh ủy mong nhận được ý kiến phê bình, đóng góp để cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)* được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Chào mừng những ngày kỷ niệm lớn của dân tộc, của Đảng trong năm 2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trân trọng giới thiệu với đồng bào, đồng chí và bạn đọc cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1975-2005)*.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

BÍ THƯ



PGS, TS. NGUYỄN HÒA BÌNH

Chương I

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH, TRƯỚC MẮT, TỪNG BƯỚC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG (Tháng 3-1975 - tháng 12-1975)

I- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HÒA HỢP, HÒA GIẢI DÂN TỘC, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN, MẬT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ, TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tỉnh Quảng Ngãi được giải phóng hoàn toàn vào ngày 24-3-1975. Thắng lợi đó phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở các tỉnh ven biển miền Trung, chia cắt và cô lập địch, góp phần quan trọng vào giải phóng các tỉnh, thành phố duyên hải miền Trung, mở đường cho đại quân thần tốc tiến vào miền Đông Nam Bộ tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định và tất cả miền Nam, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã tạo ra khí thế hào hùng trong tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Hòa trong niềm vui chung của nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bước vào thực hiện những nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới với nhiều thuận lợi cơ bản, nhưng cũng không ít khó khăn.

Ngay sau thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Ngãi, lực lượng cách mạng nhanh chóng tiếp quản toàn bộ các công sở, nhà máy, cơ quan, trường học, bệnh viện, các vị trí quân sự... của chính quyền địch để lại. Mọi tổ chức của chính quyền cũ đều bị xóa bỏ. Hầu hết ngục quân, ngục quyền, các đảng phái phản động đều tan rã tại chỗ. Tàn quân địch đã giao nộp vũ khí, đăng ký trình diện chính quyền cách mạng. Một số cơ sở sản xuất, dịch vụ quan trọng ở thị xã Quảng Ngãi, như nhà máy nước, nhà máy đường, nhà máy điện, đài phát thanh và các công sở đều còn nguyên vẹn.

Trải qua 30 năm (1945-1975) tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi được thử thách, rèn luyện và không ngừng trưởng thành. Lòng tin của các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng đã tạo nên sức mạnh tinh thần vô cùng to lớn để Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Các điều kiện, nguồn lực con người và tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh khá dồi dào. Vị trí địa lý thuận lợi nối liền Nam - Bắc và Tây Nguyên; địa hình đa dạng, vừa có miền núi, đồng bằng, biển và hải đảo. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, nhưng chưa được khai thác, sử dụng. Đặc biệt là Đảng bộ và nhân

dân Quảng Ngãi có truyền thống yêu nước và cách mạng, cần cù, thông minh, sáng tạo, trong lao động sản xuất, có lòng quyết tâm cao trong sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước sau chiến tranh.

Tuy vậy, bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thử thách.

Hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề. Toàn tỉnh có hàng chục nghìn người chết và bị thương, gần 140.000 người từ các khu đồn của địch về làng cũ chưa có nhà ở và cuộc sống chưa ổn định; 22.364 người thất nghiệp, 11.428 trẻ mồ côi (trong đó có 480 con lai), 2.768 kẻ trộm cắp, du đãng, bụi đời; 67.856 ha ruộng đất bị hoang hoá, 519 công trình thủy lợi, 1.395 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 14.658 tàu thuyền, ngư lưới cụ và hàng trăm cầu cống, đường sá, trường học, bệnh viện bị phá huỷ¹... Bom, mìn, đạn pháo còn sót lại sau chiến tranh thường xuyên đe dọa cuộc sống của nhiều người.

Tuy bộ máy chế độ cũ hoàn toàn bị đập tan, phần lớn nguy quân, nhân viên nguy quyền đều tan rã, đầu hàng, nộp vũ khí, ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng, nhưng vẫn còn một số phần tử trong các tổ chức, đảng phái phản động ngoan cố, nuôi ảo tưởng khôi phục chính quyền cũ không chịu cải tạo, lợi dụng chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước len lút rải truyền đơn, tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá chính quyền cách mạng. Một số tên ngoan cố còn tổ chức các vụ bạo động gây mất an ninh chính trị, trật

1. Theo tài liệu của Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi.

tự an toàn xã hội ở một số địa phương. Chúng bắn lén du kích, ám sát cán bộ, ném lựu đạn, bỏ thuốc độc vào các nguồn nước, cắt dây điện thoại, phá hoại sản xuất, v.v..

Do chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ, cũng như toàn miền Nam, nền kinh tế của Quảng Ngãi bị kiệt quệ, lệ thuộc, mất cân đối nghiêm trọng. Toàn tỉnh hầu như không có một cơ sở sản xuất công nghiệp nào đáng kể, ngoài Nhà máy đường Quảng Ngãi được xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ XX. Sản xuất nông nghiệp lạc hậu, manh mún, nhỏ lẻ. Nhiều diện tích ruộng đất bị bỏ hoang lâu năm, nhất là vùng giải phóng cũ, vùng giáp ranh, vùng tranh chấp giữa ta và địch trước đây. Nhà cửa, cầu cống, đường sá, các công trình thủy lợi đều bị bom đạn tàn phá. Ở vùng mới giải phóng, các thị trấn và thị xã Quảng Ngãi, một bộ phận nhân dân, nhất là người buôn bán nhỏ, lao động phổ thông, công nhân... lâm vào tình trạng thiếu, đói. Ở vùng căn cứ cách mạng, vùng giải phóng cũ, nhất là miền núi, đời sống vật chất, tinh thần của đa số đồng bào gặp nhiều khó khăn.

Cùng với những khó khăn về đời sống vật chất, sau chiến tranh trong tỉnh còn diễn biến phức tạp về tư tưởng, tinh thần. Những người đã làm việc cho chế độ cũ và gia đình họ có thái độ mặc cảm, luôn sống trong tâm trạng lo sợ bị chính quyền cách mạng trả thù. Một số hộ khá giả lo lắng bị tịch thu nhà cửa, tài sản. Hàng vạn gia đình hoặc bị mất người thân, hoặc có người thân từng theo địch luôn mang tâm trạng lo âu. Các tệ nạn xã hội của chế độ thực dân mới để lại rất nặng nề.

Nhiệm vụ cách mạng cơ bản chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, xây dựng lại quê hương, đất nước, nhưng các cấp ủy đảng còn thiếu kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện

nhiệm vụ mới. Chính quyền cách mạng còn lơ đãng, lúng túng trong công tác quản lý mọi mặt của đời sống xã hội. Một bộ phận cán bộ, đảng viên có tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, muốn nghỉ ngơi, sau nhiều năm gian khổ, không nắm bắt yêu cầu tình hình mới, chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Thuận lợi và khó khăn đan xen, tác động nhiều chiều, vừa có những yếu tố tích cực, vừa có những yếu tố tiêu cực, đòi hỏi Đảng bộ phải khẩn trương thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, có hiệu quả nhằm ổn định tình hình sau giải phóng, tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 15-4-1975, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị lần thứ năm (mở rộng) bàn một số nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh sau giải phóng. Hội nghị khẳng định: Cách mạng miền Nam đang trong tình thế vô cùng thuận lợi. Nhân dân miền Nam đang vùng lên mạnh mẽ, tiến công địch khắp nơi. Đế quốc Mỹ tuy có nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nhưng phải bất lực trong việc cứu vãn nguy quyền Sài Gòn, không dám dùng không quân ném bom và đưa quân trở lại miền Nam. Nguy quân, nguy quyền hoang mang, rệu rã, không có khả năng phản kích, lấn chiếm lại vùng giải phóng. Với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, Hội nghị Tỉnh ủy đã đề ra các nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ trong thời gian đầu sau giải phóng:

Về nhiệm vụ ổn định tình hình vùng mới giải phóng, Hội nghị yêu cầu các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể quần chúng phải tập trung làm công tác tư tưởng trong vùng mới giải phóng, làm cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết về cách mạng, về bản chất của đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai,

thấy được sức mạnh của quần chúng nhân dân, các chính sách của Đảng, chính quyền cách mạng và Mặt trận dân tộc giải phóng. Trên cơ sở đó, các lực lượng cách mạng phải tích cực vận động quần chúng tham gia công tác cách mạng, truy tìm và gọi hết số tàn quân và nhân viên nguy quyền còn lẩn trốn, bắt giam những tên ác ôn có nợ máu, phân loại để có đối sách rõ ràng với chúng. Hội nghị nêu rõ: Công tác giữ gìn, bảo quản và sử dụng tài sản mà ta thu được từ tay địch phải chặt chẽ, xác định rõ tất cả tài sản này là xương máu của chiến sĩ và toàn thể đồng bào. Nhiệm vụ của tất cả mọi người là phải bảo vệ tài sản quốc gia. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể phải tập trung ổn định mọi sinh hoạt của nhân dân, nắm chặt quần chúng các giới, chú ý công nhân, người lao động, đặc biệt chú ý công tác mặt trận, các tôn giáo, trí thức, tư sản; giữ cho hệ thống cấp điện, nước ở thị xã Quảng Ngãi, các thị trấn hoạt động bình thường, thực hiện tiết kiệm; vận động đồng bào giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh; nhanh chóng mở lại các trường học, bệnh viện, chợ quán, cho buôn bán tự do, đi lại bình thường. Cùng với các nhiệm vụ trên, Hội nghị đề ra nhiệm vụ củng cố Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh và chính quyền cách mạng ở các vùng giải phóng cũ, khẩn trương thành lập, kiện toàn chính quyền các vùng mới giải phóng. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân ở huyện, xã, chọn người có uy tín, trong sạch, có kinh nghiệm và hết lòng vì dân tham gia chính quyền. Khẩn trương củng cố, xây dựng và phát huy tác dụng của các đoàn thể giải phóng.

Về nhiệm vụ tổ chức cuộc chiến đấu mới, Hội nghị xác định: Nhiệm vụ quan trọng là tổ chức phòng thủ, bảo vệ vững chắc mọi thành quả cách mạng trong tỉnh, đồng thời khẩn trương tổ chức, tiếp tục tấn công địch, bao gồm

huy động nhân lực, tiềm lực hậu cần, bảo đảm lực lượng bổ sung, huy động những nhu cầu thiết yếu cho cuộc chiến đấu mới. Các cấp, các địa phương khẩn trương bố trí lực lượng bảo vệ ven biển, canh gác tuần tra đề phòng biệt kích đổ bộ và vớt số tàn quân địch. Các lực lượng cách mạng phải khẩn trương tổ chức truy lùng bọn tàn quân còn lẩn trốn, vận động gia đình kêu gọi chúng ra hàng, đề phòng chúng bị đói khát đi cướp của, giết người.

Về nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng vững mạnh toàn diện, Hội nghị yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương nghiên cứu kỹ phương hướng, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện thật đúng, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nơi, tránh sai lầm, nhưng cũng không phải chờ đợi khi nghiên cứu hoàn chỉnh mới làm, mà phải vừa làm, vừa nghiên cứu bổ sung, uốn nắn dần từng bước. Các cấp ủy, các lực lượng, các địa phương phải tập trung xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, nắm vững chuyên chính vô sản, dựa vào công nhân, nông dân, nhân dân lao động xây dựng khối đoàn kết toàn dân, lấy công nông làm nền tảng, mở rộng mặt trận dân tộc giải phóng, thu hút tư sản, trí thức, phú nông, địa chủ tiến bộ và các tôn giáo. Vấn đề ruộng đất là vấn đề cấp thiết nhất phải khuyến khích đồng bào khai hoang phục hóa, điều hòa ruộng đất, làm cho mọi người đều có ruộng đất để sản xuất. Đẩy mạnh xây dựng các cơ sở kinh tế quốc doanh, quản lý và khai thác các cơ sở kinh doanh do chế độ cũ để lại, v.v..

Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trên, Đảng bộ phải tiến hành toàn diện trên cả ba vùng đồng bằng, miền núi và ven biển, coi đây là cuộc vận động mang tính toàn dân.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập các đoàn công tác về các địa phương, cơ sở chỉ đạo các

cấp ủy, chính quyền phát động các tầng lớp nhân dân tham gia trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước ổn định tình hình sản xuất và đời sống.

Trong năm 1975, các lực lượng vũ trang liên tiếp tổ chức bốn đợt truy quét tàn quân địch. Mỗi đợt kéo dài từ 10 ngày đến hơn 5 tháng. Kết quả các đợt truy quét, lực lượng vũ trang truy bắt, kêu gọi ra trình diện 10.109 tên, gồm 7.504 ngụy quân, 2.605 nhân viên ngụy quyền, trong đó có nhiều tên thuộc loại nguy hiểm, từng gây nhiều tội ác với nhân dân, với cách mạng. Đến cuối năm 1975, toàn tỉnh có 31.159 người tham gia chế độ cũ ra đầu hàng, bị truy bắt hoặc ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng.

Quản trịệt và tổ chức thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc của Đảng thể hiện trong các Chỉ thị số 218, 219-CT/TW, ngày 18-4-1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, khoá III về chính sách đối với tù hàng binh, ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, các cấp ủy đảng chỉ đạo chính quyền cách mạng cùng cấp tổ chức nhiều lớp học tập, cải tạo những người tham gia chế độ cũ. Ở thị xã Quảng Ngãi, Ban binh vận tỉnh mở một lớp học tập 7 ngày cho 425 sĩ quan của chế độ cũ có cấp bậc từ chuẩn úy đến thiếu tá. Sau đợt học tập, các cơ quan chức năng tiến hành phân loại các đối tượng. Những tên thuộc loại nguy hiểm, giữ các chức vụ cao dưới chế độ cũ được tập trung giao cho trại An ninh tỉnh, Tỉnh đội, Tổng trại 3 - Quân khu V để tiếp tục học tập, cải tạo. Binh lính và nhân viên ngụy quyền bình thường (chiếm 95% tổng số ngụy quân, nhân viên ngụy quyền) được tổ chức học tập tại địa phương từ 7 đến 10 ngày. Sau đó, số này được cho hưởng quyền công dân trở về đoàn tụ với gia đình. Đến cuối

tháng 4-1975, phần lớn những người tham gia chế độ cũ ra đảng ký trình diện chính quyền cách mạng đã được học tập, cải tạo, khôi phục quyền công dân và trở về địa phương. Việc tổ chức truy quét, bắt giữ tàn quân địch còn lẩn trốn, kết hợp với thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo đối với những người tham gia chế độ cũ được cải tạo đã ngăn chặn kịp thời âm mưu, thủ đoạn nhen nhóm hoạt động phá hoại của địch, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội sau giải phóng; đồng thời giải tỏa được tâm lý hoang mang, lo sợ bị chính quyền cách mạng trả thù, “tắm máu” trong một bộ phận những người tham gia làm việc cho chế độ cũ.

Trong quá trình tổ chức các đợt truy quét, trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện chủ trương, chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với những người tham gia chế độ cũ một số nơi trong tỉnh vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế. Một số cấp ủy, chính quyền chưa quán triệt sâu sắc chính sách của Đảng đối với những người tham gia chế độ cũ, đánh giá địch, ta chưa rõ ràng. Một số nơi còn để những phần tử phản động thuộc loại nguy hiểm trong các đảng phái phản động, như Cần lao nhân vị, Quốc dân đảng, Đại Việt, nhân viên tình báo, mật vụ, chiêu hồi, v.v.. chạy thoát khỏi địa bàn hoặc che giấu tung tích, lẩn trốn, không chịu ra đảng ký trình diện. Việc quản lý hồ sơ, vũ khí, đạn dược, phương tiện thông tin thu hồi được của địch chưa chặt chẽ. Những hạn chế, khuyết điểm đó đã tạo cơ hội cho bọn phản động, lưu manh cấu kết với nhau, lén lút hoạt động phá rối trật tự trị an, phao tin đồn nhảm, gây dư luận hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác trấn áp bọn phản động, truy quét tàn quân địch, ngày

26-4-1975, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 60/CT "Về công tác phát động quần chúng truy quét tàn binh địch, giữ gìn trật tự trị an". Do có sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát, nên nhiệm vụ trấn áp bọn phản cách mạng được tiến hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng. Các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, phối hợp với các lực lượng vũ trang, bán vũ trang tuần tra canh gác giữ gìn an ninh khu phố, thôn, xóm. Nhiều nơi, nhân dân còn phát hiện, vận động những người tham gia chế độ cũ còn lẩn trốn ra đảng ký trình diện để được hưởng sự khoan hồng của chính quyền cách mạng. Các ban phụ trách chiến lợi phẩm, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ làm nhiệm vụ tiếp quản thị xã, thị trấn đều nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về bảo quản, giữ gìn tài sản, cơ sở vật chất do chế độ cũ để lại.

Đồng thời với nhiệm vụ trấn áp bọn phản động, giữ gìn trật tự trị an xã hội, nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng các cấp được đặt ra hết sức cấp bách. Chỉ một ngày sau giải phóng, Ủy ban Quân chính thị xã Quảng Ngãi được thành lập (ngày 25-3-1975) để thực hiện chế độ quân quản ở địa bàn trọng yếu này. Ngày 31-3-1975, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Đoàn Nhật Nam làm Chủ tịch¹ ra mắt đồng bào tại cuộc mít tinh lớn mừng tỉnh nhà được giải phóng. Lần lượt sau đó, các cơ quan chức năng của chính quyền tỉnh, các huyện được chuyển từ căn cứ về làm việc tại tỉnh lỵ và các trung tâm huyện. Đầu tháng 4-1975, bộ máy chính quyền từ tỉnh đến các huyện, thị xã được thành lập. Bộ máy chính quyền cấp xã, khu phố được duy trì dưới

1. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi được thành lập ngày 20-12-1968. (Xem: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.291).

hình thức các ban tự quản. Đến cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Khu ủy, cấp xã tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân. Sau bầu cử, Ủy ban nhân dân cách mạng cấp xã được thành lập thay thế các ban tự quản.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, các đơn vị hành chính cấp huyện được sắp xếp lại. Các xã thuộc huyện Đông Sơn được nhập trở lại huyện Bình Sơn và Sơn Tĩnh. Huyện Sông Hře được sáp nhập vào huyện Ba Tơ. Huyện Sơn Tây được sáp nhập vào huyện Sơn Hà. Đến cuối năm 1975, tỉnh Quảng Ngãi có thị xã Quảng Ngãi là trung tâm tỉnh lỵ và 10 huyện: Bình Sơn, Sơn Tĩnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Dân số toàn tỉnh có 719.263 người.

Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng và các đoàn thể quần chúng các cấp được củng cố, kiện toàn về tổ chức, phát triển thêm hội viên, đoàn viên mới. Đến cuối tháng 5-1975, toàn tỉnh có 173 chi đoàn Thanh niên giải phóng, với 6.496 đoàn viên. Hội Liên hiệp Thanh niên giải phóng có 247 chi hội, với 64.556 hội viên. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh có 239 chi đội, với 23.854 đội viên. Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng có 201.634 hội viên. Hội Nông dân giải phóng có 45.798 hội viên. Công đoàn giải phóng có 10.738 đoàn viên.

Cùng với củng cố tổ chức, phát triển hội viên, đoàn viên, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong thời gian đầu sau giải phóng tập trung tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống... Nổi bật nhất là các phong trào khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, khôi phục hệ thống giao thông, xóa bỏ các tàn dư văn hóa phản động, lạc hậu của chế độ cũ. Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp

Thanh niên mở các lớp học tập, tuyên truyền phát huy thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, phát động thanh niên tham gia các lực lượng vũ trang, các tổ tuần tra bảo vệ trật tự trị an, tổ chức biểu diễn văn nghệ, hát các ca khúc cách mạng, luyện tập thể dục, thể thao, làm sân vận động, vườn cây nhớ ơn Bác Hồ, làm thủy lợi, khai hoang, giúp dân dựng lại nhà ở. Hội viên phụ nữ tham gia quyên góp tiền, lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội trên đường tiến về giải phóng Sài Gòn; tham gia phong trào “ba đảm đang” xây dựng đất nước. Hội Nông dân giải phóng phối hợp với chính quyền thống kê, phân loại, hoàn thành việc chia cấp, điều chỉnh ruộng đất cho những hộ không có ruộng hoặc thiếu ruộng, góp phần khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đạt được một số kết quả, nhưng nhìn chung chỉ mới tập trung vào việc củng cố tổ chức, phát triển hội viên, nội dung, phương thức hoạt động chưa chuyển đổi kịp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Trình độ, năng lực vận động hội viên, tổ chức các phong trào hành động cách mạng của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế.

Đồng thời với lãnh đạo nhân dân tập trung truy quét tàn quân địch, thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục điều động một số đơn vị lực lượng vũ trang tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Hàng ngàn thanh niên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, dân quân, du kích với nhiều vũ khí, chiến lợi phẩm (xe, pháo, súng, đạn...) được huy động cho chiến dịch. Dọc Quốc lộ 1A, nhân dân tổ chức các điểm đón tiếp các đơn vị bộ

đội trên đường tiến về giải phóng Sài Gòn. Từ ngày 11 đến ngày 18-4-1975, cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh phát động Tuần lễ đặc biệt với tinh thần "Tất cả vì sự nghiệp giải phóng miền Nam", "Quyết chiến, quyết thắng để quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai" và được các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng.

Ngày 30-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành thắng lợi vẻ vang, kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Sáng 1-5-1975, tại sân vận động Diên Hồng, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh và hàng nghìn đồng bào khắp các địa phương trong tỉnh hân hoan, phấn khởi tham dự cuộc mít tinh chào mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng thắng lợi diễn ra sôi nổi khắp các địa phương. Nhiều gia đình kết hoa giấy, làm lồng đèn, làm bàn thờ Tổ quốc thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng, Bác Hồ, đồng bào, đồng chí đã hy sinh vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, biểu thị quyết tâm đem hết sức mình xây dựng lại quê hương, đất nước sau chiến tranh.

II- TỪNG BƯỚC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG

Để từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng ổn định các mặt của đời sống xã hội, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 95/CT xác định một số nhiệm vụ về giải quyết công ăn, việc làm, khôi phục sản xuất, nhất là sản xuất nông

ng nghiệp, ổn định đời sống nhân dân. Chỉ trong một thời gian ngắn, chính quyền các cấp đã đưa hàng chục vạn đồng bào trong các khu dồn, thị xã, thị trấn trở về quê cũ định cư, ổn định cuộc sống. Các ngành và địa phương kịp thời phân phối lương thực, dầu hỏa đến các hộ gia đình khó khăn. Các lực lượng vũ trang ngoài nhiệm vụ trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự trị an còn tích cực giúp nhân dân dựng lại nhà cửa, tháo gỡ bom mìn, thu dọn dây thép gai, san lấp hố bom, sửa chữa đường sá, cầu cống, v.v..

Ngày 19-5-1975, Ban Thường vụ Khu ủy V ban hành chỉ thị về việc điều chỉnh ruộng đất cho nông dân thiếu ruộng và không có ruộng. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Khu ủy, Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp tiến hành thống kê số lượng, phân loại nguồn gốc, hình thức sở hữu ruộng đất, điều tra nhân, hộ khẩu những gia đình thiếu ruộng, hoặc chưa có ruộng làm cơ sở để chia, điều chỉnh ruộng đất đúng với chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là lĩnh vực hết sức phức tạp, lại được tiến hành trong thời gian ngắn, nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, việc điều chỉnh ruộng đất được cơ bản hoàn thành. Đến cuối năm 1975, ở vùng mới giải phóng, tổng số ruộng đất được chia là 6.013 mẫu cho 129.087 khẩu, trong đó có 17.714 khẩu từng là ngụy quân, nhân viên ngụy quyền; ở vùng giải phóng cũ, tổng số ruộng đất được điều chỉnh hơn 6.500 mẫu cho 16.538 hộ với 95.549 khẩu, trong đó có 2.310 hộ có người là ngụy quân, nhân viên ngụy quyền. Việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chia, điều chỉnh ruộng đất cho những hộ nông dân chưa có ruộng, thiếu ruộng thực sự mang lại niềm phấn khởi, tin tưởng cho các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Ngay cả những người tham gia chế độ cũ, chẳng

những không bị chính quyền cách mạng phân biệt đối xử, mà còn được chia ruộng đất canh tác.

Quá trình khôi phục sản xuất, ổn định đời sống cũng gắn liền với các đợt vận động nhân dân khai hoang, vỡ hóa, làm thủy lợi, khôi phục các ngành nghề sản xuất truyền thống, v.v.. Sau hơn 5 tháng phát động phong trào, đến cuối tháng 8-1975, nhân dân các địa phương trong tỉnh khai hoang, phục hóa được 10.107 ha, đưa diện tích đất canh tác trong toàn tỉnh lên 56.450 ha; khôi phục được 21 bờ xe nước và hệ thống kênh Tư Nghĩa, kênh Sơn Tịnh, nạo vét được 2.933 ao, giếng, sửa chữa được 567 đập nước. Đặc biệt trong thời gian này, bằng sức lao động thủ công là chính, các tầng lớp nhân dân hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình thủy lợi, như đập 19-5 (Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa), đập Cà Ninh (Bình Phước), đập Quỳnh Lưu (Bình Châu), đập Đá Giăng (Bình Minh, Bình Sơn); khởi công xây dựng đập Sở Hữu (Đức Phổ), đê Quang Mỹ (Sơn Tịnh).

Các hình thức hợp tác tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất từng bước được khôi phục. Toàn tỉnh thành lập được 330 tổ vòng, đổi công, với 10.487 lao động; 93 tổ hợp tác, với 3.772 lao động; 106 tổ đoàn kết sản xuất (ở miền núi), với 2.625 lao động.

Nghề khai thác, chế biến thủy sản từng bước được khôi phục. Sau giải phóng, toàn tỉnh có 56.773 người làm nghề đánh bắt cá, chế biến thủy sản, nhưng phương tiện đánh bắt, chế biến cũ nát, hư hỏng. Đời sống ngư dân gặp nhiều khó khăn. Được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, đến cuối tháng 6-1975, ngư dân trong tỉnh khôi phục và đóng mới 1.739 thuyền máy, 275 ghe, thuyền, khôi phục và đưa vào sản xuất 36 ha/285 ha ruộng muối ở Sa Huỳnh, Sa Kỳ.

Để khôi phục các ngành nghề khai thác, chế biến lâm sản, trồng cây, gây rừng, tỉnh thành lập xưởng xẻ gỗ La Hà (Tư Nghĩa), xây dựng vườn ươm cây giống Bình Sơn và Nghĩa Hành, vườn ươm dừa Tịnh Ấn (Sơn Tịnh).

Nhờ kết hợp nhiều biện pháp khôi phục và phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nên nhân dân nhiều vùng trong tỉnh đã vượt qua được khó khăn, sớm ổn định cuộc sống.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề dịch vụ từng bước trở lại hoạt động bình thường. Nhà máy đường Quảng Ngãi có công suất ép 1.500 tấn mía cây/ngày, với 88 kỹ sư, công nhân (trong đó có 3 kỹ sư người Nhật) tiếp tục duy trì sản xuất. Được tỉnh Nghệ An kết nghĩa giúp đỡ, ngày 2-9-1975, Nhà máy cơ khí An Ngãi được khánh thành và đưa vào hoạt động, bước đầu sản xuất được một số sản phẩm phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh. Nhà máy nước có 28 nhân viên được phục hồi và hoạt động ngay sau giải phóng với công suất 30.000m³/tháng và đến tháng 10-1975 đạt 51.960m³/tháng. Nhà máy điện có 60 kỹ sư, công nhân, tiếp tục duy trì hoạt động, phục vụ sản xuất và đời sống cán bộ và nhân dân thị xã Quảng Ngãi.

Ngoài ra, các ngành chức năng còn tiếp quản, duy trì hoạt động sản xuất ở một số cơ sở công nghiệp khác, như xưởng rượu Vạn Tường, xưởng mộc dân dụng. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp cũng từng bước được khôi phục, như rèn nông cụ, chằm nón, đúc xoong nồi, ép dầu, dệt chiếu, chế biến nước mắm, ướp trà, làm xà phòng, nước đá, đường phèn, đường phôi, v.v..

Trên lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải, chính quyền cách mạng tổ chức nhiều đợt phát động nhân dân

tham gia sửa chữa đường sá, cầu cống bị hư hỏng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt. Hàng chục vạn ngày công của nhân dân, với sức lao động thủ công là chính, chỉ trong một thời gian ngắn đã khôi phục các tuyến giao thông thông suốt. Nhiều cầu cống, đường sá được làm mới, sửa chữa, gia cố, như cầu Trà Câu, cầu Móng, cầu Vạc (Đức Phổ), cầu Sông Vệ (Tư Nghĩa), cầu Ngọc Trì, Bà Lãnh (Bình Sơn), cầu Tam Hân, Bằng Lăng (Sơn Tịnh) , các tuyến đường 5A từ Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tơ, đường từ Eo Chim đi trung tâm huyện Trà Bồng, đường 1-5, Minh Long ...

Sau giải phóng, ngành tài chính tiếp quản 73.553.400 đồng tiền mặt do chế độ cũ để lại, 2.807.000 đồng tiền mặt của hãng bia BGI và khoản nợ 1,2 tỷ đồng cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Phát triển nông thôn. Ngành thương nghiệp quản lý các mặt hàng công nghệ phẩm thiết yếu. Để giải quyết một phần nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân, chính quyền vận động, khuyến khích các nhà buôn lớn ở thị xã Quảng Ngãi và các thị trấn được trao đổi hàng hóa với các thị trường lớn ở thành phố Sài Gòn, Đà Lạt, Đà Nẵng, v.v..

Ngày 21-9-1975, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam họp phiên đặc biệt quyết định thu đổi tiền của chính quyền Sài Gòn cũ, phát hành tiền mới, nhằm xây dựng một nền tiền tệ độc lập, tự chủ, khắc phục hậu quả của nạn lạm phát do chế độ cũ để lại. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã lãnh đạo thực hiện tốt chủ trương này của Chính phủ.

Đồng thời với tập trung lãnh đạo khôi phục phát triển kinh tế, Đảng bộ hết sức chăm lo khôi phục các hoạt động văn hóa - xã hội. Ngành giáo dục tiếp quản hệ thống giáo dục

của chế độ cũ. Đến đầu tháng 4-1975, ngành đã ổn định việc tổ chức dạy và học tại các trường, thay đổi chương trình giáo dục, nội dung sách giáo khoa, xóa bỏ hệ thống trường tư thục, các trường dành riêng cho nữ sinh, nam sinh, trường học dành riêng cho Hoa kiều, cho các đối tượng được ưu tiên trong chế độ cũ, hoặc do các tôn giáo thành lập. Đối với đội ngũ giáo viên, ngoài những giáo viên từ các vùng giải phóng và từ miền Bắc về làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục, chính quyền cách mạng tiến hành sàng lọc, sử dụng lại nhiều giáo viên của chế độ cũ, tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị, kiến thức chuyên môn. Theo thống kê, toàn tỉnh có 1.373 giáo viên cấp I, 1.375 giáo viên cấp II, III dưới chế độ cũ được sử dụng lại. Kết thúc năm học 1974-1975, toàn tỉnh duy trì, khôi phục và phát triển được 1.706 lớp cấp I, với 62.977 học sinh; 256 lớp cấp II, III, với 14.361 học sinh.

Đi đôi với khôi phục hệ thống giáo dục phổ thông, Tỉnh ủy đã chỉ đạo ngành giáo dục đẩy mạnh công tác xóa mù chữ và phát triển bổ túc văn hoá. Ngày 17-6-1975, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị về công tác giáo dục ở miền Nam sau giải phóng, đề ra các nhiệm vụ cụ thể: Tích cực xóa nạn mù chữ và đẩy mạnh học bổ túc văn hóa; phát triển mạnh và khắp nơi các trường phổ thông nhằm bảo đảm việc học cho tất cả các em trong độ tuổi; từng bước xây dựng ngành mẫu giáo, coi đây là một bộ phận của giáo dục phổ thông; xây dựng thật tốt các trường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và giáo viên; các trường trung học sư phạm đào tạo giáo viên cấp I, trường cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên cấp II và đại học sư phạm đào tạo giáo viên cấp III. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp chính quyền, ngành giáo dục chuẩn bị thật tốt và đầy đủ cho năm học mới. Ở các vùng giải phóng

cũ, các cấp chính quyền đẩy mạnh việc xây dựng trường lớp bằng tranh, tre, bảo đảm cho con em ở các khu đồn, thị xã, thị trấn có đủ chỗ học trong năm học đầu tiên sau giải phóng (1975-1976). Ngày 5-9-1975, các trường trong tỉnh đồng loạt tổ chức lễ khai giảng năm học mới. Cùng với khôi phục hệ thống giáo dục phổ thông, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương đẩy mạnh phong trào học bổ túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công nhân viên chức trong các cơ quan đảng và chính quyền, đoàn thể các cấp; ra chỉ thị về việc phát động chiến dịch xóa mù chữ và bổ túc văn hóa năm 1975, mở các trường, lớp bổ túc văn hóa của tỉnh, huyện. Cuối tháng 8-1975, toàn tỉnh mở được 1.108 lớp xóa mù chữ cho 20.175 học viên. Nhiều xã đã hoàn thành công tác xóa mù chữ như xã Tịnh Trà (Sơn Tịnh), Phổ Nhơn (Đức Phổ), Sơn Hải (Sơn Hà)

Ngành văn hóa thông tin phối hợp với công an các địa phương phát động các tầng lớp nhân dân tổ chức các đợt truy quét, bài trừ văn hóa phẩm đồi trụy do chế độ cũ để lại, xây dựng nền văn hóa cách mạng, lành mạnh. Các đội tuyên truyền lưu động được thành lập, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở khắp các địa phương trong tỉnh. Ngày 1-4-1975, đài Phát thanh giải phóng tỉnh phát chương trình đầu tiên, nhà in Giải phóng bắt đầu hoạt động, báo *Quảng Ngãi xây dựng* ra số đầu, góp phần phổ biến tin tức thời sự, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và chính quyền cách mạng đến nhân dân. Liên đội chiếu bóng Quảng Ngãi, gồm 3 đội chiếu được hình thành. Liên đội tiếp quản hai rạp chiếu bóng Kiến Thành (được đổi tên Hòa Bình) và Mỹ Vân (được đổi tên rạp 1-5) do ông bà Huỳnh Vân đồng ý giao cho nhà nước quản lý. Nhiều loại tài liệu, ấn phẩm văn hóa

được phát hành. Lịch Quảng Ngãi có biểu tượng núi Ấn, sông Trà được xuất bản. Đoàn văn công của tỉnh tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ lưu động, dàn dựng và công diễn vở dân ca kịch "Thoại Khanh - Châu Tuấn", vở kịch nói "Đôi mắt" phục vụ các tầng lớp nhân dân. Nhờ sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An kết nghĩa, ngành văn hóa - thông tin đã xây dựng được thư viện và hiệu sách nhân dân ở tỉnh lỵ và một số huyện. Tháng 6-1975, ngành văn hóa thông tin khởi công xây dựng Khu chứng tích tội ác giặc Mỹ tại Sơn Mỹ (Sơn Tịnh)¹.

Ngành y tế tiếp quản và duy trì hoạt động khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế của chế độ cũ; tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân ăn ở hợp vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, v.v.. Đến cuối tháng 4-1975, gần 500 cán bộ, nhân viên y tế của chế độ cũ ra trình diện chính quyền cách mạng, trong đó có 5 người là bác sĩ, 43 người là y sĩ... Các cấp chính quyền đã tổ chức học tập và sử dụng lại phần lớn đội ngũ nhân viên y tế. Ngành cũng tiến hành sáp nhập Bệnh xá chữa bệnh cho cán bộ, nhân viên các cơ quan tỉnh (X.1) và Bệnh xá chữa bệnh cho nhân dân (X.50) vào Bệnh viện Quảng Ngãi, bố trí 30 cán bộ, nhân viên y tế từ vùng căn cứ cách mạng trực tiếp lãnh đạo, quản lý bệnh viện. Mạng lưới y tế xã, thôn (trạm xá), nhất là ở vùng mới giải phóng từng bước được củng cố, đi vào hoạt động. Tháng 8-1975, ngành phát động phong trào ba sạch (ăn sạch, uống sạch, ở sạch), cử 9 đoàn cán bộ xuống từng địa phương khám bệnh và điều trị cho hơn 19.500 lượt người, vận động nhân dân làm được 939 nhà vệ sinh, hơn 100

1. Khu chứng tích tội ác giặc Mỹ ở Sơn Mỹ khánh thành ngày 16-3-1976, đúng vào dịp Kỷ niệm 8 năm ngày xảy ra vụ thảm sát (16-3-1968).

giếng nước, 13.792 nhà tắm. Đến tháng 9-1975, toàn tỉnh xây dựng được 20 ban y tế, củng cố được 126 trạm y tế cấp xã. Trường y tế tỉnh bồi dưỡng được 110 y tá, hộ sinh, dược tá. Các huyện, thị xã trong tỉnh bồi dưỡng nghiệp vụ cho 30 y tá thôn, khối phố...

Mặc dù cùng một lúc phải chỉ đạo giải quyết nhiều nhiệm vụ cần thiết và cấp bách, nhưng Đảng bộ và các cấp chính quyền trong tỉnh vẫn hết sức quan tâm chăm lo công tác thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền, mặt trận và các đoàn thể tổ chức các đoàn công tác thăm hỏi, động viên anh chị em thương, bệnh binh, gia đình liệt sĩ; vận động nhân dân tu sửa, đánh dấu các phần mộ liệt sĩ, v.v..

Giai đoạn cách mạng mới đặt ra nhiều yêu cầu và nhiệm vụ mới, đòi hỏi Đảng bộ phải đặc biệt quan tâm công tác xây dựng Đảng, nhất là tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ vào bộ máy đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp.

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng đặc biệt của công tác tư tưởng, chính trị sau ngày đất nước được giải phóng, Ban Thường vụ Khu ủy V và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Trung Bộ đã ban hành Chỉ thị và kế hoạch hành động thực hiện công tác phát động tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Mục đích của đợt phát động là nhằm làm cho tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thấy rõ thuận lợi và khó khăn của tình hình đất nước sau chiến tranh và của tỉnh trong giai đoạn cách mạng mới,

động viên các địa phương, đơn vị tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng mà nhân dân mới giành được. Nội dung đợt phát động gồm: Cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng tổ chức cho toàn thể đảng viên và cán bộ quân - dân - chính học tập thư của Ủy ban nhân dân cách mạng và Mặt trận dân tộc giải phóng khu Trung Trung Bộ về tình hình và nhiệm vụ mới và bài nói chuyện của đồng chí Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, nhân dịp đồng chí về thăm quê hương (ngày 20-6-1975); tổ chức phát động tư tưởng, hành động cách mạng của quần chúng, gắn phát động tư tưởng với xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán, phát triển các tổ chức đoàn thể quần chúng, xây dựng Đảng và củng cố chính quyền cơ sở lập thành tích chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Sau hơn 5 tháng tổ chức thực hiện, đến ngày 1-9-1975, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành đợt phát động. Tính sơ bộ trong đợt này có 285.586 người tham gia học tập, trong đó có hơn 600 trí thức, công thương gia dưới chế độ cũ, 160 đại biểu đại diện các hộ gia đình người Hoa và đông đảo chức sắc, tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Qua các đợt học tập, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã xây dựng được 22.000 cốt cán, bình quân cứ 12 người có một cốt cán lãnh đạo.

Đợt phát động diễn ra sôi nổi, đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Tác dụng lớn nhất của đợt phát động này là chính quyền cách mạng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng ở cơ sở, góp phần giải tỏa được tâm trạng băn khoăn, lo lắng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nâng cao vai trò, trách nhiệm của mỗi người đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cũng qua đợt phát động, cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng

được lực lượng nòng cốt ở cơ sở, tích cực vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào cách mạng ở địa phương.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Tỉnh ủy tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, tìm hiểu thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sống, chiến đấu, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Ngày 2-9-1975, nhân kỷ niệm 30 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, tại sân bay Quảng Ngãi, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh long trọng tổ chức cuộc mít tinh, diễu binh, diễu hành biểu dương lực lượng, với trên 15.000 đồng bào từ khắp các địa phương trong tỉnh về dự.

Cùng với việc liên tục tổ chức các đợt học tập, nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, một yêu cầu cấp bách của tỉnh đặt ra vào thời gian này là phải gấp rút đào tạo, bồi dưỡng ngay đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở. Một số cán bộ, đảng viên lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành được cử đi học các trường ở Trung ương. Trường Đảng tỉnh Quảng Ngãi được giao nhiệm vụ quan trọng là đào tạo kịp thời cán bộ. Nội dung chủ yếu trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường là trang bị cho đội ngũ cán bộ những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, xa rời, hưởng lạc. Từ tháng 6 đến tháng 11-1975, trường đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho hàng ngàn cán bộ, đảng viên, cơ bản đáp ứng được yêu

cầu nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, đơn vị trong tình hình mới. Thời gian này, đội ngũ cán bộ của tỉnh và các huyện, thị xã cũng được bổ sung từ nhiều nguồn, như cán bộ được Trung ương tăng cường, cán bộ tập kết từ miền Bắc trở về xây dựng quê hương, cán bộ của tỉnh Nghệ An kết nghĩa cử vào giúp tỉnh, v.v..

Công tác xây dựng Đảng bộ đạt được những kết quả quan trọng, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản, cấp bách trước mắt của tỉnh trong thời kỳ đầu sau giải phóng. Tuy nhiên, trong nhận thức và chỉ đạo hoạt động thực tiễn, Đảng bộ chậm xác định đầy đủ tính chất phức tạp của bước chuyển giai đoạn từ chiến tranh sang hòa bình xây dựng quê hương, nên hiệu quả công tác tư tưởng vẫn chưa cao, nặng về biểu dương, phô trương lực lượng thông qua các cuộc mít tinh, hội họp, phát động tư tưởng. Công tác tổ chức và kiểm tra chưa quan tâm đến việc kiện toàn, củng cố tổ chức cơ sở đảng, giữ nghiêm kỷ luật Đảng, để một số phần tử xấu chui vào bộ máy chính quyền, các tổ chức quần chúng cơ sở.

Ngày 29-9-1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 245/NQ-TW về việc bỏ cấp khu, hợp nhất tỉnh, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 20-10-1975 của Bộ Chính trị *về điều chỉnh việc hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam*. Mục đích của việc hợp nhất tỉnh được Bộ Chính trị xác định là nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước; đồng thời cũng để giảm bớt khâu trung gian, giảm bớt đầu mối trực thuộc Trung ương. Theo chủ trương của Bộ Chính

trị, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định hợp nhất thành một đơn vị hành chính mới trực thuộc Trung ương lấy tên là tỉnh Nghĩa Bình. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, ngày 26-10-1975, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng quán triệt nghị quyết, bàn những vấn đề cần thiết cho việc hợp nhất tỉnh, hợp nhất hai Đảng bộ Quảng Ngãi và Bình Định. Ngày 30, 31-10-1975, Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Tỉnh ủy Bình Định họp chung, đề cử danh sách Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, Ban Thường vụ Khu ủy V ra quyết định công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 31 đồng chí, Ban Thường vụ gồm có 10 đồng chí. Đồng chí Lê Tấn Tỏa (Võ Hanh) được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Nghĩa, Võ Văn Đình, Đinh Bá Tòng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Tại kỳ họp thứ 2, từ ngày 22 đến ngày 27-12-1975, Quốc hội khoá V phê chuẩn việc hợp nhất hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình.

Đồng thời, một số huyện, thị xã trong tỉnh Nghĩa Bình cũng được hợp nhất, như thị xã Quảng Ngãi hợp nhất với huyện Tư Nghĩa thành thị xã Quảng Nghĩa, huyện Nghĩa Hành hợp nhất với huyện Minh Long thành huyện Nghĩa Minh¹.

*

* *

Năm 1975 là năm diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt, có ý

1. Cùng thời gian này, một số huyện phía nam của tỉnh Nghĩa Bình cũng hợp nhất, huyện Tuy Phước hợp nhất với huyện Vân Canh thành huyện Phước Vân, huyện Bình Khê hợp nhất với huyện Vĩnh Thạnh thành huyện Tây Sơn, huyện Hoài Ân hợp nhất với huyện An Lão thành huyện Hoài An.

nghĩa bước ngoặt trong lịch sử Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Lần đầu tiên sau 21 năm (1954-1975) cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đầy hy sinh, gian khổ, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi được sống trong những thời khắc lịch sử vô cùng xúc động và tự hào bởi quê hương, đất nước được hòa bình, thống nhất, non sông sạch bóng quân thù. Ngay sau ngày quê hương được giải phóng, với tất cả niềm lạc quan của những người chiến thắng, Đảng bộ đã tập trung trí tuệ, tiếp tục củng cố, tăng cường tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, phát động, cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc; xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ, nhân dân, kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng; đồng thời tích cực khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

Tuy vậy, do cùng một lúc, trong một thời gian ngắn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cấp bách trước mắt, nên sự lãnh đạo của Đảng bộ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Việc lãnh đạo khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân chưa được coi trọng đúng mức, nên đời sống của cán bộ, gia đình chính sách và một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn. Công tác trấn áp các phần tử phản động, ngoan cố của chế độ cũ thiếu kiên quyết, nên tình trạng ở một số địa phương, bọn ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân lén lút tuyên truyền, kích động chống phá chính quyền cách mạng, gây mất trật tự an ninh, nhưng chưa được giải quyết kịp thời. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng chưa chuyển biến kịp với nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ mới chưa được bao lâu,

Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi lại phải tập trung thực hiện chủ trương của Trung ương hợp nhất hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình, hợp nhất một số huyện, thị xã. Từ đây, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi bước vào thời kỳ mới, thời kỳ cùng với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế đầy những biến cố phức tạp, khó lường.

Tuy còn có những khuyết điểm, hạn chế, nhưng kết quả đạt được của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong những ngày đầu sau giải phóng là hết sức quan trọng, tạo tiền đề và khả năng thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong những chặng đường tiếp theo.

Chương II

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, TIẾN HÀNH CẢI TẠO, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, NÊU CAO NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1982)

I- TỈNH NGHĨA BÌNH THÀNH LẬP, TIẾP TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH

Sau khi hợp nhất tỉnh và một số huyện, tỉnh Nghĩa Bình có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị xã tỉnh lỵ Quy Nhơn, thị xã Quảng Nghĩa và 15 huyện là Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Minh, Mộ Đức, Đức Phổ, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Phước Vân, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Hoài An, Tây Sơn, với tổng số 264 xã, khu phố. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 11.850 km², dân số là 1,7 triệu người, gồm các dân tộc Kinh, Hrê, Cor, Ca Dong, Ba Na, Chăm

Việc hợp nhất tỉnh có những thuận lợi cơ bản. Nghĩa Bình là một tỉnh rộng, rừng núi chiếm 3/4 diện tích, có bờ biển dài 260 km, 7 cửa biển. Ngoài khơi có đảo Cù lao Ré (Lý Sơn) ở phía bắc, Cù lao Xanh (Nhơn Châu) ở phía nam. Nghĩa Bình có vị trí quốc phòng quan trọng, có hải cảng Quy Nhơn và nhiều đường giao thông thủy bộ, cửa ngõ phía đông của Tây Nguyên.

Những điều kiện tự nhiên thuận lợi đó là tiềm năng lớn của tỉnh để phát triển toàn diện cả về nông nghiệp, ngư nghiệp, nghề rừng, công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp.

Nguồn nhân lực của tỉnh rất dồi dào, với 42% dân số trong độ tuổi lao động, đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân kỹ thuật tương đối đông. Nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định vốn có truyền thống đoàn kết, giúp đỡ nhau trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược trước đây, cần cù, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm trong lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, việc hợp nhất tỉnh cũng làm cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình phải đối mặt với không ít khó khăn, thử thách. Hậu quả chiến tranh rất nặng nề, thời gian khắc phục chưa được bao lâu lại phải nhập tỉnh làm cho các nguồn lực bị phân tán, hiệu quả thấp. Địa bàn tỉnh quá rộng, hạ tầng kinh tế - xã hội, phương tiện giao thông, liên lạc thấp kém, lạc hậu; tình lý lại đóng ở cực nam của tỉnh, nên chỉ đạo, điều hành không thể sâu sát, kịp thời.

Nghĩa Bình là tỉnh có diện tích tự nhiên rộng, nhưng đất sản xuất nông nghiệp quá ít, bình quân nhân khẩu chỉ đạt 900 m², lại thường xuyên bị thiên tai tàn phá nặng nề. Kỹ thuật canh tác phổ biến là theo tập quán, manh mún, nhỏ lẻ, năng suất thấp, sản phẩm hàng hóa ít. Cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên liệu phục sản xuất công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp hết sức thiếu thốn, lạc hậu và chưa được quản lý, sử dụng tốt. Các cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục chỉ tập trung ở thị xã, thị trấn, vùng đông dân cư, điều kiện, phương tiện hoạt động còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống vật chất và

tinh thần của nhân dân. Những trở ngại đó làm cho tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh mất cân đối về nhiều mặt, thu ngân sách thấp, người lao động thiếu việc làm, sản xuất chưa đủ ăn, hàng hóa phục vụ tiêu dùng lại quá khan hiếm.

Cùng với những khó khăn từ nội bộ nền kinh tế, một vấn đề bức xúc từ lãnh đạo là trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực đời sống xã hội của đội ngũ được cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới. Phổ biến là tư tưởng chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, chưa lường hết sự khó khăn, phức tạp của quá trình chuyển từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một số cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, lo vun vén cá nhân, đòi quyền lợi, dung túng, bao che, tiếp tay cho bọn gian thương đầu cơ, tích trữ, nâng giá hàng hóa, phá rối thị trường, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Ngoài ra, lợi dụng tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tăng cường chính sách bao vây, cấm vận kinh tế, xúi giục các phần tử nguy quân, nguy quyền không chịu cải tạo, các đảng phái phản động tập hợp lực lượng tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hình thành các tổ chức phản động, với cái gọi là “Những người quyết định vận mệnh Tổ quốc”, “Liên quốc đảng, phục quốc đảng”, “Hội chủ đồng tiến”, “Mặt trận phục hưng quốc gia Việt Nam”, v.v..

Tình hình đó đòi hỏi Đảng bộ tỉnh phải sớm đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ của thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 1-1-1976, Hội nghị Tỉnh ủy Nghĩa Bình lần thứ nhất đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1976 là: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, khai hoang phục hóa, làm thủy lợi..., bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh và làm nghĩa vụ đối với nhà nước; sắp xếp lại dân cư, điều hòa lao động giữa các vùng, thực hiện dân dân, đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, khôi phục lại các ngành nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho người lao động; cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nguồn hàng xuất khẩu, nhất là chế biến thủy sản, nông sản, góp phần tích lũy vốn cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh; cải tạo và phát triển văn hóa - xã hội; xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Với tinh thần chủ động, sáng tạo, các địa phương trong tỉnh đã đẩy lên các phong trào hành động cách mạng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1976. Thành công lớn nhất trong năm đầu hợp nhất tỉnh là Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát động các đợt ra quân khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng cây lương thực và hoa màu, khôi phục chăn nuôi, bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh, đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Đến cuối năm 1976, toàn tỉnh khai hoang, phục hóa được 8.265 ha. Trong đó, một số huyện trên địa bàn Quảng Ngãi khai hoang được nhiều diện tích, như Mộ Đức 876 ha, Đức Phổ 834 ha, Sơn Tịnh 726 ha, thị xã Quảng Nghĩa 364 ha. Một số hồ đập thủy lợi, đê ngăn mặn được hoàn thành, đưa vào sử dụng như đê Quang Mỹ (Sơn Tịnh), đập Sở Hầu (Đức Phổ), v.v.. Đặc biệt, từ sau Tết

Nguyên đán Bính Thìn đến quý II-1976, một đợt nắng nóng, khô hạn kéo dài có nguy cơ làm mất trắng vụ hè thu. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TU, ngày 16-7-1976, chủ trương: “ Phát động tư tưởng trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực chống hạn bằng mọi biện pháp, phương tiện, sức lực, quyết tâm gieo cấy hết vụ mùa, đồng thời tích cực chăm sóc, bảo đảm năng suất, phát động một phong trào rộng rãi sản xuất rau, màu ngắn ngày đi đôi với triệt để tiết kiệm lương thực, từng xã, thôn, từng gia đình có kế hoạch chủ động phòng chống đói, quyết không để nạn đói xảy ra”¹. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các địa phương trong tỉnh huy động 64 vạn ngày công, đào 1.400 ao, giếng, nạo vét, làm mới hàng trăm km kênh mương, đưa 3 vạn máy bơm nước các loại tập trung lấy nước chống hạn. Nhờ thực hiện các biện pháp chỉ đạo kịp thời, nên trong điều kiện khí hậu, thời tiết diễn biến không thuận lợi, nhưng cả năm 1976, toàn tỉnh gieo cấy được 168.832 ha lúa, có nơi đạt năng suất 44,6 tạ/ha, đưa sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 337.710 tấn, góp phần “vượt qua nạn đói năm 1975, không để thiếu đói trong năm 1976, từ chỗ thiếu ăn vươn lên tự trang trải được lương thực và làm nghĩa vụ đối với Trung ương”². Sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình trong công tác thủy lợi đã được Chính phủ tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Hai* và lẵng hoa của Chủ tịch Tôn Đức Thắng.

1. Nghị quyết số 05/NQ-TU, ngày 16-7-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình.

2. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất (tháng 3-1977), tr.11.

Các hoạt động kinh tế - xã hội khác đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nổi bật nhất là công tác đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới; tiến hành việc chia, cấp ruộng đất cho các hộ nông dân thiếu ruộng, không có ruộng; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; chế biến lâm sản; đánh bắt, chế biến hải sản, v.v..

Trong sản xuất công nghiệp và tiểu - thủ công nghiệp, Đảng bộ tập trung chỉ đạo, khôi phục sản xuất tất cả các cơ sở công nghiệp sẵn có, xây dựng thêm một số cơ sở công nghiệp quốc doanh mới về cơ khí, điện lực, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Đến cuối năm 1976, toàn tỉnh có 418 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chủ yếu sản xuất ra các sản phẩm phục vụ nông nghiệp và hàng tiêu dùng.

Cùng với đẩy mạnh các hoạt động khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống, Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển văn hóa - xã hội. Hệ thống phát thanh, truyền hình, báo chí, điện ảnh và các loại hình văn hóa - nghệ thuật được khôi phục hoạt động, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Ngày 1-1-1976, báo *Nghĩa Bình* cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình ra số đầu¹.

Ngành giáo dục tích cực khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học. Năm học 1976-1977, trên địa bàn tỉnh có hơn 43 vạn học sinh phổ thông, tăng 12% so với năm học trước. Phong trào bình dân học vụ và bổ túc

1. Báo *Nghĩa Bình* là tờ báo được hợp nhất trên cơ sở báo *Quảng Ngãi xây dựng* - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi và báo *Quyết Thắng* cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh Bình Định.

văn hóa phát triển mạnh. Toàn tỉnh có 6 vạn học sinh học trong các lớp bổ túc văn hóa tại chức, 5.633 học sinh là cán bộ, đảng viên học trong các lớp bổ túc văn hóa tập trung. Đến cuối năm 1976, toàn tỉnh có 142/262 xã, khu phố, với 86.000 người thoát nạn mù chữ. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được mở rộng với hai bệnh viện tỉnh là Bệnh viện đa khoa Quy Nhơn và Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi, 17 bệnh xá huyện và hơn một nửa xã, khu phố xây dựng được trạm y tế. Số lượng nhân viên y tế, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng tăng.

Đồng thời với chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định mọi mặt đời sống nhân dân, trong thời gian đầu hợp nhất tỉnh, công tác xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân, hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước; truy quét, bóc gỡ các tổ chức phản động, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng Đảng, mặt trận và các đoàn thể quần chúng là những nhiệm vụ thường xuyên, cấp bách được Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị ra chỉ thị về việc lãnh đạo Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước. Chỉ thị khẳng định: Cuộc Tổng tuyển cử là một cuộc biểu dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Quán triệt và tổ chức thực hiện chỉ thị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương trong toàn tỉnh, một mặt tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống,

mặt khác tích cực chuẩn bị cho ngày bầu cử.

Ngày 25-4-1976 thực sự là ngày hội non sông của dân tộc Việt Nam, cùng với cử tri cả nước, đông đảo cử tri tỉnh Nghĩa Bình tung bừng, phấn khởi đi bầu cử bầu 492 đại biểu vào Quốc hội chung thống nhất. Toàn tỉnh có 98,2% cử tri đi bầu cử, trong đó có một số đơn vị bầu cử đạt tỷ lệ 100% cử tri đi bầu. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghĩa Bình có 18 đại biểu, trong đó 8 đại biểu được bầu ở Quảng Ngãi¹. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội chung cả nước là sự biểu thị hùng hồn ý chí của toàn dân đối với việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa, là thắng lợi của lòng quyết tâm thực hiện trọn vẹn *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà". Tại kỳ họp đầu tiên, từ ngày 24-6 đến ngày 2-7-1976, Quốc hội quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng năm cánh; Quốc huy là hai bông lúa chín và nửa bánh xe răng cưa trên nền quốc kỳ với dòng chữ: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc ca là bài *Tiến quân ca*; Thủ đô là Hà Nội; thành phố Sài Gòn - Gia Định được vinh dự mang tên Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp đó, ngày 24-5-1976, Ban Bí thư ra quyết định về việc thống nhất Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong cả nước.

Hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước là một thắng lợi chính trị quan trọng, có tác

¹ Gồm các đại biểu: Lê Cú, Nguyễn Thị Trà Giang, Bùi Tấn Kim, Nguyễn Quang Lâm, Lê Tấn Tỏa, Đinh Xuân Trâm, Trần Nam Trung và Hồ Thị Xuân.

dụng cổ vũ, động viên Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình tăng cường kiện toàn, củng cố chính quyền các cấp vững mạnh. Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đã lãnh đạo và tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, khu phố cuối năm 1975, đầu năm 1976. Kết quả, toàn tỉnh có 6.443 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân xã, khu phố, trong đó có 1.230 đại biểu nữ. Qua bầu cử đã loại khỏi bộ máy chính quyền cơ sở 730 phần tử xấu che giấu tung tích, man khai lý lịch chui vào nội bộ hòng phá hoại ta từ bên trong. Đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở được củng cố là một trong những điều kiện để các cấp chính quyền tiếp tục đẩy mạnh công tác truy quét tàn quân địch, bóc gỡ các tổ chức phản động âm mưu chống phá chính quyền cách mạng. Được sự giúp đỡ của các tầng lớp nhân dân, trong năm 1976 các lực lượng vũ trang khám phá tám tổ chức phản động, dưới các tên gọi Bảo Long, Bạch Long, Đệ tam cộng hòa, Cứu nguy dân tộc, Mặt trận tự do, bắt 109 tên, trong đó hầu hết là nguy quân, nguy quyền không chịu cải tạo và các phần tử phản động đội lốt tôn giáo. Qua công tác kê khai đăng ký hộ khẩu, lực lượng chức năng phát hiện, bắt 167 tên nguy quân, nguy quyền còn lẫn trốn, thu hồi 60 súng các loại. Chính quyền và nhân dân các địa phương còn phát hiện 40 vụ, bắt 46 tên rải truyền đơn tuyên truyền chống phá chế độ và một số vụ vượt biển trốn ra nước ngoài.

Nhằm tổ chức cho quân đội góp sức cùng nhân dân xây dựng và phát triển kinh tế trong thời bình, ngày 17-3-1976, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về việc quân đội làm nhiệm vụ kinh tế. Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cử hai trung đoàn bộ đội lên Tây Nguyên làm nhiệm vụ phát triển

kinh tế.

Từ đầu năm 1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các cấp ủy đảng mở các đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệt Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III), các nghị quyết của Bộ Chính trị gắn với kiểm điểm tự phê bình, phê bình về trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng đối với nhiệm vụ được giao. Qua học tập, hầu hết cán bộ, đảng viên đã nhận thức rõ hơn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới; thấy rõ hơn mặt mạnh, mặt yếu của từng cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng. Trên cơ sở đó, các tập thể và cá nhân đề ra biện pháp khắc phục những “tư tưởng tiêu cực, như cá nhân, cục bộ, tự tư, tự lợi, tham ô, hủ hóa, móc ngoặc, cắt xén của công, công thần, địa vị, và tác phong quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, cửa quyền, qua loa, đại khái, không sâu sát quần chúng xây dựng quan điểm lập trường của giai cấp công nhân”¹.

Thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 6-10-1976 của Ban Bí thư về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, từ ngày 18 đến ngày 20-11-1976, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I (vòng 1) được tổ chức tại thị xã tỉnh lỵ Quy Nhơn. Tham dự Đại hội có 452 đại biểu, thay mặt cho 28.254 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Nam Trung - Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra của Chính phủ và các đồng chí đại biểu các bộ, ban, ngành Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội. Nhiệm vụ của Đại hội là thảo luận, tổng hợp các ý kiến góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III) trình Đại hội Đảng

toàn quốc lần thứ IV, kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976-1980, Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình dự Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng.

Đất nước thống nhất, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhiều vấn đề mới mẻ về lý luận và thực tiễn đòi hỏi Đảng ta phải nghiên cứu, tổng kết để đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đó, tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Đại hội tổng kết những kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Cuộc kháng chiến đã trở thành một trong những trang sử chói lọi nhất của lịch sử dân tộc, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn của đất nước khi bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976-1980; thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi); bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa IV; đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là Đại hội thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã làm cho Đảng ta được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta bước vào giai đoạn cách mạng mới, phấn đấu xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình,

1. Báo cáo Tổng kết năm 1976 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình, tr. 20.

độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Phấn khởi trước kết quả to lớn của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, ngày 3-1-1977, Tỉnh ủy Nghĩa Bình ra lời kêu gọi, phát động toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất lập thành tích chào mừng thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư, từ ngày 23 đến ngày 27-3-1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I (vòng 2) được tổ chức tại thị xã Quy Nhơn. Cùng với 452 đại biểu chính thức, Đại hội có gần 100 khách mời, gồm các đồng chí đại diện lãnh đạo của Trung ương, đảng viên lão thành cách mạng, các đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang, các gia đình có công với cách mạng, các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương và địa phương.

Đại hội đã tổng kết quá trình đấu tranh cách mạng anh dũng của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và khẳng định: “Thắng lợi mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà là thắng lợi to lớn nhất, vẻ vang nhất của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của tỉnh ta; là kết tinh của cả quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, đầy hy sinh, gian khổ kể từ khi thành lập Đảng bộ (1930) đến nay”¹.

Đại hội khẳng định thành tích to lớn, có ý nghĩa quan trọng của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh sau hai năm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, xây dựng, củng cố chính quyền, giữ vững an ninh chính

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghĩa Bình (tháng 3-1977), tr.5.

trị. Những thành tích đó là đã tiến hành cải tạo ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, trấn áp bọn phản cách mạng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nhanh chóng đưa hàng chục vạn nông dân bị dịch tập trung vào thị xã, thị trấn, khu dồn trở về quê cũ, nỗ lực vận động nhân dân khai hoang, vỡ hóa, làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống. Các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Nhanh chóng thành lập, không ngừng củng cố và ngày càng phát huy hiệu lực quản lý mọi mặt đời sống xã hội của chính quyền nhân dân các cấp. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng được xây dựng ngay sau ngày giải phóng đã và đang được củng cố, mở rộng và là chỗ dựa của chính quyền trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng bộ được chú trọng xây dựng, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Đội ngũ cán bộ, đảng viên tiếp tục phát huy bản chất cách mạng, nâng cao năng lực công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh những thành tích đạt được, Đại hội cũng chỉ rõ những khuyết điểm của Đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo các lĩnh vực công tác hai năm sau giải phóng. Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn sơ hở nên vẫn còn xảy ra các hoạt động phá hoại của bọn phản động. Chưa quán triệt đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng về khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động của bộ máy các cấp, các ngành thiếu đồng bộ, nặng sự vụ, hội họp và giấy tờ. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức còn thiếu chủ động, nhậy bén, quản lý đảng viên chưa chặt chẽ, kỷ luật Đảng chưa được đề cao đúng mức, v.v..

Trên cơ sở quán triệt đường lối chung, đường lối phát

triển kinh tế - xã hội được Đảng ta đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và tình hình thực tiễn của tỉnh, Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đã thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ chung của tỉnh Nghĩa Bình trong 5 năm 1976-1980: *"Tăng cường sự lãnh đạo và phát huy truyền thống đoàn kết, chiến đấu của Đảng bộ, phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và vai trò của các đoàn thể quần chúng, kiện toàn và phát huy hiệu lực của chính quyền nhân dân các cấp; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, từng bước xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; nỗ lực hoàn thành, khôi phục và phát triển mạnh mẽ kinh tế, văn hóa, căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, đặc biệt chú trọng nông nghiệp, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân; ra sức xây dựng Đảng bộ, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ vững mạnh; đề cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực chuẩn bị mọi mặt cho công cuộc phát triển mạnh mẽ kinh tế, văn hóa trong kế hoạch 5 năm sau; quyết tâm đưa Nghĩa Bình cùng cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh"*¹.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch của tỉnh trong 5 năm 1976-1980 và hai năm 1977-1978. Nhiệm vụ cơ

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghĩa Bình (tháng 3-1977), tr.15.

bản của kế hoạch 5 năm 1976-1980 là:

- Tập trung cao độ sức lực của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu về lương thực, thực phẩm và một phần hàng tiêu dùng thông dụng, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tạo cơ sở bước đầu cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương, ra sức khai thác, tận dụng khả năng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp hiện có, cố gắng xây dựng mới và mở rộng một số xí nghiệp cơ khí và điện lực, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tăng nhanh năng lực xây dựng cơ bản, mở rộng giao thông, nâng cao năng lực vận tải, từng bước xây dựng cơ sở vật chất cho các ngành kinh tế, chuẩn bị điều kiện phục vụ tốt yêu cầu phát triển công nghiệp trong những năm tới.

- Sử dụng tốt và phát huy khả năng lao động dồi dào sẵn có, giải quyết công ăn việc làm, tiến hành phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng, hình thành cơ cấu hợp lý, từng bước khắc phục các mặt mắt cân đối của nền kinh tế quốc dân, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp (đối với miền núi là đơn vị lâm, nông, công nghiệp), kết hợp kinh tế địa phương với kinh tế Trung ương, kinh tế với quốc phòng.

- Phát triển mạnh kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; đồng thời đẩy mạnh hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tư bản tư doanh, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và hợp tác hóa nông nghiệp. Tích

cực mở rộng giao lưu hàng hóa, tăng cường thu mua nắm nguồn hàng, quản lý thị trường, bình ổn vật giá, tiến tới hình thành thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất.

- Đi đôi với đẩy mạnh phát triển sản xuất phải thực hiện triệt để tiết kiệm, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Ra sức phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, xã hội; đẩy mạnh đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng kinh tế của tỉnh.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh cần đạt được là: 80 vạn tấn lương thực, 8 vạn tấn cá biển, 5 vạn tấn muối, tăng thêm 2,5 vạn ha đất canh tác. Trồng mới 8 vạn ha rừng, 4 triệu cây dừa, 10.000 ha quế, 5 vạn mét khối gỗ, 30 vạn con bò, 60 vạn con gà, giá trị sản lượng cơ khí, công suất điện, sản xuất vật liệu xây dựng tăng 3 lần, nhà ở đủ cho dân và có 40% lợp ngói, 10 người dân có 3 người đi học, 1 vạn dân có 25 giường bệnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 1977-1979, gồm 35 đồng chí, trong đó có 2 đồng chí là ủy viên dự khuyết. Đồng chí Võ Văn Đình được bầu làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Nghĩa được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy¹. Đến tháng 3-1978, Bộ Chính trị cử đồng chí Nguyễn Quang Lâm - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản về làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Văn Đình

1. Thời điểm này các đồng chí Lê Tấn Tỏa (Bí thư Tỉnh ủy), Nguyễn Trung Tín (Phó Bí thư Tỉnh ủy) được cử đi học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh).

làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I có vị trí và ý nghĩa quan trọng trong tiến trình lịch sử chung của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình. Các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ do Đại hội đề ra thể hiện sự kỳ vọng và quyết tâm cao độ của Đảng bộ nhằm đẩy nhanh quá trình xây dựng lại quê hương sau giải phóng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hết sức phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế, những tác động tiêu cực của mô hình kinh tế tập trung bao cấp đã làm cho những vấn đề do Đại hội đặt ra thiếu cơ sở để thực hiện. Cùng với cả nước, tỉnh Nghĩa Bình lâm vào tình trạng hết sức khó khăn về kinh tế - xã hội. Cuối năm 1976, Tỉnh ủy đã khái quát sự bất thường của tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh: “Giá cả thị trường tự do thường xuyên diễn biến phức tạp, lên xuống bất thường, chiều hướng giá cả ngày càng tăng là phổ biến. Đỉnh cao nhất là trong quý III vật giá thị trường tăng vọt. So sánh giá cả một số mặt hàng cuối năm 1975 với cuối năm 1976, về lương thực: gạo tăng 50%, màu tăng hơn 2 lần, thịt các loại tăng từ 20 đến 40%; hàng công nghệ phẩm, vật liệu, xăng dầu tăng giá cao hơn: vải tăng 70% (riêng vải đen tăng hơn 2 lần), xà phòng bột tăng gấp đôi, xi măng tăng 4 lần, gỗ xẻ tăng hơn 2 lần, xăng dầu tăng gấp 3 lần”¹.

Tiếp đó, trong những năm 1977-1980, đất nước ta lại đứng trước những biến cố không lường trước được. Bọn phản động Pôn Pốt - Iêngxari (Campuchia) phát động cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 17-2-1979, quân Trung Quốc tiến sâu trên toàn tuyến biên giới phía Bắc

1. Báo cáo Tổng kết năm 1976 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình.

từ Lào Cai đến Móng Cái (Quảng Ninh), gây nhiều thiệt hại về người và tài sản của nhân dân ta. Mỹ và các nước phương Tây siết chặt cấm vận kinh tế và lôi kéo các nước cắt viện trợ kinh tế cho Việt Nam, kích động lôi kéo hàng nghìn đồng bào ra đi bất hợp pháp, hòng tạo sự mất ổn định ở nước ta. Đồng thời, cuối những năm 1980, những hạn chế của cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp ngày càng bộc lộ rõ và trở thành nguyên nhân sâu xa đưa nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, v.v..

Trong bối cảnh đó, từ ngày 7 đến ngày 11-11-1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ II được tiến hành tại thị xã Quy Nhơn. Tham dự Đại hội có 455 đại biểu, thay mặt cho 31.868 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội tập trung phân tích, đánh giá tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (1977-1979), quyết định mục tiêu phương hướng, nhiệm vụ trong những năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1976-1980, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ mới.

Căn cứ vào chủ trương, đường lối của Đảng và tình hình thực tế của tỉnh sau 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung trong những năm 1979-1981 là: *“Tiếp tục nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy truyền thống cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, ra sức tận dụng các tiềm năng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế nhằm đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu và tích cực chi viện*

*cho tiền tuyến và cho bạn; xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể vững mạnh, khẩn trương khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội; đồng thời tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau theo hướng xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở tỉnh, nông - công nghiệp ở huyện”*¹.

Đại hội cũng đề ra các mục tiêu cụ thể của tỉnh đến năm 1981 là: Giá trị sản lượng công nghiệp, nông nghiệp đạt 508 triệu đồng, trong đó công nghiệp đạt 168 triệu đồng. Sản lượng lương thực đạt 650.000 tấn quy ra thóc, trong đó tỷ lệ màu chiếm 30%. Đàn lợn đạt 600.000 con, trâu, bò đạt 275.000 con. Mỗi năm trồng mới 20.000 ha rừng (trong đó các đơn vị kinh tế quốc doanh trồng 8.000 ha). Khai thác gỗ, củi mỗi năm 3 vạn m³ gỗ tròn, 3 vạn ster củi. Sản lượng cá biển đạt 3,5 vạn tấn, muối đạt 6 vạn tấn. Kim ngạch xuất khẩu đạt 30 triệu đồng. Hàng năm phân bổ 15.000 lao động ra các tỉnh. Khai hoang, phục hóa mỗi năm 10.000 ha. Nhà ở đạt 50% lợp ngói. Phấn đấu đạt tỷ lệ 25 giường bệnh/1 vạn dân; 10 người dân có 3 người đi học. Xây dựng dân quân tự vệ đạt 5% dân số, bảo đảm chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự hàng năm và kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, huyện.

Đại hội bầu 45 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, khoá II, trong đó có 41 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Văn Đình được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (tháng 11-1979), tr.8.

Ngày 3-1-1980, đồng chí Võ Văn Đình, Phó Bí thư Tỉnh ủy được chỉ định làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Quang Lâm đi học lớp quản lý kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh do chuyên gia Liên Xô giảng.

Ngày 10-12-1980, đồng chí Trần Kiên - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Quang Lâm nghỉ điều trị bệnh.

Tháng 4-1982, đồng chí Võ Trung Thành, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Kiên trúng cử vào Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa V).

Tháng 8-1982, đồng chí Võ Trung Thành bị bệnh hiểm nghèo, qua đời, đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình.

Như vậy, từ năm 1976 đến năm 1982, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đã hai lần tổ chức đại hội. Cả hai lần đại hội đều có nhiệm vụ đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và kế hoạch Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1976 - 1980 do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) đề ra.

II. TIẾN HÀNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN CÁC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, CÔNG - THƯƠNG NGHIỆP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC, LÀM TRÒN NGHĨA VỤ QUỐC TẾ

Trong 5 năm 1976-1980, nét chủ đạo xuyên suốt trong

quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của Đảng bộ tỉnh là tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực nông nghiệp, công - thương nghiệp, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát triển nông nghiệp luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ tỉnh trong những năm 1977-1982. Ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, từ ngày 11 đến ngày 15-7-1977, Tỉnh ủy Nghĩa Bình tổ chức Hội nghị chuyên đề bàn về xây dựng, phát triển nông nghiệp. Hội nghị cho rằng: hơn 2 năm sau giải phóng, trong điều kiện, hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhưng nông nghiệp đã được khôi phục, phát triển tương đối toàn diện. Phong trào khai hoang, vỡ hóa, làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất đã phát triển rộng khắp. Tỉnh đã tự trang trải được lương thực, căn bản ổn định được đời sống nhân dân và bước đầu làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Hội nghị chủ trương tập trung cao độ, tạo nên một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp, làm cho nông nghiệp phát triển toàn diện và vững chắc nhằm bảo đảm lương thực, thực phẩm cho nhu cầu của nhân dân trong tỉnh, nguyên liệu cho phát triển công nghiệp và tạo nguồn hàng xuất khẩu.

Nghĩa Bình là một tỉnh nông nghiệp, nghị quyết này có giá trị không chỉ định hướng không gian phát triển một nền nông nghiệp toàn diện của tỉnh, mà còn đề ra các biện pháp cụ thể để thực hiện định hướng đó. Tuy vậy, nghị quyết cũng đặt ra những kỳ vọng quá lớn, vượt khả năng đầu tư các nguồn lực của tỉnh, nên nhiều ý tưởng khó thực hiện có hiệu quả.

Thực hiện nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp của Hội nghị Tỉnh ủy, các cấp, các ngành xây dựng kế

hoạch triển khai. Một trong những biện pháp chủ yếu để phát triển nông nghiệp là đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp mà trọng tâm là xây dựng các hợp tác xã.

Ngày 4-8-1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 15- CT/TW về việc thí điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa về nông nghiệp ở miền Nam. Đối với tỉnh Nghĩa Bình, trước đó, ngày 28-1-1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Thông báo số 02-TB/TU, quyết định chọn 6 hợp tác xã làm thí điểm, trong đó trên địa bàn Quảng Ngãi có hợp tác xã Phổ Thuận (Đức Phổ) và Bình Long (Bình Sơn)¹. Thông báo yêu cầu những nơi được chọn làm hợp tác xã thí điểm phải có điều kiện tốt, như phương hướng sản xuất không phức tạp lắm, nguồn nước tưới tương đối chủ động, có cán bộ để tổ chức thực hiện ; bảo đảm chắc chắn thành công trong vụ đầu. Các Ban Thường vụ huyện, thị ủy phải trực tiếp chỉ đạo thí điểm. Các ngành xung quanh huyện phải coi thí điểm hợp tác xã là nội dung công tác trực tiếp của ngành; phải từ làm thí điểm hợp tác xã nông nghiệp mà rút ra nội dung xây dựng cấp huyện, làm trên địa bàn huyện. Như vậy, chủ trương xây dựng hợp tác xã được Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đi trước một bước cả về thời gian và quy mô cũng như tập trung huy động mọi nguồn lực, với mong muốn đến năm 1980 căn bản hoàn thành cải tạo nông nghiệp trong toàn tỉnh.

Ngày 11-12-1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo số 58-TB/TU đề ra các biện pháp nhằm đưa tỉnh Nghĩa Bình “căn bản hoàn thành cải tạo nông nghiệp vào cuối năm 1979”.

Trong thực tế nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp mà trọng tâm

1. Không kể xã Phước Thắng (Phước Vân) được Trung ương chọn làm hợp tác xã thí điểm toàn miền Nam.

là xây dựng hợp tác xã được tiến hành đồng loạt ở nhiều địa phương, quy mô lớn, tốc độ nhanh. Đầu năm 1977, toàn tỉnh mới tổ chức xây dựng thí điểm 6 hợp tác xã, nhưng cuối năm đã xây dựng được 34 hợp tác xã, quy mô bình quân mỗi hợp tác xã 520 ha, với có 98% số hộ tham gia, 97% ruộng đất được tập thể hóa, 80% trâu, bò cày kéo được đưa vào hợp tác xã. Đến năm 1979, toàn tỉnh xây dựng được 354 hợp tác xã và 368 tập đoàn sản xuất, với 91% số hộ nông dân, hơn 70% ruộng đất, 89% trâu bò được đưa vào hợp tác xã. Đặc biệt, có ba huyện, trong đó có huyện Bình Sơn và 106 xã hoàn thành xây dựng hợp tác xã.

Chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, trọng tâm là xây dựng các hợp tác xã là một chủ trương lớn của Đảng được Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thu hút tuyệt đại đa số nông dân tham gia và đã được cơ bản hoàn thành. Đóng góp tích cực nhất và cũng là thành tựu có ý nghĩa nhất mà các hợp tác xã mang lại là đã góp phần quyết định trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ở nông thôn, tạo điều kiện để tổ chức sản xuất, phân công lao động, phân bổ lại đất đai và các loại cây trồng, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh. Vì vậy, trong những năm đầu thực hiện chủ trương hợp tác hóa, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có những bước phát triển mới cả về diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng lương thực, thực phẩm.

Nếu như năm 1977, toàn tỉnh mới chỉ có 264.142 ha đất canh tác, thì năm 1979 đã tăng lên 282.323 ha. Tổng sản lượng lương thực từ 441.883 tấn (năm 1977) đã tăng lên 465.000 tấn (năm 1979). Đặc biệt, năm 1978 sản lượng lương thực đạt mức cao nhất là 555.885 tấn, bình quân đầu người

đạt 294 kg, tăng 25,6% so với năm 1976.

Cùng với cây lúa là cây lương thực truyền thống, nhân dân các địa phương còn chú ý phát triển thêm các loại cây trồng khác, như ngô, khoai lang và sắn (mì). Năm 1979, diện tích trồng ngô vượt kế hoạch 26% và tăng 3.293 ha, diện tích trồng sắn (mì) đạt kế hoạch và tăng 7.971 ha, diện tích trồng khoai lang tăng 2.520 ha so với năm 1976. Các huyện Bình Sơn, Sơn Hà, Sơn Tịnh, thị xã Quảng Nghĩa là trong số những địa phương có mức tăng khá.

Các cây công nghiệp khác như lạc, chè, dứa, thuốc lá, cói... cũng đều tăng về diện tích và sản lượng. Cuối năm 1979, diện tích và sản lượng lạc toàn tỉnh tăng 24,8%, đậu nành tăng 32,4%, thuốc lá tăng 59,4%, cói tăng 2,2 lần so với năm 1976... mở ra khả năng mở rộng vùng chuyên canh và tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Trong chăn nuôi, trừ đàn bò tuy giảm từ 249.900 con (năm 1976) còn 230.000 con (năm 1979), nhưng đàn trâu tăng 36%, đàn heo tăng 38,8%, gia cầm tăng 74,9%.

Trong các hợp tác xã, việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, thâm canh trở nên phổ biến. Năm 1980, toàn tỉnh xây dựng được 15.000 tổ cấy kỹ thuật¹, với 85.575 thợ cấy. Trên địa bàn Quảng Ngãi có những vụ 200 thợ cấy của 14 xã, khu phố thị xã Quảng Nghĩa lên cấy cho hợp tác xã Nghĩa Lâm trong 2 ngày được 50 mẫu ruộng. Hợp tác xã Phong Niên (Tỉnh Phong, Sơn Tịnh), các thợ cấy đã góp phần cấy hoàn thành 165 ha ruộng vụ đông xuân 1979-1980 chỉ trong một tháng, giảm một

1. Cấy kỹ thuật là phương pháp cấy lúa mới phải đạt 5 tiêu chuẩn: Cây thẳng hàng, đúng mật độ (40-42 khóm/m²), cấy cạn tay (3cm), cấy nhỏ rẽ (3-4 rẽ), cấy nhanh.

nửa thời gian so với trước đây. Nhiều hội thi cấy diễn ra rầm rộ, sôi nổi, có hiệu quả thiết thực ở các hợp tác xã thuộc các huyện Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ. Ngay cả các huyện miền núi, như Sơn Hà, Ba Tơ chị em đồng bào các dân tộc thiểu số cũng tham gia các đội cấy kỹ thuật.

Ngoài cấy kỹ thuật, xã viên các hợp tác xã khôi phục tập quán bón phân chuồng, nhiều nơi dùng phân bắc, phân xanh, vôi để bón ruộng. Các trạm, trại sản xuất giống cây trồng, vật nuôi được xây dựng và hoạt động, bước đầu đã phát huy được tác dụng trong sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1979, toàn tỉnh đã có 9 cơ sở thí nghiệm và phổ biến khoa học kỹ thuật, trong đó có 4 cơ sở trồng trọt và 5 cơ sở chăn nuôi, thú y.

Một đóng góp tích cực khác của phong trào hợp tác hóa trong giai đoạn này là góp phần to lớn thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khác, như khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích, xây dựng củng cố hệ thống hồ, đập, kênh mương thủy lợi, xây dựng và cải tạo đồng ruộng.

Ngày 4-5-1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 90 NQ/TU về "Công tác khai hoang". Nghị quyết yêu cầu: Mỗi huyện, thị xã, tùy theo quy mô khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới để thành lập từ 1 đến 2 đại đội thanh niên xung phong làm nòng cốt, thường trực (nếu có ruộng đất hoang hóa tập trung từ 300 ha trở lên), thời gian công tác mỗi đơn vị từ 1 đến 2 năm. Lực lượng nhân dân và học sinh đi khai hoang phải được tổ chức và chỉ huy theo hình thức quân sự hóa. Các huyện, thị ủy cần rút kinh nghiệm các đợt khai hoang trước đây để đề ra biện pháp cụ thể từ khâu phát động tư tưởng, huy động và tổ chức sử dụng lao động, tránh phô trương hình thức, gây lãng phí. Chú ý khâu làm đất,

tránh làm dối, làm ẩu, chạy theo chỉ tiêu diện tích, không chú ý chất lượng. Đề phòng lợi dụng khai hoang để chặt phá rừng bừa bãi.

Những vùng giáp ranh, diện tích tập trung lớn, cần nghiên cứu xây dựng nông trường quốc doanh, hợp tác xã, không chia cho cá thể; cần quy hoạch cụ thể, xác định phương hướng sản xuất cho phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh. Trước mắt, tập trung sản xuất cây lương thực ngắn ngày, lấy ngắn nuôi dài. Khai hoang đến đâu, tranh thủ đưa ngay vào sản xuất đến đó, không để bị hoang hóa trở lại.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, các hợp tác xã trong toàn tỉnh đã huy động xã viên khai hoang đưa vào sản xuất 17.000 ha đất, trong đó một số huyện phía bắc có diện tích khai hoang đạt khá, như Sơn Tịnh, Bình Sơn, Đức Phổ,... Nhiều công trình thủy lợi được khởi công xây dựng, hoàn thành, đưa vào sử dụng. Hàng chục triệu ngày công của xã viên các hợp tác xã được huy động vào xây dựng các công trình thủy lợi lớn, như Hồ Liệt Sơn (Đức Phổ), hồ Tôn Dung (Ba Tơ), trạm bơm Nam Sông Vệ¹, v.v..

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân bổ, sử dụng lao động, sắp xếp lại dân cư. Từ năm 1977 đến cuối năm 1979, toàn tỉnh có 5 vạn người được tuyển dụng vào lao động trong các xí nghiệp quốc doanh, cơ sở sản xuất tiểu - thủ công nghiệp, đi xây dựng vùng kinh tế mới, 6 vạn lao động trong các ngành sản xuất

1. Trạm bơm Nam Sông Vệ là trạm bơm điện đầu tiên của tỉnh Nghĩa Bình, với quy mô 48 máy bơm loại 1.000 m³/h, tưới cho 8.000 ha cho các huyện Mộ Đức, Đức Phổ. Công trình khởi công xây dựng ngày 15-2-1978.

công nghiệp, xây dựng, lâm nghiệp, nông trường quốc doanh được phân bổ lại, 17.000 nhân khẩu, trong đó có 5.836 lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh.

Gắn liền với chủ trương xây dựng hợp tác xã, ngày 24-1-1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về “Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện”. Đây là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, chi phối toàn bộ các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 27-5-1978 Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị lần thứ năm và ra Nghị quyết về “Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện”. Nghị quyết nêu rõ: “Xây dựng huyện từ một cấp hành chính sang quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và trở thành một cấp quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách là một việc rất lớn, rất mới, có nhiều khó khăn, phức tạp. Các huyện, thị trong tỉnh... lại bố trí trên địa bàn rộng, nhiều huyện ở khá xa trung tâm chỉ đạo của tỉnh, tình hình đó càng đòi hỏi phải tiến hành khẩn trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện”¹. Do tính chất quan trọng và phức tạp của việc thực hiện chủ trương xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện, Nghị quyết của Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng huyện, chọn thị xã Quảng Nghĩa là một trong hai đơn vị điểm của tỉnh.

Chỉ trong 2 năm thực hiện chủ trương xây dựng huyện (1979-1980), tăng cường cấp huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cử hàng trăm cán bộ về giúp các huyện, thị xã xây dựng, củng cố tổ chức, lập quy hoạch tổng

1. Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 27-5-1978 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện”, tr.1.

thể kinh tế - xã hội, phân vùng kinh tế, phân bổ, sắp xếp lại sản xuất, quy hoạch lại các điểm dân cư, chuyển dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Tuy vậy, chủ trương xây dựng huyện thành những đơn vị kinh tế công - nông nghiệp, những “pháo đài chiến lược” đã vượt quá khả năng của nền kinh tế và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, sau 2 năm xây dựng, cấp huyện vẫn chưa thoát khỏi tính chất một cấp trung gian hành chính, thụ động, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức lại sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời với cải tạo nông nghiệp, thời kỳ 1977-1980 công tác cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh là một trong những nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình.

Sau giải phóng, chính quyền cách mạng đã quản lý tất cả các lĩnh vực kinh tế, quốc hữu hóa các ngành kinh tế then chốt, xóa bỏ các ngân hàng tư nhân, độc quyền phát hành tiền tệ. Tuy nhiên, nhiều tư thương đã lợi dụng những sơ hở trong quản lý của Nhà nước, tìm cách đầu cơ, tích trữ hàng hóa, phá rối thị trường. Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương phải nhanh chóng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam và đặt mục tiêu đến năm 1978 phải hoàn thành.

Chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư bản tư doanh thực sự là một cuộc đấu tranh rất quyết liệt. Ban cải tạo công, thương nghiệp của tỉnh và các huyện, thị xã được thành lập, trực tiếp tham mưu, chỉ đạo công tác cải tạo. Đến ngày 16-3-1978, do tính chất phức tạp của lĩnh vực công tác này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết

định thành lập Ban Chỉ đạo cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh “có tính chất đột xuất trong một thời gian nhất định để giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy các ngành, các cấp tổ chức thực hiện tốt công tác cải tạo thương nghiệp tư doanh”¹. Ngày 23-3-1978, tất cả các huyện, thị xã trong tỉnh đồng loạt mở chiến dịch cải tạo. Hơn 2.000 cán bộ được huy động làm nhiệm vụ phân loại đối tượng thuộc diện cải tạo, hướng dẫn kê khai những mặt hàng do Nhà nước quản lý để thực hiện chính sách trưng mua, trưng thu (tịch thu có bồi thường) theo quy định. Ở thị xã Quảng Nghĩa, Ban Cải tạo trưng mua hàng hóa ở một số cơ sở công, thương nghiệp tư doanh, như hãng Chấn Xương, hiệu buôn Từ Thiên Phụ, nhà in Nam Ngãi, cửa hàng ăn Tự Do..., trưng thu hàng hóa của 45 hộ kinh doanh. Nhiều địa phương cơ sở, nhất là những nơi tập trung những hộ sản xuất, kinh doanh buôn bán hàng hóa lớn, như thị xã Quảng Nghĩa, Châu Ổ, Sông Vệ... đã vận dụng chính sách tương đối linh hoạt, thu hút được một số hộ tiểu thương, tiểu chủ góp vốn cùng kinh doanh trong các cơ sở công tư hợp doanh, hợp tác xã hoặc vận động tư nhân duy trì, mở rộng sản xuất các mặt hàng truyền thống. Với cách làm đó, toàn tỉnh có 234 hộ công, thương nghiệp bỏ vốn gần 1 triệu đồng vào xây dựng các xí nghiệp công tư hợp doanh, hợp tác gia công sản xuất đồ sắt, vật liệu xây dựng, phân hữu cơ, sành sứ, chế biến mì sợi, nước mắm, ... Cuối năm 1978, ngành công, thương nghiệp xây dựng được 5 công ty công tư hợp doanh, 188 hợp tác xã

1. Quyết định số 91-QĐ/TU, ngày 16-3-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

mua bán, hợp tác xã tiêu thụ, hàng trăm cửa hàng ở các huyện, thị xã, bước đầu hình thành mạng lưới công thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Ngành giao thông vận tải thí điểm cải tạo xe tải, xe khách, bước đầu trưng mua 36 xe, 2 tàu thủy, tổ chức 2 xí nghiệp công tư hợp doanh xe tải và xe khách. Các phương tiện vận tải ở các huyện, thị xã cũng được tổ chức thành hợp tác xã vận tải. Ngành thủy sản hướng dẫn, tổ chức hơn 800 đội đánh bắt cá, với trên 20.000 lao động, v.v.. Đến năm 1979, công tác cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh cơ bản hoàn thành theo mục tiêu đề ra. Tất cả các cơ sở công, thương nghiệp tư bản tư doanh trên địa bàn tỉnh đều chuyển sang quốc doanh, công tư hợp doanh, hoặc xí nghiệp, hợp tác xã. Phần lớn các hộ tiểu thương được chuyển sang sản xuất, một số khác được sử dụng vào mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Do đó, trong những năm đầu sau khi hoàn thành cải tạo, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cơ bản làm chủ được thị trường, nhất là trong việc phân phối định lượng 13 mặt hàng thiết yếu mà Nhà nước quản lý, phục vụ tiêu dùng cho cán bộ và nhân dân. Năm 1979, tổng giá trị mua hàng nông sản toàn tỉnh 11,26 triệu đồng, đạt 109,3% kế hoạch, tăng gấp ba lần so với năm 1977. Tổng giá trị bán ra là 129.4 triệu đồng, so với năm 1977 vượt 35,5%, chiếm 40% tỷ trọng hàng bán lẻ trên thị trường. Nhờ thu mua được hàng hóa nông sản, năm 1978 tỉnh Nghĩa Bình giao cho Trung ương 12.564 tấn gạo, quân khu V 2.000 tấn, cho Hải Phòng 1.000 tấn. Có năm cả tỉnh Nghĩa Bình chuyển ra Hà Nội 3.000 tấn, chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng hàng ngàn tấn lương thực,... Riêng trên địa bàn Quảng Ngãi, nhiều địa phương huy động lương thực năm 1978 vượt kế hoạch, như Đức Phổ, thị xã Quảng Nghĩa là

110%, Nghĩa Minh là 102,9%.

Ngày 24-4-1978, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định thống nhất tiền tệ trong cả nước nhằm tạo điều kiện thống nhất giá cả và chế độ tiền lương, ổn định thị trường, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong lưu thông phân phối. Thống nhất tiền tệ trong cả nước góp phần làm cho sự giao lưu kinh tế giữa các miền được dễ dàng hơn, công tác tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động xã hội tích cực hơn và nhất là tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, thúc đẩy sản xuất phát triển, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Những kết quả đạt được trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công, thương nghiệp còn tạo điều kiện phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Đây là thời kỳ cùng với các địa phương khác trong tỉnh Nghĩa Bình, nhiều tuyến giao thông huyết mạch trên địa bàn Quảng Ngãi được xây dựng, nâng cấp như đường Thạch Trụ (Mộ Đức) - Ba Tơ, đường Sơn Tịnh - Sơn Hà, đường Châu Ổ (Bình Sơn) - Trà Bồng và hàng trăm tuyến đường liên thôn, liên xã.

Tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng trong chỉ đạo thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, phân phối lưu thông, nhưng trên các lĩnh vực này vẫn còn nhiều hạn chế. Trong cải tạo nông nghiệp mà cốt lõi là xây dựng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tỉnh Nghĩa Bình là một trong ba tỉnh được Trung ương chọn xây dựng thí điểm hợp tác xã¹ và cũng là một trong những tỉnh hoàn thành sớm nhất nhiệm vụ cải

1. Ba tỉnh được Trung ương chọn thí điểm hợp tác xã là Nghĩa Bình, Bình Trị Thiên và Tiền Giang.

tạo nông nghiệp, một trong những điển hình của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam. Nhưng cũng như nhiều địa phương khác, càng về sau hợp tác hóa càng lâm vào tình trạng yếu kém trong quản lý tư liệu sản xuất, trong quá trình sản xuất và quản lý tài chính. Biểu hiện cụ thể là năng lực, trình độ quản lý về tư liệu sản xuất của đội ngũ cán bộ hợp tác xã, nhất là ruộng đất, trâu bò, công cụ lao động còn sơ hở, yếu kém. Nhiều nơi diễn ra phổ biến tình trạng cán bộ, xã viên chiếm đất hợp tác xã, sử dụng các vật tư, nguyên liệu như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu kém hiệu quả, bị mất mát nhiều. Trong quản lý sản xuất nổi lên mâu thuẫn giữa quy hoạch, phân vùng kinh tế với khả năng đầu tư vốn, vật tư, giống cây con, nên hầu hết các kế hoạch sản xuất không thực hiện được, năng suất, hiệu quả rất thấp. Trong quản lý tài chính, phần lớn các hợp tác xã chưa xây dựng được kế hoạch, thiếu biện pháp bảo vệ tài sản, thiếu vốn hoặc sử dụng vốn chưa hợp lý, có nơi vi phạm nguyên tắc thu chi tài chính, tham ô, trục lợi. Trong công tác vận động nông dân vào hợp tác xã, có nơi xảy ra hiện tượng gò ép, áp đặt, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi. Tình hình đó làm cho sản lượng lương thực không đạt kế hoạch đề ra, năm sau giảm hơn so với năm trước. “Tính đến năm 1978, sản lượng lương thực chỉ mới đạt 86,4% chỉ tiêu (năm 1979 còn thấp hơn, 71%), khai thác cá biển 49,2%, khai thác gỗ 23,9%, trồng rừng 33,3%, hàng xuất khẩu 58,1%”¹. Trước tình hình sản xuất lương thực gặp nhiều khó khăn, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ hai (tháng 7-1977) ra Nghị quyết về xây dựng, phát triển nông nghiệp, yêu cầu các địa

1. Báo cáo kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa 2 năm 1980-1981 tỉnh Nghĩa Bình, tr. 15.

phương, đơn vị trong tỉnh: “Cấm nghiêm ngặt việc buôn bán lương thực và sản phẩm bằng lương thực ra ngoài tỉnh bằng cách tăng cường giáo dục và đề cao kỷ luật trong các đoàn thể, đi đôi với áp dụng biện pháp hành chính; triệt để thực hành tiết kiệm, cấm nấu rượu gạo, giáo dục giảm bớt sản xuất và tiêu thụ bún, bánh bằng gạo, hướng dẫn chế biến lương thực và hoa màu một cách phổ cập. Ngay từ bây giờ phải ăn thêm rau màu để dành lương thực phòng chống đói; từng thôn, xã, huyện phải có kế hoạch cân đối, điều hòa lương thực giữa nơi thiếu, nơi thừa. Ra sức động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước”. Tình trạng thiếu vật tư, nguyên liệu trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp diễn ra rất gay gắt. Quý III năm 1977, xí nghiệp vận tải quốc doanh Nghĩa Bình có 151 xe ô tô, nhưng chỉ có 60 xe hoạt động, xe khách tư nhân có 329 xe, nhưng chỉ có 225 xe hoạt động; xí nghiệp vận tải biển có 20 tàu, nhưng chỉ có 15 tàu hoạt động; xe tải và xe lam ở các hợp tác xã vận tải huyện, thị xã cũng bị hư hỏng, không hoạt động được, do thiếu sắt thép, phụ tùng, xăng dầu, v.v..

Trong lúc đó, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ này cũng đã bộc lộ những dấu hiệu của sự khủng hoảng kinh tế. Sản xuất trì trệ, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế giảm sút, nhiều mặt bị mất cân đối nghiêm trọng. Lạm phát tăng 3 con số¹. Nhà nước phải nhập khẩu lương thực với khối lượng lớn². Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

1. Chỉ số lạm phát năm 1976 là 128%, năm 1981 là 313%. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chặng đường qua hai thế kỷ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 411.

2. Lượng gạo nhập khẩu năm 1978 là 1,9 triệu tấn, năm 1979 là 2,2 triệu tấn. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chặng đường qua hai*

Yêu cầu cuộc sống đặt ra những vấn đề bức thiết đòi hỏi Đảng ta phải tìm hướng đi và cách làm thích hợp để từng bước khắc phục khó khăn, ổn định đời sống nhân dân. Tháng 8-1979, Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) thông qua hai nghị quyết quan trọng: Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách và Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Hai nghị quyết trên được coi là “bước đột phá đầu tiên của quá trình đổi mới ở nước ta”¹. Những bước đột phá đầu tiên trong chính sách phát triển kinh tế thể hiện ở chỗ: về nông nghiệp, Trung ương chủ trương ổn định mức nghĩa vụ bán lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thỏa thuận hoặc được tự do lưu thông; khuyến khích hợp tác xã, gia đình xã viên tận dụng diện tích đất, hồ, ao còn bỏ hoang hóa; ổn định mức bán thịt lợn, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thỏa thuận hoặc được tự do lưu thông; sửa lại giá lương thực và nông sản khác cho hợp lý; bỏ cách phân phối theo định suất, định lượng trong các hợp tác xã, bảo đảm phân phối theo nguyên tắc lao động. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa phải tận dụng các thành phần kinh tế, phải tùy từng ngành nghề, mặt hàng và xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức thích hợp, quốc doanh, tập thể hoặc cá thể, phải tận dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật, quản lý của các thành phần kinh tế tư

thế kỷ, Sđd, tr. 441.

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương ban chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 39.

bản tư nhân, tiểu chủ cá thể, tư nhân để phát triển sản xuất. Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp phải nắm vững phương châm tích cực, vững chắc, chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, cưỡng ép, mệnh lệnh, làm ô ạt, gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân. Căn cứ chủ trương của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV), Chính phủ ban hành một số quyết định, như khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò (tháng 3-1979), khuyến khích tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hóa (ngày 10-9-1979). Tháng 10-1979, Chính phủ công bố quyết định xóa bỏ các trạm kiểm soát ngăn sông, cấm chợ, người sản xuất có quyền đưa sản phẩm ra trao đổi trên thị trường không phải nộp thuế sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đặc biệt, sau một thời gian tổ chức thí điểm, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100/CT-TW về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp” (gọi tắt là khoán 100). Chỉ thị nêu rõ mục đích, nguyên tắc khoán và phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp là “*khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động* và làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý của hợp tác xã đều *thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng*, do đó mà đưa hết nhiệt tình và khả năng ra lao động sản xuất và xây dựng, củng cố hợp tác xã”¹. Chỉ thị số 100 bước đầu tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp.

Ngày 17-7-1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 42, tr. 27.

26-CT/TU về “Mở rộng khoán sản phẩm trong vụ sản xuất đông - xuân 1981-1982 ở hợp tác xã nông nghiệp”. Chỉ thị nêu rõ: Qua kết quả thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức làm thí điểm khoán sản phẩm ở một số hợp tác xã nông nghiệp, trong vụ đông - xuân 1980-1981 và vụ hè - thu 1981 của toàn tỉnh cho thấy khoán sản phẩm có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, củng cố được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát huy được tinh thần làm chủ tập thể của xã viên. Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương trong vụ đông - xuân 1981-1982 sẽ mở rộng khoán sản phẩm ở tất cả các hợp tác xã thuộc các huyện đồng bằng trong tỉnh. Để thực hiện tốt chủ trương khoán sản phẩm trong các hợp tác xã, chỉ thị yêu cầu các huyện, thị ủy chỉ đạo chấn chỉnh công tác quản lý ở các hợp tác xã, tổ chức tập huấn bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ xã, hợp tác xã và đội sản xuất nhằm nâng cao trình độ nhận thức, năng lực công tác và phẩm chất đạo đức tổ chức công tác khoán tại địa phương, đơn vị mình.

Khoán sản phẩm đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, nhanh chóng phát triển, biến thành một phong trào sâu rộng, thu hút tất cả các hộ nông dân tham gia. Từ chỗ tổ chức thí điểm ở 29 hợp tác xã trong vụ đông - xuân 1980-1981, 183 hợp tác xã trong vụ hè - thu 1981, đến cuối năm 1982 khoán sản phẩm đã được thực hiện trong toàn bộ các hợp tác xã¹, với hơn 4.920 đội sản xuất, 95.000 nhóm lao động. Những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và phân phối, tình

1. Tổng số hợp tác xã trong toàn tỉnh Nghĩa Bình đến thời điểm này là 412 hợp tác xã.

trạng thiếu tích cực trong lao động, rong công phóng điểm, làm dôi, làm ẩu, v.v. trong các hợp tác xã đã giảm đáng kể. Năng suất, sản lượng lương thực tăng lên rất nhanh. Năm 1981, sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 520.000 tấn, tăng hơn 10 vạn tấn so với năm 1980. Trong tổng số 18.285 ha khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, thì 1 ha vượt 3 tạ (bằng 12,4%) so với diện tích không khoán sản phẩm và vượt 3,2 tạ (12,5%) so với mức khoán. Nhiều hợp tác xã không những đạt chỉ tiêu mà còn vượt mức khoán, trong đó huyện Bình Sơn có 31/31 hợp tác xã vượt mức khoán bình quân 6 tạ/ha. Năm 1982, sản lượng thóc đạt mức kỷ lục, gần 446.000 tấn, góp phần đưa sản lượng lương thực (quy thóc) đạt 540.000 tấn, tăng 3% so với năm 1981.

Khoán sản phẩm ở các cây công nghiệp quan trọng như mía, đậu tương, dâu tằm, cói, nhất là mía đều tăng cả diện tích, năng suất và sản lượng. Khoán sản phẩm cũng tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển mạnh. Năm 1982, đàn trâu trong toàn tỉnh đạt 38.346 con, đàn bò đạt 246.980 con (tăng 6,9% so với năm 1981), đàn lợn đạt 522.844 con (tăng 3,2% so với năm 1981).

Ngày 25-8-1982, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 22-CT/TU về “Một số vấn đề khoán sản phẩm trong nông nghiệp”. Chỉ thị khẳng định ba tác dụng của khoán sản phẩm là đã phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên, gắn quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, tận dụng được mọi khả năng về lao động, đất đai, vật tư, vốn và áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, làm xuất hiện nhiều hợp tác xã và đội sản xuất đạt năng suất cao về lúa, mía, khoai lang, dâu tằm, thuốc lá, ; khoán đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa ba lợi ích: tăng đóng góp cho Nhà

nước, tăng tích lũy cho hợp tác xã và nâng cao đời sống xã viên; khoán cũng đã làm cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được củng cố. Tuy vậy, chỉ thị cũng nêu rõ một số lệch lạc nảy sinh trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Đó là, một số hợp tác xã quản lý các tư liệu sản xuất chủ yếu (đất trồng màu, cây công nghiệp và trâu bò), lao động, phân bón chưa tốt, một số nơi xuất hiện tình trạng khoán trắng cho xã viên, hợp tác xã không nắm được sản phẩm cuối cùng; công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể không gắn với củng cố hợp tác xã và phong trào khoán, nên tư tưởng tư hữu trỗi dậy, lan rộng cả trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để khắc phục tình trạng đó, Chỉ thị yêu cầu các địa phương, đơn vị phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho phong trào hợp tác hóa.

Trong những năm 1977-1982, đồng thời với việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đưa phần lớn nông dân và các tư liệu sản xuất chủ yếu vào hợp tác xã, đẩy mạnh thực hiện công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tập trung lãnh đạo xây dựng các nông trường quốc doanh. Nông trường quốc doanh là một hình thức tổ chức sản xuất hoàn toàn mới mẻ ở miền Nam, được hình thành và phát triển trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Đến năm 1979, toàn tỉnh xây dựng được 9 nông trường quốc doanh, trong đó trên địa bàn Quảng Ngãi có các nông trường: Nông trường 24-3 (Phổ Nhơn, Đức Phổ), Nông trường 25-3 (Tịnh Đông, Sơn Tịnh), Nông trường Bình Khương, Nông trường Bình Hòa (Bình Sơn), Nông trường 11-3 (Hành Thiện, Nghĩa Hành). Sau mấy

năm xây dựng, các nông trường trở thành những vùng chuyên canh tập trung trồng cây công nghiệp mía, dứa, chè,... và chăn nuôi bò.

Để tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngày 21-1-1981 Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/CP về "Một số chủ trương và biện pháp nhằm tiếp tục phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp quốc doanh" và Quyết định số 26/CP về "Mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm, tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước". Sau một năm triển khai thực hiện hai quyết định quan trọng này, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mạnh mẽ. Năm 1982, giá trị sản lượng công nghiệp tăng hơn 30%, tiểu thủ công nghiệp tăng 47% so với năm 1981. Nhiều sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng nhanh, như máy tuốt lúa tăng 168%, xà phòng tăng 297%, giấy tăng 242%, chiếu cói tăng 241%, đường tăng 171% so với năm 1981. Phần lớn các xí nghiệp đều chủ động giải quyết được vật tư, nguyên liệu, tìm đầu ra cho sản phẩm.

Những thay đổi, cải tiến cơ chế quản lý trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu mang lại một số kết quả tích cực trong sản xuất. Nhưng lĩnh vực phân phối lưu thông lại gặp nhiều khó khăn, gây trở ngại cho sản xuất và đời sống. Tốc độ tăng giá năm 1980 là 125%, nhưng năm 1981 lên tới 313%. Ngày 19-5-1981, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 109-CT/TW về "Tiếp tục thi hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về cải tiến công tác phân phối lưu thông". Ngay sau đó, ngày 25-5-1981 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 14-NQ/TU về: "Thi hành Chỉ thị của Bộ Chính trị tiếp tục cải

tiến công tác phân phối lưu thông”. Nghị quyết khẳng định những tiến bộ đạt được trong công tác phân phối lưu thông trên địa bàn tỉnh, đồng thời chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm: “Nhà nước chưa nắm được hàng, trước hết là những mặt hàng thuộc sản xuất nông nghiệp; quản lý thị trường còn lỏng lẻo, có lúc có nơi thị trường tự do chen lấn cả thị trường có tổ chức, những hiện tượng tiêu cực (tham ô, lãng phí, mất mát) không những chưa được ngăn chặn, lại có chiều hướng phát triển. Nhà nước chưa nắm và quản lý chặt được tiền; tình trạng bội chi vẫn tiếp tục tăng; giá cả thị trường biến động phức tạp, nhiều biểu hiện còn tùy tiện, lộn xộn, Nhìn chung, công tác phân phối lưu thông ở tỉnh ta thời gian qua chưa phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống”¹. Mặc dù Nghị quyết được ban hành sớm, xác định được phân phối lưu thông là khâu trọng yếu cần tập trung giải quyết, nhưng do cơ chế quản lý kinh tế của nước ta nói chung, tỉnh ta nói riêng trong thời điểm đó vẫn mang nặng tính chất kế hoạch hóa tập trung, nên phân phối lưu thông càng về sau càng trở thành mặt trận nóng bỏng, diễn biến phức tạp.

Trong 5 năm 1977-1982, tuy ít được đầu tư kinh phí, nhưng các lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn đạt được một số kết quả tích cực. Năm 1977, toàn tỉnh có 97% dân số ở đồng bằng và 88,6% dân số ở miền núi được xóa mù chữ, đưa tỉnh Nghĩa Bình trở thành một trong hai tỉnh xóa xong nạn mù chữ sớm nhất ở miền Nam², được Nhà nước tặng thưởng

1. Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 25-5-1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thi hành Chỉ thị của Bộ Chính trị tiếp tục cải tiến công tác phân phối lưu thông.

2. Hai tỉnh được công nhận xóa mù chữ sớm nhất miền Nam là

Huân chương Lao động Hạng Nhất. Riêng huyện Bình Sơn và huyện Mộ Đức được Nhà nước tặng Huân chương Lao động Hạng Ba. Phát huy những kết quả đạt được, năm 1979 toàn tỉnh cơ bản phổ cập bổ túc văn hóa lớp 3 ở đồng bằng và lớp 2 ở miền núi. Hệ thống giáo dục phổ thông được mở rộng. Năm học 1978-1979, hầu hết các thôn, xã trên địa bàn tỉnh đều có trường cấp I, cấp II. Các huyện đồng bằng đều có trường cấp III. Từ năm học 1981-1982, cùng với các trường phổ thông trong cả nước, các trường phổ thông ở tỉnh Nghĩa Bình cũng chuyển sang hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm, thống nhất trong cả nước. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh được mở rộng. Ngoài các trường trung học Tài chính Kế toán 3, trường Công nhân Cơ giới 2 và một số trường trung học chuyên nghiệp khác được xây dựng những năm trước đó, năm 1978 trường Cao đẳng Sư phạm Nghĩa Bình được chuyển từ Quy Nhơn về xây dựng tại thị xã Quảng Nghĩa.

Ngày 2-2-1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 04/CT về việc: “Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh và con người mới xã hội chủ nghĩa”. Chỉ thị xác định: xây dựng con người mới, xây dựng nếp sống văn minh là nhiệm vụ trọng tâm của cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa. Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh và con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời đề ra các tiêu chuẩn cụ thể cần đạt được về xây dựng con người mới, gia đình văn hóa mới, nếp sống mới. Trong bối cảnh một tỉnh vừa mới thoát khỏi chiến tranh,

tỉnh Nghĩa Bình và tỉnh Long An.

bị những tập tục văn hóa lạc hậu, văn hóa của chủ nghĩa thực dân cũ và mối nô dịch suốt hàng mấy trăm năm, những tiêu chuẩn được đề ra trong chỉ thị đã thể hiện tính ưu việt của nền văn hóa mới, nếp sống mới. Tuy vậy, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan tác động, những tiêu chuẩn được quy định về văn hóa trong hôn nhân, gia đình, văn hóa trong chôn cất người chết, văn hóa trong kỷ niệm ngày sinh, ngày giỗ chưa được tổ chức thực hiện trong thực tiễn cuộc sống.

Thời kỳ 1977-1982 là thời kỳ nhiều thiết chế văn hóa được xây dựng, đưa vào hoạt động, đáp ứng một phần nhu cầu văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Ở tất cả các huyện, thị xã đồng bằng đều thành lập các công ty chiếu bóng, các huyện miền núi thành lập các liên đội chiếu bóng. Thị xã Quảng Nghĩa thành lập Đoàn Cải lương Sông Trà. Các huyện đều xây dựng khu sinh hoạt văn hóa ngoài trời. Một số nhà lưu niệm được xây dựng, như nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm, đồng chí Phạm Văn Đồng. Nhiều xã, phường xây dựng được nhà văn hóa, khu sinh hoạt văn hóa, thư viện. Một số cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà máy xây dựng được các thiết chế văn hóa, tổ chức được các hoạt động văn hóa sôi nổi, trong đó ở Quảng Ngãi có Nhà máy đường, Bệnh viện Đa khoa, Xí nghiệp Đông lạnh, Trường Công nhân cơ giới 2, v.v..

Công tác y tế được chú trọng và phát triển tương đối đều khắp. Năm 1977, trên địa bàn Quảng Ngãi có 43 bác sĩ, 150 y sĩ, 661 y tá, 36 dược sĩ, 77 dược tá và 265 hộ sinh... ; 122 cơ sở y tế, gồm bệnh viện tỉnh, 11 bệnh xá huyện, 100 trạm xá xã, với 1.558 giường bệnh. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên. Cuộc vận động thực hiện sinh đẻ có kế hoạch đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần hạ

thấp tỷ lệ tăng dân số toàn tỉnh từ 2,72% (năm 1980) còn 2,5% (năm 1982).

Trong những năm 1977-1982, các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá cách mạng nước ta. Ở tỉnh Nghĩa Bình, chúng thường xuyên tuyên truyền, xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là các chủ trương xây dựng hợp tác xã, xây dựng vùng kinh tế mới, thực hiện luật nghĩa vụ quân sự, Chúng tuyên truyền, kích động gây chia rẽ dân tộc, lôi kéo đồng bào bỏ Tổ quốc, vượt biển trốn ra nước ngoài, khuyến khích các phần tử cơ hội, phản động nhen nhóm tổ chức, tiến hành các hoạt động phá hoại. Riêng năm 1981, các thế lực thù địch tiến hành 5 vụ cài chất nổ, đốt kho lương thực, chặt phá hoa màu, 69 vụ rải truyền đơn, tờ rơi, tổ chức 37 vụ, gồm 504 người vượt biển trốn ra nước ngoài. Một số tổ chức phản động nhen nhóm hoạt động, với cái gọi là “Những người quyết định vận mệnh đất nước” ở thị xã Quảng Nghĩa, “Liên quốc đảng, phục quốc đảng”, “Hội đồng chư tiên” ở Sơn Tịnh, bọn FULRO ở Sơn Hà cũng trở dậy hoạt động.

Trước tình hình đó, Đảng bộ Nghĩa Bình vừa tập trung lãnh đạo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa quan tâm lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống anh hùng của quê hương cách mạng, đề cao cảnh giác, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chiến tranh tâm lý, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng với cả nước bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Ngày 27-7-1978, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) họp và ra Nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới. Nghị quyết khẳng định: Cuộc đấu tranh với các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã

hội ở Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là phải tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, đánh thắng chiến tranh biên giới tây nam, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trên hướng bắc và tây bắc, tăng cường phòng thủ các đảo và bảo vệ vùng biển, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc; kiên quyết và kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng, bọn lưu manh, côn đồ.

Tháng 12-1978, Tỉnh ủy họp hội nghị bất thường và ra Nghị quyết về công tác an ninh, quốc phòng trong tình hình mới. Nghị quyết nêu rõ: Nhiệm vụ chính trị cực kỳ cấp bách và quan trọng của Đảng bộ tỉnh ta lúc này là tập trung phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, phòng chống bọn vượt biển, phá hoại cách mạng. Đây là một cuộc đấu tranh hết sức phức tạp, quyết liệt vừa đánh địch ở biên giới, kiên quyết giữ gìn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc, vừa phải ra sức đấu tranh phòng ngừa đối phó với bọn phản động trong nội địa, không để xảy ra bạo loạn với biện pháp tích cực nhất, khẩn trương nhất, tiến hành phát động tiến lên một cao trào quần chúng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, vừa chiến đấu, vừa sản xuất và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước mắt là phòng, chống bạo loạn thắng lợi trong mọi tình huống.

Tiếp đó, Ban Thường vụ Tỉnh Ủy ban hành Chỉ thị số 29-CT/TU, ngày 29-6-1979 về khẩn trương xây dựng thế trận vững chắc trên tuyến biển trong tình hình mới; Chỉ thị số 31-CT/TU, ngày 27-5-1980 về chống chiến tranh tâm lý của địch. Các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể

trong tỉnh cần tiến hành các biện pháp tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi hành động chống phá của bọn phản động nội địa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện cải tiến lề lối làm việc phù hợp với tình hình thời chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển dân quân du kích, tự vệ cơ quan, xí nghiệp, xây dựng phương án bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân khi có chiến tranh xảy ra.

Thực hiện chủ trương của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các cấp ủy đảng thường xuyên chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, ý thức quốc phòng, đường lối quân sự của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các lực lượng vũ trang địa phương. Cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu trong các lực lượng vũ trang nhân dân” tiếp tục được duy trì, mở rộng. Công tác tuyển quân được chỉ đạo chặt chẽ từ khâu động viên giáo dục chính trị tư tưởng đến khâu tổ chức khám tuyển, tiến đưa và thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Năm 1982, công tác tuyển quân vượt kế hoạch 10%, có 14 huyện, thị xã vượt chỉ tiêu. Tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 4,7% so với dân số. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, Tiểu đoàn 20 (bộ binh) và Tiểu đoàn 107 (pháo binh), 2 tiểu đoàn thanh niên xung phong hỏa tuyến của tỉnh Nghĩa Bình được điều động tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng của bọn Pôn-pốt-Iêng-xari.

Trên lĩnh vực bảo vệ an ninh Tổ quốc, lực lượng công an nhân dân không ngừng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, thực sự là chỗ dựa vững chắc của chính

quyền và nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, với sự tham gia tích cực của toàn dân. Đây là thời kỳ lực lượng công an được sự giúp đỡ của mạng lưới an ninh nhân dân phá nhiều vụ hoạt động lật đổ chính quyền cách mạng.

Tuy vậy, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Số vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc, vượt biển trốn ra nước ngoài tăng cao. Năm 1979 là năm có số vụ và số người vượt biển trốn ra nước ngoài lên mức cao nhất trong 5 năm 1977-1982, với 132 vụ, 1.425 người. Việc chỉ đạo xử lý các vụ việc tiêu cực có liên quan đến quốc phòng - an ninh thiếu kiên quyết, gây hậu quả xấu. Trong giải quyết một số vụ việc cụ thể còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành nội chính tỉnh với các huyện, thị xã, nên cấp ủy địa phương khó chỉ đạo thống nhất. Việc giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho nhân dân ít được chú ý, khiến nhân dân ở một số địa phương, cơ sở tự giải quyết mâu thuẫn làm cho tình hình an ninh thêm phức tạp. Việc tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu tố của công dân còn nặng về hình thức, hiệu quả thấp.

Cũng trong thời kỳ này, quan hệ hai nước Việt Nam - Trung Quốc diễn biến theo chiều hướng xấu, nội bộ cộng đồng người Hoa ở tỉnh Nghệ An có những diễn biến rất phức tạp. So với một số tỉnh, thành phố trong cả nước, người Hoa cư trú ở tỉnh Nghệ An không nhiều, khoảng trên 10.000 người, riêng trên địa bàn Quảng Ngãi, người Hoa phần lớn sống tập trung ở thị xã Quảng Ngãi và một số nơi khác, như Châu Ổ, Thu Xà. Đại bộ phận người Hoa là người lao động, có quan hệ bền chặt, sống hòa thuận với các

cộng đồng dân cư khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Từ năm 1977, nhất là sau sự kiện quân Trung Quốc tiến sâu trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta (tháng 2-1979), nhiều người Hoa trong tỉnh kéo nhau về nước hoặc làm đơn xin phục hồi quốc tịch Trung Quốc, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống, ảnh hưởng xấu về chính trị. Một số người Hoa do bị xúi giục nhen nhóm tổ chức, với cái gọi là "Hoa Liên" hòng gây rối trật tự trị an. Để chủ động đối phó với tình hình trên, ngày 22-6-1978, Tỉnh ủy Nghệ An ra Chỉ thị số 25-CT/TU về việc lãnh đạo và chỉ đạo giải quyết tốt công tác người Hoa. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng tổ chức tuyên truyền, giải thích cho cộng đồng người Hoa hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn luôn quý trọng tình hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc, động viên, giúp đỡ bà con người Hoa yên tâm ở lại Việt Nam sinh sống, sản xuất. Đối với những người Hoa có nguyện vọng muốn về nước, các cấp chính quyền chủ động giải quyết theo quy định của pháp luật. Do thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động, vấn đề người Hoa được giải quyết hợp tình, hợp lý, không gây biến động lớn đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Song song với chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, các cấp ủy đảng tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức chính quyền các cấp, nhất là cấp huyện và cơ sở. Ngày 17-4-1977, hơn 98,8% cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 1977-1981. Kết quả, có 120 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí Nguyễn Nghĩa, Phó Bí thư Tỉnh ủy được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Sau đó là

đồng chí Võ Văn Đình, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Nguyễn Nghĩa.

Thực hiện Chỉ thị số 102-CT/TW, ngày 17-1-1981 của Ban Bí thư về lãnh đạo bầu cử Quốc hội khoá VII và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngày 26-4-1981, hơn 99% cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử Quốc hội khoá VII và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghĩa Bình, nhiệm kỳ 1981-1985. Kết quả, cử tri trong tỉnh đã bầu 129 đại biểu vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí Võ Văn Đình Phó Bí thư Tỉnh ủy được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến tháng 2-1983, đồng chí Tô Đình Cơ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Võ Văn Đình. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghĩa Bình có 18 đại biểu được bầu, trong đó có 8 đại biểu được bầu ở Quảng Ngãi¹.

Ngày 24-8-1981, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 41-HĐBT thành lập lại một số huyện thuộc tỉnh Nghĩa Bình. Theo quyết định này Thị xã Quảng Nghĩa được tách thành thị xã Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa; huyện Nghĩa Minh được tách thành huyện Nghĩa Hành và huyện Minh Long². Từ đây, trên địa bàn Quảng Ngãi có 11 đơn vị cấp huyện là Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, thị xã Quảng Ngãi, Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long và Ba Tơ.

Đi đôi với củng cố, xây dựng chính quyền, các cấp ủy

1. Gồm các đại biểu: Nguyễn Văn Bút, Nguyễn Thị Trà Giang, Trần Thị Hòa, Hồ Ky, Trần Đức Lương, Đinh Xuân Trâm, Trần Nam Trung và Hồ Thị Xuân.

2. Quyết định này còn tách huyện Phước Vân thành huyện Tuy Phước và Vân Canh, chia huyện Tây Sơn thành huyện Tây Sơn và Vĩnh Thạnh, chia huyện Hoài An thành huyện Hoài Ân và An Lão.

Đảng tăng cường công tác vận động quần chúng, quan tâm kiện toàn tổ chức mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Sau Đại hội lần thứ nhất (1977), Mặt trận tỉnh tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu là củng cố tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là cấp cơ sở, phối hợp với các đoàn thể tích cực tuyên truyền hội viên, đoàn viên thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều phong trào cách mạng của quần chúng được phát động và thực hiện có hiệu quả, như phong trào khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, phong trào xây dựng hợp tác xã, phong trào xây dựng ba công trình vệ sinh, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, v.v..

Công đoàn tỉnh phát động trong toàn thể đoàn viên phong trào giành “3 điểm cao”. Năm 1978 là năm đầu tiên các đoàn viên công đoàn thực hiện phong trào thi đua đạt danh hiệu “tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa”. Các phong trào thi đua do công đoàn phát động có nhiều tác dụng thiết thực, động viên công nhân lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, góp phần hoàn thành kế hoạch hàng năm của địa phương, đơn vị. Việc xây dựng và củng cố công đoàn cơ sở, phát triển đoàn viên được chú trọng. Đến năm 1980, toàn tỉnh có 606 công đoàn cơ sở, với 54.478 đoàn viên, tăng 264 công đoàn cơ sở và gần 15.000 đoàn viên so với năm 1977. Số tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa tăng lên hàng năm. Năm 1978, toàn tỉnh chỉ có 18 tổ đạt danh hiệu tổ lao động xã hội chủ nghĩa, đến năm 1982 tổ lao động xã hội chủ nghĩa tăng lên 117 tổ.

Được sự chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp ủy đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản các cấp thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên và thanh thiếu

niên bằng nhiều hình thức học tập, như tổ chức các đợt “Về nguồn”, “Hành quân theo chân Bác”, “Hành quân theo bước chân những người anh hùng”. Các cơ sở Đoàn tiếp tục duy trì phong trào “ba xung kích làm chủ tập thể” trong tất cả các ngành và lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, trong các xí nghiệp, nhà máy, trường học. Đến năm 1982, toàn tỉnh có 50 đơn vị được công nhận danh hiệu tập thể lao động xã hội chủ nghĩa. Hàng chục ngàn đoàn viên thanh niên được huy động tham gia các công trình thanh niên trong các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đến năm 1982, toàn tỉnh có hơn 40.000 đoàn viên và trên 15 vạn thanh niên gia nhập Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Hội Nông dân tập thể các cấp trong tỉnh luôn giữ vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nông dân tích cực tham gia phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, khai hoang vỡ hoá, làm thủy lợi, đi xây dựng vùng kinh tế mới, khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, v.v.. Qua các đợt tuyên truyền, vận động, hàng ngàn hội viên và nông dân tích cực tham gia xây dựng và lao động tại các nông trường, lâm trường quốc doanh, trở thành lực lượng công nhân nông nghiệp đầu tiên của tỉnh. Năm 1982, toàn tỉnh có gần 55 vạn hội viên Hội Nông dân tập thể.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chị em nâng cao tinh thần giác ngộ cách mạng, tự giác tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 1978, hội viên phụ nữ trong tỉnh hưởng ứng Cuộc vận động “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” do Trung ương Hội phát động. Cùng với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ là lực lượng đi đầu trong công tác tuyên truyền, vận động thanh niên lên đường làm nghĩa

vụ bảo vệ Tổ quốc, tham gia công tác hậu phương quân đội. Năm 1982 toàn tỉnh có hơn 49 vạn hội viên phụ nữ.

Tuy hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong những năm 1977-1982 diễn ra sôi nổi nhưng thiếu đồng bộ, tính hiệu quả chưa cao. Mặt trận và các đoàn thể chưa chú trọng tuyên truyền, vận động hội viên xây dựng nếp sống mới, con người mới theo các tiêu chuẩn đề ra trong Chỉ thị số 04/CT, ngày 2-2-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tổ chức cơ sở Hội chưa được xây dựng đều khắp các địa phương, đơn vị. Không ít tổ chức đoàn thể ở cơ sở sinh hoạt thất thường, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của đoàn thể.

Những năm 1977-1982, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao vai trò và sức chiến đấu của Đảng bộ trong việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Công tác tư tưởng được Đảng bộ tập trung chỉ đạo qua nhiều đợt học tập chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là quán triệt Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và các nghị quyết Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị, nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Các cấp ủy đảng thông qua các phong trào hành động cách mạng tại địa phương, cơ sở để tuyên truyền, giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên tinh thần phấn đấu vì lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, không ngừng học tập nâng cao trình độ nhận thức, năng lực công tác, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Do đó, trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế diễn biến không thuận lợi, đời sống cán bộ, đảng viên còn rất nhiều khó khăn, gian khổ, các thế lực thù địch tuyên truyền

chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, nhưng số đông cán bộ, đảng viên vẫn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền chiến tranh tâm lý, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ của địch.

Ngày 15-5-1981, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị, ra Nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức của Đảng bộ. Đánh giá tình hình, Nghị quyết nêu một số nhận định khá sâu sắc, toàn diện cả những mặt tích cực và tiêu cực về tình hình tư tưởng, thái độ, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Về những yếu kém, Nghị quyết đánh giá: “Một bộ phận cán bộ sa sút ý chí chiến đấu, tự do vô kỷ luật, tinh thần trách nhiệm kém, một số thoái hóa biến chất, tham ô, hối lộ, tâng bốc cấp trên, hống hách với cấp dưới, ức hiếp quần chúng, trù dập người tốt, cơ hội chủ nghĩa, tìm cách luồn lọt để ngai lên. Một số bản vị, cục bộ địa phương, công thần, kèn cựa địa vị dẫn đến kém đoàn kết, lung củng nội bộ. Tình trạng phổ biến là thiếu tinh thần trách nhiệm, thấy đúng chưa ủng hộ, thấy sai chưa mạnh dạn đấu tranh, tư lợi cá nhân, xoay xở thu vén cho bản thân và gia đình”¹.

Trước những diễn biến phức tạp về tình hình tư tưởng trong Đảng bộ, ngày 19-6-1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 20-CT/TU về việc “Vận động tiến hành sinh hoạt chính trị phục vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh”. Cuộc vận động được chia làm ba bước. Bước 1 là bước quán triệt, nâng cao nhận thức. Các nội dung cần được học tập, quán triệt gồm: Trách nhiệm của

1. Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 15-5-1981 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình về công tác cán bộ.

cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức; nhận thức âm mưu, thủ đoạn của địch, tự giác rèn luyện không để thoái hóa, biến chất; nhận thức mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và quần chúng, v.v.. Bước 2 là bước sinh hoạt tư tưởng, tự phê bình và phê bình trong chi bộ đảng. Bước 3 là bước củng cố tổ chức, kiện toàn cơ sở.

Trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo thực hiện mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo tinh thần Chỉ thị số 100 CT/TW của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy, bên cạnh đa số cán bộ, đảng viên thể hiện được vai trò tiên phong gương mẫu trong các khâu nhận khoán, sản xuất đạt và vượt mức khoán, giao nộp sản lượng khoán theo quy định cho hợp tác xã, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên kêu ca, xin miễn giảm, không giao nộp sản phẩm. Do đó, ngày 12-4-1982, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 12-CT/TU về việc “Nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong việc thực hiện khoán sản phẩm, tích cực sản xuất, giao nộp sản phẩm và đóng góp cho Nhà nước”. Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng tiến hành kiểm điểm rút ra những điểm tốt cần phát huy trong thực hiện khoán sản phẩm, đồng thời nghiêm khắc phê phán, “cần thiết phải thi hành kỷ luật đối với những đảng viên, cán bộ không tiên phong gương mẫu, không đạt và vượt năng suất, sản lượng, không nộp sản phẩm cho hợp tác xã kịp thời”¹.

1. Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 12-4-1982 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình về việc “Nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong việc thực hiện khoán sản phẩm, tích cực sản xuất, giao nộp sản phẩm và đóng góp cho Nhà nước”.

Thời kỳ 1977-1982 là thời kỳ công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận và các hội đoàn thể các cấp được Đảng bộ quan tâm. Ngoài những cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng trong nước, tỉnh còn cử một số cán bộ ra nước ngoài, nhất là Liên Xô học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt được một số tiến bộ. Năm 1981, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt loại khá tăng hơn 8,5% so với năm 1980. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng. Năm 1982, Đảng bộ Nghĩa Bình kết nạp được 1.339 đảng viên, tăng 20,6% so với năm 1981.

Trong những năm 1980-1982, thực hiện Chỉ thị 83 của Ban Bí thư, các cấp ủy đảng tiến hành phát thẻ cho những đảng viên đủ tư cách. Năm 1980, Đảng bộ tổ chức 3 đợt phát thẻ (3-2, 19-5, 2-9) cho 504 cơ sở, với 12.984 đảng viên, chiếm 38,6% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đến cuối năm 1982, toàn tỉnh có 32.233 đảng viên được phát thẻ Đảng, chiếm 97,15% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ. Các đợt tổ chức phát thẻ Đảng là những đợt giáo dục tư tưởng chính trị sâu rộng, góp phần nâng cao ý thức chính trị, tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, đồng thời cũng là dịp làm trong sạch nội bộ Đảng, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chỉ tính riêng trong 2 năm 1980-1981, Đảng bộ đưa ra khỏi Đảng 1.702 người, chiếm 5,1% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ. Năm 1982, Ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp kiểm tra, phát hiện và xử lý kỷ luật 850 trường hợp, trong đó khai trừ khỏi Đảng 259 người. Tháng 11-1981, Ban Bí thư ra quyết định kỷ luật một số đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

do mắc sai lầm, khuyết điểm trong thực hiện chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư bản tư doanh và xử lý một số vụ việc có liên quan đến chính sách đối với người Hoa (PA2-78).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn hạn chế, khuyết điểm. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa tập trung tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, nhất là nhận thức đúng đắn những thành tựu đạt được, những yếu kém, khuyết điểm trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống. Tự phê bình, phê bình là một trong những nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng, nhưng chưa được các cấp ủy đảng và đảng viên quan tâm đúng mức, nhất là đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng, như tệ ăn cắp của công, nạn hối lộ, ức hiếp dân của một số cán bộ, đảng viên. Công tác tổ chức còn nhiều khuyết điểm, yếu kém cả trong nhận xét, đánh giá, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, sắp xếp, điều động đội ngũ cán bộ. Nhiều chi bộ, đảng bộ không phát triển được đảng viên. Một số địa phương, cơ sở chưa có tổ chức Đảng. Tổ chức cơ sở đảng trung bình và yếu kém còn nhiều. Kỷ luật Đảng chưa được đề cao đúng mức, một số vụ kỷ luật thực hiện chưa nghiêm minh.

*

* *

Sau 7 năm (1976-1982) nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I (1977-1979), lần thứ II (1979-1982), Đảng bộ đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân

trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế - xã hội được khôi phục, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp đã cơ bản hoàn thành theo mục tiêu đã đề ra. Văn hóa - xã hội đạt được nhiều tiến bộ, đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân từng bước được nâng cao. Quốc phòng - an ninh được bảo đảm. Hệ thống Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng được củng cố. Những kết quả đó đã góp phần cùng cả nước hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy nhiên, do chưa lường hết được tính chất phức tạp của quá trình xây dựng lại quê hương sau hàng chục năm bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nên Đảng bộ đã đề ra một số mục tiêu vượt quá khả năng thực tế, làm cho tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh mất cân đối nghiêm trọng về nhiều mặt. Tổng sản lượng lương thực (quy thóc) năm 1978 đạt mức cao nhất trong 7 năm (1976-1982) cũng chỉ 555.885 tấn, bằng 86,6% kế hoạch. Có năm, như năm 1979 đạt mức thấp nhất là 420.570 tấn, chỉ bằng 75% kế hoạch. Các hợp tác xã nông nghiệp được xây dựng quá lớn về quy mô, quá nhanh về tốc độ nhưng tác dụng và hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, làm mất lòng tin của xã viên. Cải tạo xã hội chủ nghĩa về công, thương nghiệp tư bản tư doanh có biểu hiện nóng vội, chủ quan làm cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gặp khó khăn về vật tư, nguyên, nhiên liệu, ngành nghề thủ công truyền thống bị mai một, lưu thông phân phối ách tắc, giá cả hàng hóa tăng cao. Nhiều vấn đề xã hội ít được chú trọng chỉ đạo thường xuyên, sâu sát nên chậm được giải quyết, như chất lượng dạy và học trong hệ thống giáo dục quốc dân; cuộc

vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; đời sống, việc làm, thu nhập của nông dân, công nhân; chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; chính sách đối với đồng bào vùng căn cứ cách mạng, đồng bào các dân tộc thiểu số, v.v.. Đội ngũ cán bộ, đảng viên tăng nhanh về số lượng nhưng trình độ, năng lực hạn chế; “Chế độ trách nhiệm và kỷ luật rất yếu, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa kém và cục bộ, bản vị gây trở ngại cho nhau. Bệnh quan liêu trong bộ máy rất nghiêm trọng. Phương pháp làm việc nặng thủ công, hành chính sự vụ, mệnh lệnh, ít chú ý giáo dục, vận động và thuyết phục, thực hiện chế độ báo cáo xin ý kiến cấp trên và thông báo xuống cấp dưới thiếu nghiêm minh, thường chưa chính xác, chưa thật sự trung thực và chậm; hội họp nhiều và dài, nhưng chất lượng thấp, giải quyết công việc được ít, phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp đề ra thiếu cụ thể, có việc không chính xác, chỉ đạo thực hiện nhiều việc trì trệ, đầu voi, đuôi chuột, không triệt để, nhiều việc triển khai rồi, không sơ kết, tổng kết”¹.

Tuy còn nhiều khuyết điểm, hạn chế, nhưng những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đạt được trong 7 năm sau giải phóng là một sự nỗ lực lớn, tạo tiền đề để tỉnh vươn lên trong những năm tiếp theo.

1. Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 15-5-1981 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình về công tác cán bộ.

Chương III

TIẾP TỤC THÁO GỖ KHÓ KHĂN, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ, TỪNG BƯỚC CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1983-1989)

I- TIẾP TỤC THÁO GỖ KHÓ KHĂN, TẠO SỰ CHUYỂN BIẾN MỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI, TỪNG BƯỚC CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Sau hơn 5 năm đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, thiết lập chế độ làm chủ tập thể của nhân dân, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời đánh thắng hai cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Tuy nhiên, do chưa nhận thức đầy đủ các đảo lộn về kinh tế và xã hội, hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh để lại, cũng như tác hại của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, nên trong chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng, Trung ương và địa phương đã chủ quan, nóng vội trong việc đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô và quá cao về xây dựng cơ bản, về tốc độ phát triển sản xuất, khiến đất nước ta rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội

ngghiêm trọng. Hơn nữa, sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đầy hy sinh gian khổ, các thế lực thù địch cấu kết với nhau tiến hành đồng thời hai cuộc chiến tranh xâm lược ở hai đầu biên giới của Tổ quốc, thực hiện chính sách bao vây cấm vận kinh tế, kích động lôi kéo đồng bào ta rời bỏ Tổ quốc trốn ra nước ngoài, gây nên những khó khăn, phức tạp mới trong quá trình thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội khẳng định những thành tựu có ý nghĩa chiến lược mà Đảng và nhân dân ta đã giành được trong những năm 1976-1981, đồng thời chỉ rõ những khó khăn của nền kinh tế - xã hội mà nguyên nhân chủ yếu là do sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, quản lý xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước ta từ Trung ương đến địa phương trong những năm qua. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm 1981-1985, trong đó có bước điều chỉnh nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung của bước điều chỉnh đó là: *“Trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý”*¹. Đại hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, t. I, tr.62-63.

bầu lại đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V phản ánh bước đầu về đổi mới tư duy của Đảng, nhấn mạnh nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong chặng đường trước mắt, coi ổn định tình hình kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết nhất. Đó là cơ sở quan trọng để toàn Đảng, trong đó có Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, lãnh đạo nhân dân tiếp tục tháo gỡ khó khăn, tạo chuyển biến mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ ngày 9 đến ngày 17-1-1982, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ III (vòng 1) được tổ chức tại thị xã Quy Nhơn. Đại hội có nhiệm vụ góp ý vào dự thảo các văn kiện và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu lần thứ V của Đảng.

Tiếp đó, từ ngày 31-1 đến ngày 5-2-1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ Nghĩa Bình lần thứ III (vòng 2) được tổ chức tại thị xã Quy Nhơn. Tham dự Đại hội có 468 đại biểu thay mặt cho 34.183 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự và chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá những kết quả đạt được trong hơn 7 năm sau ngày giải phóng, Đại hội khẳng định: Sau ngày chiến tranh kết thúc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, vừa ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, phát triển văn hóa, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và đạt được những thắng lợi to lớn về nhiều mặt. Cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường, tài sản cố định tăng gấp 1,5 lần so với

năm 1976. Nông nghiệp có bước phát triển, từ chỗ thiếu lương thực đã vươn lên tự cân đối được lương thực, có dự trữ và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Sản xuất công nghiệp tăng gấp đôi, riêng công nghiệp quốc doanh tăng gấp 10 lần so với năm mới giải phóng. Cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, nhanh chóng xóa bỏ tư sản mại bản, thương nghiệp tư sản. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, nền văn hóa lạc hậu, phản động của chế độ cũ đã bị xóa bỏ, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành và phát triển. Quốc phòng - an ninh được bảo đảm, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém. Nền kinh tế của tỉnh còn mất cân đối về nhiều mặt. Lương thực bình quân đầu người thấp, năng lượng, vật tư, nguyên liệu căng thẳng, sản xuất chưa ổn định, thu chưa đủ chi. Các thế mạnh về đất đai, lao động, nghề rừng, nghề biển chưa được phát huy. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp kém phát triển, thiếu nghiêm trọng các ngành công nghiệp then chốt như điện, nước, cơ khí, hóa chất. Phân phối lưu thông đang là vấn đề khó khăn, nóng bỏng nhất. Tình trạng rối loạn về giá cả, tiêu cực trong xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp. Thị trường tự do có lúc, có nơi lấn át thị trường xã hội chủ nghĩa. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng còn nhiều thiếu sót, chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

Về nguyên nhân của khuyết điểm, yếu kém, ngoài các nguyên nhân khách quan, Đại hội nhấn mạnh: “Song trực tiếp và quan trọng nhất là những khuyết điểm chủ quan

trong sự chỉ đạo, điều hành quản lý kinh tế nói chung và trong lĩnh vực phân phối lưu thông nói riêng, lối lỏng trong đấu tranh giữa hai con đường, thể hiện rõ nét nhất trên lĩnh vực đấu tranh quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, chống tiêu cực”¹.

Căn cứ vào đường lối Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và thực tiễn tình hình của địa phương, Đại hội đề ra bốn mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 1985. *Một là*, về đời sống, tập trung giải quyết đủ lương thực, thực phẩm cho nhu cầu xã hội, giải quyết các nhu cầu về vải mặc, giấy viết, văn phòng phẩm, thuốc chữa bệnh, phát triển dân số hợp lý, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập chính đáng, cải thiện đời sống, kiên quyết đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. *Hai là*, về xây dựng cơ sở vật chất, phải coi trọng đầu tư chiều sâu để nâng cao hiệu quả sản xuất, tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật, tích cực chuẩn bị xây dựng những công trình then chốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. *Ba là*, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, coi trọng việc củng cố và phát triển, nâng cao chất lượng kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, hướng dẫn giúp đỡ kinh tế gia đình phát triển. Tiếp tục xây dựng và củng cố vững chắc hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, đẩy mạnh hợp tác hóa trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nghề cá, nghề muối, nghề rừng, kinh doanh vận tải, hướng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình: *Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985 tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2)*, tháng 2-1983, tr. 7.

dẫn tiêu thương sang sản xuất và sắp xếp kinh doanh đúng hướng. *Bốn là*, về quốc phòng - an ninh, kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, thực hiện đường lối quốc phòng toàn dân, xây dựng phòng tuyến an ninh nhân dân sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 1985 là: Dân số trung bình 2,2 triệu người, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,8%. Sản lượng lương thực đạt 660.000 tấn, bình quân lương thực 300 kg/người/năm; đàn lợn đạt 650.000 con, đàn trâu bò đạt 300.000 con; sản lượng đánh bắt hải sản đạt 35.000 tấn; diện tích trồng rừng tập trung đạt 5.000 ha. Giá trị sản lượng công nghiệp đạt 300 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 43% giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp; xuất khẩu đạt giá trị 50 triệu rúp - đôla; đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới đạt 27.500 nhân khẩu. Số người đi học đạt 3.200 người/1 vạn dân; 28 giường bệnh/1 vạn dân. Lực lượng dân quân tự vệ đạt 7% dân số.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, khóa III gồm 47 đồng chí, trong đó có 45 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí. Đồng chí Đỗ Quang Thắng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Đinh Tân được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy phát động thi đua lập thành tích chào mừng thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đề ra.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, trong năm 1983 Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết. Phần lớn các chỉ thị, nghị quyết đều tập trung để phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

Nghị quyết 144/TU về sản xuất lương thực đến năm 1985 và chuẩn bị cho những năm tiếp theo, Nghị quyết số 157 về việc tăng cường củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng, Chỉ thị số 54/UB về cụ thể hóa một số chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, v.v.. Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, nông nghiệp có bước phát triển nhất định, nhất là trong việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, trước hết là thủy lợi, cải tạo đồng ruộng. Ở nhiều hợp tác xã, xã viên nhận khoán áp dụng phổ biến các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tăng năng suất lúa, như thay đổi cơ cấu mùa vụ, mở rộng diện tích sạ thẳng thay cho phương pháp cấy truyền thống, sử dụng giống mới phù hợp với từng chân ruộng. Nhờ đó, sản lượng lương thực năm 1983 đạt 515.000 tấn, trong đó sản lượng thóc vụ mùa đạt mức kỷ lục 120.400 tấn.

Sản xuất nông nghiệp vẫn chưa khai thác hết tiềm năng về đất đai, vốn, khoa học kỹ thuật, diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng lương thực còn thấp, chưa đạt kế hoạch đề ra. Ngoài các nguyên nhân khách quan, như thời tiết diễn biến bất thường, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp thiếu thốn, còn có nguyên nhân là do cơ chế quản lý trong nông nghiệp bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Các hợp tác xã buông lỏng quản lý các tư liệu sản xuất đã được tập thể hóa, sử dụng chưa hợp lý, hiệu quả thấp. Ruộng đất chưa được hợp tác xã quản lý chiếm tỷ lệ khá lớn, như Mộ Đức 45,6%, Đức Phổ 40%. Ruộng đất của hợp tác xã bị một số cá nhân lấn chiếm khá phổ biến, diễn ra ở nhiều nơi, như ở huyện Bình Sơn bị lấn chiếm 1.200 ha, sau đó thu hồi được 500 ha, nhưng bị lấn chiếm lại 200 ha; hợp tác xã Thạch Trụ (Mộ Đức) có 153 ha, nhưng bị lấn chiếm 36 ha. Trâu, bò cày kéo là một loại tư

liệu sản xuất được tập thể hóa, nhưng hợp tác xã không trả đủ tiền hóa giá cho xã viên ngay từ đầu, nên không quản lý được, thậm chí một số xã viên tự ý bán, trao đổi, cho thuê gây so bì, mâu thuẫn trong nội bộ xã viên hợp tác xã. Cơ sở vật chất các hợp tác xã thiếu thốn, quản lý lỏng lẻo. Có nơi, như hợp tác xã Hà - Thọ - Xuân, hợp tác xã Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) bán cả máy móc, xe cải tiến. Nhiều hợp tác xã khoán trắng cho xã viên, như các hợp tác xã ở huyện Đức Phổ khoán trắng 2.805 ha/5.857 ha, chiếm 48%; 28/43 hợp tác xã ở huyện Sơn Tịnh cũng khoán trắng, chiếm 65%, v.v..¹

Để khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trên, thực hiện Nghị quyết số 154-HĐBT, ngày 14-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về “Hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp”, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình tập trung chỉ đạo các cấp ủy, hợp tác xã khắc phục những yếu kém, khuyết điểm, chấn chỉnh việc tập thể hóa các tư liệu sản xuất, nhất là ruộng đất, trâu bò cày kéo, cơ sở vật chất - kỹ thuật các hợp tác xã; tổ chức sản xuất, phân công lao động, phát triển lực lượng sản xuất, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, mở rộng liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, v.v..

Với việc thực hiện nhiều chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tiễn, kết hợp với sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, cơ chế khoán theo Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư ngày càng phát huy tác dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp

1. Nghị quyết số 157-NQ/TU, ngày 18-11-1983 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình về “Tăng cường, củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng”.

phát triển. Hai năm 1984-1985, nông nghiệp toàn tỉnh Nghĩa Bình thắng lợi lớn. Năm 1985, diện tích gieo trồng cây lương thực toàn tỉnh đạt 280.000 ha, tăng 4% với năm 1981. Sản lượng lương thực (quy thóc) đạt 675.000 tấn, tăng 30% so với 1981. Bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 307 kg/năm, tăng 20% so với năm 1981. Chăn nuôi gia súc tiếp tục phát triển. Đàn lợn tăng 17%, đàn trâu, bò tăng 40% so với năm 1981. Nhiều hợp tác xã, tập đoàn sản xuất giỏi xuất hiện, trong đó trên địa bàn Quảng Ngãi có các hợp tác xã Tịnh An, Trung Ấn (Sơn Tịnh), Đồng Giang (Sơn Hà), Bình Trung 2 (Bình Sơn), Nghĩa Kỳ Bắc (Tư Nghĩa), nông trường 25-3 (Sơn Tịnh), tập đoàn sản xuất Kà La (Ba Tơ) được biểu dương tại Đại hội làm nông nghiệp giỏi tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I (7-1985).

Sản xuất nông nghiệp phát triển, mùa màng bội thu, tình tự cân đối được lương thực và có đóng góp lớn cho Nhà nước. Trong 5 năm 1981-1985, tỉnh Nghĩa Bình đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước được 460.000 tấn, bình quân mỗi năm 92.000 tấn, bằng 16% tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh.

Cùng với điều chỉnh, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trong thực hiện cơ chế khoán, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Với điều kiện tự nhiên của tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy vẫn xác định thủy lợi là khâu then chốt, đặc biệt quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Trước sự kiên trì đề nghị của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình, sự giúp đỡ tận tình của các bộ, ngành Trung ương, sau một thời gian nghiên cứu, khảo sát, ngày 30-6-1984, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 246 - CT phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật công trình

thủy lợi Thạch Nham. Công trình thủy lợi Thạch Nham là công trình trọng điểm cấp Nhà nước, có năng lực thiết kế tưới 50.000 ha đất canh tác, cấp nước cho yêu cầu công nghiệp và dân sinh 43,18 triệu m³/năm. Tổng vốn đầu tư 1,055 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1982)¹. Ngày 1-6-1985, Bộ Thủy lợi và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình làm lễ khởi công thi công kênh tưới; đầu năm 1986, thi công công trình đầu mối. Đây là công trình thủy lợi quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, cần huy động sức người, sức của của cả địa phương, vì vậy ngoài Ban Quản lý công trình do Bộ Thủy lợi thành lập, Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn thành lập Ban Chỉ đạo, gồm 17 đồng chí, do một đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Tuy nhiên, vì là công trình trọng điểm cấp Nhà nước, nguồn vốn chủ yếu do Trung ương cấp, trong khi đó đất nước lại đang trong tình trạng khó khăn, khủng hoảng kinh tế - xã hội, nên trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, các bộ, ngành Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy vẫn chưa lường hết được những khó khăn, phức tạp mới nảy sinh trong quá trình thi công các hạng mục của công trình, như khả năng đầu tư

1. Công trình thủy lợi Thạch Nham có hai hạng mục chính:

- Công trình đầu mối gồm một đập tràn bằng bê tông trọng lực dài 200 m, nơi cao nhất của đập 27,1 m. Cụm cống phía nam gồm 3 cửa lấy nước, kích thước 2,85m x 3m; 3 cửa xả cát, kích thước 2,5 x 2,5 m, đóng mở bằng cửa van phẳng. Cụm cống phía bắc gồm 2 cửa cống lấy nước, kích thước 2,5m x 2,5m, 2 cống xả cát đóng mở bằng cửa van phẳng, kết hợp cửa van cung.

- Hệ thống kênh gồm có kênh chính nam dài 35 km, tưới cho 27.500 ha; kênh chính bắc dài 30,5 km, tưới cho 22.500 ha; kênh cấp I, gồm 20 kênh dài trên 180 km; kênh nhánh các cấp dài trên 350 km.

vốn, huy động nhân lực, xử lý các sự cố kỹ thuật, v.v.. Do đó, công trình phải mất một thời gian dài, với sự nỗ lực từ nhiều phía mới cơ bản hoàn thành.

Cùng với đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ trước mắt là phát triển nông nghiệp, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tập trung chỉ đạo phát triển công nghiệp và tiểu - thủ công nghiệp. Ngày 22-5-1984, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình, đề ra kế hoạch, biện pháp chỉ đạo cụ thể nhằm tạo sự chuyển biến cơ bản trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Quán triệt và tổ chức thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các ngành chức năng tiến hành rà soát lại toàn bộ các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, áp dụng các chính sách đòn bẩy, nhất là chính sách về cung ứng vật tư, nguyên liệu, tổ chức sắp xếp lại lao động, sử dụng các hình thức trả lương khoán sản phẩm, gắn thu nhập của người lao động với sản phẩm cuối cùng, v.v.. Thời điểm này, trên địa bàn Quảng Ngãi, có 2 xí nghiệp do Trung ương quản lý là mỏ đá Mỹ Trang và Nhà máy đường Quảng Ngãi, 13 xí nghiệp do tỉnh quản lý, trong đó có một số xí nghiệp có đông công nhân, như Xí nghiệp được Quảng Ngãi có 211 công nhân, Xí nghiệp sửa chữa ô tô Vạn Tường có 135 công nhân, Nhà máy đông lạnh Quảng Ngãi có 131 công nhân, Xí nghiệp gạch ngói Phố Phong có 117 công nhân, Xí nghiệp gỗ La Hà có 111 công nhân và 16 xí nghiệp do huyện, thị xã quản lý, trong đó có 10 xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, 2 xí nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí và 4 xí nghiệp sản xuất nước đá, đường đặc sản, sủ, phân hữu cơ, với tổng số lao động là 2.177 người.

Năm 1985, giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp toàn tỉnh tăng gấp 2 lần so với năm 1983, trong đó

công nghiệp tăng 1,5 lần, tiểu thủ công nghiệp tăng 2,3 lần. Tốc độ phát triển hàng năm tăng 20%. Tỷ trọng công nghiệp chiếm 33%. Nhiều sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm kinh tế - kỹ thuật toàn quốc tại Hà Nội năm 1983, 1985. Một số sản phẩm, như ghế gỗ CG75, màn trúc thủng cảnh Quảng Ngãi, ớt bột, kẹo gương... được tặng Huy chương Vàng; giường, tủ môđéc, xà phòng Anh Đào, kem Sao Mai... được tặng Huy chương Bạc; một số sản phẩm khác được tặng Huy chương Đồng.

Công nghiệp địa phương và các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp thời gian này vẫn còn nhỏ bé, chưa tạo được những mặt hàng chủ lực để phát huy tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Năng lực sản xuất của nhiều cơ sở khá lớn, nhưng hiệu quả sử dụng còn thấp, lãng phí nhiều vật tư, nguyên liệu. Hàng hóa sản xuất ra chưa phong phú về chủng loại, mẫu mã, chất lượng còn hạn chế, giá thành cao. Sản xuất thủ công trong gia đình ở thị xã chưa được phát huy. Tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

Hoạt động xuất nhập khẩu thời kỳ 1983-1986 được Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình xác định là mũi nhọn, là khâu đột phá để nhập vật tư kỹ thuật và hàng thiết yếu, có vai trò quan trọng trong giải quyết việc làm, cải thiện đời sống người lao động. Năm 1983, Công ty Liên hiệp xuất nhập khẩu Nghĩa Bình được thành lập. Ngay trong năm đầu mới thành lập, công ty đã tích cực khai thác nguồn hàng, tìm thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa, góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu của tỉnh lên 296 triệu đồng, tăng gấp 8 lần so với năm 1980.

Ngày 20-8-1984, Tỉnh ủy Nghĩa Bình ra Nghị quyết số 184-NQ/TU về “Tăng cường công tác xuất nhập khẩu”.

Nghị quyết khẳng định: Xuất nhập khẩu là một trong những biện pháp có ý nghĩa chiến lược để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, thực hiện thắng lợi đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng. Toàn dân và từng gia đình, các cấp, các ngành và từng đơn vị phải có nghĩa vụ tham gia sản xuất để tăng nhanh nguồn hàng và giá trị xuất khẩu của tỉnh, nhanh chóng đưa xuất khẩu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh. Nghị quyết xác định cụ thể các nhiệm vụ công tác xuất nhập khẩu, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, có thế mạnh của tỉnh, trách nhiệm của các ngành, các cấp đối với công tác xuất nhập khẩu. Đây là lần đầu tiên sau ngày đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nghị quyết về công tác xuất nhập khẩu. Tuy không tránh khỏi những hạn chế do điều kiện lịch sử quy định, nhưng nghị quyết thể hiện tư duy mới của Đảng bộ tỉnh đối với lĩnh vực còn rất mới mẻ này, thông qua việc đầu tư phát triển mạnh các ngành nghề sản xuất, chế biến các mặt hàng nông, hải sản, thực phẩm, nghề thủ công truyền thống phục vụ công tác xuất khẩu và đẩy mạnh liên doanh, liên kết kinh tế giữa Nghĩa Bình và các tỉnh bạn trong và ngoài nước. Năm 1984, tỉnh đầu tư kinh phí mua tàu biển trọng tải 1.600 tấn buôn bán với Nhật Bản, Hồng Kông. Năm 1986, kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh đạt 13,5 triệu rúp - đôla, nhập khẩu 10.000 tấn phân urê, 10.000 tấn xi măng, 200 tấn thuốc trừ sâu, 100 tấn hóa chất và một số mặt hàng thiết yếu khác, tăng thu ngân sách hàng triệu đồng. Trong bối cảnh nước ta đang bị Mỹ và các nước phương Tây siết chặt chính sách bao vây,

cấm vận, các thế lực thù địch tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, những kết quả đạt được trong công tác xuất nhập khẩu của tỉnh là một thắng lợi lớn, góp phần giảm bớt tình trạng căng thẳng về các hàng hóa chiến lược như phân bón, xi măng, v.v..

Đại hội lần thứ V của Đảng chủ trương điều chỉnh nội dung, bước đi công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta, chỉ ra thứ tự ưu tiên phát triển cơ cấu các ngành kinh tế, trong đó nông nghiệp vẫn được xác định là mặt trận hàng đầu. Theo đó, trên địa bàn Quảng Ngãi cùng với việc quyết định xây dựng và tập trung vốn cho công trình thủy lợi Thạch Nham, thời kỳ này Nhà nước còn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi khác phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1985, từ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, toàn tỉnh đã xây mới và sửa chữa được 158 công trình thủy lợi lớn nhỏ, các trạm, trại giống cây trồng, vật nuôi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nâng công suất nhà máy điện diesel (thị xã Quảng Ngãi).

Do nguồn vốn Nhà nước đầu tư còn hạn hẹp, nên tỉnh chủ trương thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Với phương châm này, hệ thống giao thông, nhất là giao thông nông thôn, được củng cố, nâng cấp, mở rộng phục vụ sản xuất và đời sống. Năng lực giao thông vận tải phát triển khá hơn trước. Năm 1985, toàn tỉnh có 545 đầu xe tải, 300 xe khách, hơn 5.000 tấn phương tiện vận tải đường thủy.

Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xuất nhập khẩu trong những năm 1983-1985 của tỉnh cũng như cả nước đạt được nhịp độ tăng trưởng khá, nhưng lĩnh vực phân phối, lưu thông vẫn tiếp tục là “mặt trận nóng bỏng”, luôn trong tình trạng ách tắc, rối ren, hàng hóa khan hiếm, giá cả thị trường tăng cao. Năm 1984 lạm phát bằng

4,7 lần cuối năm 1981. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (tháng 12-1983) và Trung ương lần thứ sáu (tháng 7-1984) chuyên bàn về những nhiệm vụ cấp bách trong quản lý kinh tế, trong đó có vấn đề phân phối, lưu thông. Cả hai Hội nghị Trung ương đều nhấn mạnh nhiệm vụ cần phải làm ngay về phân phối lưu thông là đẩy mạnh thu mua nắm nguồn hàng, cải tạo và quản lý thị trường tự do; điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp thực tế. Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và các chủ trương của Trung ương về công tác phân phối lưu thông, ngày 22-8-1984, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo Kết luận số 180-TB/TU về “Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết 143-NQ/TU về công tác phân phối lưu thông”. Kết luận khẳng định bên cạnh những tiến bộ đạt được, công tác phân phối lưu thông trên địa bàn tỉnh ta “chưa đều, chưa mạnh và nhiều mặt còn yếu kém”. Hoạt động của các ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tuy có phát triển, nhưng chưa làm chủ được thị trường xã hội. Việc nắm bán buôn để chi phối bán lẻ và chiếm lĩnh thị trường của thương nghiệp quốc doanh còn quá yếu. Tổ chức và hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán từ tỉnh đến cơ sở yếu cả về số lượng, chất lượng và kém về hiệu quả. Về nguyên nhân của yếu kém, khuyết điểm, Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho rằng do các cấp các ngành “chưa thấy hết tính chất nóng bỏng và quyết liệt trong đấu tranh ai thắng ai giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông. Mặt khác là do hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chậm đổi mới về cơ chế quản lý kinh doanh, chậm củng cố, kiện toàn và xây dựng mới,

công tác cải tạo tư thương tiến hành thiếu liên tục, không triệt để, cải tạo công thương nghiệp chưa kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, ăn khớp với xây dựng và quản lý, công tác cán bộ còn chấp vá, chưa tạo được một hệ thống bộ máy các ngành phân phối lưu thông đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới”¹. Trong thực tế, khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng, “*không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt trong khi vẫn duy trì bao cấp theo giá và lương*”². “*Phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu - bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa* thì mới đẩy mạnh được sản xuất kinh doanh có hiệu quả”³. Từ quan niệm đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (tháng 6-1985) chủ trương xóa bỏ bao cấp trong giá và lương là khâu đột phá quyết định để chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ngày 14-9-1985, cùng với cả nước, tỉnh Nghĩa Bình thực hiện cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền theo chủ trương của Trung ương. Tuy nhiên, do còn tư tưởng chủ quan, duy ý chí, cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền trong cả nước đã làm cho giá cả tăng vọt. Giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông, nhất là giá - lương - tiền là lĩnh vực vô cùng phức tạp, trong thực tế đã phạm phải sai lầm lớn, dẫn đến hậu quả xấu

1. Thông báo kết luận số 180-TB/TU, ngày 22-8-1984 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình về “Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết 143-NQ/TU về công tác phân phối, lưu thông”.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.46, tr.116.

về nhiều mặt. Thực hiện các chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình còn phải tiếp tục chỉ đạo sửa chữa sai lầm chung, từng bước tháo gỡ khó khăn trong nhiều năm tiếp theo.

Xuất phát từ đặc điểm lịch sử - địa chính trị giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, từ lâu nhân dân ba nước đã đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong sự nghiệp kháng chiến chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước. Bước vào thời kỳ mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác, chiến đấu giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ba nước Việt Nam - Lào và Campuchia. Tỉnh Nghĩa Bình đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được Trung ương giao hợp tác và giúp đỡ tỉnh Champaxác (Lào), tỉnh Ratanakiri và Xiêmriệp (Campuchia).

Ngành văn hóa thông tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo *Nghĩa Bình* tập trung tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, vận động nhân dân tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục mê tín, dị đoan, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động, đồi trụy. Các đoàn văn công, văn nghệ quần chúng trong các cơ quan, xí nghiệp và các địa phương tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Một số thiết chế văn hóa, như Nhà Văn hóa Lao động tỉnh, Nhà văn hóa ở các huyện Trà Bồng, Đức Phổ được xây dựng và đưa vào hoạt động. Năm 1986, huyện Bình Sơn xây dựng Nhà văn hóa theo mô hình kết hợp trong nhà và ngoài trời có sức chứa hàng ngàn người. Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Trà Bồng xây dựng phòng truyền thống, trưng bày nhiều tư liệu, hiện vật quý, có đội ngũ cán bộ chuyên trách bảo tồn, bảo tàng. Nhân kỷ niệm 20 năm ngày

chiến thắng Vạn Tường (1965-1985) được sự giúp đỡ của Bộ Tư lệnh Quân khu V, tỉnh Nghĩa Bình và huyện Bình Sơn đầu tư xây dựng khu di tích chiến thắng Vạn Tường. Quần thể khu di tích theo thiết kế gồm: Tượng đài chiến thắng chính, các nhóm tượng nhỏ và phù điêu, bia bảng các di tích cụ thể, nghĩa trang liệt sĩ, nhà lưu niệm, nhà khách và dịch vụ văn hóa, quảng trường, vườn hoa cây cảnh, hệ thống đường nối liền các di tích phục vụ khách tham quan¹.

Công tác sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, xuất bản các tác phẩm văn học nghệ thuật, lịch sử, các bộ phim về con người và quê hương Quảng Ngãi đạt được một số kết quả tích cực. Năm 1985, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945*.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng. Hệ thống trường, lớp và số lượng học sinh tăng nhanh. Năm học 1982-1983, trên địa bàn Quảng Ngãi có 795 lớp mẫu giáo, với 31.172 em; 167 trường phổ thông cơ sở, với 228.200 học sinh; 9 trường phổ thông trung học, với 7.600 học sinh. Năm học 1985-1986 có 906 lớp mẫu giáo, với 33.303 em; 192 trường phổ thông cơ sở, với 299.000 học sinh; 17 trường phổ thông trung học, với 13.300 học sinh. Các trường, lớp bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì, phát triển. Tuy có những bước phát triển về hệ thống trường lớp và số lượng học sinh trong các cấp học, bậc học, nhưng thời kỳ này do tình hình kinh tế - xã hội đang trong tình trạng khủng hoảng, nên cơ sở vật chất của ngành giáo dục ít được đầu tư, trường

1. Thông báo số 262-TB/TU, ngày 23-10-1985 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về kết luận của Hội nghị liên tịch bàn về xây dựng khu di tích chiến thắng Vạn Tường”.

lớp tạm bợ, xuống cấp nhanh chóng, đời sống giáo viên gặp nhiều khó khăn, số giáo viên bỏ nghề, chuyển nghề tăng. Chất lượng giáo dục nhiều nơi giảm sút.

Ngành y tế phát hiện và dập tắt kịp thời các loại dịch bệnh. Các phong trào thực hiện “ba sạch” (ăn sạch, ở sạch, uống sạch) và "thực hiện dứt điểm ba công trình" (giếng nước, nhà tắm, hố xí)... được nhân dân tích cực hưởng ứng. Năm 1985, thị xã Quảng Ngãi và các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành được Bộ Y tế công nhận dứt điểm 3 công trình vệ sinh. Huyện Minh Long được Viện Pasteur Nha Trang tặng cờ thi đua. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình từng bước đi vào nề nếp, góp phần giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,5% năm 1982 xuống còn 1,8% năm 1985. Ngành y tế tổ chức điều tra, xác định được trên địa bàn tỉnh có hơn 300 loại cây thuốc có giá trị, bước đầu tổ chức sản xuất thuốc chữa bệnh bằng dược liệu địa phương, góp phần giảm bớt tình trạng khan hiếm thuốc. Một số sản phẩm thuốc chữa bệnh do Xí nghiệp dược phẩm tỉnh Nghĩa Bình sản xuất tham gia Hội chợ triển lãm kinh tế - kỹ thuật toàn quốc tại Hà Nội được tặng Huy chương Vàng, Huy chương Bạc. Tuy vậy, những năm 1983 - 1985, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Đội ngũ cán bộ y tế thiếu. Chất lượng khám chữa bệnh chưa cao. Thuốc chữa bệnh, nhất là các loại thuốc đặc trị khan hiếm. Tỷ lệ tăng dân số còn cao, trong khi kinh tế phát triển chậm đã tác động không nhỏ đến đời sống nhân dân và các vấn đề an sinh xã hội.

Trong giai đoạn 1982-1985, kinh tế - xã hội của đất nước đứng trước nhiều khó khăn gay gắt làm cho tình hình an

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn trong trạng thái phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt: phá hoại về kinh tế, tư tưởng, kích động, xúi giục, tổ chức đưa người vượt biển trốn ra nước ngoài, móc nối, sử dụng các phần tử bất mãn chế độ, thoái hóa biến chất, bọn tội phạm hình sự gây mất ổn định xã hội. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, nhất là Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 25-10-1982 của Bộ Chính trị về đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ III (1983) khẳng định: Đi đôi với đẩy mạnh xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, khẩn trương và ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, tăng cường phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu, quyết đánh thắng ngay từ đầu bất kỳ cuộc chiến tranh nào, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực góp phần cùng với cả nước bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Tỉnh ủy đề ra và chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền mặt trận và các hội đoàn thể kịp thời phối hợp thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ nhằm động viên các tầng lớp nhân dân đề cao cảnh giác, đập tan các luận điệu tuyên truyền phản cách mạng, đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị, công tác củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh chống các loại tội phạm đạt được nhiều kết quả, góp phần quyết định làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trên địa bàn tỉnh. Qua rà soát tình hình

chính trị nội bộ, các cơ quan chức năng phát hiện, đưa ra khỏi bộ máy nhà nước 44 trường hợp có lịch sử chính trị phức tạp, man khai lý lịch để vào Đảng, 1.068 cán bộ, công nhân viên thoái hóa biến chất xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Trong công tác đấu tranh chống địch phá hoại kinh tế, cơ quan công an điều tra phát hiện 895 vụ xâm phạm tài sản công, gây thiệt hại 135,17 triệu đồng, trong đó 51% số người phạm tội là cán bộ, công nhân viên làm việc trong các ngành lương thực, thương nghiệp, ngoại thương, vật tư, giao thông vận tải. Trong công tác chống gián điệp, phản động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng, củng cố các phòng tuyến an ninh xung yếu, các địa bàn trọng điểm, đặc biệt là tuyến biển và thị xã Quy Nhơn, thị xã Quảng Ngãi, phát động quần chúng nâng cao cảnh giác, thực hiện các phương án chống đưa người vượt biển trốn ra nước ngoài, chống tàu thuyền nước ngoài xâm nhập vùng biển nước ta. Trong 3 năm (1983-1985), toàn tỉnh xảy ra 97 vụ, 766 người vượt biển trốn ra nước ngoài, giảm 274 vụ, 2.963 người so với năm 1980. Trong công tác chống địch phá hoại văn hóa, tư tưởng, chống chiến tranh tâm lý của địch, các ngành và địa phương bắt và xử lý 48 đối tượng; đưa ra kiểm điểm trước quần chúng 980 đối tượng có hành vi tuyên truyền, kích động phá hoại tư tưởng, thu giữ 528 băng nhạc, đĩa hát có nội dung đồi trụy, phản động¹.

Ngày 19-5-1983, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 20 - CT/TW về việc tiếp tục Cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng

1. Báo cáo số 44-BC/TU, ngày 28-11-1985 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình về “Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 03 của Bộ Chính trị”.

cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân” trong 3 năm (1983-1985) với yêu cầu mới: Xây dựng cơ bản và vững chắc ý chí, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; xây dựng mối quan hệ đoàn kết nội bộ, quân đội với nhân dân. Quản lý, sử dụng có hiệu quả cao các loại vũ khí, trang bị. Tổ chức tốt đời sống tinh thần và văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ. Thực hiện Chỉ thị quan trọng này, các đơn vị lực lượng vũ trang trong tỉnh đã đẩy lên phong trào sôi nổi hưởng ứng cuộc vận động. Các tuyến phòng thủ, các cụm chiến đấu liên hoàn các xã ven biển, hải đảo được các lực lượng vũ trang xây dựng hoàn chỉnh. Bộ đội và dân quân, tự vệ ngày đêm luyện tập, sẵn sàng chiến đấu. Bước đầu thực hiện có kết quả dự án kinh tế kết hợp với quốc phòng, quân đội tham gia sản xuất cải thiện đời sống. Công tác tuyển quân hàng năm được tổ chức chu đáo. Lực lượng dân quân, tự vệ tăng về số lượng và chất lượng. Năm 1983 đạt 5,1% dân số, năm 1985 tỷ lệ này là 6,31%.

Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh luôn gắn liền với công tác xây dựng, củng cố chính quyền, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Tháng 9-1983, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 33 của Ban Bí thư về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Hội nghị nhận định: Các huyện, thị xã đã xác định được tiềm năng về đất đai, lao động, từ đó xây dựng kế hoạch và quy hoạch phát triển sản xuất, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp trên địa bàn từng huyện, sắp xếp, phân công lại lao động gắn với tổ chức quản lý ở các đơn vị cơ sở, nhất là từ khi thực hiện chủ trương khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Chức năng của huyện, thị được xác định

rõ hơn về mô hình và hướng phát triển từng loại hình huyện. Cấp huyện trưởng thành hơn trong tổ chức điều hành và bắt đầu chuyển sang quản lý toàn diện, nhất là về kinh tế. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật được đào tạo, bồi dưỡng ngày càng nhiều. Riêng khu vực quản lý nhà nước, bình quân mỗi huyện có khoảng từ 50-60% cán bộ có trình độ từ trung cấp đến đại học. Tác phong làm việc của các cấp chính quyền bước đầu có những chuyển biến mới. Ủy ban nhân dân huyện và hầu hết các xã, phường đã xây dựng được quy chế làm việc. Hội đồng nhân dân các cấp đã cải tiến hoạt động. Trong các kì họp đã tập trung bàn nhiều vấn đề cụ thể, thiết thực hơn.

Từ khi thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 29-9-1983 của Ban Bí thư gắn xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh với xây dựng cấp huyện, huyện đã trưởng thành hơn trong tổ chức điều hành bộ máy Đảng, chính quyền, bước đầu thực hiện chức năng quản lý toàn diện các lĩnh vực, nhất là quản lý kinh tế. Đa số các huyện tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch, xác định cơ cấu, mục tiêu kinh tế, soát xét lại sản xuất và phân công lao động, gắn công nghiệp với nông nghiệp, gắn sản xuất với phân phối lưu thông, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tạo điều kiện phát huy quyền chủ động của cơ sở, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đội ngũ cán bộ huyện được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý nhiều hơn những năm trước đó. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu xây dựng huyện từ một cấp quản lý hành chính trở thành một cấp quản lý toàn diện, một cấp kế hoạch và ngân sách, phát huy quyền chủ động, sáng tạo của huyện và cơ sở đòi hỏi phải có thời gian, nguồn nhân lực và các điều kiện kinh tế - xã hội khác. Trong thời điểm

kinh tế - xã hội đang lâm vào khủng hoảng, các điều kiện bảo đảm xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện trong thực tế là không thể đáp ứng được.

Ngày 21-4-1985, cử tri toàn tỉnh tích cực tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 1985-1989. Số cử tri đi bầu đạt hơn 98,7%. Kết quả có 120 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí Tô Đình Cơ - Phó Bí thư Tỉnh ủy được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình, nhiệm kỳ 1985-1989. Tháng 4-1988, đồng chí Trần Văn Nhân - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình, thay đồng chí Tô Đình Cơ.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất, vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định cuộc sống.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tích cực tham gia quá trình hiệp thương giới thiệu đại biểu có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, được quần chúng tín nhiệm ứng cử vào các cơ quan quyền lực Nhà nước ở Trung ương và địa phương; tham gia xây dựng chính quyền, thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng lãnh đạo công tác quần chúng. Mặt trận còn đóng vai trò nòng cốt, cùng với các đoàn thể quần chúng vận động các tầng lớp nhân dân đóng góp ủng hộ đồng bào ở các địa phương bị thiên tai, xây dựng quỹ chi viện tiền phương, quỹ bảo thọ, mua công trái xây dựng Tổ quốc. Mặt trận cũng đã tích cực vận động các tầng lớp nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, hòa giải các xích mích, mâu thuẫn trong nội bộ nhân

dân, phối hợp với các cấp ủy đảng, chính quyền vận động đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào theo các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề cao cảnh giác làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

Là tổ chức rộng lớn của giai cấp công nhân, hoạt động của các cấp công đoàn trong tỉnh tập trung tuyên truyền, giáo dục đội ngũ công nhân tích cực tham gia phong trào thi đua đạt ba đỉnh cao: năng suất, chất lượng, hiệu quả. Nét mới trong hoạt động công đoàn thời kỳ này là công đoàn các cấp tổ chức ký kết các giao ước thi đua giữa các công đoàn huyện, ngành và đoàn thể, mở hội nghị công nhân viên chức các đơn vị sản xuất, kinh doanh phát động thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị làm ra nhiều mặt hàng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, phối hợp với các cấp Hội Liên hiệp Nông dân tập thể xây dựng đội lao động xã hội chủ nghĩa trong các hợp tác xã nông nghiệp, v.v.. Năm 1985, toàn tỉnh Nghĩa Bình có 64.699 đoàn viên sinh hoạt ở 11 công đoàn ngành, 15 công đoàn huyện, thị xã.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Theo bước chân những người anh hùng”, “Hành quân theo chân Bác”. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (1954-1984), 40 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1984), Tỉnh Đoàn phát động phong trào “Vì điểm tựa tiền tiêu” quyên góp, ủng hộ đồng bào, chiến sĩ biên giới. Trong lao động sản xuất, nhiều cấp bộ Đoàn vận động, hướng dẫn đoàn viên, thanh niên xây dựng cánh đồng lúa cao sản, giành “Ba

điểm cao”, v.v.. Đặc biệt, từ khi công trình thủy lợi Thạch Nham được khởi công xây dựng, trên công trường thường xuyên có hàng nghìn đoàn viên, thanh niên các huyện, thị xã trên địa bàn Quảng Ngãi tham gia lao động. Nhiều “Công trình thanh niên cộng sản” xuất hiện, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong đoàn viên, thanh niên.

Hoạt động của phong trào phụ nữ các cấp có nhiều tiến bộ. Các cấp Hội Phụ nữ tổ chức nhiều đợt học tập, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào: “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Nổi bật nhất là phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, chăn nuôi, thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, chăm lo đời sống phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là Cuộc vận động nâng cao trách nhiệm làm mẹ do Trung ương Hội phát động, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, động viên chồng con thực hiện nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc. Ngày 7-6-1984, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 44-CT/TW về “Một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ”. Chỉ thị đã tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền về vai trò của phụ nữ và tổ chức phụ nữ, quan tâm đến đội ngũ cán bộ nữ trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương, đơn vị. Quán triệt nội dung Chỉ thị của Ban Bí thư, Đảng, Đoàn và Ban Thường vụ Tỉnh Hội Phụ nữ tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 23 về công tác cán bộ nữ. Qua sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị, đội ngũ cán bộ nữ có bước trưởng thành, tỷ lệ cán bộ nữ được cơ cấu vào cấp ủy, chính quyền tăng lên, đa số chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý, được cán bộ, đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Sau Đại hội Hội Nông dân tập thể từ cấp cơ sở đến tỉnh, tổ chức Hội được kiện toàn củng cố. Các cấp hội tập trung vận động hộ nông dân còn làm ăn cá thể vào hợp tác xã, xây dựng người nông dân kiểu mẫu, thanh toán hộ nghèo, làm kinh tế vườn, v.v.. Đời sống của nhiều gia đình nông dân được nâng lên, trên 1/3 số hộ có dự trữ về lương thực. Phong trào xây dựng nông thôn mới được đông đảo cán bộ, hội viên tham gia. Nhiều công trình phúc lợi tập thể, như nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, câu lạc bộ, v.v. được củng cố và mở rộng. Năm 1986, Hội Nông dân tập thể đã có 611.900 hội viên.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng phong trào hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thời kỳ này vẫn còn hạn chế. Nội dung, phương thức hoạt động chậm được đổi mới. Cán bộ, hội viên chưa thật sự gắn với tổ chức Hội. Điều kiện, phương tiện hoạt động của mặt trận và các đoàn thể còn rất khó khăn. Trong thực tế, một số tổ chức hội cơ sở chỉ mang tính hình thức. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với thực tiễn đang trở thành yêu cầu bức xúc của mặt trận và đoàn thể các cấp.

Những năm 1983-1985 là thời kỳ Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đạt được nhiều tiến bộ trong việc vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, bước đầu làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Đạt được kết quả đó là do Đảng bộ tăng cường được sự đoàn kết, thống nhất về nhận thức tư tưởng và hành động. Chuyển biến rõ nét nhất trong công tác chính trị - tư tưởng là hầu hết cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn những khó khăn của đất nước, của tỉnh trong quá trình chuẩn bị từng bước chuyển đổi từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo được nhất trí cao về sự cần thiết

phải đổi mới tư duy, đổi mới cách làm ăn. Trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội của đất nước lâm vào khủng hoảng, đời sống khó khăn, nhưng đại bộ phận cán bộ, đảng viên đều động viên nhau cố gắng chịu đựng thiếu thốn, giữ gìn phẩm chất cách mạng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị và các chủ trương của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Từ khi phát động, các cấp ủy đảng cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch cụ thể phấn đấu đạt các tiêu chuẩn chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh do Trung ương quy định. Năm 1985, số cơ sở đảng đạt yêu cầu trong sạch, vững mạnh tăng gấp ba lần so với năm 1981. Toàn tỉnh có thêm bốn Đảng bộ huyện, trong đó có Đảng bộ huyện Bình Sơn và Đức Phổ được Trung ương công nhận đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh¹.

Công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cơ sở, được Đảng bộ quan tâm. Trường Đảng tỉnh và trường Đảng các huyện, thị xã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các trường Đảng Sơn Tịnh, Mộ Đức phối hợp với các ngành liên quan mở một số lớp quản lý kinh tế cho trên 300 cán bộ công tác ở các cơ sở sản xuất. Đến năm 1985, tỷ lệ đảng viên trong toàn Đảng bộ có trình độ văn hóa cấp I là 29,39%, cấp II là 41,61%, cấp III là 25,92%. Cán bộ, đảng viên học từ chương trình lý luận cơ sở trở lên chiếm 45,37%, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý từ bậc sơ học trở lên chiếm 18,37%.

1. Năm 1981, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình có hai Đảng bộ, trong đó có Đảng bộ huyện Sơn Hà được Trung ương công nhận đạt *Danh hiệu trong sạch, vững mạnh*.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp lại một số ban chuyên môn của Đảng, ngày 11-10-1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình ra quyết định thành lập các đảng bộ khối trực thuộc Tỉnh ủy, gồm Đảng bộ khối Dân - Đảng, Nội chính và văn hóa - xã hội, Đảng bộ khối Công nghiệp - Phân phối lưu thông và Đảng bộ khối Nông - Lâm - Ngư nghiệp. Ban Nông nghiệp nhập vào Hội Nông dân tập thể tỉnh. Trường Lý luận chính trị (tại chức) nhập vào Trường Đảng tỉnh. Ngày 26-12-1983, Tỉnh ủy Nghĩa Bình ra quyết định thành lập Ban Dân vận các huyện, thị ủy.

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy đảng cơ sở chú ý. Trong 5 năm (1981-1985), toàn Đảng bộ kết nạp 7.524 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ năm 1985 lên 39.746 đồng chí.

Cùng với đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, Đảng bộ thường xuyên thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương về công tác kiểm tra Đảng. Trong 3 năm 1983-1985, ngoài việc tiến hành các nhiệm vụ thường xuyên của công tác kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra các cấp phối hợp với các ban xây dựng Đảng thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 28-10-1983 của Ban Bí thư về xử lý cán bộ, đảng viên phạm sai lầm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo chọn 6 đơn vị điển hình, trong đó có Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi và Đảng bộ huyện Trà Bồng. Những đảng viên phạm sai lầm bị xử lý trong đợt này là những cán bộ, đảng viên có thư tố cáo, có dư luận phản ánh các sai phạm, như tham ô, hối lộ, lợi dụng chức quyền móc ngoặc, làm ăn phi pháp, cho vay lấy lãi, trù dập đảng viên, ức hiếp quần chúng, v.v.. Sau một năm thực hiện, Đảng bộ phát hiện, xem xét, kết luận 91/124 cán bộ, đảng viên thuộc diện Trung ương và tỉnh quản lý có vấn đề cần xem xét, trong đó

có 31/91 đồng chí bị thi hành kỷ luật. Các sai phạm chủ yếu là lợi dụng chức vụ được giao để tham ô, móc ngoặc, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa. Việc phát hiện, xử lý kỷ luật những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm có tác dụng tốt trong việc bài trừ các tiêu cực đang xảy ra khá phổ biến lúc bấy giờ, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng thời kỳ 1981-1985 vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng còn dừng lại ở những vấn đề chung, chưa tập trung vào những vấn đề then chốt, bức xúc từ thực tiễn cuộc sống để có biện pháp chỉ đạo, hướng dẫn dư luận. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng, thoái hóa, biến chất ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Công tác kiểm tra chưa được chú trọng đúng mức, chỉ chú ý kiểm tra đảng viên vi phạm kỷ luật, vi phạm Điều lệ Đảng, chưa chú ý kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, xử lý kỷ luật chưa thật nghiêm minh.

Sau 10 năm (1975-1985) nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã lập được nhiều thành tích xuất sắc, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

II- ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TÁI LẬP TỈNH QUẢNG NGÃI

Trong những năm 1986-1989, do sai lầm trong việc đề ra các chủ trương thực hiện công cuộc cải tổ, cải cách của các

nước Liên Xô và Đông Âu đã làm cho chủ nghĩa xã hội ở những nước này lâm vào tình trạng mất ổn định về chính trị, khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội. Ở trong nước, cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền năm 1985 và những sai lầm, khuyết điểm trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng. Sản xuất không đủ để tiêu dùng, hợp tác kinh tế - kỹ thuật và nguồn viện trợ từ Liên Xô, Đông Âu bị cắt giảm, lạm phát tăng cao. Năm 1986, lạm phát tăng ở mức cao nhất kể từ năm 1975 (774%), tiêu cực xã hội lan tràn. Kỷ cương pháp luật bị vi phạm, đạo đức xã hội suy giảm. Lợi dụng những khó khăn của tình hình đất nước, Mỹ và các thế lực phản động quốc tế tiếp tục bao vây, cấm vận, thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Một số phần tử cơ hội, phản bội phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn từ năm 1930, phủ nhận những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Ngày 11-3-1986, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 79-CT/TW chủ trương mở đợt tự phê bình và phê bình, chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng các cấp. Ngay sau khi nhận được Chỉ thị, cùng với việc chỉ đạo học tập, quán triệt nội dung, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng tiến hành kiểm điểm, đánh giá quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, đúc rút bài học kinh nghiệm để tăng cường sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và tổ chức, mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân. Mỗi đảng viên tự phê bình, phê bình với thái độ trung thực, khách quan, vô tư, thẳng thắn để thấy rõ ưu điểm, khuyết điểm của từng người về trình độ, năng lực và

phẩm chất đạo đức cách mạng. Trong đợt tự phê bình và phê bình này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng tự đánh giá những mặt còn yếu kém, khuyết điểm trong chỉ đạo, lãnh đạo các mặt công tác, như “chưa thấy hết khó khăn, phức tạp, chưa lường trước khả năng, triển vọng của tình hình, nên có những chủ trương chưa sát đúng; chỉ đạo thực hiện có những mặt yếu kém, chưa làm quán triệt đường lối, nghị quyết của Đảng, việc kiểm tra, phát hiện nhân tố mới, uốn nắn lệch lạc, sửa chữa khuyết điểm, tổng kết kinh nghiệm thiếu kịp thời”¹. Đợt tự phê bình, phê bình thực sự là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, sâu sắc, có tác dụng cảnh tỉnh, ngăn ngừa tình trạng thoái hóa biến chất đang diễn ra rất nghiêm trọng trong Đảng lúc bấy giờ. Qua kiểm điểm, tự phê bình, phê bình, Đảng bộ phát hiện và xử lý nhiều cán bộ, đảng viên có sai lầm, khuyết điểm. Năm 1986, toàn Đảng bộ xử lý kỷ luật 661 đảng viên, trong đó khai trừ khỏi Đảng và xóa tên khỏi danh sách đảng viên 271 người.

Việc thực hiện Chỉ thị số 79 của Ban Bí thư và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương và Tỉnh ủy tạo được sự chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sản xuất nông nghiệp, tuy vẫn ở trong tình trạng khó khăn do thời tiết không thuận lợi, vật tư khan hiếm, nhưng một số chỉ tiêu chủ yếu vẫn đạt kế hoạch đề ra. Năm 1986 là năm tỉnh Nghĩa Bình huy động lương thực đóng góp cho Nhà nước đạt mức cao nhất, 132.000 tấn, vượt chỉ tiêu Trung ương giao 18%. Năng lực sản xuất công nghiệp của tỉnh tiếp tục được tăng cường.

1. Nghị quyết số 231-NQ/TU, ngày 29-7-1986 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình về việc tiến hành những biện pháp cấp bách sau tự phê bình và phê bình (đợt 1) tiến tới Đại hội Đảng các cấp.

Năm 1986, trên địa bàn thị xã Quảng Ngãi có thêm 2 xí nghiệp do Trung ương quản lý là nhà máy điện và xí nghiệp hóa chất, 4 xí nghiệp do tỉnh quản lý là nhà máy xay 15 tấn/ca, xí nghiệp in, xí nghiệp dệt 2-9 và xí nghiệp khai thác khoáng sản và 8 xí nghiệp do các huyện, thị xã quản lý. Nhiều cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, như màn trúc, gia công hàng may mặc, đồ dùng gia đình, v.v. duy trì mức sản xuất khá, góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 13,5 triệu rúp, đôla. Các ngành phân phối, kinh doanh dịch vụ bảo đảm cung cấp theo định lượng sáu mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho người hưởng lương. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các ban đảng được tiến hành khẩn trương theo chủ trương của Trung ương. Ngày 16-6-1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy, sáp nhập Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy và Ban Khoa giáo Tỉnh ủy thành Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, thành lập lại Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh. Ngày 19-6-1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp xét công nhận 68 chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, trong đó có 32 chi bộ, đảng bộ xuất sắc được tặng cờ, 36 chi bộ, đảng bộ được tuyên dương. Trong 32 chi bộ, đảng bộ xuất sắc được tặng cờ, trên địa bàn Quảng Ngãi có các chi bộ, đảng bộ là: Bình Dương (Bình Sơn), Tịnh Hà (Sơn Tịnh), phường Trần Phú (thị xã Quảng Ngãi), Nghĩa Hiệp, trường Công nhân cơ giới 2 (Tư Nghĩa), Hành Thuận (Nghĩa Hành), Đức Hiệp, Đức Phú (Mộ Đức), Phố Minh (Đức Phổ), Ba Vì và Chi bộ công ty Thương nghiệp Tổng hợp (Ba Tơ) .

Những chuyển biến trong các lĩnh vực công tác năm 1986 tạo được không khí phấn khởi trong nội bộ Đảng và trong xã hội, là bước chuẩn bị tích cực cho Đại hội Đảng các cấp thành công tốt đẹp.

Quý III-1986, tất cả 22 Đảng bộ huyện, thị xã, thành phố¹ và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức xong Đại hội. Trong 22 đảng bộ, Đại hội bầu 899 cấp ủy viên, trong đó có 52,8% mới tham gia cấp ủy lần đầu, 15% có trình độ đại học, 53% có trình độ học vấn cấp III.

Từ ngày 10 đến ngày 14-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ IV, nhiệm kỳ 1986-1990 được tiến hành tại thành phố Quy Nhơn. Tham dự Đại hội có 515 đại biểu thay mặt cho hơn 40.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và thông qua báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IV) và bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh dự Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đánh giá tổng quát tình hình kinh tế - xã hội 5 năm 1981-1985, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III tại Đại hội khẳng định: Đến năm 1985, phần lớn các chỉ tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra đã đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Sản lượng lương thực so với năm 1980 tăng 60%, huy động lương thực năm cao nhất (1985) đạt 122.254 tấn (chỉ tiêu Đại hội đạt ra là 90 nghìn tấn). Đàn trâu bò tăng hơn 46%, sản lượng đánh bắt cá biển tăng 1,2%... Sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 5%.

1. Lúc này thị xã Quy Nhơn trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Nghĩa Bình, theo Quyết định số 81-HĐBT, ngày 3-7-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Giá trị xuất khẩu trong 5 năm 1981-1985 đạt 175,1 triệu đồng và 30,721 triệu rúp, đôla So sánh với 5 năm 1976-1981, tổng sản phẩm xã hội của tỉnh tăng 5,5 lần, giá trị tài sản cố định bình quân tăng 4,3 lần, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương tăng 3 lần, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 1,8 lần, vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng 10 lần, giá trị hàng hóa Nhà nước thu mua tăng 13 lần, thu ngân sách tăng 9,3 lần, số học sinh phổ thông tăng 2,5 lần, số y bác sĩ tăng 1,4 lần Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng có nhiều tiến bộ.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cũng thẳng thắn thừa nhận những yếu kém, khuyết điểm của Đảng bộ trong 5 năm 1981-1985. Mục tiêu bảo đảm đời sống mới chỉ giải quyết được cơ bản nhu cầu về ăn, có ăn tạm đủ no. Vấn đề gay gắt là thiếu hàng tiêu dùng thiết yếu, như vải mặc, chất đốt, thuốc chữa bệnh. “Nhìn tổng quát đến cuối năm 1985, chúng ta chưa đạt được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Nguyên nhân của yếu kém, khuyết điểm đó là do chủ quan, nóng vội về xác định mục tiêu, chỉ tiêu và bảo thủ, trì trệ về quản lý. Tình trạng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật và các hiện tượng tiêu cực khác rất nghiêm trọng. Nội bộ Đảng, cơ quan Nhà nước và trong xã hội kỷ cương bị buông lỏng. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước bị giảm sút.

Căn cứ vào tinh thần đường lối đổi mới của Đảng được thể hiện trong các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và thực tiễn tình hình của địa phương,

Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra năm mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ trong 5 năm 1986-1990 và những năm tiếp theo đến kết thúc chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ra sức phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tập trung hoàn thành các công trình trọng điểm, trong đó có công trình thủy lợi Thạch Nham. Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền núi, công thương nghiệp và các ngành nghề khác, thực hiện cơ chế quản lý mới, lấy việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo sự phát triển của nền kinh tế. Thường xuyên đề cao cảnh giác, bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, sẵn sàng đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Đại hội nêu một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 1990: Dân số toàn tỉnh giữ mức 2,4 triệu người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,5%. Sản lượng lương thực quy thóc 850.000 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người 350-360 kg/năm, tỷ lệ màu 15%, tỷ lệ huy động lương thực 20% (170.000 tấn). Giá trị sản lượng công nghiệp (theo giá cố định năm 1982) 2,6 - 3 tỷ đồng, tỷ trọng giá trị công nghiệp trong tổng giá trị công - nông nghiệp 38-40%. Giá trị xuất khẩu 30-35 triệu rúp - đôla. Đàn lợn đạt 700.000 con, đàn trâu, bò đạt 400.000 con. Sản lượng đánh bắt thủy sản đạt 45.000 tấn, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 6.000 ha. Khai thác gỗ đạt 12.000 m³, diện tích trồng rừng tập trung đạt 12.000 ha và 80 triệu cây phân tán. Phổ cập cấp I trong độ tuổi. Bình quân 29 giường bệnh/1 vạn dân. Xây dựng mới hơn 50.000 m² nhà ở; tỷ lệ ngôi nhà lên 80%. Tỷ lệ dân quân đạt 7% ở nông thôn, đô thị,

tỷ lệ
tự vệ đạt 35% tổng biên chế các cơ quan nhà nước¹. Đại hội còn đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ trong tình hình mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 50 ủy viên chính thức và 15 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Đỗ Quang Thắng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Tô Đình Cơ, Đình Tân và Võ Trọng Nguyễn được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI gồm 23 đồng chí.

Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đây là Đại hội đề ra đường lối đổi mới sâu sắc, toàn diện và triệt để, thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, khả năng tổng kết và tổ chức thực tiễn của Đảng, mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới của Đảng do Đại hội VI đề ra gồm: Đổi mới cơ cấu kinh tế mà thực chất là sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế mà thực chất là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức

1. Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình: *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ tại đại hội đại biểu lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình*, tháng 10-1986, tr.13-14.

hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Để đổi mới thắng lợi, Đại hội chủ trương phải thực hiện một cuộc cải cách lớn về bộ máy nhà nước; tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát của công cuộc đổi mới đất nước là “ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, bảo đảm những nhu cầu thiết yếu cho nhân dân, xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo, từng bước đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng và đi lên”¹. Đại hội đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, suy tôn các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ IV thành công tốt đẹp là mốc đánh dấu sự khởi đầu quan trọng trong đổi mới nhận thức, đổi mới tư duy về nội dung và bước đi của quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI được Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình quán triệt, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh của tỉnh, từng bước đi vào thực tiễn cuộc sống.

Với quan điểm coi sản xuất nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo các ngành và địa phương chủ động soát xét, bố trí lại sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho sản xuất nông nghiệp mà trọng tâm là thực hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.42.

ba chương trình mục tiêu: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Năm 1987, tỉnh dành 35% tổng số vốn xây dựng cơ bản thuộc ngân sách tỉnh đầu tư cho nông nghiệp, trong đó chủ yếu là phát triển thủy lợi, đặc biệt là nhằm hoàn thành công trình thủy lợi Thạch Nham. Ngoài ra, tỉnh còn hỗ trợ các địa phương huy động hơn 500 triệu đồng, chủ yếu là vốn vay và nhân dân đóng góp để làm các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, tăng năng lực tưới thêm 5.000 ha. Nhiều hợp tác xã xây dựng hồ chứa 2-3 triệu m³ nước bằng vốn vay và xã viên đóng góp. Để khắc phục tình trạng khó khăn về phân bón, thuốc trừ sâu, tỉnh chủ động dùng ngoại tệ nhập thêm gần 7.000 tấn phân NPK và phân urê, 30 tấn thuốc trừ sâu, giao ngoài nghĩa vụ cho Trung ương hàng vạn tấn thóc để đổi phân hóa học. Với sự chỉ đạo sâu sát, mặc dù trận lũ lịch sử cuối năm 1986 để lại hậu quả rất nặng nề, nhưng sản lượng lương thực toàn tỉnh vẫn đạt 650.000 tấn.

Tuy nhiên, liên tục trong nhiều năm sản xuất nông nghiệp phát triển chậm, năng suất vật nuôi, cây trồng chưa cao, đời sống của nông dân chưa được cải thiện tương ứng với mức tăng của sản xuất. Nhiều nơi trong tỉnh xuất hiện phổ biến tình trạng giá trị ngày công của xã viên các hợp tác xã ngày càng giảm. Số hợp tác xã có mức chia dưới 1 kg thóc/ngày công từ 5,75% (năm 1979) tăng lên 15% (năm 1985), loại từ 2 đến 4 kg/ngày công chỉ còn từ 10 đến 15% hợp tác xã. Tình hình đó làm cho “xã viên thiếu an tâm lao động, không muốn nhận thêm công việc để làm nhiều ngày công cho tập thể, cá biệt có nơi xã viên trả bớt ruộng khoán. Một số hợp tác xã khá trước đây, nay dẫm chân tại chỗ, có mặt giảm sút. Sự chênh lệch về trình độ quản lý và mức thu nhập giữa các hợp tác xã khá lớn. Phong trào hợp tác hóa ở miền

núi sút kém, một số hợp tác xã trở lại dạng tập đoàn sản xuất, nhiều tập đoàn sản xuất gần như tan rã. Tình trạng bao cấp trong phân phối tràn lan. Bộ máy quản lý hợp tác xã công kênh, thiếu ổn định, năng lực quản lý, điều hành nói chung là yếu”¹. Tình trạng đó cũng diễn ra khá phổ biến trong cả nước. Nguyên nhân cơ bản là do cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư không còn vai trò tích cực nữa. Biểu hiện cụ thể là các hợp tác xã vẫn phải gánh nhiều khoản bao cấp không liên quan trực tiếp đến sản xuất, như trả lương cho cán bộ xã, trả chi phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, quân sự, an ninh, thực hiện chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và các hoạt động khác. Đặc biệt, cơ chế thu mua nông sản, đối lưu hàng hóa có nhiều bất hợp lý, mua rẻ bán đắt, không sát với giá cả thị trường. Từ đó, động lực được tạo ra sau mấy năm dần dần bị thui chột. Nhiều nơi nông dân bỏ ruộng đi tìm nghề khác kiếm sống. Trên thực tế, cơ chế khoán 100 không còn phù hợp với chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế kinh tế hạch toán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh tế tập thể. Tình hình sản xuất nông nghiệp sút kém đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết kịp thời.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” (gọi tắt là khoán 10). Nội dung đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp thể hiện ở một số điểm cơ bản là sắp xếp và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ

1. Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 23-5-1987 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về một số chủ trương và biện pháp củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn”.

nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, đổi mới chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước. Thực chất Nghị quyết số 10 là khắc phục những điểm còn khiếm khuyết trong Chỉ thị 100 trước đây, tiến lên một bước xa hơn nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán mới, trong đó xác định hộ gia đình xã viên trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, ngoài việc nhận khoán sử dụng ruộng đất thực hiện các hợp đồng khác với hợp tác xã còn chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh dưới nhiều hình thức.

Cuối năm 1988, một số hợp tác xã trong tỉnh triển khai thực hiện khoán 10, bước đầu giải phóng được năng lực sản xuất trong nông nghiệp, tạo động lực khuyến khích xã viên nhận ruộng khoán, đầu tư thêm phân bón, giống mới, sức lao động, kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng. Ở những địa phương thực hiện cơ chế khoán mới, bộ máy các hợp tác xã được sắp xếp, tổ chức lại phù hợp hơn. Bình quân mỗi hợp tác xã đội ngũ cán bộ quản lý giảm được 40 đến 50%. Các chi phí gián tiếp giảm nhiều, nên sản phẩm làm ra xã viên được hưởng từ 40% trở lên. Lợi ích Nhà nước, tập thể, người lao động được giải quyết thỏa đáng, hài hòa hơn. Tuy nhiên, khoán 10 cũng làm xuất hiện những vấn đề phức tạp mới. Do hộ là đơn vị kinh tế tự chủ, ruộng đất, tư liệu sản xuất được giao cho hộ xã viên tự quản, vai trò hợp tác xã giảm dần, nên nhiều nơi nông dân viết đơn xin lại ruộng đất đã đưa vào hợp tác xã, có nơi xảy ra tình trạng tranh giành ruộng đất, tiềm ẩn nguy cơ tạo ra các “điểm nóng” gây mất an ninh trật tự ở nông thôn.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW, ngày 23-4-1986 của Ban Bí thư về việc thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về “Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh của các đơn

vị cơ sở”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn 10 đơn vị làm thí điểm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong các đơn vị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh thương nghiệp, trong đó trên địa bàn Quảng Ngãi có 4 đơn vị là Hợp tác xã mành trúc Trúc Lâm (Mộ Đức), Xí nghiệp lâm nghiệp Sông Trà, Xí nghiệp mộc Quảng Ngãi và Công ty Thương nghiệp tổng hợp Đức Phổ. Năm 1988, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh được thực hiện trên diện rộng. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh được chủ động hạch toán “đầu vào”, “đầu ra” của sản phẩm, chủ động tính giá, tìm kiếm thị trường tiêu thụ và chỉ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước. Với cách làm này, một số cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể bước đầu thể hiện được tính chủ động, năng động trong sản xuất, kinh doanh, như Xí nghiệp đông lạnh Quảng Ngãi, Hợp tác xã chế biến nông lâm sản xuất khẩu phường Nguyễn Nghiêm (thị xã Quảng Ngãi). Cũng trong thời gian này, các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân bắt đầu bỏ vốn mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh tư nhân. Năm 1988, chỉ riêng thị xã Quảng Ngãi có 207 hộ đăng ký mở cơ sở sản xuất, 676 hộ đăng ký kinh doanh thương nghiệp và 74 hộ kinh doanh dịch vụ¹. Tuy còn nhỏ bé, nhưng bước đầu chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển đã góp phần tăng nguồn hàng, nhất là hàng tiêu dùng thông thường, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư.

Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế có tác động mạnh mẽ

1. Báo cáo số 35-BC/TU, ngày 25-1-1989 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình về “Hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội IV Đảng bộ tỉnh và phương hướng, nhiệm vụ năm 1989”.

làm xuất hiện nhiều nhân tố mới trong sản xuất hàng xuất khẩu của tỉnh - một trong ba chương trình mục tiêu do Đại hội lần thứ VI của Đảng và được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV vận dụng đề ra. Thời kỳ đổi mới, ngoài các đơn vị kinh tế tập thể, còn có thành phần kinh tế tư nhân, cá thể tham gia sản xuất, chế biến, gia công hàng xuất khẩu. Ở huyện Sơn Hà, có hộ gia đình ở xã Sơn Thành trồng 20 ha đào lộn hột, một số hộ ở xã Sơn Thượng trồng 2 đến 3 ha cà phê. Ở huyện Tư Nghĩa, ngư dân đầu tư 2.000 lạng vàng đóng và sửa chữa tàu thuyền đánh bắt cá. Ở Đức Phổ, Sơn Tịnh và một số địa phương khác trong tỉnh đầu tư hàng chục triệu đồng làm hồ nuôi tôm, đưa diện tích nuôi tôm toàn tỉnh năm 1987 lên 1.800 ha, tăng 500 ha so với năm 1986 Những nhân tố này góp phần tạm thời làm tăng diện tích một số cây trồng có giá trị xuất khẩu, như hồ tiêu 62 ha, cà phê 300 ha, dứa 4.250 ha, đào lộn hột 15.000 ha, góp phần tạo nguồn hàng xuất khẩu đạt 12 triệu rúp-đôla năm 1987 và 4,5 triệu rúp-đôla năm 1988.

Một thực tế diễn ra sau Đại hội VI của Đảng là khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lạm phát lên đến đỉnh điểm 774,7% năm 1986. Để tháo gỡ khó khăn, Trung ương chỉ đạo các địa phương tiến hành thực hiện bù giá vào lương nhằm ổn định đời sống những người hưởng lương. Thực hiện chủ trương bù giá vào lương, tỉnh Nghĩa Bình bù sáu mặt hàng thiết yếu là lương thực, thịt, đường, củi, xà phòng, vải. “Tuy nhiên, do cung và cầu mất cân đối nghiêm trọng, giá cả thị trường (cả tự do và có tổ chức) tăng liên tục, mức bù chênh lệch giá tính đến cuối năm (1986) lên tới 350%, Nhà nước mới bù được 65%, nên đời sống cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang, diện hưởng chính

sách, các đối tượng có quan hệ kinh tế với Nhà nước và nhân dân lao động ngày thêm khó khăn”¹. Yêu cầu của cuộc sống đặt ra lúc này là Đảng ta phải tập trung thực hành những biện pháp có hiệu quả để giảm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn của những người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách. Từ ngày 1 đến ngày 9-4-1987, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai (khóa VI) họp tại Hà Nội nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Hội nghị đặt ra mục tiêu “4 giảm” là giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân theo hướng xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp. Hội nghị quyết định những chính sách về giá cả và lưu thông vật tư hàng hóa, tiền lương, đời sống của cán bộ, viên chức, chính sách tăng thu, giảm nhịp độ lạm phát, thu mua nông sản của nông dân theo giá thỏa thuận, điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng dành ưu tiên cho cho ba chương trình kinh tế lớn.

Thực hiện các chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Nghĩa Bình tổ chức hội nghị lần thứ năm và ra Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 17-7-1987 về “Một số biện pháp cấp bách trước mắt về sản xuất, xây dựng cơ bản và đời sống”. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các ngành, các cấp từng bước điều chỉnh vốn đầu tư xây dựng cơ bản, dẫn tiến độ hoặc dừng thi công một số công trình, tập trung ưu tiên các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp. Năm 1988, trong tổng

1. Báo cáo số 08-BC/TU, ngày 7-1- 1987 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về tình hình thực hiện các mặt công tác năm 1986”.

số 73 công trình xây dựng cơ bản, tỉnh quyết định dần tiến độ thi công hoặc tạm dừng thi công 34 công trình để tập trung vốn đầu tư 39 công trình, chủ yếu là các công trình thủy lợi, thủy điện. Tỉnh thực hiện việc tính giá buôn bán vật tư theo tinh thần tính đủ “đầu vào”, “đầu ra”, áp dụng giá mua nông, lâm, hải sản theo hướng phát triển mạnh quan hệ hàng hóa - tiền tệ, giảm dần quan hệ trao đổi hiện vật nhằm kích thích sản xuất phát triển, giải phóng sức sản xuất, giảm dần việc cung cấp các mặt hàng theo định lượng. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương ngoài lương thực và một số mặt hàng bán theo chính sách, tất cả hàng tiêu dùng đều bán theo giá kinh doanh thương nghiệp. Với nhiều biện pháp đồng bộ, tốc độ tăng giá 6 tháng cuối năm 1988 chỉ bằng 50% so với 6 tháng đầu năm. Quý IV năm 1988, phần lớn các mặt hàng đứng giá. Sang quý I năm 1989, tốc độ tăng giá chỉ bằng 1/4 so với quý I năm 1988, “hàng hóa trên thị trường khá phong phú, mua bán dễ dàng làm cho cung cầu bớt căng thẳng và cân đối tiền hàng từng bước ổn định”¹.

Do những khó khăn về kinh tế và nhất là những quan điểm không đúng về xóa bỏ bao cấp trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, nên trong những năm 1986-1988 hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục giảm sút nghiêm trọng. Đối với ngành giáo dục “Cơ sở trường lớp hư hỏng, xuống cấp, thiếu sách, dụng cụ thí nghiệm. Giáo viên quá khó khăn về đời sống, nên không yên tâm dạy học. Học sinh ít ham học, giảm sút về đạo đức. Phụ huynh học sinh ít quan tâm đến việc học tập

1. Báo cáo số 36-BC/TU, ngày 5-4-1989 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về tình hình công tác quý I-1989”.

của con cái. Ở miền núi, hải đảo, việc dạy và học thất thường, nhiều trường phổ thông cơ sở học sinh bỏ học, giáo viên bỏ dạy. Nạn mù chữ phát triển ở miền núi, ven biển. Tỷ lệ thi đỗ các cấp đạt thấp, thi tốt nghiệp phổ thông trung học đạt 27,2%, thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt 33,7%, thi tốt nghiệp bổ túc văn hóa đạt 35,8%”¹. Năm học 1988-1989, toàn tỉnh có 400 giáo viên các cấp bỏ dạy và hơn 10.800 học sinh bỏ học. Đối với công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, tình hình cũng hết sức khó khăn, “bệnh viện xuống cấp, thiếu y dụng cụ, thuốc chỉ đủ 25% nhu cầu, thầy thuốc phục vụ bệnh nhân còn nhiều thiếu sót, nhân dân đi khám chữa tư khá phổ biến. Việc khám, chữa bệnh ngoài giờ chưa được hướng dẫn, quản lý tốt. Công tác kế hoạch hóa dân số gần đây bị sa sút”. Hoạt động văn hóa thông tin có nhiều biểu hiện tiêu cực. Việc phổ biến phim ảnh, nhất là chiếu phim video thiếu chọn lọc, chạy theo doanh thu đơn thuần, chưa coi trọng giáo dục và hướng dẫn thị hiếu thẩm mỹ. Nạn mê tín dị đoan phát triển.

Trước tình hình chính trị trong nước và quốc tế có những diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm đến công tác quốc phòng - an ninh. Ngày 14-4-1988, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 36-NQ/TU về “Nhiệm vụ quốc phòng trong 3 năm 1988-1990 và những năm tiếp theo”. Nghị quyết đề ra những chủ trương và biện pháp lớn

1. Báo cáo số 29-BC/TU, ngày 2-7-1988 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về tình hình các mặt công tác 6 tháng đầu năm 1988”.

trong công tác củng cố quốc phòng trên địa bàn tỉnh và nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, gắn quy hoạch tổng thể kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân và hậu phương của tỉnh một cách toàn diện; không ngừng nâng cao chất lượng chiến đấu tổng hợp của các lực lượng vũ trang nhân dân; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác quân sự địa phương và nhiệm vụ củng cố quốc phòng. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có kế hoạch thường xuyên củng cố, bổ sung hoàn thiện phương án tác chiến phòng thủ cơ bản ở cả ba cấp tỉnh, huyện, và cơ sở; hoàn thành cơ bản các công trình phòng thủ ở tuyến biển, đảo và các tuyến xung yếu; thực hiện vận hành cơ chế “Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự, công an làm tham mưu, chỉ huy trưởng quân sự tỉnh thành chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang thuộc quyền”. Từ cuối năm 1988 đến năm 1989, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các địa phương, đơn vị trong tỉnh tổ chức đón tiếp Quân tình nguyện Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia về nước.

Thực hiện chủ trương của Đảng, công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội những năm 1987-1989 bước đầu có sự đổi mới. Tỉnh đã chủ động đấu tranh phòng ngừa và ngăn chặn những biểu hiện xấu, có tác động tiêu cực đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác trấn áp các loại tội phạm, điều tra xử lý các vụ án được quan tâm hơn. Tuy nhiên, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Số vụ vượt biển trốn ra nước ngoài cao hơn những năm trước. Tội phạm hình sự,

tranh chấp dân sự, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội có xu hướng tăng. Nhiều vụ tranh chấp ruộng đất diễn ra. Trong đời sống xã hội xuất hiện một số người lợi dụng dân chủ, kích động nhân dân phá rối trật tự trị an, vô hiệu hóa vai trò của chính quyền. Một số vụ án kéo dài, giải quyết không dứt điểm. Tỷ lệ thi hành án còn rất thấp.

Để giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng do Pôn-pốt và Iêng-xary gây ra, ngay từ năm 1978, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Nghĩa Bình đã lập Sở Chỉ huy tiền phương và 4 tiểu đoàn thanh niên xung phong, Tiểu đoàn bộ binh 50 và 9 đại đội địa phương tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Năm 1984-1985, Tiểu đoàn bộ binh 50B và Tiểu đoàn 20 thay nhau giúp bạn bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được¹. Đồng thời, trong 8 năm (1979-1985) Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình giúp nhân dân hai tỉnh Ratanakiri và Xiêm Riệp xây dựng lại quê hương sau chiến tranh. Đối với tỉnh Xiêm Riệp, tỉnh Nghĩa Bình xây dựng và trang bị một xưởng chế biến gỗ 500 m³, lắp đặt đài truyền thanh, tổng đài điện thoại 30 số, sửa chữa 57 km đường số 6 và 13 km đường Biển Hồ, trục vớt 4 tàu vận tải, sửa hoàn chỉnh 2 tàu vận tải 400 tấn, khảo sát thiết kế một xưởng gạch 2 triệu viên/năm, thiết kế sửa chữa một khách sạn. Đối với tỉnh Ratanakiri, tỉnh Nghĩa Bình xây dựng 1 xưởng chế biến gỗ 2.000 m³, một nhà máy nước và hệ thống cấp nước ở thị xã Bung Lung, 1 khách sạn và 2 nhà làm việc của Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh, cửa hàng thương nghiệp và đài phun nước 100 m³. Cùng

1. Trong 10 năm (1979-1989) đã có 1.809 con em tỉnh Nghĩa Bình hy sinh vì nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia.

với xây dựng cơ sở vật chất, tỉnh Nghĩa Bình còn đào tạo 50 cán bộ, học sinh sang học tại các trường trung cấp nông nghiệp, tài chính, y tế của tỉnh. Mỗi năm thường xuyên có từ 30 đến 40 cán bộ chuyên gia sang giúp hai tỉnh của nước bạn, do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn. Trong những năm 1981-1983, tỉnh Nghĩa Bình cử hơn 480 cán bộ, công nhân kỹ thuật sang giúp bạn xây dựng các công trình phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, viện trợ và hợp tác kinh tế.

Tuy vậy, trong việc hợp tác, giúp đỡ hai tỉnh Ratanakiri, Xiêm Riệp (Campuchia) và Chămpaxắc (Lào) vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân về mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia chưa thường xuyên. Việc ký kết và thực hiện chương trình hợp tác, giúp đỡ giữa ta và bạn chưa được xây dựng thành quy chế, chưa gắn với kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, thiếu sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh. Để khắc phục các tồn tại, khuyết điểm trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 196-NQ/TU, ngày 26-2-1985 về “Tăng cường quan hệ hợp tác giữa tỉnh Nghĩa Bình với tỉnh Chămpaxắc (Lào) và Ratanakiri (Campuchia)”.

Ngày 27-4-1986, đoàn đại biểu tỉnh Ratanakiri (Campuchia) sang thăm hữu nghị tỉnh Nghĩa Bình. Lãnh đạo hai tỉnh ký kết một số văn bản hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh.

Cuối những năm 1980, trong nội bộ Đảng xuất hiện tình trạng không ít cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, giảm sút ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm, hoang mang, dao động trước những khó khăn của đất nước, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-9-1987 về: “Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”. Nghị quyết chỉ rõ: Cuộc vận động này là cuộc đấu tranh tư tưởng giữa xã hội chủ nghĩa với chủ nghĩa cá nhân, giữa tích cực, đổi mới với bảo thủ, trì trệ, liên quan trực tiếp với cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và cuộc đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch cũng như cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”. Đây là cuộc vận động rộng lớn, sâu sắc được tiến hành đồng bộ từ trong Đảng, các cơ quan nhà nước và ngoài xã hội. Cuộc vận động này được kết hợp với phong trào hưởng ứng “Những việc cần làm ngay”¹ nhằm đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực, tăng cường sức chiến đấu và vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng.

Triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Nghĩa Bình lập kế hoạch hướng dẫn cụ thể các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng quán triệt nội dung các nghị quyết, chỉ đạo làm điếm rút kinh nghiệm trước khi triển khai ra diện rộng. Qua học tập, quán triệt, phần lớn cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc tầm quan trọng, nội dung, phương pháp đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Năm 1987, qua thống kê, riêng

1. “Những việc cần làm ngay” là đầu đề các bài viết đăng trên báo *Nhân Dân* của tác giả N.V.L từ cuối tháng 5-1987. Ngay sau đó đã trở thành phong trào hưởng ứng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đấu tranh công khai với các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

ở Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy còn tồn đọng 86 đơn tố cáo cán bộ, đảng viên có hành vi sai trái, trong đó có đơn tố cáo 7 Tỉnh ủy viên, 18 giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó, ban ngành cấp tỉnh, 12 bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch huyện, thị xã, v.v.. Qua phân loại chất lượng đảng viên, có 364 đảng viên loại 4 (loại vi phạm kỷ luật nặng cần phải đưa ra khỏi Đảng ngay). Tình hình tiêu cực trong nội bộ các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận và các hội đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở diễn ra rất nghiêm trọng, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận định: “Tiêu cực đã mang tính xã hội và tính chính trị khá nghiêm trọng, nhiều khi các biện pháp bình thường của chuyên chính vô sản không đủ hiệu lực”¹. Cuối năm 1987, toàn Đảng bộ xử lý kỷ luật 785 đảng viên, trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 361 đảng viên. So với năm 1986, số lượng đảng viên bị xử lý kỷ luật tăng 18,75%. Tuy bị xử lý kỷ luật nhưng những hành vi tiêu cực, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là tệ tham ô, ăn cắp, ăn hối lộ dưới nhiều hình thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở “chẳng những không ngăn chặn được mà ở một số nơi còn phát triển nghiêm trọng hơn, có nơi cả tập thể lãnh đạo cơ quan và cấp ủy cùng nhau tham ô của Nhà nước, tệ ăn uống chè chén quà cáp, biếu xén tuy có giảm so với trước, nhưng vẫn còn phổ biến”².

1. Kế hoạch số 01-KH-TU, ngày 10-11-1987 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình về “Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”.

2. Báo cáo số 09-BC-TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Nghĩa Bình về

Từ năm 1987, “vấn đề chia tỉnh được đông đảo cán bộ, nhân dân yêu cầu, trở thành vấn đề tư tưởng rất bức xúc, ảnh hưởng đến nhiều mặt, nhưng chưa được nêu ra để giải quyết đến nơi đến chốn”¹.

Thời gian này, theo chủ trương của Trung ương, bộ máy tổ chức từ tỉnh đến cơ sở được sắp xếp lại, thực hiện một bước tinh giản biên chế. Đối với các ban Đảng Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành sáp nhập Ban Nông nghiệp và Ban Kinh tế - Kế hoạch, thu gọn Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng thành Tổ công tác, lập lại Ban Nội Chính. Sau khi sắp xếp, các ban Đảng Tỉnh ủy còn 8 ban (giảm 2 ban). Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh còn 21 đơn vị (giảm 12 đơn vị). Số phòng ban cấp huyện giảm 42%.

Ngày 19-4-1987, thực hiện chủ trương của Trung ương, hơn 98% cử tri trong tỉnh đi bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII, nhiệm kỳ 1987-1992. Kết quả tỉnh Nghĩa Bình có 18 đại biểu trúng cử, trong đó có 9 đại biểu được bầu trên địa bàn Quảng Ngãi².

Ngày 4-3-1989, Bộ Chính trị ra Quyết định số 83-QĐ/TW chia tách tỉnh Nghĩa Bình thành tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Triển khai thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, từ ngày 16 đến ngày 17-3-1989, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 12 (khoá IV) thảo luận và ra Nghị quyết số 53-NQ/TU về lãnh đạo thực hiện quyết định của Bộ Chính trị chia tách

“Tình công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1987 và nhiệm vụ năm 1988”.

1. Báo cáo số 22-BC/TU, ngày 16-1-1988 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình “Về tình hình các mặt công tác năm 1987”.

2. Gồm các đại biểu: Phan Tư A, Trần Văn An, Trần Bình, Trần Thị Hòa, Trần Đức Lương, Võ Trọng Nguyễn, Đinh Ngọc Reo, Lê Văn Tấn, Từ Tân Vũ.

tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Nghị quyết khẳng định: Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định vốn có truyền thống đoàn kết, giúp đỡ, phối hợp lẫn nhau trong các cuộc đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ khi hợp nhất (tháng 10-1975), Đảng bộ đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, đưa tỉnh nhà từng bước đi lên. “Tuy nhiên, những thành tích và tiến bộ mà tỉnh ta đạt được trong 13 năm qua chưa tương xứng với tiềm năng đa dạng và truyền thống cách mạng kiên cường vốn có của Đảng bộ, nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định”¹. Nguyên nhân chủ yếu là do những thiếu sót trong việc lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành trong tỉnh, địa bàn dài (hơn 220 km), diện tích lớn (11.900 km²), dân số đông (2,35 triệu người), điều kiện giao thông liên lạc khó khăn, nên không thể sâu sát trong việc chỉ đạo điều hành, giải quyết tình hình thực tiễn ở địa phương, cơ sở. Do đó: "Từ năm 1979, vấn đề chia tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh như cũ đã được đặt ra tại nhiều Đại hội đảng bộ huyện và cơ sở. Riêng trong đợt đại hội cấp huyện giữa năm 1986 đã có 9 đảng bộ huyện chính thức kiến nghị chia tỉnh; các đảng bộ khác tuy không có kiến nghị, nhưng vẫn cùng chung một nguyện vọng muốn chia ra"². Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, vấn đề chia tách tỉnh theo địa giới cũ trở thành yêu cầu khách quan và là nguyện vọng chính đáng của

1. Nghị quyết số 53-NQ/TU, ngày 17-3-1989 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình về “Lãnh đạo thực hiện Quyết định của Bộ Chính trị chia tỉnh Nghĩa Bình thành 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định”, tr.1.

2. Nghị quyết số 53/NQ-TU, ngày 17-3-1989: về “Lãnh đạo thực hiện Quyết định của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) về chia tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định”, tr.2.

đông đảo nhân dân, cán bộ, đảng viên trong tỉnh.

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy yêu cầu các ngành chức năng của tỉnh tổ chức phổ biến, giải thích quyết định của Bộ Chính trị đến tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm tạo sự thống nhất về chủ trương và đẩy lên phong trào thi đua xây dựng hai tỉnh vững mạnh, xứng đáng với truyền thống vốn có của mỗi tỉnh, đề phòng và kịp thời ngăn chặn các biểu hiện không đúng đắn, trái với chủ trương của Đảng; chuẩn bị bộ máy tổ chức, bố trí đội ngũ cán bộ các cơ quan cấp tỉnh, thống kê, phân chia tài sản, ngân sách, tài liệu hồ sơ bảo đảm bộ máy tỉnh mới vận hành bình thường.

Đầu tháng 4-1989, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ra quyết định thành lập Đảng bộ hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời. Theo các quyết định này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi gồm 26 đồng chí, trong đó có 5 ủy viên dự khuyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 8 đồng chí. Đồng chí Đỗ Quang Thắng được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Võ Trọng Nguyễn làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Cao Minh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Toàn Đảng bộ Quảng Ngãi có 20.154 đảng viên, sinh hoạt tại 648 tổ chức cơ sở đảng.

Ngày 30-6-1989, kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VIII thông qua quyết định chia tách tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định¹. Ngày 1-7-1989, tỉnh Quảng Ngãi chính thức tái lập. Thực hiện Công điện của Chủ tịch Hội

1. Cũng tại kỳ họp này, Quốc hội quyết định chia tách tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh Thừa Thiên-Huế, Quảng Trị và Quảng Bình.

đồng Bộ trưởng, ngày 8-7-1989, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bầu đồng chí Trần Cao Minh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 1985-1989.

*

* *

Trong gần 7 năm (1983-1989), Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân tỉnh Nghĩa Bình tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Tỉnh đã hoàn thành hợp tác hóa, đưa 98% số hộ nông dân vào con đường làm ăn tập thể, với 429 hợp tác xã, trong đó miền núi có 34 hợp tác xã và 399 tập đoàn sản xuất. Cơ chế khoán 100 và khoán 10 được thực hiện trên diện rộng, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã được hình thành, bước đầu quản lý được các mặt hàng quan trọng, thiết yếu phục vụ đời sống cán bộ và nhân dân. Các hoạt động văn hóa - xã hội đạt được nhiều kết quả, nhất là trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Quốc phòng - an ninh trên địa bàn được giữ vững, góp phần và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân hai tỉnh Champaxắc (Lào) và Ratanakiry (Campuchia) anh em.

Sự phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh là rất to lớn, nhưng kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn trong tình trạng hết sức khó khăn. Sản xuất không đủ để tiêu dùng. Đời sống vật chất và tinh thần của đa số các tầng lớp nhân dân chưa được cải thiện, có mặt xuống cấp nghiêm trọng. Trong 14 năm sáp nhập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đã đoàn kết, phấn đấu đạt được nhiều kết quả to lớn, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc. Song trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm, có lúc rơi vào chủ quan, nóng vội, có lúc lại bảo thủ, trì trệ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật hằng hụt. Nội bộ có biểu hiện mất đoàn kết, cục bộ, địa phương chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, tiếp tục đổi mới để đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa là một tất yếu và trở thành nhu cầu bức thiết của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Chương IV

ĐẢNG BỘ QUẢNG NGÃI TÁI LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1989-1995)

I- TỈNH QUẢNG NGÃI TÁI LẬP, LÃNH ĐẠO ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH

Sau ngày tái lập, tỉnh Quảng Ngãi có 11 đơn vị hành chính trực thuộc là thị xã Quảng Ngãi và các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long và Ba Tơ, với tổng số 164 xã, phường, thị trấn. Tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 5.131 km², dân số 1.041.900 người, gồm các dân tộc Kinh, Hre, Cor, Cadong.

Tỉnh Quảng Ngãi sau khi tái lập, có những thuận lợi cơ bản. Chủ trương tái lập tỉnh phù hợp với nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh; khắc phục đáng kể tình trạng khó khăn trong quản lý, điều hành của bộ máy đảng, chính quyền các cấp do địa bàn quá rộng trong thời kỳ tỉnh Nghĩa Bình. Chủ trương này mang đến sự hồ hởi, phấn khởi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo điều kiện phát huy

tiềm năng, thế mạnh và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Một số cơ sở vật chất ban đầu được xây dựng, nhất là công trình thủy lợi Thạch Nham bắt đầu phát huy tác dụng phục vụ sản xuất và đời sống. Những thành tựu đạt được của đất nước và của tỉnh trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới tạo được tiền đề vật chất và niềm tin để Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi vững bước tiến lên xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh cũng gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nghèo, đất sản xuất phần lớn bạc màu, địa hình phức tạp, đồi núi hiểm trở, thiên tai thường xuyên xảy ra, gây trở ngại cho sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống nhân dân. Cơ sở hạ tầng thấp kém và lạc hậu, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp nhỏ bé, ngoài Nhà máy đường, còn lại không có gì đáng kể. Toàn bộ nguồn ngân sách tiền mặt của tỉnh đến ngày tái lập chỉ vồn vện có 76 triệu đồng; có đơn vị các hàng hóa bằng hiện vật chia kèm theo công nợ, bán không đủ trả nợ. Gần nửa tháng sau, tỉnh mới được chia từ quỹ dự trữ của tỉnh Nghĩa Bình được hơn 3.000 tấn thóc và 42.000 USD. Trụ sở làm việc, nhà ở cho cán bộ, công nhân viên hết sức thiếu thốn, tạm bợ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật thiếu trầm trọng.

Thêm vào đó, trên phạm vi cả nước, cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn diễn ra gay gắt, sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng. Đời sống nhân dân còn rất nhiều khó khăn, nhất là những người hưởng lương, gia đình chính sách, đồng bào miền núi. Tỷ lệ hộ đói, nghèo cao (47,4%). Trong khi đó, lợi dụng sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các

nước Đông Âu và Liên Xô, các thế lực thù địch trong và ngoài nước tăng cường chống phá cách mạng nước ta, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, muốn đưa nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa. Tình hình đó đã tác động nhiều chiều, phức tạp, có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng và tâm trạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Những người trung kiên, có bản lĩnh chính trị vững vàng hết sức băn khoăn, lo lắng trước vận mệnh của Đảng, của dân tộc. Một bộ phận những người thiếu bản lĩnh thì hoang mang, dao động. Có đảng viên bỏ sinh hoạt, trả thẻ Đảng. Không ít thanh niên phai nhạt lý tưởng, bỏ bê sinh hoạt đoàn, không muốn phấn đấu vào Đảng.

Tình hình trên đòi hỏi Đảng bộ phải thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách nhằm củng cố bộ máy tổ chức, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đẩy mạnh phát triển sản xuất. Từ ngày 27 đến ngày 29-7-1989, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ nhất ra Nghị quyết số 01/NQHNTU “Về những công tác cấp bách trong 6 tháng cuối năm 1989 và năm 1990”. Nghị quyết khẳng định: Từ tháng 4-1989, thực hiện Quyết định số 83-QĐ/TW ngày 4-3-1989 của Bộ Chính trị về việc chia tách tỉnh Nghĩa Bình thành hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, Tỉnh ủy đã tích cực chỉ đạo, đến tháng 7-1989 cơ bản hoàn thành việc chia tách tỉnh, đảm bảo sự đoàn kết, gắn bó lâu dài giữa Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, tài sản sau khi phân chia. Các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng tích cực khắc phục khó khăn về chỗ ăn, ở, nơi làm việc, ổn định một bước về tổ chức, cán bộ và triển khai các mặt hoạt động. Tuy vậy, trên một số lĩnh vực, nhiều vấn đề cấp bách đang đặt ra đòi hỏi Đảng bộ

và nhân dân trong tỉnh phải nỗ lực khắc phục, nhanh chóng ổn định tình hình. Nghị quyết xác định những công tác cấp bách trong 6 tháng cuối năm 1989 và năm 1990 là "Hướng vào mục tiêu từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề phát triển trong những năm tới. Tư tưởng chỉ đạo trong toàn Đảng bộ là tăng cường đoàn kết nhất trí, tập trung toàn lực để vượt qua những khó khăn trước mắt, ổn định dần chỗ ăn ở cho cán bộ, công nhân viên, chỗ làm việc cho các cơ quan, ổn định bộ máy tổ chức cán bộ, tiếp tục đưa các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển bình thường, giữ vững mức sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân, lập lại trật tự công cộng, an toàn xã hội, giữ vững an ninh chính trị và quốc phòng"¹. Để đạt được mục tiêu đó, Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách là chỉ đạo chặt chẽ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cân đối lương thực, thực phẩm; xử lý ách tắc trong sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn các đơn vị kinh doanh thương nghiệp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tập trung vốn xây dựng cơ bản cho các công trình thủy lợi, trước hết là công trình thủy lợi Thạch Nham, xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông, cảng biển) nhà ở, bệnh viện, trường học và một phần nhà làm việc cơ quan; giữ vững quốc phòng - an ninh; tăng cường công tác tư tưởng - văn hóa, công tác xây dựng Đảng.

Nhờ sự chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 01-NQHNTU, đến cuối năm 1989, tình hình kinh tế - xã hội có

1. Nghị quyết số 01-NQHNTU, ngày 29-7-1989 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, tr.5.

bước chuyển biến tích cực. Nông nghiệp có bước chuẩn bị chuyển đổi về cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Lương thực đủ ăn và có dự trữ, lượng thóc hàng hóa của nông dân lớn, thị trường lương thực ổn định. Chăn nuôi gia súc, gia cầm được đẩy mạnh, bảo đảm sức kéo và phân hữu cơ cho trồng trọt. Các loại cây công nghiệp như mía, đậu phộng, cà phê, dừa, quế mặc dù bị tác động của giá cả và thị trường tiêu thụ, nhưng vẫn tiếp tục phát triển. Sản lượng đánh bắt thủy sản đạt khá, năng lực đánh bắt tăng nhanh. Phong trào nuôi tôm xuất khẩu được mở rộng. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dần dần được khôi phục. Sau 5 năm (1985-1989) xây dựng, đập đầu mối công trình trọng điểm thủy lợi Thạch Nham đã hoàn thành 96% khối lượng công việc, nhưng phần thi công kênh mương còn chậm. Lĩnh vực xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Đời sống nhân dân dễ chịu hơn trước. An ninh quốc phòng được giữ vững. Tổ chức bộ máy quản lý các cấp, các hội, đoàn thể được củng cố một bước. Tuy nhiên, những chuyển biến đó chỉ mới là bước đầu và còn chậm, có những mặt còn trì trệ.

Từ ngày 27 đến ngày 29-11-1989, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ hai ra Nghị quyết số 02-NQHN/TU “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1990”, với mục tiêu được xác định là: Tiếp tục ổn định tình hình kinh tế - xã hội, trọng tâm là khắc phục các ách tắc trong sản xuất, lưu thông, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mở rộng liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế với nước ngoài, tranh thủ kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, trước hết là việc làm cho người lao động, nhà ở cho cán bộ, công nhân viên, chỗ làm việc cho các cơ quan, khắc phục có trọng điểm

tình trạng yếu kém của các ngành văn hoá, giáo dục, y tế, tạo chuyển biến quan trọng trên mặt trận bảo vệ trật tự, trị an, hạn chế các tệ nạn xã hội, nâng dần mức sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân, bảo đảm an ninh quốc phòng ở địa phương.

Đối với công trình thủy lợi Thạch Nham, Tỉnh ủy chủ trương tập trung sức người, sức của sớm hoàn thành công trình đầu mối, hệ thống kênh chính, phấn đấu đến tháng 7-1990 thông nước thử kênh và đến vụ đông - xuân 1990-1991 tưới được 12.500 ha diện tích, thay thế hệ thống bờ cừ, bờ xe trên sông Trà Khúc.

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQHN/TU của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện một số cơ chế, chính sách mới của Đảng, gắn kế hoạch với hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường, sản xuất gắn với tiêu thụ hàng hóa, nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Năm 1990, tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 285,6 nghìn tấn, tuy không đạt kế hoạch, nhưng tăng 0,6% so với năm 1989. Các loại cây công nghiệp phát triển khá, mía tăng 14,3%, dâu tằm tăng 14%. Chăn nuôi còn gặp khó khăn, nhưng lượng thịt bán ra tăng hơn năm 1989. Phong trào nuôi tôm phát triển mạnh, góp phần tạo nguồn nguyên liệu xuất khẩu đạt hơn 400 tấn, tăng 25% so với kế hoạch. Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh từng bước thích nghi với cơ chế thị trường, giải quyết được việc làm, thu nhập cho người lao động. Sản xuất, kinh doanh của Nhà máy đường Quảng Ngãi tiếp tục đạt nhiều kết quả, có đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách của tỉnh. Công trình thủy lợi Thạch Nham đã hoàn thành đập đầu mối, hệ thống kênh chính đạt được 50%,

kênh nhánh đạt được 40%. Cuối năm 1990, công suất điện tăng 2.800 KW, nhờ đưa vào sử dụng bốn tổ máy phát điện SKODA. Quốc lộ 5A được thông tuyến. Một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội hoàn thành đưa vào sử dụng như cầu Nước Ren, cầu Hồ Tối, tổng đài tự động 1.000 số, đường dây 15 KV Hành Thiện - Minh Long, thủy điện Di Lăng, thông luồng cảng Sa Kỳ bảo đảm tàu 400 tấn ra vào được, khu A khách sạn Sông Trà, v.v.. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 19 tỷ đồng, trong đó Nhà máy đường Quảng Ngãi đóng góp 5,5 tỷ đồng. Giá cả các loại hàng hóa trên thị trường tuy cuối năm có tăng, nhưng vẫn tương đối ổn định.

Tuy nhiên, trong hai năm đầu tái lập, nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi còn đứng trước rất nhiều khó khăn. Chuyển sang cơ chế thị trường, đa số các đơn vị kinh tế quốc doanh thiếu vốn, thị trường tiêu thụ sản phẩm ách tắc, lao động dôi dư trở thành vấn đề xã hội rất bức xúc. Đến tháng 6-1990, toàn tỉnh có 83 đơn vị kinh tế quốc doanh lập xong phương án sản xuất, kinh doanh, trong đó gần một nửa trong tổng số 6.922 lao động thuộc diện dôi thừa. Đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, từ khi khoán 10 đi vào cuộc sống, nông dân rất phấn khởi, đẩy mạnh phát triển sản xuất, đời sống được cải thiện. Nhưng khoán 10 lại làm phát sinh một số mâu thuẫn mới. Các dịch vụ sản xuất nông nghiệp ít được chú trọng, công tác cải tạo, kiến thiết lại đồng ruộng, tưới tiêu nước gặp khó khăn, các tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất bị hạn chế, hệ thống thú y, bảo vệ thực vật hầu như không hoạt động. Vấn đề tranh chấp ruộng đất và đòi lại ruộng cũ xảy ra ở nhiều nơi. Công tác xuất, nhập khẩu bế tắc, do khối kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa bị giải thể, các hợp đồng kinh tế bị hủy bỏ. Năm 1990, kim ngạch xuất

khẩu chỉ đạt hơn 4 triệu rúp, đô la, bằng 55% kế hoạch. Tài chính của tỉnh luôn ở trạng thái căng thẳng, thu ngân sách địa phương chỉ mới đảm bảo được 50% tổng chi ngân sách.

Tuy kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng các lĩnh vực văn hóa - xã hội được Đảng bộ tỉnh quan tâm chỉ đạo, đạt được một số kết quả tích cực. Ngày 9-7-1989, báo *Quảng Ngãi* ra số đầu. Đài Phát thanh, Đài Truyền hình tỉnh phát sóng đã mang đến cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tin tức thời sự trên các lĩnh vực, nhất là những nhiệm vụ cấp bách trước mắt sau ngày tỉnh Quảng Ngãi được tái lập¹. Ngành giáo dục tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học. Tất cả các xã đồng bằng đều có trường trung học cơ sở, mỗi huyện có 1 đến 2 trường trung học phổ thông. Nhiều trường mở thêm các lớp hệ B cho những học sinh không có điều kiện theo học chính quy. Năm học 1989-1990, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp 1 đạt 81%, cấp 2 đạt 70,8%, cấp 3 đạt 73%. Học sinh Quảng Ngãi trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề tăng hơn các năm trước. Ngành y tế đẩy mạnh công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, triển khai tiêm chủng mở rộng, kịp thời dập tắt các ổ dịch lớn. Các lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, báo chí, thể dục thể thao được tỉnh quan tâm đầu tư phát triển.

Tuy nhiên, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, mặt trái của cơ chế thị trường tác động đã làm nảy sinh nhiều tiêu cực trong lĩnh vực văn hóa - xã hội thời kỳ đầu tái lập tỉnh. Đạo đức xã hội suy giảm. Một

1. Đến ngày 20-7-1990, Đài Phát thanh và Đài truyền hình được sáp nhập thành Đài Phát thanh - truyền hình Quảng Ngãi .

số ấn phẩm văn hóa phát hành sai nguyên tắc, một số bài viết trên báo *Quảng Ngãi*, tạp chí *Sông Trà* phản ánh sai sự thật, lệch lạc về quan điểm chính trị. Chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục giảm sút. Tỷ lệ phát triển dân số còn rất cao, năm 1989 gần 2,6%, năm 1990 trên 2,4%.

Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các ngành quân sự, công an tiếp tục xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc, chấn chỉnh một bước tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đang diễn biến rất phức tạp. Ngày 22-6-1990, Hội nghị Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 32/NQ-TU “Về xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc và công tác quân sự địa phương trong thời gian đến”. Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ cụ thể, nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, gắn chặt kinh tế với quốc phòng, an ninh theo một kế hoạch thống nhất, đồng bộ, toàn diện, sẵn sàng chiến đấu khi có chiến tranh xảy ra; kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng, chống chiến tranh tâm lý, gián điệp, chống địch xâm nhập nội địa và các phần tử vượt biển trốn ra nước ngoài, truy quét FULRO, đánh bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 32 của Tỉnh ủy, các cấp uỷ tăng cường giáo dục ý thức quốc phòng cho toàn dân và các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các ngành, các cấp, phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Khả năng phòng thủ ở các khu vực trọng điểm, nhất là ven biển, miền núi và đảo Lý Sơn được tăng cường. Các địa phương xây dựng kế hoạch phòng thủ cơ bản, kế hoạch chống bạo loạn và tổ chức diễn tập

PT-90. Công tác nghĩa vụ quân sự hàng năm đều đạt và vượt mức chỉ tiêu. Lực lượng công an tổ chức 4 đợt truy quét các loại tội phạm, bắt giữ 622 đối tượng. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được khơi dậy. Nhân dân phát hiện, tố giác 219 tên tội phạm hình sự, phối hợp với công an truy bắt 277 tên, vận động 25 tên ra đầu thú. Được sự hỗ trợ của quần chúng, lực lượng vũ trang triệt phá 6 băng nhóm trộm cướp chuyên nghiệp, ngăn chặn và bắt 3 tàu thuyền nước ngoài hoạt động trái phép trên vùng biển nước ta, trấn áp kịp thời các tổ chức nhen nhóm phản động và bọn vượt biển. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, chủ quyền an ninh trên tuyến biển, đảo được bảo vệ vững chắc.

Ngày 19-11-1989, đông đảo cử tri trong tỉnh hăng hái tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp. Kết quả có 63 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 5 năm 1989-1994. Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu bầu đồng chí Nguyễn Văn Vấn giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Trần Cao Minh giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến tháng 6-1992, đồng chí Trần Anh Kiệt được Thủ tướng Chính phủ chỉ định giữ chức Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tháng 2-1993 được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Trần Cao Minh nghỉ hưu.

Để phù hợp với cơ chế quản lý mới, cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền các cấp có sự thay đổi. Theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ở cấp tỉnh và huyện thành lập cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan hoạt động

thường xuyên của Hội đồng nhân dân, có chức năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, phối hợp với Ủy ban nhân dân và các ngành tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân, phối hợp với mặt trận và các đoàn thể tổ chức cho đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri.

Đoàn đại biểu Quốc hội khóa VIII của tỉnh cũng được thành lập theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm 9 đại biểu được bầu trên địa bàn Quảng Ngãi, ngày 19-4-1987.

Cùng với tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác xây dựng và củng cố chính quyền, Tỉnh ủy và các cấp ủy thường xuyên quan tâm đổi mới công tác vận động quần chúng. Mặt trận và các đoàn thể từng bước được mở rộng, nội dung và phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, quan tâm hơn đến lợi ích của hội viên, đoàn viên. Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư, ngày 6-3-1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo số 52-TB/TU thành lập Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Ngãi và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời, chuẩn bị Đại hội lần thứ nhất.

Trong 2 năm 1989-1990, tình hình khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô tác động, gây nhiều bất lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Để giữ vững ổn định chính trị, Hội nghị Trung ương 8 khóa VI (3-1990) ra Nghị quyết 8A về tình hình quốc tế và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta và Nghị quyết 8B về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Nghị quyết 8A chỉ rõ các nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất từ

trước tới nay, nguyên nhân là do Đảng Cộng sản và công nhân các nước đó phạm phải sai lầm có tính nguyên tắc về quan điểm, đường lối, xa rời hoặc từ bỏ những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin khi tiến hành cải tổ, cải cách. Nghị quyết 8B chỉ rõ mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là vô cùng hệ trọng, có quan hệ đến vận mệnh chính trị của Đảng ta. Hai nghị quyết tập trung giải đáp những vấn đề cấp bách, nóng bỏng của tình hình trong nước và quốc tế, nhấn mạnh quan điểm Đảng phải lãnh đạo công cuộc đổi mới, tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thắt chặt hơn mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Quán triệt và tổ chức thực hiện hai nghị quyết quan trọng này, ngày 11-5-1990, Hội nghị Tỉnh ủy ra Nghị quyết "Về những nhiệm vụ cấp bách theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8". Nghị quyết khẳng định những thành tựu đạt được của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong 5 năm 1986-1990 thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đồng thời nêu rõ những khó khăn của tỉnh như kinh tế - xã hội còn nhiều nhân tố chưa ổn định, tư tưởng ỷ lại trong cán bộ, đảng viên và nhân dân rất nặng nề, tổ chức cơ sở đảng một số nơi chưa được củng cố, nội bộ Đảng nhiều nơi mất đoàn kết, tự làm giảm sút sức chiến đấu và uy tín đối với nhân dân, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là Tỉnh ủy chưa nhạy bén, kịp thời trước những diễn biến phức tạp mới, thiếu năng động, thiếu sâu sát cụ thể, nhất là trong đổi mới kinh tế - xã hội. Để đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới, Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp cấp bách về công tác tư tưởng chính trị, kinh tế - xã hội và đời sống, quốc phòng - an ninh và đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Đây là hệ thống các nhiệm vụ và giải pháp cơ

bản, cấp bách trong thời điểm hết sức quan trọng, có tính chất quyết định, đòi hỏi “các cấp, các ngành phải vươn lên tầm cao mới bằng một tinh thần kiên quyết, khẩn trương và nỗ lực vượt bậc, không thể chần chừ, do dự, vì thời gian không chờ đợi chúng ta”¹.

Quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, các cấp ủy đã chú ý hơn đối với công tác tư tưởng, chính trị. Tháng 5-1990, chào mừng Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1990) và sự kiện Tổ chức Văn hóa - Khoa học - Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề “Quảng Ngãi với Bác Hồ, Bác Hồ với Quảng Ngãi”. Ban Tuyên giáo các cấp đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền miệng, tổ chức quán triệt các Nghị quyết Trung ương 6,7,8, nhất là Nghị quyết Trung ương 8. Do đó, trong bối cảnh quốc tế không thuận lợi, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng đại đa số cán bộ, đảng viên vẫn kiên định lập trường cách mạng, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, tích cực tham gia các phong trào ở địa phương. Để tăng cường công tác tư tưởng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên bắt đầu từ tháng 2-1990 đến giữa năm 1991. Cuộc vận động được tiến hành chặt chẽ, hiệu quả cao, góp phần làm cho đội ngũ cán bộ,

1. Nghị quyết số 03-NQHNTU, ngày 11-5-1990 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi “Về những nhiệm vụ cấp bách theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8”, tr.14-15.

đảng viên vững vàng về chính trị, tu dưỡng đạo đức, lối sống, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhìn chung, công tác tư tưởng của Đảng bộ có tác dụng góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và chế độ. Tuy nhiên, trước những diễn biến nhanh, phức tạp của tình hình chính trị quốc tế, nhất là ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô, công tác chính trị, tư tưởng thời kỳ này còn lúng túng, thụ động, mang tính đối phó. Một số cấp ủy đảng coi nhẹ công tác tư tưởng, chưa thấy hết những mặt tiêu cực mới phát sinh để giải đáp kịp thời những băn khoăn, lo lắng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng. Việc đấu tranh chống các tư tưởng sai trái, lệch lạc chưa có tính thuyết phục. Một số cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, hoang mang, dao động, thoái hóa biến chất làm suy yếu sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ.

Đến trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (10-1991), Đảng bộ Quảng Ngãi có 20.808 đảng viên, trong đó đảng viên nữ chiếm 19%, dân tộc thiểu số chiếm 13,4%, hưu trí, mất sức chiếm 32,5%. Do tác động của tình hình trong nước và quốc tế, bên cạnh những mặt tích cực, trong thời kỳ đầu mới tái lập, tổ chức đảng và đảng viên của Đảng bộ Quảng Ngãi có những diễn biến không bình thường. Số đảng viên được kết nạp vào đảng giảm dần qua các năm. Năm 1989, kết nạp được 499 đảng viên. Năm 1990, kết nạp được 410 đảng viên. Năm 1991, kết nạp được 317 đảng viên. Đảng viên bị khai trừ, đảng viên xin ra khỏi Đảng tăng lên qua các năm. Nếu như năm 1989, toàn Đảng bộ mới chỉ có 87 đảng viên bị khai trừ và xin ra khỏi Đảng, thì năm 1991 có đến 254 đảng viên

bị khai trừ và xin ra khỏi Đảng, trong đó bỏ sinh hoạt, bỏ công tác hoặc xin ra khỏi Đảng 83 đảng viên. Các tổ chức đảng tuy được củng cố, nhưng nhiều nơi buông lỏng vai trò lãnh đạo, sinh hoạt đảng lỏng lẻo, có chi bộ nhiều tháng liền không sinh hoạt, có nơi mất đoàn kết nội bộ kéo dài. Thời kỳ này, một số cán bộ, đảng viên Văn phòng Tỉnh ủy có liên quan đến vụ án tham nhũng, làm thất thoát tài sản của Đảng và Nhà nước tại công ty Quiesco gây bất bình trong dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

II- KIẾN TRÌ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG - AN NINH

Bước sang năm 1991, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến ngày càng phức tạp. Liên Xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào gây nên đảo lộn lớn về trật tự thế giới, có tác động mạnh đến nước ta, làm mất chỗ dựa chủ yếu trong quan hệ hợp tác toàn diện với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đẩy mạnh hoạt động chống phá cách mạng nước ta, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, giương chiêu bài dân chủ, nhân quyền.

Trong khi đó, đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm. Sự nghiệp văn hóa - xã hội có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tệ nạn xã hội phát triển, đạo đức xã hội suy giảm. Tình trạng tham nhũng, mất dân chủ, vi phạm pháp luật diễn ra khá phổ biến.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 24 đến ngày 28-4-1991, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV¹ (vòng 1) được tổ chức tại nhà Văn hóa Lao động tỉnh. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, thông qua bản tổng hợp ý kiến của Đại hội Đảng bộ các cấp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội VII của Đảng, bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ Quảng Ngãi đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Với tinh thần trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, Đại hội đã tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, rút ra năm bài học trong tiến trình đổi mới, đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ 5 năm 1991-1995 với mục tiêu tổng quát “*Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay*”². Đặc biệt, lần đầu tiên sau 15 năm đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Cương lĩnh khẳng định: “*Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải*

1. Nghị quyết số 37/NQ-TU ngày 15-4-1991 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi “Về xác định các lần Đại hội của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi”.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội. 1991, tr.60.

biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"¹. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư. Đại hội suy tôn các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII), được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Ban Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương².

Sau khi đồng chí Đỗ Quang Thắng nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Võ Trọng Nguyễn Phó Bí thư Tỉnh ủy, được chỉ định làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

Thành công của Đại hội VII đánh dấu cột mốc mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam, là nguồn cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong cả nước quyết tâm đưa nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề bước vào thời kỳ phát triển mới.

Từ ngày 17 đến ngày 20-10-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV (vòng 2) được tổ chức tại nhà Văn hóa Lao động tỉnh. Tham dự Đại hội có 316 đại biểu chính thức. Đồng chí Phạm Văn Đồng, cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9.

2. Đến tháng 12-1993, đồng chí Đỗ Quang Thắng được bầu vào Bộ Chính trị.

Đánh giá tình hình 5 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra, nhất là từ ngày tái lập tỉnh, Đại hội khẳng định: Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng có những chuyển biến tích cực, cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được xây dựng, tiến độ thi công các công trình được đẩy mạnh, nhất là công trình thủy lợi Thạch Nham. Bước đầu xóa bỏ được tính chất tự cấp, tự túc, từng bước hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Cơ chế kinh tế mới bước đầu giải phóng được sức sản xuất, các tiềm năng lớn như tài nguyên, đất đai, vốn, kỹ thuật, sức lao động được chú ý khai thác và phát huy hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh. Những kết quả đó góp phần ổn định, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, các chính sách xã hội được giải quyết, mang lại hiệu quả thiết thực, không khí dân chủ, cởi mở được phát huy, ý thức công dân ngày càng được nâng cao, quốc phòng - an ninh được củng cố, trật tự an toàn xã hội cơ bản được ổn định. Năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền, các hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân được nâng lên một bước, theo yêu cầu của công tác đổi mới. Trình độ nhận thức, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên, đa số vẫn giữ được phẩm chất chính trị, đạo đức trong khi tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp.

Đại hội cũng thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm, tồn tại chủ yếu. Kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn gay gắt, mất cân đối về nhiều mặt. Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, chưa khai thác hết tiềm năng to lớn của ba vùng kinh tế, nhất là trung du và miền núi, sản phẩm hàng

hóa ít, năng suất, sản lượng tăng chậm, mô hình hợp tác xã nông nghiệp chưa kịp đổi mới phù hợp với cơ chế mới. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trì trệ, nhiều cơ sở quốc doanh và tập thể làm ăn thua lỗ kéo dài. Cân đối ngân sách luôn ở trạng thái căng thẳng, thu không đủ chi, kim ngạch xuất khẩu ít, công tác quản lý tài chính, tiền tệ, tín dụng còn nhiều khuyết, nhược điểm. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục còn nhiều khó khăn, nhất là ở miền núi và các vùng nông thôn. Trình độ dân trí phát triển chậm. Lao động không có việc làm tăng hơn 4 vạn người, tỷ lệ phát triển dân số còn cao, 2,4%/năm. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Bộ máy chính quyền các cấp còn công kênh, quản lý kém hiệu lực, hiệu quả. Công tác tổ chức cán bộ chậm được đổi mới. Đội ngũ cán bộ thiếu đồng bộ, thiếu chuyên gia giỏi. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng còn nhiều hạn chế, nhất là ở cơ sở. Đảng viên trong Đảng bộ tương đối đông, nhưng đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu chiếm tỷ lệ thấp, chỉ trên 30%. Một số ít cán bộ, đảng viên có biểu hiện cơ hội, thoái hóa, biến chất, nhưng đấu tranh xử lý chưa kịp thời, chưa đúng mức. Các cấp ủy Đảng, trước hết là Tỉnh ủy chậm đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo, thiếu những biện pháp tích cực để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ mới.

Quan triệt đường lối Đại hội VII của Đảng và tình hình thực tiễn của tỉnh, Đại hội ra Nghị quyết xác định mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ tới “Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, ổn định và nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, bảo đảm các nhiệm vụ quốc phòng, an

ninh, tập trung xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực của bộ máy chính quyền, vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, từng bước xây dựng tiền đề vật chất, tạo thế đi lên cho những năm sau”¹.

Đại hội đề ra sáu mục tiêu cụ thể:

Phát triển nông nghiệp toàn diện để ổn định và phát triển sản xuất, phấn đấu đến năm 1995 đạt sản lượng lương thực 350.000 tấn, mía cây 600.000 tấn, trồng mới 30.000 ha rừng và 80 triệu cây phân tán, sản lượng hải sản 30.000 tấn, đàn trâu 48.000 con, đàn bò 170.000 con, đàn lợn 315.000 con. So với năm 1990, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 1,6 - 1,8 lần, kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng ba lần (khoảng 15 triệu USD), thu nhập bình quân đầu người tăng 1,8 lần, từng bước cân bằng ngân sách, bắt đầu có tích lũy.

Tập trung giải quyết việc làm cho người lao động, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 5.000 lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 còn dưới 2%.

Ngăn chặn tình trạng xuống cấp về cơ sở vật chất trong các ngành giáo dục, y tế. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ở đồng bằng, chăm lo giáo dục, văn hóa ở miền núi. Xóa mù chữ ở đồng bằng và 50% ở miền núi; phòng chống dịch bệnh, kịp thời dập tắt các ổ dịch bệnh trên tất cả địa bàn, đẩy mạnh công tác tiêm chủng mở rộng, thanh toán bệnh bại liệt cho trẻ em và phòng ngừa các bệnh xã hội

Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (vòng 2), tháng 10-1991, tr.34.

nhân dân, bảo đảm phần lớn các nhu cầu thiết yếu về ăn, ở, đi lại, học hành, khám chữa bệnh, không để trẻ em thất học, không để có người chết đói.

Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường sự thống nhất ý chí và tinh thần trong toàn xã hội.

Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Sắp xếp tinh gọn bộ máy, chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu trên, Đại hội đề ra 9 chương trình kinh tế trọng điểm là sản xuất lương thực; xây dựng các vùng chuyên canh mía, chế biến đường và các sản phẩm sau đường, đưa cây mía thành cây hàng hóa số một của tỉnh; đưa thủy sản thành ngành kinh tế hàng hóa mũi nhọn của tỉnh; thực hiện chương trình trồng rừng; phát triển mạnh chăn nuôi, đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất hàng hóa; phát triển ngành dâu tằm tơ và gắn với công nghiệp chế biến; phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; chương trình xuất nhập khẩu; chương trình phát triển kinh tế miền núi, hải đảo. Đại hội còn đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về phân vùng kinh tế, về cơ cấu đầu tư, về khoa học công nghệ và chính sách huy động vốn thực hiện các chương trình kinh tế.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 1991-1995, gồm 41 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Đỗ Minh Toại được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Được được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi đồng chí Nguyễn Văn Được được điều động công tác tại Quân khu V, ngày 30-5-1992 đồng chí Nguyễn Văn Ván được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Theo quy định của Điều lệ Đảng, từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã họp tại Thủ đô Hà Nội để kiểm điểm, đánh giá những thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm sau nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 2 năm 1994-1995. Tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ, lần đầu tiên Đảng ta xác định bốn nguy cơ lớn có ảnh hưởng đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đó là các nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; nguy cơ nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Từ ngày 28 đến ngày 30-3-1994, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV được tổ chức tại Nhà Văn hóa Lao động. Hội nghị thảo luận dự thảo báo cáo đánh giá tình hình nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh, đề ra các nhiệm vụ chủ yếu trong 2 năm 1994-1995.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, cũng như các địa phương khác trong cả nước, Quảng Ngãi gặp nhiều khó khăn mới. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước tăng cường cấu kết với nhau tuyên truyền ráo riết đòi đa đảng, đa nguyên chính trị, kích động phá hoại mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, thực hiện âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục có những diễn biến phức tạp, do những biến động ở

Đông Âu và Liên Xô làm đảo lộn thị trường xuất, nhập khẩu, thiên tai liên tiếp gây thiệt hại nặng về người và tài sản. Tỉnh Quảng Ngãi vừa mới được tái lập, cơ sở hạ tầng yếu kém, xuống cấp nghiêm trọng, quy mô các ngành sản xuất công, nông nghiệp, dịch vụ nhỏ bé, lạc hậu. Trong hoàn cảnh đó, để ổn định và phát triển kinh tế, Đảng bộ xác định phải chuyển đổi và hình thành cơ cấu kinh tế mới theo định hướng “lấy phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và từng bước xây dựng nông thôn mới làm nhiệm vụ hàng đầu”¹. Thực tế đã chứng tỏ đây là một tư duy kinh tế đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của tỉnh vừa mới được tái lập, có tác dụng thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh mẽ nhất trong những năm sau giải phóng đến năm 1995.

Về nông nghiệp, trong đó sản xuất lương thực được Đảng bộ đặc biệt chú trọng. Để ưu tiên cho sản xuất lương thực, tỉnh tập trung đầu tư vốn sớm hoàn thành công trình thủy lợi Thạch Nham và các công trình thủy lợi vừa và nhỏ bằng nguồn kinh phí Nhà nước cấp và sự đóng góp của nhân dân. Trong 5 năm 1991-1995, tỉnh dành 59,9% vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, trong đó 78,2% cho công trình thủy lợi Thạch Nham. Ngày 26-2-1994, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 692/NQ-TU: “Về tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình thủy lợi Thạch Nham trong 2 năm 1994-1995”. Nghị quyết khẳng định: Công trình thủy lợi Thạch Nham có vị trí quan trọng

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (vòng 2), tháng 10-1991, tr.36.

đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 1994, việc thi công công trình đã vượt qua giai đoạn khó khăn, phức tạp nhất. Cụm công trình đầu mối, kênh chính đi qua vùng đất cao lạnh, vùng núi đá, các xi phong đưa nước qua sông Giang, sông Trà Bồng, Phước Lâm, Bằng Lăng, cầu máng suối Di đã cơ bản hoàn thành. Tuy nhiên, việc thi công công trình còn nhiều tồn tại lớn, nhất là việc thi công các cấp kênh chưa đồng bộ, tiến độ thi công kênh mương nội đồng chậm, số lượng huy động ngày công công ích đạt thấp, kê đọng, thất thu thủy lợi phí còn rất lớn. Tình hình đó làm cho công trình chậm phát huy được hiệu quả, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Nghị quyết xác định: Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh phải ra sức phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã được Chính phủ phê duyệt là đến năm 1995, công trình phải được hoàn thành về cơ bản, đưa toàn bộ công trình vào phát huy hiệu quả tưới cho 50.000 ha theo thiết kế. Để đạt được mục tiêu trên, ngoài việc tranh thủ nguồn vốn chủ lực của Trung ương, nghị quyết đề ra ba giải pháp, trong đó giải pháp hàng đầu là tập trung huy động nguồn lực, như ngày công lao động công ích, thủy lợi phí, tiết kiệm chi tiêu, vận động các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ xây dựng công trình, v.v..

Sự tập trung đầu tư của Trung ương và thực hiện đồng bộ các giải pháp thiết thực, hiệu quả và sự kiểm tra, đôn đốc kịp thời, đến năm 1995, công trình thủy lợi Thạch Nham đã hoàn thành cơ bản. Việc hoàn thành và đưa vào sử dụng công trình thủy lợi Thạch Nham đã góp phần đưa diện tích tưới bằng các công trình thủy lợi trong toàn tỉnh từ 71.000 ha (năm 1990) lên 94.000 ha (năm 1995), chiếm 69,3% diện tích gieo trồng hàng năm. Đến năm 1995, các công trình thủy lợi

cũng đã làm tăng thêm 5.600 ha diện tích gieo trồng so với năm 1990.

Cùng với tập trung đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, Đảng bộ chủ trương đưa nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Các giống lúa mới năng suất cao như ả 32, Q.2, 108 thuần, VX.83 giống ngô lai Bioseed, DK.88 thay thế giống ngô cũ. Nhiều địa phương mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng. Năm 1995, toàn tỉnh chuyển 3.842 ha đất trồng lúa năng suất thấp sang trồng các cây trồng khác hiệu quả hơn như bắp lai, đậu, lạc, chuyển 78 ha lúa 3 vụ sang 2 vụ lúa, 1 vụ màu. Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp, nên sản lượng lương thực của tỉnh tăng nhanh, từ 285,6 nghìn tấn năm 1990 lên 319,6 nghìn tấn năm 1995.

Việc chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp trong 5 năm 1991-1995 còn thể hiện rõ nét ở chỗ Đảng bộ chủ trương và chỉ đạo, vận động nhân dân các địa phương, cơ sở trồng trên diện rộng nhiều loại cây công nghiệp phục vụ công nghiệp chế biến. Cây mía là cây công nghiệp truyền thống, chủ lực của Quảng Ngãi, được Đại hội Đảng bộ tỉnh xác định là một trong 9 chương trình kinh tế trọng điểm. Do được chú trọng đầu tư cả về quy hoạch vùng mía chuyên canh, giống mới, kỹ thuật canh tác, nên cây mía thời kỳ này phát triển ổn định cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Năm 1995, diện tích mía toàn tỉnh đạt 10.500 ha, vượt 1.500 ha so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra, sản lượng đạt 535.500 tấn, tăng 141.500 tấn so với năm 1990. Với sản lượng đó, công suất của Nhà máy đường Quảng Ngãi chỉ mới tiêu thụ hết một nửa, nửa còn lại nhân dân tự chế biến bằng phương pháp thủ công truyền thống.

Sau cây mía, theo với xu thế chung của cả nước lúc bấy giờ, cây dâu tằm là loại cây công nghiệp được Đảng bộ chủ trương phát triển mạnh. Ngày 20-9-1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 12-CT/TU “Về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong việc duy trì và phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm”. Chỉ thị yêu cầu: Để đạt được mục tiêu đến năm 1995, trồng mới 2.500 ha dâu, 2.000 tấn kén, 120-150 tấn tơ, giải quyết việc làm cho hơn 10.000 lao động trên địa bàn tỉnh, các cấp ủy đảng phải cụ thể hóa bằng các biện pháp thực hiện chương trình trồng dâu, nuôi tằm ở địa phương, đơn vị mình, hướng dẫn, động viên nhân dân trồng dâu nuôi tằm; Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Công ty Dâu tằm tơ quy hoạch vùng dâu tằm, xây dựng các đề án dâu tằm tơ để tranh thủ nguồn vốn của Trung ương, có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ xuất khẩu. Năm 1993, diện tích dâu tằm toàn tỉnh đạt mức cao nhất là 305 ha. Mặc dù nguồn ngân sách còn hạn hẹp, nhưng tỉnh tự cân đối đầu tư xây dựng nhà máy ương tơ, công suất thiết kế 20 tấn sợi/năm.

Chăn nuôi được Đảng bộ tỉnh chủ trương đưa lên trở thành ngành sản xuất chính. Một số loại giống mới được đưa vào sản xuất như bò lai Sind, lợn hướng nạc, vịt siêu trứng. Hoạt động dịch vụ thú y, công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm được chú trọng tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển. Đến năm 1995, đàn trâu đạt 47.000 con, tăng 10,6%, đàn bò đạt 185.500 con, tăng 24%, sản lượng lợn xuất chuồng đạt 24.000 tấn, tăng 33,4% so với năm 1990.

Thủy sản là một ngành kinh tế hàng hóa mũi nhọn của tỉnh. Trong 5 năm 1991-1995, nhân dân đầu tư trên 190 tỷ đồng đóng mới 1.745 tàu, thuyền đánh bắt cá, trang bị máy

tầm ngư, hầm lạnh để đánh bắt ở các ngư trường xa, dài ngày. Nhờ đó, năm 1995, sản lượng đánh bắt cá đạt 38.700 tấn, tăng gần gấp đôi so với năm 1990. Nuôi tôm đã phát triển thành phong trào ở các địa phương ven biển. Diện tích hồ nuôi tôm năm 1995 đạt 430 ha, tăng gấp 4 lần năm 1990, sản lượng tôm đạt 225 tấn, tăng gấp 8 lần năm 1990. Nuôi ba ba, cá lồng phát triển mạnh, trở thành nguồn thu nhập chính của nhiều hộ gia đình.

Những kết quả đạt được trong nông nghiệp những năm 1991-1995 là một thành tựu to lớn, có tác dụng làm thay đổi cơ bản đời sống nông dân Quảng Ngãi, góp phần đưa kinh tế - xã hội của tỉnh vượt qua khủng hoảng.

Song song với phát triển nông nghiệp, tỉnh chủ trương đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tiểu - thủ công nghiệp với định hướng chủ yếu là phát triển công nghiệp chế biến phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Với quan điểm đó, tỉnh tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất với dây chuyền công nghệ hiện đại, tạo ra sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Đi đầu trong đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ là Nhà máy đường Quảng Ngãi. Năm 1993, nhà máy đầu tư 43 tỷ đồng nhập dây chuyền sản xuất bia, theo công nghệ của Tiệp Khắc, công suất 10 triệu lít/năm, 23,8 tỷ đồng nhập dây chuyền sản xuất bánh kẹo, công nghệ của Đài Loan, công suất bánh 8.400 kg/ngày, kẹo 11.000 kg/ngày. Năm 1994, nhà máy tiếp tục đầu tư 17,4 tỷ đồng nhập dây chuyền sản xuất nước khoáng, công nghệ Italia, công suất 36 triệu lít/năm. Năm 1995, nhà máy đầu tư 22,2 tỷ đồng nhập dây chuyền sản xuất nước ngọt, công suất 30 triệu lít/năm; 10 tỷ đồng xây dựng phân xưởng sản xuất mạch nha, công suất 10

tấn/ngày, v.v.. Do được sắp xếp sản xuất hợp lý, nắm vững quy luật thị trường, đầu tư công nghệ hiện đại, các phân xưởng của Nhà máy đường Quảng Ngãi phát triển mạnh mẽ, giá trị sản xuất tăng nhanh, đóng góp phần lớn trong ngân sách của tỉnh. Cùng với Nhà máy đường Quảng Ngãi, các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh trên địa bàn tỉnh từng bước vượt qua thời kỳ khó khăn, sản xuất, kinh doanh có lãi, đóng góp ngân sách ngày càng tăng. Năm 1991, tăng 0,1%, năm 1992 tăng 32,7%, năm 1993 tăng 14,7%, năm 1994 tăng 22%, năm 1995 tăng 34,3%. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác được khuyến khích phát triển. Năm 1995, toàn tỉnh có 9.645 cơ sở sản xuất tư nhân, cá thể, với khoảng 38.000 lao động, giá trị sản xuất tăng 53,4% so với năm 1990. Nhiều sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh có mức tăng nhanh, riêng sản phẩm bia, năm 1994 có doanh thu 33 tỷ đồng, nộp ngân sách 16 tỷ đồng.

Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là lĩnh vực được ưu tiên đầu tư trong thời kỳ 1991-1995. Trong 5 năm, vốn đầu tư xây dựng cơ bản toàn tỉnh đạt 1.068,3 tỷ đồng, tăng 57% so với thời kỳ 1985-1990. Nhiều công trình phát huy tác dụng tốt như các dây chuyền sản xuất bia, nước khoáng, bánh kẹo, mạch nha, nâng cấp, mở rộng công suất Nhà máy đường 2.000 tấn mía cây/ngày. Các công trình giao thông trọng điểm như đèo Viôlắc, cầu sông Re, sông Rin, đường Di Lăng - Ba Ngạc, Di Lăng - Trà Niêu, đường tránh đông Quốc lộ 1A qua thị xã Quảng Ngãi, đường Quán Cơm - Sa Kỳ, trụ sở làm việc một số sở, ban, ngành. Đặc biệt, ngày 26-1-1992, Quảng Ngãi chính thức nhận điện từ lưới điện quốc gia qua trạm biến áp 110 KV Núi

Bút, mở ra bước ngoặt mới tiến tới phủ kín điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đến năm 1995, toàn tỉnh có 98/171 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia. Thông tin liên lạc có bước phát triển mới, với 100% số xã đồng bằng và đảo Lý Sơn, 38% số xã miền núi có điện thoại. Tỷ lệ điện thoại đạt 0,8 máy/100 dân. Những kết quả trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã góp phần tích cực vào việc cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng nông thôn mới.

Hoạt động thương mại những năm 1991-1995 thực sự sôi động, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Tình trạng ngăn sông cấm chợ, chính sách “hai giá” thời kỳ bao cấp hoàn toàn bị xóa bỏ. Toàn tỉnh là một thị trường thông suốt, giá cả dần dần bình ổn, hàng hóa đa dạng, phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 1995 đạt 833,6 tỷ đồng, tăng 364% so với năm 1990. Cơ cấu trong tổng mức bán lẻ có sự thay đổi cơ bản. Thương nghiệp quốc doanh và tập thể không còn chiếm ưu thế và giữ vai trò chủ đạo trên thị trường, thay vào đó là thương nghiệp tư nhân, cá thể dần dần chiếm ưu thế. Năm 1995, thương nghiệp quốc doanh chỉ chiếm 10,1% tổng mức bán lẻ. Các hợp tác xã mua bán (thương nghiệp tập thể) tê liệt hoạt động. Trong khi đó, tổng mức bán lẻ của thương nghiệp tư nhân, cá thể từ 80,8% năm 1990 tăng lên 89,9% năm 1995. Năm 1995, toàn tỉnh có 18.209 hộ cá thể kinh doanh thương mại, dịch vụ, giải quyết việc làm cho 23.868 lao động.

Hoạt động xuất, nhập khẩu sau tái lập tỉnh rất khó khăn. Bộ máy tổ chức không ổn định, thiếu cán bộ quản lý có kinh nghiệm, thiếu vốn kinh doanh, giá trị kim ngạch xuất khẩu ngày càng giảm sút. Năm 1990, kim ngạch xuất khẩu đạt

832.200 USD. Năm 1992 giảm xuống còn 618.900 USD. Năm 1995 chỉ còn 559.300 USD. Đến năm 1995, tỉnh thu hút được ba dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký 5,7 triệu USD, trong đó vốn của tỉnh góp chiếm 32,4%.

Cùng với quá trình phát triển các ngành kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trọng tâm là sắp xếp lại các công ty, xí nghiệp quốc doanh theo Nghị định số 388-CP của Chính phủ, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII), khuyến khích và tạo điều kiện các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể phát triển.

Theo tinh thần đó, các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc thành phần kinh tế quốc doanh trên địa bàn tỉnh được sắp xếp lại, từ 43 đơn vị, 3.423 lao động (năm 1990) còn 22 đơn vị, với 2.838 lao động (năm 1994). Sau sắp xếp, các đơn vị kinh tế quốc doanh từng bước khắc phục khó khăn về vốn, phương án sản xuất, kinh doanh, đổi mới thiết bị, công nghệ vươn lên xứng đáng vai trò là thành phần kinh tế chủ đạo dẫn dắt các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, sau một thời gian thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, nhiều hợp tác xã và tập đoàn sản xuất chỉ tồn tại trên hình thức. Tháng 6-1993, Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm phải đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng

đầu. Nghị quyết cũng nêu rõ nội dung, phương hướng đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn, kiên trì và nhất quán thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, nông dân được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê, thế chấp ruộng đất. Nghị quyết Trung ương 5 là một bước phát triển về đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta trên lĩnh vực phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn. Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ chín (khóa XIV) ra Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 6-12-1993. Nghị quyết đề ra mục tiêu phát triển nhanh và vững chắc nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn nhằm thu hút lao động, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh, có cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu cơ bản của nông dân; có hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ và công bằng xã hội; củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Đối với các hợp tác xã, Nghị quyết của Tỉnh ủy chủ trương đối với những hợp tác xã đổi mới có hiệu quả cần tiếp tục đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo điều kiện để kinh tế hộ phát triển. Những hợp tác xã đổi mới từng khâu, từng mặt cần phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung hoạt động. Những hợp tác xã tồn tại chỉ trên hình thức cần làm rõ nguyên nhân, tìm biện pháp xử lý để giúp hợp tác xã vươn lên. Nếu sau nhiều lần đổi mới, nhưng không có khả năng chuyển đổi thì cấp ủy, chính quyền có biện pháp xử lý thích hợp, tạo cho nông dân tổ chức các hình thức hợp tác phù hợp với yêu cầu của họ. Những nơi hợp tác xã và tập

đoàn sản xuất tan rã, cấp ủy, chính quyền tạo điều kiện để các hộ cá thể phát triển sản xuất, làm ăn có hiệu quả đi dần vào con đường hợp tác một cách tự nguyện.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là hai thành phần kinh tế giữ vai trò nền tảng, định hướng các thành phần kinh tế khác phát triển. Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, Đảng bộ lãnh đạo đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một quá trình đấu tranh phức tạp, khó khăn và phải mất một thời gian dài, qua kiểm nghiệm của thực tiễn, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế mới từng bước hoàn thiện.

Nhận thức sâu sắc tính đặc thù của tỉnh về điều kiện địa lý và con người, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi xác định phát triển kinh tế miền núi là một trong chín chương trình phát triển kinh tế của tỉnh. Cụ thể hóa Nghị quyết đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, ngày 8-4-1992, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Nghị quyết số 02/NQ-TU “Về phát triển kinh tế miền núi, trung du (từ năm 1992 đến năm 1995)”. Đánh giá vai trò phát triển kinh tế miền núi, trung du, Nghị quyết nhận định: Miền núi, trung du của tỉnh, gồm 4 huyện và 14 xã, chiếm 64% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, nơi sinh sống lâu đời của các dân tộc thiểu số, có truyền thống cách mạng kiên cường. Miền núi, trung du có nhiều tiềm lực kinh tế, có tài nguyên và sức lao động chưa được khai thác triệt để, có thảm thực vật tạo cân bằng môi trường sinh thái toàn tỉnh, có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh. Do đó, Nghị quyết khẳng định: Phát triển kinh tế miền núi, trung du không chỉ là yêu cầu bức xúc của miền núi, trung du mà còn vì lợi ích chung của toàn tỉnh cả trước mắt và cho các thế hệ mai sau. Với vai trò đặc biệt

quan trọng đó của miền núi, trung du, Nghị quyết xác định đầu tư phát triển kinh tế miền núi, trung du là bộ phận chiến lược của tỉnh, do đó phương hướng chung là “Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, liên kết chặt chẽ với đồng bằng, ra sức phát huy thế mạnh của từng vùng. Cơ cấu sản xuất phải phù hợp với điều kiện sinh thái; thâm canh, mở rộng diện tích và công nghiệp chế biến. Khai thác khả năng đầu tư của các thành phần kinh tế, kể cả nước ngoài. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết, thực hiện chính sách giao đất cho dân sử dụng lâu dài, ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật cho những người đầu tư khai thác vùng đất mới, hộ nông dân đi lập nghiệp ở vùng đất mới được chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất nơi cư trú cũ để có thêm vốn đầu tư”¹. Nghị quyết đề ra các mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế miền núi, trung du như trồng rừng, trồng cây công nghiệp, sản xuất lương thực, chăn nuôi, phát triển giao thông, thủy lợi.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế miền núi, trung du, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhất là các huyện, xã miền núi, trung du tổ chức quán triệt các quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế miền núi, trung du, phát động và hướng dẫn các tầng lớp nhân dân thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Dân tộc miền núi, Ban Chỉ đạo thực hiện

1. Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 8-4-1992 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi: “Về phát triển kinh tế miền núi, trung du (từ năm 1992 đến năm 1995)”, tr.3.

Quyết định số 327/CT của Chính phủ, chỉ đạo các huyện miền núi thành lập Ban Quản lý dự án định canh, định cư. Năm 1995, bằng nhiều nguồn vốn, chủ yếu là vốn Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi triển khai năm dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, 11 dự án định canh, định cư thuộc chương trình 327 và bốn dự án khác, với tổng số vốn đầu tư gần 1,2 tỷ đồng. Hàng năm, các địa phương, đơn vị thực hiện tốt việc cấp không bốn mặt hàng thiết yếu, bán trợ cước bầy mặt hàng khác cho đồng bào miền núi.

Đầu tư phát triển kinh tế miền núi, trung du như nghị quyết Tỉnh ủy xác định là một cuộc cách mạng lâu dài, đầy khó khăn, gian khổ, song là con đường phát triển kinh tế - xã hội hợp lý nhất. Do đó, kết quả đạt được so với mục tiêu của Nghị quyết mới chỉ là bước đầu, chưa có tác dụng thúc đẩy kinh tế - xã hội miền núi, trung du phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc còn gặp rất nhiều khó khăn.

Tháng 12-1992, được sự hợp tác chặt chẽ của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cán bộ khoa học kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi, tiến sĩ Trương Đình Hiến và các nhà khoa học Phân viện Vật lý thuộc Viện Khoa học - Công nghệ Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và phát hiện ra khả năng xây dựng cảng biển nước sâu ở vịnh Dung Quất. Các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, như Tổng Bí thư Đỗ Mười, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã trực tiếp thị sát khu vực dự định xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất. Qua nhiều lần khảo sát và nhiều cuộc hội thảo khoa học, ngày 9-11-1994, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 658/QĐ-TTg về địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 tại Dung Quất và quy hoạch khu

kinh tế trọng điểm miền Trung. Đây là một sự kiện rất quan trọng, mang tính lịch sử, thể hiện tầm nhìn chiến lược của người đứng đầu Chính phủ, có ý nghĩa như là sự mở đầu thời kỳ phát triển mới - công nghiệp hoá, hiện đại hóa - của tỉnh Quảng Ngãi. Nhận thức rõ thời cơ và vận hội mới, ngày 5-5-1995, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 1049/NQ-TU “Về nhiệm vụ của địa phương trước chủ trương của Chính phủ xây dựng khu công nghiệp ven biển miền Trung và cảng Dung Quất”. Nghị quyết khẳng định: “Việc Chính phủ chọn Dung Quất làm địa điểm xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 và quy hoạch xây dựng khu kinh tế trọng điểm miền Trung sẽ có tác dụng tích cực đến các tỉnh miền Trung, trong đó có Quảng Ngãi; là động lực thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân bổ lại lao động trên địa bàn Quảng Ngãi theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Dự án Dung Quất được thực thi sẽ là vận hội, là thời cơ để tỉnh ta khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng lao động, kích thích và lôi cuốn ngành nghề phát triển; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục tình trạng tụt hậu của tỉnh ta đối với các tỉnh trong vùng và cả nước”¹. Nghị quyết xác định: Tranh thủ thời cơ, chủ động khắc phục khó khăn, trở ngại, tạo cho tỉnh có bước tiến đột biến là nhiệm vụ có tính chiến lược của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Do đó, Tỉnh ủy chủ trương tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là vùng dự án thấy rõ thời cơ, vận hội mới,

1. Nghị quyết số 1049/NQ-TU, ngày 5-5-1995 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi: “Về nhiệm vụ của địa phương trước chủ trương của Chính phủ xây dựng khu công nghiệp ven biển miền Trung và cảng Dung Quất”, tr.1.

tự giác thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước và các phương án của Ủy ban nhân dân tỉnh; hình thành các tổ chức cần thiết để chỉ đạo thực hiện thắng lợi các dự án, chương trình và công tác cụ thể; tham gia với Trung ương về quy hoạch tổng thể, dự kiến sắp xếp công nghiệp địa phương ngoài vùng dự án. Nghị quyết số 1049/NQ-TU của Tỉnh ủy thể hiện tư duy mới về định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, coi phát triển khu công nghiệp Dung Quất, Nhà máy lọc dầu số 1 là động lực thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân bổ lại lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, là vận hội, thời cơ cho tỉnh khắc phục tình trạng tụt hậu về kinh tế so với các tỉnh trong khu vực miền Trung và cả nước.

Do xác định đúng đắn nội dung và tiến hành đồng bộ việc chuyển đổi và hình thành cơ cấu kinh tế mới, nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi bình quân trong 5 năm 1991-1995 tăng 6,8%, tuy chưa bằng mức tăng bình quân chung cả nước (8,2%), nhưng cao hơn nhiều so với 5 năm 1985-1990 là 2,3%. Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế giảm dần, từ 59,5% năm 1991 còn 51,1% năm 1995, công nghiệp tăng dần, từ 12,4% năm 1991 lên 16,1% năm 1995. Tuy vậy, 5 năm (1991-1995), kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn nhiều yếu kém. Sản xuất chưa đủ tiêu dùng và tích lũy. Thu chi ngân sách vẫn trong tình trạng mất cân đối lớn. Hàng năm tỉnh vẫn phải dựa vào trợ cấp của ngân sách Trung ương¹. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Việc sắp xếp,

1. Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi trong 4 năm 1991-1994, ngân sách Trung ương trợ cấp cho tỉnh Quảng Ngãi lần lượt là: 20,2 tỷ đồng (1991), 57,1 tỷ đồng (1992), 97,8 tỷ đồng (1993), 113,4 tỷ đồng (1994).

chuyển đổi hoạt động các đơn vị kinh tế quốc doanh, hợp tác xã sang mô hình mới lúng túng, hiệu quả thấp. Kinh doanh du lịch, dịch vụ yếu kém kéo dài, cơ sở vật chất ngành du lịch xuống cấp trầm trọng. Tuy Đảng bộ tỉnh có chủ trương “lấy phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và từng bước xây dựng nông thôn mới làm nhiệm vụ hàng đầu”, nhưng trong chỉ đạo thực hiện chưa gắn chặt công nghiệp chế biến với phát triển cây nguyên liệu, nhất là cây mía và dâu tằm. Tình trạng đó cũng diễn ra trong ngành thủy sản, với việc 2 xí nghiệp đông lạnh Sa Huỳnh và Quảng Ngãi lâm vào cảnh nợ nần, sản xuất đình đốn. Hoạt động xuất, nhập khẩu rất yếu kém. Năm 1995, giá trị hàng xuất khẩu đạt 6 triệu USD, chỉ bằng 40% chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra. Công ty xuất nhập khẩu (Cotimex) làm ăn thua lỗ kéo dài, phải giải thể. Hạ tầng giao thông nông thôn kém nát. Năm 1993, đường đất chiếm tỷ lệ 78,6%, đường nhựa, bê tông, cấp phối đất, đá chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ có 21,4%.

Tuy còn nhiều yếu kém, nhưng so với thời kỳ trước đó, kinh tế Quảng Ngãi có nhiều khởi sắc, nên đời sống, việc làm của các tầng lớp dân cư được cải thiện. Trong 5 năm 1991-1995, có 81.000 người được giải quyết việc làm. Năm 1994, thu nhập bình quân đầu người của dân cư tăng hơn so với năm 1993 là 13%, đạt 124.000 đồng/người/tháng. Nhà ở kiên cố, bán kiên cố tăng lên. Nhiều hộ gia đình mua sắm được các loại phương tiện phục vụ sinh hoạt đất liền như xe máy, tivi, máy nghe nhạc, quạt điện. Năm 1995, tỷ lệ hộ dùng điện đạt 72,1%.

Thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân

thường xuyên chăm lo các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước.

Ngày 29-8-1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh quy định danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm tôn vinh các bà mẹ Việt Nam đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến những người con thân yêu của mình cho sự nghiệp kháng chiến chống quân xâm lược. Đợt 1, tỉnh Quảng Ngãi có 681 mẹ được Nhà nước quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Trong 5 năm 1991-1995, toàn tỉnh xây mới và sửa chữa, nâng cấp gần 1.000 ngôi nhà tình nghĩa, tặng 1.471 sổ tiết kiệm, quy tập 24.327 hài cốt liệt sĩ vào các nghĩa trang liệt sĩ. Các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng suốt đời trên 600 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống. Hàng năm, toàn tỉnh có từ 1.500 đến 2.000 đối tượng được cứu trợ thường xuyên, hàng trăm nghìn lượt người được cứu trợ khi gặp thiên tai và khó khăn đột xuất.

Từ năm 1991 đến năm 1995, các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều khởi sắc, do được Nhà nước quan tâm đầu tư cả về cơ sở vật chất và con người. Đặc biệt thời kỳ này các lĩnh vực văn hóa - xã hội từng bước được xã hội hóa, huy động được các nguồn lực đầu tư từ các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế. Tháng 1-1993, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục - đào tạo; về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt; về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình ... Đây là các nghị quyết thực hiện chiến lược vì con người của Đảng và Nhà nước.

Triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị lần thứ bảy và ra Nghị quyết số 341-NQ/TU, ngày 4-6-1993. Hội nghị nhất trí đánh giá, tuy các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn hóa - văn nghệ, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở tỉnh đạt được nhiều tiến bộ, nhưng vẫn còn nhiều yếu kém. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể về vị trí, vai trò của giáo dục - đào tạo, văn hóa - văn nghệ, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình chưa thật sâu sắc, quản lý, chỉ đạo chưa chặt chẽ. Hội nghị đề ra một số chủ trương, biện pháp và nhiệm vụ chủ yếu. Về giáo dục - đào tạo, Tỉnh ủy chủ trương từng bước đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo. Củng cố trường công, chuyển một số trường công sang trường bán công, khuyến khích mở các trường, lớp dân lập, mở thêm một số trung tâm hướng nghiệp dạy nghề. Nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện công bằng trong giáo dục. Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, Tỉnh ủy chủ trương phát động phong trào toàn dân tham gia các hoạt động bảo vệ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường; có chính sách đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh, đào tạo cán bộ y tế, quản lý các dịch vụ y tế tư nhân; thực hiện xã hội hóa công tác dân số, xây dựng mô hình gia đình ít con, khỏe mạnh, tạo điều kiện để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mỗi gia đình chỉ có 1 đến 2 con. Về công tác văn hóa - văn nghệ, Tỉnh ủy chủ trương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa - văn nghệ nhằm giữ vững môi trường văn hóa lành mạnh, từng bước đẩy lùi và loại trừ các biểu hiện

văn hóa lạc hậu, đồi trụy, các hủ tục, mê tín dị đoan. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới. Củng cố, kiện toàn công tác tổ chức và cán bộ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - văn nghệ. Mở rộng các loại hình thông tin đại chúng. Quan tâm công tác sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Trên cơ sở Nghị quyết của Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp triển khai, thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Nét mới trong hệ thống giáo dục là từ năm 1991, các trường phổ thông cơ sở tách thành các trường tiểu học và trung học cơ sở; trong trường công lập có các trường chuyên, lớp chọn. Hệ thống giáo dục phổ thông có thêm trường bán công, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, nhóm trẻ gia đình, mẫu giáo dân lập, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được củng cố, đầu tư cơ sở vật chất. Nhờ đa dạng hóa các loại hình trường lớp, nên năm học 1995-1996 trường phổ thông tăng 28,4%, học sinh phổ thông tăng 23,7% so với năm 1990. Năm 1995, toàn tỉnh có 15 nhà trẻ, 71 nhóm trẻ, 158 trường mẫu giáo, 336 trường tiểu học và trung học cơ sở, 27 trường trung học phổ thông. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào tiểu học năm 1995 đạt 91%, trung học cơ sở đạt 46%, trung học phổ thông đạt 16,6%, tỷ lệ này năm 1990 tương ứng là 75%, 49% và 11,7%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp năm 1995, tiểu học đạt 94,4%, trung học cơ sở đạt 96%, trung học phổ thông đạt 95,1%. Đến năm 1995, toàn tỉnh có 8/13 huyện, thị xã và 121/171 xã, phường được công nhận xóa mù chữ và phổ cập tiểu học.

Ngành y tế được củng cố, kết hợp phương pháp chữa bệnh bằng y học cổ truyền và hiện đại, đa dạng hóa các dịch vụ khám, chữa bệnh, từng bước đáp ứng được nhu cầu chăm sóc

sức khỏe của nhân dân. Năm 1995, toàn tỉnh có 1.869 cán bộ y tế, trong đó có 256 bác sĩ; 197 cơ sở khám chữa bệnh, trong đó có 12 bệnh viện, 16 phòng khám khu vực, 156 trạm y tế xã, phường, với tổng số 2.270 giường bệnh. Công tác phòng, chống dịch bệnh được đẩy mạnh, khống chế được các bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, dịch hạch, các bệnh đường ruột, tăng cường tuyên truyền phòng, chống các bệnh xã hội như bướu cổ, phong, lao, hoa liễu và AIDS.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin báo chí có nhiều khởi sắc. Một số công trình văn hóa, thể thao được xây dựng và đưa vào hoạt động, như nhà văn hóa thiếu nhi, nhà luyện tập, thi đấu thể thao Diên Hồng, thư viện tổng hợp tỉnh... Các tập san, tạp chí Văn hóa đời sống, Cẩm Thành, Sông Trà, các tập thơ, nhạc, các tập sách chuyên khảo về văn hóa, lịch sử được xuất bản trong thời kỳ này, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân. Năm 1995, toàn tỉnh phát hành 7.420 bản sách, 22.500 văn hóa phẩm các loại và 3.200 bản tạp chí, tập san. Các thiết chế văn hóa khác, như khu chứng tích Sơn Mỹ, bảo tàng Ba Tơ, nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm, đồng chí Phạm Văn Đồng được trùng tu, nâng cấp. Các tượng đài Mỏ Cày (Mộ Đức), Đình Cương (Nghĩa Hành), phù điêu mộ tập thể 68 liệt sĩ Xuân Mậu Thân (phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Quảng Ngãi), phù điêu tội ác giặc Mỹ ở địa đạo Đám Toái (Bình Châu, Bình Sơn), mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng (Sơn Tịnh) được xây dựng. Đoàn ca múa nhạc Chim Yến tổ chức nhiều đợt biểu diễn nghệ thuật phục vụ các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Đài phát thanh, truyền hình, báo *Quảng Ngãi* được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tăng thêm thời lượng phát sóng, số lượng tờ báo. Ngày 18-1-1994, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 25-CT/TU “Về việc đẩy mạnh phát hành rộng rãi báo Đảng trên địa bàn tỉnh”. Đến năm 1995, ngoài Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh, các huyện đều có đài truyền thanh, trạm thu phát lại truyền hình, phủ sóng phát thanh khoảng 70%, truyền hình 50%.

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ - môi trường, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chức năng tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào một số lĩnh vực sản xuất, đời sống. Nhiều đề tài, đề án nghiên cứu, ứng dụng được triển khai, thực hiện. Tỉnh phối hợp với Trung tâm Khoa học và công nghệ quốc gia nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm thành công dịch khoan dầu khí xan-than-gum từ nguyên liệu có sẵn ở địa phương thay thế xan-than-gum nhập khẩu phục vụ khoan dầu khí; tiến hành điều tra cơ bản lập qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 1996-2000. Để tập hợp, đoàn kết lực lượng trí thức trong các ngành khoa học - công nghệ, phát huy tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 4-1-1994, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi. Lúc mới thành lập, Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật tỉnh có năm tổ chức hội thành viên.

Tuy đạt được một số kết quả, nhưng lĩnh vực văn hóa - xã hội thời kỳ 1991-1995 còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Cơ sở vật chất ngành giáo dục còn nhiều thiếu thốn, tạm bợ. Học sinh ở một số địa phương, nhất là ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa (64 lớp học) phải học ba ca. Cá biệt, trong năm học 1993-1994 ở Nghĩa Phú (Tư Nghĩa) học sinh phải học ca bốn. Số phòng học tranh tre, nứa lá còn trên 400 phòng. Giáo

viên, nhất là các huyện miền núi còn thiếu. Chất lượng dạy và học còn thấp. Việc dạy thêm và học thêm chưa được quản lý chặt chẽ. Trong công tác y tế, cơ sở khám chữa bệnh tuyến cơ sở chưa được đầu tư, nâng cấp. Năm 1995, toàn tỉnh còn 21 xã chưa có trạm y tế. Tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh của một số y, bác sĩ nhiều nơi chưa tốt, gây phiền hà cho bệnh nhân, nhiều nơi xảy ra các hiện tượng tiêu cực. Việc thu và sử dụng viện phí, bảo hiểm y tế có nhiều sơ hở. Việc quản lý các cơ sở khám, chữa bệnh của tư nhân, các cửa hàng thuốc chưa chặt chẽ. Tỷ lệ phát triển dân số còn ở mức cao (2,31%, năm 1995). Trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, mặt trái của kinh tế thị trường và sự bùng nổ các phương tiện thông tin đã tác động, làm xói mòn các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống. Khắp nơi, kể cả vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, nạn “video đen”, phim ảnh đồi trụy, bạo lực lan tràn. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ, hiệu quả ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học còn thấp. Vấn đề ô nhiễm môi trường và công tác quản lý tiêu chuẩn chất lượng đo lường, vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được quan tâm đúng mức. Kết quả đạt được trong công tác đào tạo nhân lực, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, nhất là cán bộ khoa học, kỹ thuật đầu ngành, cán bộ xây dựng và thực thi các dự án rất hạn chế.

Cuối năm 1991, sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã đặt công tác quốc phòng - an ninh nước ta trước nhiều vấn đề cấp bách. Từ ngày 18 đến ngày 29-6-1992, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) ra Nghị quyết về quốc phòng, an ninh. Hội nghị xác định nhiệm vụ chống “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, đồng thời sẵn sàng ứng phó

với mọi tình huống khác. Ở Quảng Ngãi, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch diễn ra rất phức tạp. Nhiều tài liệu phản động phát tán trong nhân dân, với các nội dung vu cáo Đảng và Nhà nước vi phạm dân chủ, nhân quyền. Từ năm 1994, lợi dụng việc Mỹ bỏ cấm vận, bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, bọn tề ngụy, các phần tử bất mãn tụ tập bàn tán, tuyên truyền nói xấu chế độ, có tên làm tờ khai “công trạng” với chế độ cũ, gửi ra nước ngoài xin tài trợ. Một số chức sắc, tín đồ các tôn giáo tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật, gây xáo trộn tư tưởng, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Hoạt động chống đối của phái Phật giáo Ấn Quang, do Thích Huyền Quang cầm đầu diễn ra công khai, quyết liệt hơn. Tình trạng tranh chấp ruộng đất giữa tập thể với tập thể, cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể diễn ra khá phổ biến, có nơi rất căng thẳng.

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng quân sự và công an tập trung thực hiện các biện pháp củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Liên tục trong 5 năm 1991-1995, tỉnh tổ chức thực hành diễn tập khu vực phòng thủ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở xã, phường. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức triển khai xây dựng mạng lưới trinh sát quân báo nắm địch, xây dựng, củng cố các công trình phòng thủ, duy trì chế độ trực chiến, trực chỉ huy, tuần tra canh gác bảo vệ các mục tiêu, tuyến biên giới, hải đảo. Các lực lượng vũ trang phối hợp với xây dựng kế hoạch phòng chống bạo loạn, phát hiện, ngăn chặn các vụ vượt biển trốn ra nước ngoài, tấn công các loại tội phạm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác tuyển quân có nhiều cố gắng, đạt chỉ tiêu số lượng

và chất lượng quân số. Tỉnh triển khai tổng điều tra và xử lý 2.327 quân nhân đào ngũ. Lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố, đạt 3,37% dân số. Ngày 13-3-1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 07-CT/TU về việc xây dựng chi bộ trong lực lượng dân quân tự vệ. Chỉ thị khẳng định: “Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân đánh giặc. Dân quân tự vệ là một trong ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân, là công cụ chủ yếu bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân cơ sở. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là nội dung quan trọng trong kế hoạch xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, là cốt lõi của nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở cơ sở”¹. Do tính chất quan trọng của lực lượng dân quân tự vệ, nên việc xây dựng chi bộ trong lực lượng dân quân tự vệ là hết sức cần thiết nhằm bảo đảm vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ở cơ sở. Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền cần rà soát lực lượng đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ, bổ sung những đảng viên có đủ điều kiện hoạt động và dân quân tự vệ để thành lập chi bộ dân quân tự vệ riêng; tăng cường củng cố, xây dựng chi bộ dân quân tự vệ trong sạch, vững mạnh, đẩy mạnh phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở đẩy mạnh công tác xây dựng chi bộ, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ. Năm 1995, lực lượng dân quân tự vệ có 38.774

1. Chỉ thị số 07-CT/TU, ngày 13-3-1992 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: “Về việc xây dựng chi bộ trong lực lượng dân quân tự vệ”.

người, trong đó đảng viên chiếm tỷ lệ 5,4% (năm 1992 là 4,29%), gồm 129 chi bộ, 13 tổ đảng.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố. Đến năm 1995, toàn tỉnh xây dựng được 1.774 tổ an ninh nhân dân, 14 tổ an ninh trật tự, 157 ban công an xã, 14 ban bảo vệ chuyên trách, 412 đội thanh niên xung kích. Công an các cấp phát hiện 639 vụ xâm phạm tài sản Nhà nước, gây thiệt hại 8,2 tỷ đồng, triệt phá nhiều ổ nhóm hoạt động mại dâm, ma túy, nhiều băng nhóm trộm cướp. Việc thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước có liên quan đến an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tốt, nhất là thực hiện Chỉ thị 406-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, vận chuyển và đốt pháo nổ. Ngày 24-6-1995, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và nhân điển hình tiên tiến 5 năm (1991-1995). Hội nghị rút ra được một số bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong đó bài học quan trọng nhất là Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, giữ vai trò nòng cốt của phong trào.

Tuy nhiên, do những tác động, ảnh hưởng của tình hình quốc tế và trong nước, sự chuyển biến mau lẹ trong quan hệ giữa nước ta với các nước, các tổ chức quốc tế, nên công tác quốc phòng, an ninh thời kỳ này còn có khuyết điểm, hạn chế. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đánh giá: “An ninh nội bộ còn nhiều sơ hở, trật tự xã hội còn diễn biến phức tạp, còn chứa đựng các yếu tố gây mất ổn định. Sự phối hợp xử lý một số tình huống cụ thể giữa các cơ quan chức năng có nơi, có lúc thiếu đồng bộ, hiệu quả thấp.

Năng lực thực tiễn của các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa ngang tầm với nhiệm vụ, vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng, chậm được kiện toàn và củng cố. Công tác đấu tranh chống địch phá hoại văn hoá, tư tưởng kết quả còn hạn chế. Công tác chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, tệ nạn xã hội có đạt được một số kết quả, song còn nhiều tồn tại, yếu kém. Tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội chưa giảm. Khu vực phòng thủ và thế trận an ninh nhân dân chưa thật vững chắc”¹.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, Đảng bộ Quảng Ngãi thường xuyên chú trọng công tác xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân vững mạnh. Ngày 19-7-1992, Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể tiến hành cuộc bầu cử Quốc hội khoá IX đạt kết quả tốt. Cử tri trong tỉnh bầu được đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi gồm 5 đại biểu². Tiếp đó, ngày 20-11-1994, toàn tỉnh có 99,20% tổng số cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp tỉnh, huyện, xã. Kết quả có 49 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 1994-1999. Đồng chí Lý Văn Hạnh, được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí Võ Đức Huy được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến tháng 7-1996, đồng chí Nguyễn Đức Tâm được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Võ Đức Huy.

1. *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV*. tr. 27.

2. Đó là các đại biểu: Đỗ Quang Thắng, Nguyễn Văn Được, Trần Anh Kiệt, Trần Thị Nhân và Đinh Ưông.

Từ ngày 16 đến ngày 23-1-1995, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (khóa VII) ra Nghị quyết "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính". Nghị quyết khẳng định cải cách một bước nền hành chính nhà nước là trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mục tiêu của cải cách hành chính là xây dựng nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực, hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, xây dựng nếp sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết, trọng tâm là đẩy mạnh cải cách hành chính, lấy khâu cải cách thể chế, thủ tục hành chính và củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ công chức làm khâu đột phá. Đến năm 1995, bộ máy hành chính cấp tỉnh có 21 sở, ban, ngành, bộ máy cấp huyện được sắp xếp lại, từ 10-13 phòng, ban còn 5-7 phòng, ban, đồng thời chuyển 63 tổ chức sự nghiệp cấp huyện về tỉnh tổ chức lại thành 19 đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ làm việc của các sở, ban, ngành, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quản lý các phòng, ban cấp huyện. Qua sắp xếp tổ chức, biên chế hành chính giảm được 7%. Tỉnh tổ chức một số lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước các cấp. Thực hiện Chỉ thị số 364/CP của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân

tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch và hoàn thành việc lập bản đồ địa giới hành chính tỉnh Quảng Ngãi và các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn.

Ngày 1-1-1993, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 337/HĐBT thành lập huyện đảo Lý Sơn, trên cơ sở tách hai xã Bình Vĩnh, Bình Yên thuộc huyện Bình Sơn. Tiếp đó, ngày 6-8-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 83-CP thành lập huyện Sơn Tây, trên cơ sở tách các xã phía tây huyện Sơn Hà. Đến lúc này, tỉnh Quảng Ngãi có 13 huyện, thị xã.

Tuy vậy, công tác xây dựng chính quyền, trọng tâm là cải cách hành chính còn nhiều hạn chế, yếu kém. Bộ máy hành chính còn chồng chéo, kém hiệu lực, hiệu quả. Thủ tục hành chính còn rườm rà. Đội ngũ cán bộ công chức, kể cả một số cán bộ chủ chốt hạn chế về trình độ, năng lực và phẩm chất, đạo đức. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn. Việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng thành các chương trình hành động còn nhiều khó khăn, tổ chức thực hiện còn nhiều thiếu sót. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp còn nhiều hạn chế. Các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân chưa được phát hiện, giải quyết kịp thời, có hiệu quả.

Những năm 1991-1995, công tác vận động quần chúng, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân từng bước có sự đổi mới, phù hợp với cơ chế mới, gắn bó với quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, đoàn viên.

Tỉnh ủy tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 8B (khoá VI) “Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”; tổ chức

quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về công tác thanh niên trong tình hình mới (14-1-1993), Nghị quyết 4-NQ/TW, ngày 12-9-1993 của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới, Nghị quyết 7-NQ/TW, ngày 17-11-1993 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất. Xuất phát từ yêu cầu ngày càng cao của công tác dân vận, thực hiện chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập ban dân vận các huyện, thị ủy, hội cựu chiến binh các cấp.

Hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, có nhiều hoạt động tích cực, có hiệu quả nhằm tăng cường tính đồng thuận xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ động có kế hoạch tăng cường sự phối hợp giữa các thành viên tham gia xây dựng Đảng, giám sát hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo. Mặt trận phát động và tổ chức đạt kết quả tốt các cuộc vận động khuyến khích, giúp đỡ nhân dân Cuba, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cứu trợ thiên tai, xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa.

Từ năm 1992, theo chủ trương của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tất cả các công đoàn huyện, thị xã đều giải thể, thành lập công đoàn cơ sở theo các khối Đảng, chính quyền, dân vận trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh. Do đó, hoạt động của Liên đoàn Lao động tỉnh thời kỳ 1991-1995 vừa phải tiến hành sắp xếp lại hệ thống tổ chức công đoàn, xây dựng các công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh, phát thể công đoàn, vừa đẩy mạnh phong trào thi đua lao động

giỏi, lao động sáng tạo trong công nhân, viên chức và lao động. Năm 1994-1995, qua phong trào lao động sáng tạo trong công nhân, viên chức và lao động, công đoàn bình chọn được 850 lao động giỏi cấp cơ sở, 200 lao động giỏi cấp tỉnh, 53 giải pháp kỹ thuật được chọn tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh. Nhiều giải pháp xuất sắc được chọn dự thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc, như các giải pháp sáng tạo của tập thể cán bộ, kỹ sư Công ty đường Quảng Ngãi, Nhà máy Cơ khí và Xây lắp điện An Ngãi, Nhà máy gạch Phổ Phong, Điện lực Quảng Ngãi. Năm 1994, qua xếp loại phong trào công đoàn, toàn tỉnh có 38% công đoàn cơ sở được xếp loại vững mạnh, 8% công đoàn cơ sở xếp loại yếu kém.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đẩy mạnh thực hiện hai cuộc vận động "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình" và "Nuôi dạy con tốt góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học" kết hợp với năm chương trình công tác trọng tâm do Trung ương Hội đề ra, đưa phong trào phụ nữ tỉnh nhà bước vào thời kỳ phát triển mới. Kết quả nổi bật nhất của phong trào phụ nữ thời kỳ này là các cấp hội vận động chị em giúp nhau số tiền hơn nửa tỷ đồng, hàng trăm chỉ vàng, hàng trăm tấn thóc, gạo, hàng triệu cây, con giống và ngày công giúp nhau phát triển kinh tế gia đình. Phụ nữ các xã Đức Phong (Mộ Đức), Bình Minh, Bình Nguyên, thị trấn Châu Ổ (Bình Sơn), Tịnh Đông, Tịnh Trà, Tịnh Ấn Tây (Sơn Tịnh), phường Lê Hồng Phong, Trần Phú, Chánh Lộ (thị xã Quảng Ngãi) là những địa phương có phong trào khá nhất tỉnh. Các hình thức khác giúp nhau làm kinh tế gia đình phổ biến trong thời kỳ này là nhóm phụ nữ tiết kiệm, tổ hùn vốn, vốn từ quỹ hội và quỹ tương trợ cộng đồng. Từ năm

1993, việc hỗ trợ vốn, tạo việc làm, tăng thu nhập có thêm các hình thức Hội phụ nữ đứng ra vay vốn quốc gia từ ngân hàng phục vụ người nghèo, ngân hàng nông nghiệp và vốn từ các tổ chức phi chính phủ, v.v.. Nhờ phong trào giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, hàng nghìn chị em phụ nữ đã thoát khỏi đói, nghèo. Hội viên gắn bó chặt chẽ hơn với tổ chức hội.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp trong tỉnh đẩy mạnh phong trào thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước. Đoàn viên thanh niên là lực lượng nòng cốt trên công trình thủy lợi Thạch Nham, tham gia chương trình trồng mới 5 triệu hécta rừng. Hàng năm, Đoàn huy động được khoảng 30.000 lượt đoàn viên, thanh niên lên công trường, đóng góp mỗi năm từ 45 đến 50 nghìn ngày công vào công trình thủy lợi trọng điểm Thạch Nham. Với vai trò là lực lượng dự bị của Đảng, hàng năm Đoàn giới thiệu cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp hàng trăm đoàn viên thanh niên ưu tú vào đảng. Năm 1994 là năm cao nhất, các tổ chức đảng đã kết nạp hơn 400 đoàn viên vào đảng.

Hội Nông dân các cấp tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Nhiều cấp hội chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến xuất hiện trong phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi. Năm 1995, Hội Nông dân tỉnh tổ chức tổng kết phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đúc rút kinh nghiệm để phổ biến ra diện rộng.

Hội Cựu chiến binh tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức Hội, nhất là cơ sở, tích cực vận động cựu chiến binh vào Hội. Ngày 2-1-1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 02-

CT/TU “Về việc tăng cường sự chỉ đạo đối với hoạt động của Hội Cựu chiến binh”. Chỉ thị nêu rõ: Thực hiện chủ trương của Đảng, tháng 3-1990 Hội Cựu Chiến binh tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Sau 2 năm hoạt động, toàn tỉnh có 11 huyện, thị xã và 167 xã, phường có tổ chức Hội Cựu chiến binh. Các cấp hội cựu chiến binh kết nạp được 2.895 hội viên. Nội dung hoạt động và phương thức sinh hoạt của hội từng bước đi vào nền nếp. Để Hội Cựu chiến binh thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện cho Hội hoạt động, chuẩn bị mọi điều kiện để tổ chức Đại hội lần thứ nhất Hội Cựu Chiến binh tỉnh vào trung tuần tháng 1-1992¹. Đến năm 1995, Hội Cựu chiến binh có 10.200 hội viên trong tổng số 17.000 cựu chiến binh toàn tỉnh.

Tuy đạt được nhiều kết quả trong công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể, nhưng trong lĩnh vực công tác này vẫn còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Một số cấp ủy, chính quyền còn xem nhẹ công tác vận động quần chúng, chưa quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận, các đoàn thể nhân dân hoạt động. Một số đoàn thể nhân dân chậm được củng cố, phương thức hoạt động còn mang tính hành chính. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ cho mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa được chú ý đúng mức.

Quán triệt quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, từ năm 1991 đến năm 1995, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đặc biệt quan

1. Đại hội đại biểu Hội Cựu Chiến binh tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất được tổ chức từ ngày 18 đến ngày 19-1-1992.

tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, nhất là thời điểm cuối năm 1991, đất nước ta lại đứng trước những khó khăn lớn do ảnh hưởng tác động của sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII), tháng 6-1992 bàn và ra Nghị quyết về một số nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Đây không phải là lần đầu tiên Đảng ta ra nghị quyết về đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nhưng trong thời điểm lịch sử đặc biệt như những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 thế kỷ XX, việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Cuối tháng 8-1992, Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) đề ra kế hoạch và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng trong ba năm 1993-1995. Kế hoạch được chia làm ba bước: Bước 1, tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung nghị quyết, chọn điểm và chỉ đạo điểm; bước 2, thực hiện chỉnh đốn Đảng về tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên; bước 3, sơ kết rút kinh nghiệm, tiếp tục thực hiện đến năm 1995. Về chọn điểm và chỉ đạo điểm, Tỉnh ủy chọn bốn đảng bộ đại diện cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng, Tịnh Hiệp (Sơn Tịnh), Sơn Hạ (Sơn Hà), phường Trần Hưng Đạo (thị xã Quảng Ngãi) và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh làm đơn vị điểm. Các huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc chọn 24 đơn vị điểm. Ở mỗi đơn vị điểm, cấp ủy chọn những vấn đề bức xúc, nổi cộm để chỉnh đốn. Đảng bộ huyện Tư Nghĩa khảo sát tình hình sinh hoạt Đảng ở các tổ chức cơ sở đảng, Đảng bộ Sơn Tịnh và thị xã Quảng Ngãi kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác của đảng viên, Đảng bộ Bình Sơn điều tra năng lực hoạt động của đảng viên xã Bình

Nguyên, Đảng bộ Mộ Đức phân tích chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, Đảng bộ Nghĩa Hành và Trà Bồng xem xét tình hình đời sống cán bộ, đảng viên cơ sở, Đảng bộ Đức Phổ xem xét giải quyết tranh chấp đất đai ở xã Phổ Thuận, Đảng ủy Dân - Chính - Đảng tỉnh xử lý các điểm nóng về tiêu cực ở Xí nghiệp Dầu thực vật, Công ty Dầu tầm tở, Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi và Xí nghiệp Súc sản xuất khẩu, v.v..

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, kết quả nổi bật nhất của công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng là Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã tạo được sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức xây dựng Đảng, khắc phục được tình trạng xem nhẹ hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo và nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế từ tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường, mô hình tổ chức đảng theo cơ chế cũ không còn phù hợp. Do đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương sắp xếp, củng cố các tổ chức đảng để phù hợp hơn với yêu cầu của nền kinh tế đang chuyển đổi. Mô hình tổ chức đảng được sắp xếp theo ba loại hình: xã (phường), doanh nghiệp và cơ quan. Đến năm 1995, toàn Đảng bộ đã chuyển tất cả các tổ chức đảng theo đơn vị hợp tác xã trước đây thành lập 933 chi bộ theo địa bàn thôn, xóm, xây dựng 123 chi bộ dân quân cơ động xã, phường, thị trấn; tách 45 tổ chức đảng hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Đảng ủy Dân - Chính - Đảng thành lập Đảng ủy Doanh nghiệp nhà nước. Thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan chính quyền, mặt trận và các đoàn thể; thành lập Ban Nội chính và Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy; sáp nhập Trường Đảng và Trường Hành chính tỉnh thành Trường Chính trị tỉnh. Ban hành

quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác các cơ quan, đơn vị.

Cùng với đổi mới, chỉnh đốn Đảng về tổ chức, công tác đảng viên có sự chuyển biến toàn diện cả về nâng cao chất lượng, sàng lọc và phát triển đảng viên. Năm 1994, qua kiểm điểm, tự phê bình, phê bình, phân tích chất lượng đảng viên, Đảng bộ Quảng Ngãi có 62,1% đảng viên đủ tư cách, phát huy tác dụng tốt. Đa số đảng viên ở các tổ chức đảng đều được phân công nhiệm vụ và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Nhiều đảng viên làm kinh tế giỏi, hướng dẫn, giúp đỡ nhiều đảng viên và quần chúng vươn lên xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, huyện, thị xã, các sở, ban, ngành và đoàn thể từng bước kiện toàn, trong đó cán bộ có trình độ đại học chiếm 1/3, cán bộ có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên chiếm 2/3. Công tác cán bộ nữ được quan tâm nhiều hơn. Tỷ lệ nữ trong Tỉnh ủy chiếm 7,5%; các huyện, thị ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chiếm 11,8%; cấp ủy xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị chiếm 9,12%.

Công tác phát triển đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực. Trong 5 năm 1991-1995, toàn Đảng bộ kết nạp được 3.125 đảng viên mới, tăng bình quân hằng năm 32,7%. Việc phát triển Đảng trong thanh niên, trí thức, sinh viên, đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng (13,3%), trong đó tỷ lệ nữ chiếm 17,8%. Cùng với củng cố tổ chức đảng, phát triển đảng viên, các cấp ủy đảng chú trọng xem xét, xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng. Trong 5 năm 1991-1995, có 1.118 đảng viên bị xử lý kỷ luật. Năm 1991, số lượng đảng viên bị xử lý kỷ luật ở mức cao nhất, với 448 trường hợp, trong đó khai trừ 95 trường hợp, xóa tên trong danh sách đảng viên 159 trường hợp.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Quảng Ngãi thời kỳ 1991-1995, mà trọng tâm là thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế. Sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng, chính trị chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, nhất là tinh thần tự phê bình, phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, sa sút về phẩm chất đạo đức và lối sống trong một số cán bộ, đảng viên chưa cao. Công tác cán bộ chậm được đổi mới từ qui hoạch, đào tạo đến bố trí, sắp xếp, đề bạt, sử dụng cán bộ. Nhiều tổ chức cơ sở đảng mấy năm liền không phát triển được đảng viên mới. Đến năm 1995, toàn tỉnh vẫn còn 13/689 thôn chưa có đảng viên. Ở nhiều tổ chức cơ sở đảng xã, phường, đảng viên hưu trí, già yếu chiếm tỷ lệ cao, nhưng công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên trẻ trì trệ kéo dài.

*

* *

Sau 7 năm (1989-1995) tái lập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã phải trải qua một thời kỳ đầy khó khăn, phức tạp. Với tinh thần năng động, sáng tạo, Đảng bộ đã tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, đề ra nhiều biện pháp sát hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Nhờ đó, kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước vượt qua khó khăn khủng hoảng, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu cơ bản do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra. Công trình thủy lợi Thạch Nham đã hoàn thành những hạng mục cơ bản, bước đầu phát huy tác dụng, mở ra triển vọng to lớn

trong thủy lợi hóa đồng bằng, phát triển nông nghiệp, ổn định đời sống kinh tế - xã hội nông thôn. Công nghiệp chế biến mía đường và sau đường có bước phát triển đáng kể. Cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất được Chính phủ phê duyệt qui hoạch chung, được Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đồng tình, ủng hộ. Ổn định xã hội được giữ vững. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tốt. Đời sống nhân dân được cải thiện. Đảng bộ trưởng thành thêm một bước. Truyền thống quê hương tiếp tục được phát huy.

Tuy nhiên, do chưa có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, thiếu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chín chương trình kinh tế trọng điểm, nên tỉnh chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh về điều kiện tự nhiên và lao động để phát triển. Đời sống nhân dân tuy có mặt được cải thiện, nhưng tình trạng phân hóa giàu, nghèo đang diễn ra trong một bộ phận nhân dân. Tệ quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác chưa ngăn chặn được. An ninh chính trị chưa thật sự ổn định. Công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác tổ chức và cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhưng kinh tế - xã hội của tỉnh đã xuất hiện một số tiền đề hết sức quan trọng, tạo nền tảng để Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu thoát khỏi tình nghèo, tránh nguy cơ tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực miền Trung và cả nước.

Chương V

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

I- ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH

Sau hơn 10 năm (1986-1996) thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước có sự biến đổi rõ rệt. “*Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội* nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”¹. Mục tiêu công nghiệp hóa như Đại hội VIII của Đảng xác định là: Xây dựng nước ta thành nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần phong phú, quốc phòng - an ninh vững chắc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.12.

Cùng với cả nước sau 10 năm đổi mới, Quảng Ngãi đã vượt qua được thời kỳ khó khăn nhất, đạt được nhiều kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Với việc Chính phủ quyết định xây dựng cảng biển nước sâu và dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Quảng Ngãi đang dần dần trở thành tâm điểm phát triển kinh tế của miền Trung và Tây Nguyên. Tuy vậy, những kết quả đạt được trên các lĩnh vực còn thấp. Nhiều vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc chưa được giải quyết, nhất là thu chi ngân sách mất cân đối, kết cấu hạ tầng yếu kém, tình trạng phân hóa giàu nghèo diễn ra ngày càng sâu sắc, việc làm, đời sống của một bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn, tham nhũng, tiêu cực và bất công xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả, tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân chưa cao.

Trong bối cảnh đó, theo chỉ thị và hướng dẫn của Trung ương, từ ngày 6 đến ngày 10-5-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV được tổ chức tại Nhà Văn hóa Lao động tỉnh. Tham dự Đại hội có 348 đại biểu chính thức, đại diện cho gần 22.000 đảng viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Trương Tấn Sang, Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội tập trung thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV trình Đại hội. Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV, 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khẳng định: Trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn, nhưng kinh tế - xã hội của tỉnh trong 10 năm 1986-1996, nhất là trong 5 năm 1991-1995 từng bước được ổn định và có sự tăng trưởng. Tốc độ phát triển kinh tế

5 năm 1991-1995 đạt 6,8%, cao hơn nhiều tốc độ phát triển kinh tế 5 năm 1986-1990¹. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng được đẩy mạnh, nhiều công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả tốt. Cơ chế kinh tế mới được khẳng định. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, quốc phòng - an ninh được giữ vững, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể từng bước được đổi mới, tiến bộ.

Đại hội cũng nghiêm khắc chỉ rõ những khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành làm cản trở quá trình phát triển của tỉnh. Các cấp, các ngành chưa thật sự tập trung vào các mũi nhọn kinh tế để biến tiềm năng thành hiện thực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn mức bình quân chung cả nước (8,2%). Một số chương trình kinh tế đạt thấp, nhất là các chương trình trồng dâu nuôi tằm và xuất nhập khẩu. Các cơ quan chức năng chậm tháo gỡ vướng mắc để tạo điều kiện tốt hơn cho các thành phần kinh tế phát triển. Nhiều nơi vừa buông lỏng, vừa lúng túng trong chỉ đạo củng cố và phát triển kinh tế hợp tác. Hiệu lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn yếu kém, có nhiều mặt sơ hở. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm còn cao (2,3%). Đời sống nhân dân còn ở mức thấp, nhiều hộ còn trong tình trạng đói, nghèo. Những yếu kém, khuyết điểm trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là nguyên nhân chủ quan, trước hết là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy còn quan liêu, có biểu hiện trì trệ, có việc thiếu quyết đoán, chưa tập trung

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ 1986-1990 của tỉnh Quảng Ngãi là 2,3%. (xem *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV*, tr.10)

cao cho nhiệm vụ tổ chức thực hiện một số mục tiêu của nghị quyết đề ra. Sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, trước hết là Ủy ban nhân dân tỉnh chưa thật sâu sát và đồng bộ, chưa bám sát vào một số chương trình, mục tiêu, chưa kịp thời cụ thể hóa và thể chế hóa các nghị quyết của Trung ương và của Đảng bộ. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa động viên được hội viên, đoàn viên phát huy truyền thống kiên cường của quê hương, phấn đấu vươn lên trong sự nghiệp đổi mới để sớm thoát khỏi đói nghèo.

Quán triệt đường lối của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn của tỉnh, Đại hội đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000 và những định hướng lớn đến năm 2010 là: *“Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân chung của cả nước, bảo đảm tính vững chắc, phấn đấu thoát ra tình nghèo, tránh nguy cơ tụt hậu so với các tỉnh miền Trung, từng bước tiến lên công nghiệp hóa và hiện đại hóa”*¹.

Đại hội thông qua các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đến năm 2000: Nhịp độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm 15-17%. Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 40,9%, công nghiệp 21,4%, dịch vụ 37,7%. Phấn đấu đến đầu thế kỷ XXI chuyển lên thành tỉnh có cơ cấu kinh tế công - nông - dịch vụ. GDP bình quân đầu người năm 2000 đạt 500 USD. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,9%. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống còn 30%. Tạo việc làm bình quân hàng năm cho 35.000 - 40.000 lao động. Xóa hết hộ đói, giảm 50% số hộ nghèo. Cơ bản xóa xong nạn mù

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV*, tr. 44.

chữ trong độ tuổi từ 15 - 35 và hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong toàn tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu đạt 18 - 20 triệu USD.

Đại hội đề ra 8 chương trình kinh tế - xã hội, gồm: Chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn; Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Chương trình nâng cao năng suất cây mía, chế biến đường và sản phẩm sau đường; Chương trình phát triển thủy sản; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trung du, miền núi; Chương trình phục vụ khu công nghiệp Dung Quất; Chương trình phát triển dịch vụ, thương mại và kinh tế đối ngoại; Chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc.

Đại hội nhấn mạnh các nhiệm vụ tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, xây dựng và củng cố chính quyền, xây dựng Đảng bộ ngang tầm nhiệm vụ mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi khoá XV, gồm 45 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy là 13 đồng chí. Đồng chí Võ Đức Huy được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Nguyễn Thanh Tân, Nguyễn Đức Tâm được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Đại hội thành công tốt đẹp, đánh dấu sự trưởng thành của Đảng bộ, cổ vũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân quyết tâm đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới, bàn phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000. Trên cơ sở đánh giá tình hình trong nước và quốc tế, nhận định xu thế và triển vọng của tình hình thế giới, làm rõ thời cơ và thách thức của cách mạng Việt Nam, Đại hội nêu rõ mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 là: Tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Đại hội bầu đồng chí Đỗ Mười làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV trong bối cảnh tình hình trong tỉnh, trong nước và quốc tế có những diễn biến mới. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á bùng nổ, tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất chậm, và hai trận lũ lịch sử năm 1999¹ đã làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế và nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh không đạt kế hoạch đề ra. Trong khó khăn, thử thách, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã tăng cường đoàn kết, quyết tâm

1. Hai đợt lũ lụt cuối năm 1999 làm 98 người chết và mất tích, 215 người bị thương, 116.974 ngôi nhà bị ngập nước, 4.176 nhà bị sập, trôi hoàn toàn, 13.382 nhà bị hư hỏng, hàng nghìn ha đất canh tác bị cát, sạn bồi lấp. Tổng thiệt hại trên 490 tỷ đồng.

thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, trọng tâm là 8 chương trình kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả quan trọng.

Kết quả nổi bật nhất là cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP. Đến năm 2000, công nghiệp, xây dựng tăng từ 16,1% (năm 1995) lên 21,58%, nông nghiệp giảm từ 51,1% còn 41,92%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm 1996-2000 đạt 8,56%, tuy không đạt kế hoạch đề ra, nhưng tăng cao hơn 5 năm 1991-1995¹. GDP bình quân đầu người đạt 192 USD.

Trong sự tăng trưởng chung của toàn bộ nền kinh tế, nông nghiệp tuy giảm về tỷ trọng trong cơ cấu GDP, nhưng tăng về giá trị tuyệt đối. Sản lượng lương thực quy thóc từ 319.600 tấn năm 1995, tăng lên 363.334 tấn năm 2000. Đặc biệt, năm 1999, tuy bão lũ tàn phá gây thiệt hại lớn về người và tài sản, nhưng sản lượng lương thực đạt 384.000 tấn, cao nhất trong 5 năm 1996-2000. Diện tích mía niên vụ 1999-2000 đạt 9.829 ha, năng suất 51,2 tấn/ha, sản lượng 503.364 tấn. Các loại cây rau đậu tăng khá, không những đáp ứng cho nhu cầu thị trường trong tỉnh mà còn tham gia các thị trường một số tỉnh, thành phố trong khu vực. Giá trị trên một hécta canh tác năm 2000 đạt 13,3 triệu đồng, tăng 25% so với năm 1995. Đến năm 2000, đàn trâu, bò có 267.700 con, tỷ lệ bò lai Sind và Zebu chiếm 26,7%, đàn heo có 402.000 con, đàn gia cầm có 2,5 triệu con. Thủy sản có chuyển biến tích cực cả trong đánh bắt, nuôi trồng và chế biến, với sản lượng tăng từ 38.700 tấn năm 1995

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ 1991-1995 của tỉnh Quảng Ngãi là 6,8%.

lên 65.000 tấn năm 2000. Nghề nuôi tôm sú phát triển mạnh và đạt hiệu quả kinh tế cao, với sản lượng 800 tấn, tăng gấp ba lần năm 1995. Chế biến thủy sản phát triển nhanh, đạt giá trị 11 triệu USD năm 2000.

Đạt được những kết quả quan trọng trong sản xuất nông nghiệp chính là nhờ các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó vấn đề cơ bản, cốt lõi là vai trò của kinh tế hộ tiếp tục được khẳng định và khuyến khích phát triển. Hộ nông dân được giao quyền sử dụng, quyền chuyển đổi, quyền chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp quyền sử dụng ruộng đất. Chính vì vậy, từ sau Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh (1996), nông dân Quảng Ngãi được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài theo Nghị định số 64-NĐ/CP của Chính phủ. Với những quyền hạn đó, nông dân là người làm chủ thực sự phần ruộng đất được giao trong thời hạn nhất định do pháp luật quy định. Các chủ trương, chính sách đó tiếp tục tạo động lực cho nông dân yên tâm đầu tư khai hoang, phục hóa, tăng vụ, cải tạo đất, chủ động thay đổi cơ cấu cây trồng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Kinh tế hộ phát triển làm cho hàng loạt hợp tác xã lâm vào tình trạng bế tắc về phương hướng hoạt động, nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ trên hình thức. Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 06 - NQ/TW về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghị quyết khẳng định rõ hơn vai trò của kinh tế hộ, khuyến khích kinh tế hộ phát triển, đồng thời chủ trương chuyển đổi, xây dựng các hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã được Quốc hội ban hành năm 1996. Thực hiện Nghị quyết số 6-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành và địa

phương tổ chức đại hội xã viên các hợp tác xã, bàn phương án chuyển đổi hoạt động cho phù hợp với cơ chế mới, tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân. Đến năm 2000, toàn tỉnh chuyển đổi được 140 hợp tác xã, chiếm 75% tổng số hợp tác xã trong tỉnh. Nhiều hợp tác xã sau chuyển đổi, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, hỗ trợ kinh tế hộ phát triển như Bình Dương (Bình Sơn), Tịnh Sơn (Sơn Tịnh), Vĩnh Trường (Mộ Đức), Phổ Văn (Đức Phổ), Bắc Phương (Tư Nghĩa). Một số hộ có điều kiện tập trung ruộng đất mở rộng quy mô sản xuất, hình thành các trang trại. Tuy kinh tế trang trại là loại hình kinh tế còn mới mẻ, nhưng ở một số địa phương trong tỉnh, nhất là vùng trung du, miền núi, ven biển đã hình thành các trang trại trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trang trại nuôi tôm, bước đầu làm ăn có hiệu quả.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ Quảng Ngãi hết sức chú trọng khai thác các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Ngày 11-4-1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 207/TTg “Về việc phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất”. Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, “khu công nghiệp Dung Quất là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước; là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai; là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có ý nghĩa quan trọng về

quốc phòng”¹. Năm bắt thời cơ thuận lợi này, đồng thời cũng là thể hiện trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đối với sự phát triển của đất nước, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV xác định: “Cần tập trung lực lượng tham gia cùng các bộ, ngành Trung ương nhanh chóng xây dựng và tổ chức thực hiện tốt phương án chuyển dân, tạo mặt bằng, xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch chi tiết trong các lĩnh vực điện, nước, bưu điện, du lịch, dịch vụ. Khẩn trương đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao; đảm bảo trật tự xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng trên địa bàn; cần tận dụng những điều kiện thuận lợi trong quá trình xây dựng khu công nghiệp Dung Quất để xây dựng công nghiệp, phát triển du lịch, dịch vụ tỉnh nhà”².

Đầu tháng 12-1997, tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa X ra Nghị quyết số 07/1997-QH quyết định xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, mở ra bước ngoặt mới trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh Quảng Ngãi và miền Trung³.

1. Quyết định số 207/TTg, ngày 11-4-1996 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất”.

2. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV*, tr.55-56.

3. Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất do Việt Nam tự đầu tư, đặt tại xã Bình Trị và Bình Thuận (Bình Sơn), có công suất 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, gồm các loại sản phẩm propylen, khí hóa lỏng, xăng không chì, dầu hỏa dân dụng, nhiên liệu phản lực, nhiên liệu diezen, nhiên liệu FO. Tổng vốn đầu tư 1,5 tỷ USD. Thời gian xây dựng từ năm 1997 đến năm 2001.

Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Đảng bộ, nhân dân huyện Bình Sơn tích cực, khẩn trương phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng bản đồ khu vực Dung Quất và các vùng lân cận, lập quy hoạch chung, chọn địa điểm xây dựng cảng biển nước sâu, Nhà máy lọc dầu số 1, dự kiến loại hình các ngành công nghiệp có thể đầu tư vào Dung Quất; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật quan trọng như giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, quy hoạch các khu tái định cư, vận động nhân dân di dời đến nơi ở mới. Ủy ban nhân dân tỉnh ra chỉ thị về quản lý sử dụng đất và quản lý xây dựng cơ bản trong vùng quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất, ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ kinh phí cải tạo đồng ruộng, miễn giảm thủy lợi phí, học phí, viện phí cho các hộ dân phải chuyển vào các khu tái định cư.

Sau 5 năm 1996-2000, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các ngành chức năng của tỉnh và huyện Bình Sơn đã hoàn thành công tác quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng các khu tái định cư Gò Đường, An Phú (xã Bình Thạnh), Đồng Lớn, làng cá Đông Hòa (xã Tịnh Hòa), khu tái định cư vùng hồ Hàm Rồng (Bình Chánh), khu dân dân Trảng Bông (Bình Trị), khu nghĩa địa xã Bình Trị và xã Bình Đông. Cùng với đầu tư xây dựng các khu tái định cư, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành công tác kiểm kê, áp giá đền bù, giải phóng mặt bằng gần 500 ha đất cho 4.582 hộ dân, di chuyển tái định cư gần 800 hộ, trong đó có 535 hộ chuyển vào các khu tái định cư tập trung ở Gò Đường, Đông Hoà, Hàm Rồng. Hoàn thành việc chuyển dân vào các khu tái

định cư, giải phóng mặt bằng đúng tiến độ là cơ sở hết sức quan trọng, tạo điều kiện động thổ xây dựng nhà máy lọc dầu ngày 8-1-1998.

Ngày 25-8-1998, Chính phủ hai nước Việt Nam và Liên bang Nga ký hiệp định liên Chính phủ, thống nhất giao cho Petrovietnam và Liên đoàn kinh tế hải ngoại Nhà nước Liên bang Nga (Zarubezhneft) cùng làm chủ đầu tư xây dựng và vận hành Nhà máy lọc dầu số 1 tại Dung Quất với tổng số vốn gần 1,5 tỷ USD. Công ty Liên doanh nhà máy lọc dầu Việt - Nga (Vietross) được thành lập. Từ chỗ Việt Nam tự đầu tư vốn, Nhà máy lọc dầu Dung Quất chuyển sang liên doanh giữa Việt Nam và Nga, mỗi bên góp 50% vốn xây dựng nhà máy.

Cùng với phối hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu công nghiệp Dung Quất, thời kỳ 1996-2000, Quảng Ngãi hình thành được hai khu công nghiệp của tỉnh là Tịnh Phong (Sơn Tịnh) và Quảng Phú (thị xã Quảng Ngãi). Hai khu công nghiệp tập trung có tổng diện tích sử dụng đất hơn 270 ha¹, thu hút các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu đầu tư xây dựng khu công nghiệp Dung Quất và thị trường trong khu vực. Đến năm 2000, hạ tầng kỹ thuật của hai khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú được đầu tư giai đoạn 1, thu hút hàng chục dự án đầu tư. Riêng Công ty đường Quảng Ngãi có 11 nhà máy hoạt động ở khu công nghiệp Quảng Phú. Khu công nghiệp Tịnh Phong có nhiều nhà máy mới được đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng

1. Trong đó, khu công nghiệp Tịnh Phong 141,72 ha, khu công nghiệp Quảng Phú 132 ha.

tạo ra sản phẩm, giải quyết việc làm, như Nhà máy xi măng Vạn Tường, Nhà máy bê tông Thiên Sơn, Nhà máy gạch tuynen Phong Niên, Nhà máy tinh bột mì Tịnh Phong. Nhờ sự nỗ lực của các cấp, các ngành nên sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp thời kỳ 1996-2000 đạt tốc độ tăng trưởng cao. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 14,8%/năm. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng từ 16,1% (năm 1995) lên 21,58% (năm 2000). Toàn tỉnh có 60 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, hơn 11.000 cơ sở hộ sản xuất tiểu, thủ công nghiệp.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển mạnh, trong 5 năm 1991-1995 tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đạt 5.075 tỷ đồng, gấp 4,8 lần 5 năm trước đó. Đây là thời kỳ có một số cơ sở sản xuất công nghiệp được đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, trong đó có Nhà máy đường Phổ Phong (Đức Phổ)¹. Đặc biệt, sau 12 năm xây dựng (1985 - 1997), công trình thủy lợi Thạch Nham đã hoàn thành, với tổng vốn đầu tư 680 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1994). Việc hoàn thành công trình thủy lợi Thạch Nham thực sự đã mang lại hiệu quả to lớn về nhiều mặt, cơ bản thủy lợi hóa ở đồng bằng, cung cấp nước cho sinh hoạt và cho công nghiệp. Với hàng nghìn ki-lô-mét kênh mương, công trình thủy lợi Thạch Nham còn tạo điều kiện phát triển hệ thống giao thông nông thôn, với 350 km đường ô tô đi lại được. Đối với công trình thế kỷ này, ngoài nguồn vốn đầu tư lớn của Nhà nước, nhân dân Quảng Ngãi đã đóng góp 45 tỷ đồng, hơn 10 triệu ngày công (tương đương 90 tỷ đồng) thi

1. Nhà máy đường Phổ Phong, công suất ép 1.000 tấn mía cây/ngày, hoàn thành, đưa vào sử dụng năm 1997.

công công trình, hơn 1.200 hộ dân phải di dời nhà cửa, hơn 11.000 hộ chịu mất đất hoặc hoa màu mà không yêu cầu Nhà nước bồi thường để xây dựng công trình. Ngoài thủy lợi Thạch Nham, tỉnh còn đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hàng trăm công trình thủy lợi vừa và nhỏ, đưa diện tích tưới bằng công trình kiên cố đến năm 2000 đạt 73%. Thời kỳ này hồ chứa nước Núi Ngang¹, các công trình đê ngăn mặn, đê bao sông Trà Khúc, các công trình chống xói lở ven sông, ven biển được khởi công xây dựng, trong đó một số công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

Hệ thống giao thông, nhất là giao thông nông thôn được đầu tư phát triển mạnh. Nhiều tuyến giao thông huyết mạch nối đồng bằng với miền núi được nâng cấp, mở rộng như đường Sơn Tịnh - Sơn Hà, Sơn Hà - Sơn Tây, thị xã Quảng Ngãi - Minh Long. Hầu hết các xã đồng bằng đều có phong trào nhân dân đóng góp vốn và sức lao động xây dựng giao thông nông thôn, nhiều khu dân cư có đường làng ngõ xóm quang đãng, sạch đẹp. Tính chung trong 5 năm 1996-2000, nhân dân đóng góp 59 tỷ đồng cùng với ngân sách nhà nước làm mới 516 km đường các loại, xây dựng hàng trăm cầu cống, ngầm tràn qua sông, suối. Đây là thời kỳ giao thông nông thôn, miền núi có bước phát triển nhanh. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 177/179 xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

Hệ thống điện được tiếp tục xây dựng, nâng cấp, mở rộng. Lưới điện 35kV được kéo đến hầu hết các huyện trong tỉnh. Năm 1998, lưới điện quốc gia được kéo về huyện Sơn Tây là

1 Hồ chứa nước Núi Ngang xây dựng năm 2000, thuộc xã Phổ Nhơn (Đức Phổ), có năng lực tưới theo thiết kế 1.450 ha. Kênh chính dài 10 km.

huyện cuối cùng được cấp điện bằng lưới điện quốc gia. Huyện đảo Lý Sơn có trạm phát điện diesel, công suất 300kW. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 918 km đường dây điện trung áp, 543 trạm biến áp, 131/179 xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia, mức tiêu thụ điện bình quân đạt 127KWh/người/năm.

Hệ thống thông tin, viễn thông phát triển nhanh. Tổng đài điện tử kỹ thuật số, hệ thống truyền dẫn cáp quang xuyên Việt, hệ thống vi ba số và vi ba nội tỉnh đã được đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 91,1% xã, phường sử dụng điện thoại, bình quân đạt 2,05 máy/100 dân.

Các hoạt động dịch vụ, thương mại phát triển đa dạng cả về thành phần tham gia và chủng loại hàng hóa. Giá trị ngành thương mại, dịch vụ đạt 1.710 tỷ đồng, gấp 1,67 lần so với năm 1995. Các dịch vụ ngân hàng, bưu chính - viễn thông thể hiện được vai trò chủ đạo, có tác dụng quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Các dịch vụ vận tải, sửa chữa máy móc, thiết bị sinh hoạt, tiêu dùng phát triển. Kinh doanh du lịch tăng bình quân 22,3%/năm, bước đầu liên kết với các đơn vị trong nước thực hiện các chuyến tham quan, du lịch, xây dựng các chương trình khai thác, xúc tiến chuẩn bị đầu tư các dự án du lịch có quy mô lớn. Hạ tầng dịch vụ, nhất là dịch vụ khách sạn được đầu tư xây dựng, với 3 khách sạn 3 sao là Mỹ Trà, Trung Tâm, Sông Trà và nhiều khách sạn, nhà nghỉ của các thành phần kinh tế khác.

Hoạt động tài chính, tiền tệ đạt được những kết quả đáng khích lệ. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm đều đạt, vượt chỉ tiêu trên giao, năm 2000 đạt 149,5 tỷ đồng. Chi ngân sách hàng năm tăng bình quân 12,9%, bảo đảm cơ

bản nhu cầu chi thường xuyên và thực hiện tiết kiệm chi để đầu tư phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng. Xuất khẩu năm 2000 đạt 6,7 triệu USD, với các mặt hàng chủ yếu như cồn, bánh kẹo, gỗ bạch đàn, tinh bột mì, thủy sản đông lạnh, đá xây dựng.

Tháng 11-1996, Quốc hội thông qua Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi), các văn bản của Chính phủ và bộ, ban, ngành Trung ương liên quan đến thu hút đầu tư nước ngoài tạo cơ chế thông thoáng, cởi mở, hấp dẫn các nhà đầu tư vào Quảng Ngãi. Trong 5 năm 1996-2000, Quảng Ngãi thu hút được 4 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 1.327 triệu USD, bước đầu tạo thêm động lực mới cho sự phát triển của tỉnh.

Tuy nhiên, so với yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra, kinh tế tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 1996-2000 phát triển chưa vững chắc. Nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế chưa đạt kế hoạch. Trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế và bình quân thu nhập đầu người chỉ đạt xấp xỉ một nửa chỉ tiêu đề ra¹. Nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, thiếu bền vững. Một số cây công nghiệp như cây cao su chưa đủ điều kiện khẳng định hiệu quả, cây cà phê đạt hiệu quả rất thấp. Ngày 16-6-1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2385-QĐ/UB thành lập đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả trồng cà phê và cao su trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra các vùng trồng cà phê ở bốn huyện Sơn Hà, Sơn

1. Chỉ tiêu đề ra là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 15-17%/năm, nhưng thực tế chỉ đạt 8,56%; thu nhập bình quân đầu người đạt 500 USD, nhưng thực tế chỉ đạt 192 USD.

Tây, Ba Tơ và Trà Bồng, kết quả cho thấy, từ năm 1994 đến năm 1998, dự án trồng cây cà phê của tỉnh đã đầu tư trồng 789,08 ha, nhưng diện tích mất trắng là 313,76 ha, chiếm 39,76 % diện tích. Trong 475,32 ha diện tích còn lại cũng chỉ có 26,24 ha được đưa vào kinh doanh từ 1 đến 2 năm, với tổng giá trị thu được quy thành tiền khoảng 200 triệu đồng/năm¹. Việc sắp xếp, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các hợp tác xã còn lúng túng, chất lượng, hiệu quả thấp. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh vẫn trong tình trạng thấp kém, phát triển chưa xứng với tiềm năng, nhất là công nghiệp chế biến. Các doanh nghiệp tuy có đổi mới máy móc, thiết bị nhưng phần lớn máy móc, thiết bị đó lại lạc hậu nên khả năng cạnh tranh yếu, hiệu quả kinh tế thấp. Việc thực hiện cổ phần hóa trong các doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm. Tỉnh chưa chủ động đề ra cơ chế, chính sách phát huy nội lực, tranh thủ các nguồn đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thương mại quốc doanh hoạt động yếu, chưa chi phối được các thành phần kinh tế khác. Hoạt động du lịch còn đơn điệu, chưa khai thác hết tiềm năng, nhất là du lịch sinh thái, văn hóa. Hoạt động xuất khẩu yếu kém kéo dài, sản phẩm xuất khẩu mới chỉ ở dạng sơ chế, kim ngạch xuất khẩu quá thấp (chỉ bằng 37,2% kế hoạch). Hoạt động phối hợp xây dựng khu công nghiệp Dung Quất còn nhiều bất cập. Hiệu quả sử dụng một số khu tái định cư chưa cao, điều kiện bảo đảm đời sống nhân dân sau tái định cư chưa tốt. Do đó, trong 6 dự án tái định cư, dự

1. Tổng vốn đầu tư dự án trồng cây cà phê từ năm 1996 đến năm 1998 là 9,5 tỷ đồng (trong đó vốn cấp hơn 5 tỷ đồng, vốn vay hơn 4 tỷ đồng).

án Đồng Lớn có mức đầu tư 7,5 tỷ đồng, có năng lực tái định cư 120 hộ nông nghiệp, nhưng khi hoàn thành đầu tư hạ tầng vẫn không có hộ dân nào chịu vào tái định cư.

Cùng với quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ Quảng Ngãi luôn xác định công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là xóa đói, giảm nghèo ở miền núi là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng. Ngày 11-1-1999, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Nghị quyết số 10-NQ/TU “Về xóa đói, giảm nghèo ở miền núi”. Nghị quyết khẳng định: Sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, tình hình kinh tế - xã hội ở các huyện miền núi trong tỉnh có bước phát triển mới. Các huyện đã tiến hành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, xác định được các trung tâm cụm xã, các tiểu vùng kinh tế, xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, các huyện lỵ đã có điện lưới quốc gia, nhiều xã có điện thoại, phương tiện nghe nhìn, nhiều mô hình phát triển vườn rừng, khai hoang phục hóa, phát triển diện tích lúa nước, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Các kết quả đó góp phần ổn định và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào miền núi. Số hộ đói nghèo giảm từ 68% năm 1995 còn 53% năm 1999. Nghị quyết cũng nêu rõ: Công tác xóa đói, giảm nghèo chưa được tập trung đúng mức, chỉ đạo, lãnh đạo chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết, thụ động, nên kết quả còn nhiều hạn chế, tốc độ giảm đói nghèo chậm, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Để đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra, phấn đấu đến năm 2000, miền núi không còn hộ đói, giảm 50% hộ nghèo, Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các huyện miền núi, các ngành chức năng của tỉnh thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp, trong đó cần chú trọng

đẩy mạnh tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc thiểu số tích cực thực hiện các giải pháp xóa đói, giảm nghèo; cấp ủy, chính quyền tạo điều kiện đầu tư vốn, cơ chế chính sách cho đồng bào phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Nội dung Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy thể hiện được trách nhiệm của Đảng bộ tỉnh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, các quan điểm, giải pháp đặt ra đều đúng đắn. Tuy nhiên, do mục tiêu Nghị quyết đặt ra chưa phù hợp với khả năng thực tế, nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn hẹp và nhất là chưa lường hết sự khó khăn, phức tạp của quá trình chuyển đổi tâm lý, tập quán truyền thống của đồng bào các dân tộc miền núi trong tỉnh, nên kết quả đạt được còn hạn chế. Đến cuối năm 2000, tổng số hộ nghèo, đói toàn tỉnh, chủ yếu là ở nông thôn và miền núi còn 44.677 hộ, chiếm 16,66%, trong đó hộ nghèo là 35.960 hộ, chiếm 13,41% và hộ đói còn 8.717 hộ chiếm 3,25%, không đạt chỉ tiêu xóa hết hộ đói, giảm 50% hộ nghèo so với 1995.

Quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặt ra nhiều vấn đề mang tính chính trị, kinh tế, xã hội đòi hỏi Đảng bộ phải giải quyết một cách đồng bộ, tạo động lực cho sự phát triển. Trong những vấn đề đó, việc xây dựng thị xã Quảng Ngãi trở thành thành phố tỉnh lỵ là rất cần thiết, nhất là từ khi Đảng và Nhà nước ta quyết định xây dựng Khu công nghiệp Dung Quất trở thành trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Vì lẽ đó, ngày 1-9-1998, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Nghị quyết số 09-NQ/TU “Về xây dựng thị xã Quảng Ngãi trở thành thành phố tỉnh lỵ”. Trong gần 10 năm kể từ ngày tỉnh tái lập, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thị xã được tỉnh

quan tâm đầu tư phát triển. Đến năm 1998, thị xã có 125,4 km đường thôn, khối phố, trong đó có 30% được rải nhựa, hệ thống cấp, thoát nước, điện, thông tin liên lạc, trường học, bệnh viện, v.v.. đáp ứng được một phần nhu cầu của nhân dân. Tuy nhiên, để thị xã trở thành thành phố, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật; nơi sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ tập trung, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, còn phải nỗ lực phấn đấu, đầu tư nhiều hơn nữa. Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra mục tiêu xây dựng thị xã trở thành thành phố phải được tiến hành qua hai giai đoạn: Những năm 1998- 2000 xây dựng thị xã đạt tiêu chuẩn đô thị loại ba; năm 2000-2002 nâng cấp lên thành phố tỉnh lỵ.

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, tuy có nhiều nỗ lực phấn đấu, nhưng thị xã vẫn chưa đạt được các tiêu chí đô thị loại ba. Nguyên nhân là do sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh thiếu tập trung. Việc lập quy hoạch chi tiết chậm, đầu tư dàn trải. Năng lực lãnh đạo của thị ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền thị xã còn nhiều bất cập. Nội lực của nhân dân chưa được phát huy đúng mức vào việc thực hiện mục tiêu xây dựng thị xã thành thành phố tỉnh lỵ¹.

Đồng thời với tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo ở miền núi, từng bước xây dựng thị xã Quảng Ngãi đạt các tiêu chí đô thị loại ba, phối hợp với các

1. Đến năm 2003, thị xã Quảng Ngãi mới đạt các tiêu chí đô thị loại ba, năm 2005 mới trở thành thành phố tỉnh lỵ.

bộ ngành Trung ương xây dựng khu kinh tế Dung Quất, Đảng bộ Quảng Ngãi quan tâm phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội.

Tháng 12-1996, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Nghị quyết khẳng định: Cùng với khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, nhân tố quyết định sự phát triển đất nước. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Cụ thể hóa nội dung Nghị quyết của hội nghị Trung ương, trong 2 ngày 8 và ngày 9-4-1996, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ năm đã nghiên cứu, quán triệt nội dung nghị quyết, thảo luận báo cáo định hướng phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh và ra Nghị quyết số 03-NQ/TU, đề ra các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh đến năm 2000. Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là ngành giáo dục tích cực, chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp đưa sự nghiệp giáo dục - đào tạo của tỉnh phát triển lên một bước mới, đạt được những thành tích tương đối toàn diện cả về nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực. Năm học 2000-2001, toàn tỉnh có 303.597 học sinh phổ thông, tăng 54.453 học sinh so với năm học 1995-1996. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học đạt 93,48% (tăng 7,57% so với năm 1995), bậc trung học cơ sở đạt 75,6% (tăng 11%) và bậc trung học phổ thông đạt 63,3% (tăng 7%). Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên. Quảng Ngãi là một trong những tỉnh có tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp các cấp học đạt cao so với

các tỉnh trong khu vực, trên 3.000 học sinh đạt danh hiệu giỏi cấp tỉnh, 113 học sinh giỏi cấp quốc gia, 3 học sinh đạt giải cấp quốc tế và khu vực, 25 học sinh đạt giải trong kỳ thi Olympic.

Mục tiêu nâng cao dân trí, phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ cũng đạt kết quả rõ rệt. Tỷ lệ người mù chữ trên tổng số dân giảm từ 1,3% năm 1995 xuống 0,5% năm 2000. Tháng 10-1997, tỉnh Quảng Ngãi được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học. Cuối năm 2000, có 90/179 xã, phường, thị trấn và bốn huyện, thị xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Toàn tỉnh có 164 trường, với 1.610 lớp học từng bước được ngôi hóa, tầng hóa, chiếm 25,59% tổng số phòng học, chấm dứt tình trạng học sinh phải học ca ba.

Nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có bước tiến bộ đáng kể. Số học sinh đổ vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề ngày càng nhiều. Trong 5 năm, toàn tỉnh có 10.153 sinh viên cao đẳng và đại học, 4.850 học sinh trung học chuyên nghiệp, 1.812 công nhân kỹ thuật và 36.227 em học các nghề dưới nhiều hình thức. Số học sinh ở miền núi được cử tuyển hệ đại học 115 em, hệ cao đẳng và trung học chuyên nghiệp 489 em.

Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các hình thức giáo dục - đào tạo, các địa phương trong tỉnh tích cực tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh, các cá nhân, tập thể đóng góp kinh phí, công sức cùng với Nhà nước xây dựng trường lớp, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập, hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học, khuyến khích tài năng trẻ. Năm 1998, Hội khuyến học tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Đến năm 2000, quỹ khuyến học, khuyến tài của hội đạt gần 1 tỷ đồng.

Các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và một số hộ tộc xây dựng được quỹ khuyến học. Tiếp tục đẩy mạnh chủ trương đa dạng hóa các loại hình giáo dục, trong 5 năm 1996-2000, hệ thống giáo dục tỉnh Quảng Ngãi có thêm nhiều nhóm trẻ gia đình, mẫu giáo dân lập. Hệ thống giáo dục phổ thông có 6 trường trung học phổ thông bán công, 2 trường trung học phổ thông dân lập, thu hút hàng nghìn học sinh theo học.

Triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về khoa học - công nghệ, từ năm 1996 đến năm 2000, hoạt động khoa học - công nghệ có bước chuyển biến đáng kể. Các đề tài nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, thực nghiệm các mô hình phát triển nông - lâm - thủy sản, polime sinh học, dự án Dung Quất, điều tra cơ bản về môi trường khu công nghiệp Dung Quất, nghiên cứu xã hội nhân văn được triển khai. Công tác quản lý môi trường, đo lường chất lượng có tiến bộ, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có những bước phát triển mới. Hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và tổ chức bộ máy của ngành ngày càng được tăng cường. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 177/179 xã, phường, thị trấn có trạm y tế, trong đó có 100 trạm y tế được xây dựng mới, 72/179 trạm y tế xã, phường có bác sĩ; y sĩ có 437 người, tăng gấp 4 lần năm 1989. Đến năm 2000, ngành y tế Quảng Ngãi có 3,35 bác sĩ và 18,4 giường bệnh trên 1 vạn dân. Phong trào thi đua thực hiện 12 điều y đức được triển khai rộng rãi trong các cơ sở y tế, bước đầu nâng cao trách nhiệm của đội ngũ thầy thuốc đối với bệnh nhân, hạn chế các hiện tượng tiêu cực trong khám, chữa bệnh, nhất là thái độ chăm sóc

người bệnh của đội ngũ thầy thuốc.

Các chương trình y tế quốc gia được triển khai rộng khắp, nhất là việc tiêm chủng mở rộng, với 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ sáu liều vắc xin. Công tác phòng chống các bệnh sốt rét, lao, phong, bấu cổ, mù lòa, HIV/AIDS được đẩy mạnh. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt được nhiều kết quả tốt, góp phần hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,4% năm 2000.

Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng (1996) khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Cụ thể hóa quan điểm của Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (khóa VIII) tháng 7-1998 ra Nghị quyết: “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Đây là lần đầu tiên Đảng ta có Nghị quyết đề cập toàn diện về quan điểm, chủ trương phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới, gắn phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của văn hóa trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng để quán triệt nghị quyết, thống nhất đánh giá thực trạng tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, thông qua chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5. Từ khi có Nghị quyết Trung ương 5, trong định hướng phát triển của tỉnh, Đảng bộ luôn gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội, tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tuy thời gian thực hiện các nhiệm vụ được đề ra trong chương trình

hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 không nhiều, nhưng trong hai năm 1998-2000, về lĩnh vực văn hóa Quảng Ngãi có nhiều chuyển biến tích cực. Những nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa, các lễ hội truyền thống được phục hồi và phát triển. Những nét mới trong đạo đức, lối sống như tính năng động, chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng cuộc sống được đề cao, từng bước khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn, khó khăn phát triển rộng khắp, ngày càng trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, báo chí từng bước đổi mới nội dung và hình thức thể hiện, góp phần quan trọng làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân.

Quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12-1-1998 của Bộ Chính trị “Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng gắn việc thực hiện Chỉ thị với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tạm thời về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Các văn bản chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và những quy định tạm thời của Ủy ban nhân dân tỉnh được phổ biến rộng rãi trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và được thực hiện khá nghiêm túc. Nhiều thôn, khối phố đưa các quy định của Ủy ban nhân dân vào các quy ước, hương ước, bước đầu tạo được sự hưởng ứng tích cực trong Đảng và trong nội bộ các tầng lớp nhân dân. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 90.000 gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, 90 khu dân cư xuất sắc, hơn 500 khu dân cư tiên

tiến. Chất lượng và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ngày được nâng cao, số hộ được nghe đài đạt 80%, số hộ xem truyền hình đạt 70% tổng số hộ dân trong toàn tỉnh.

Các hoạt động thể dục thể thao có bước phát triển và tiến bộ. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ, nhất là trong học sinh, thanh thiếu niên, trong lực lượng vũ trang, cơ quan, doanh nghiệp và đặc biệt là trong lớp người cao tuổi. Việc giáo dục thể chất trong trường học, cũng như các hội thi, hội diễn, thi đấu được tổ chức ngày càng tốt hơn. Các huyện, thị xã đã tổ chức 450 giải thể thao cấp huyện, thị xã với 650.600 lượt người tham gia, 179 xã, phường, thị trấn tổ chức 890 giải thể thao cấp mình với 50.900 người tham gia. Đến cuối năm 2000 có 13% dân số trong tỉnh tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Ngành thể dục thể thao phối hợp tổ chức nhiều giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật, điền kinh cấp khu vực và quốc gia. Các vận động viên của tỉnh đã đạt 207 huy chương ở giải thể thao khu vực và toàn quốc, 3 Huy chương Vàng tại các kỳ SEA Games.

Tuy vậy, trong những năm 1996-2000, lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nổi lên là chất lượng giáo dục toàn diện còn thấp. Tình trạng dạy thêm, học thêm sai qui định diễn ra ở nhiều nơi. Cơ sở vật chất, trường lớp học còn tạm bợ, xuống cấp nhanh. Một bộ phận giáo viên chưa đạt yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học chưa được ứng dụng trong thực tế hoặc hiệu quả ứng dụng chưa cao. Đầu tư kinh phí, cơ sở - vật chất kỹ thuật cho hoạt động khoa học, công nghệ, môi trường còn bất cập. Các cơ quan nghiên cứu, tham mưu còn thiếu nhiều cán bộ khoa học đầu ngành. Tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học - kỹ thuật chưa

được phát huy. Tình trạng ô nhiễm môi trường, rác thải sinh hoạt ở những nơi đông dân cư luôn là vấn đề bức xúc, nhưng các ngành chức năng chưa có biện pháp khắc phục. Hoạt động y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu phòng, khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Ý thức của một bộ phận cán bộ, nhân viên y tế xuống cấp. Việc quản lý hành nghề y, được tư nhân và vệ sinh an toàn thực phẩm còn lỏng lẻo, phát sinh nhiều tiêu cực. Lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập, nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội trước hết là trong các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân và trong từng gia đình chưa được quan tâm đúng mức, chưa có chuyển biến mạnh mẽ. Chất lượng hoạt động của các loại hình văn hóa, nghệ thuật, báo chí chưa cao. Nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh chưa được bảo vệ, đầu tư tôn tạo và khai thác góp phần giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II- TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH, THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng các mối quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới vừa tạo ra thuận lợi mới, đồng thời cũng gây ra những khó khăn, thách thức không nhỏ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các thế lực thù địch vẫn tăng cường các hoạt động thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, kích động bạo phản động gây bạo loạn, lật đổ

chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ở Quảng Ngãi, Thích Huyền Quang núp dưới chiêu bài đòi tự do tôn giáo tiếp tục hoạt động khôi phục cái gọi là “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (Ấn Quang)”, gây nhiều phức tạp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, tôn giáo, dân tộc. Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV xác định nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong những năm 1996-2000 là phải xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên cơ sở phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, giữ vững ổn định chính trị xã hội ở địa phương, bảo đảm vững chắc an ninh nội bộ, góp phần bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và trừng trị kịp thời các loại tội phạm, góp phần đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động đối ngoại. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an trong công tác củng cố quốc phòng - an ninh.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, cấp ủy các cấp chủ động đề ra các biện pháp ngăn ngừa đấu tranh làm thất bại các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, vô hiệu hóa các hoạt động của Thích Huyền Quang, tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số vạch trần các thủ đoạn của một số chức sắc, tín đồ tôn giáo lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước để tuyên truyền

phát triển đạo trái pháp luật, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân bổ sung kế hoạch, tổ chức diễn tập thực nghiệm theo phương án A1, A2. Các đơn vị lực lượng vũ trang đẩy mạnh thực hiện ba cuộc vận động lớn trong quân đội là: Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng chính quy hóa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; giữ nghiêm kỷ luật, làm đúng theo điều lệnh. Năm 1997, năm đầu tiên triển khai thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ, toàn tỉnh củng cố lực lượng dân quân tự vệ đạt 3% dân số theo quy định, xây dựng được 151 chi bộ dân quân cơ động, 17 tổ đảng, 143 chi đoàn trong lực lượng dân quân tự vệ. Công tác tuyển quân 5 năm liên đạt chỉ tiêu, bảo đảm chính sách hậu phương quân đội.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng, xây dựng được nhiều điển hình tiên tiến. Chất lượng hoạt động của lực lượng công an nhân dân các cấp được nâng lên, góp phần đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, chống tham nhũng, buôn lậu. Những kết quả đạt được trong công tác an ninh là nhân tố quyết định giữ vững ổn định chính trị, không để xảy ra những tình huống đột xuất, bất ngờ, các "điểm nóng" về an ninh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, công tác quốc phòng - an ninh thời kỳ 1996-2000 còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự gắn bó giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh chưa bền chặt. An ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin còn nhiều sơ hở. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia thiếu đồng bộ và không kịp thời. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt

động phá hoại của địch, xây dựng khu vực phòng thủ của tỉnh chưa thật cơ bản, liên hoàn và vững chắc. Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân chưa được thường xuyên và sâu rộng. Công tác thanh tra, giám sát, phát hiện và xử lý một số vụ việc tiêu cực còn chậm, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, tội phạm có tổ chức và các tệ nạn xã hội đạt kết quả thấp. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân nhiều địa phương thiếu kịp thời, còn để kéo dài. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa được quan tâm đúng mức.

Cùng với tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên quan tâm chỉ đạo, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị. Từ ngày 9 đến ngày 18-6-1997, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa VIII) ra Nghị quyết: "Về phát huy quyền dân chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh". Nghị quyết xác định một số vấn đề lớn cần tập trung giải quyết là: Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức các cơ quan dân cử; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước, cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Sau hội nghị mở rộng quán triệt nội dung Nghị quyết, ngày 13-9-1997, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, tập trung chỉ đạo giải quyết một số nhiệm vụ trung tâm cấp bách, như: Phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng

cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với nhiệm vụ được giao. Do các cấp ủy chuẩn bị tốt về nội dung chương trình hành động và chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thường xuyên, nên kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 đã góp phần làm cho hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp có nhiều chuyển biến tích cực. Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là Hội đồng nhân dân tỉnh đã từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, định kỳ tiếp xúc cử tri, tổ chức tốt các kỳ họp, quyết định những vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội của địa phương. Uy tín của đại biểu các cơ quan dân cử ở địa phương được nâng lên. Mối quan hệ giữa đại biểu dân cử và nhân dân gần gũi, gắn bó và tin cậy hơn. Các cấp cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với kiện toàn tổ chức, xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc. Hiệu quả cải cách hành chính của chính quyền các cấp đã từng bước tháo gỡ nhiều vướng mắc về thủ tục hành chính, giảm phiền hà, tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức được lựa chọn, bố trí, sắp xếp và tuyển dụng tương đối bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn. Những hiện tượng gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân từng bước được khắc phục.

Triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo nội dung Chỉ thị số 30/CT-TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy xây dựng kế hoạch quy định cụ thể nội dung, cách thức tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cho từng loại hình cơ sở xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp nhà nước. Đến năm 1999, tất cả các địa

phương, cơ sở trong tỉnh tổ chức thực hiện quy chế dân chủ. Nhiều địa phương gắn kết việc thực hiện quy chế dân chủ với xây dựng các quy ước, hương ước.

Ngày 26-4-1999, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 86-QĐ/UB ban hành quy chế tổ chức thôn, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn và chỉ đạo quy trình giới thiệu nhân sự và tổ chức bầu trực tiếp trưởng thôn.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong 5 năm 1996-2000, cùng với cử tri cả nước, cử tri tỉnh Quảng Ngãi hăng hái tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (1997-2002) và bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, nhiệm kỳ 1999-2004¹. Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh bầu đồng chí Lý Văn Hạnh làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Tâm làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 1999-2004. Tháng 3-2001, đồng chí Đinh Thị Kim Hoài, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được giữ chức Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến tháng 7-2001, đồng chí Nguyễn Kim Hiệu được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thay đồng chí Nguyễn Đức Tâm.

Tuy đạt được nhiều kết quả trong kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), nhưng hoạt động của chính quyền các cấp còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Năng lực chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ, công

1. Cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (1997-2002) được tổ chức ngày 20-7-1997, đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi có 7 đại biểu là Đinh Hoài Bắc, Đỗ Tiến Dũng, Võ Đức Huy, Nguyễn Thị Xuân Hương, Trần Thị Ngọc Lan, Trần Đức Lương, Hồ Sỹ Thoảng.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, nhiệm kỳ 1999-2004, được tổ chức ngày 19-11-1999. Hội đồng nhân dân tỉnh có 53 đại biểu.

chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một số nghị quyết của Đảng còn lúng túng, thiếu cụ thể. Công tác cải cách hành chính đạt hiệu quả thấp. Quản lý nhà nước, nhất là cấp xã, phường còn nhiều bất cập. Một bộ phận cán bộ, công chức kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý yếu cả về trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức, lối sống.

Tháng 9-2000, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Đại hội thi đua yêu nước lần thứ ba. Đây là Đại hội biểu dương thành tích của các tập thể và cá nhân tiêu biểu sau hơn 10 năm tái lập tỉnh (1989-2000) và 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới. Nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được tuyên dương tại Đại hội.

Tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể nhân dân, nhất là Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Nghị quyết 7 của Bộ Chính trị (khóa VII) về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất, Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết 10 năm (1989-1999) thực hiện Nghị quyết 8B và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 7 của Bộ Chính trị (1993-1998). Các báo cáo tổng kết đều khẳng định: Trong 10 năm 1989-1999, công tác dân vận của Đảng được nhận thức sâu sắc hơn và được xác định là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Hệ thống tổ chức công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể được củng cố, đội ngũ cán bộ được tăng cường. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức hoạt động, nhất là phát huy dân chủ, quan tâm chăm lo, bảo vệ lợi ích thiết thực của hội viên, đoàn viên. Mặt trận tích cực phát huy vai

trò xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp đổi mới, vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư", tích cực tham gia công tác đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ nhân dân Cuba và các vùng bị thiên tai, góp phần thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khoá X (1997-2002) và Hội đồng nhân dân các cấp (1999-2004).

Trong 10 năm 1989-1999, mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã vận động các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa được 28 tỷ đồng, xây dựng 950 nhà tình nghĩa, phụng dưỡng suốt đời 524 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống trên địa bàn tỉnh.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tập trung thực hiện ba phong trào lớn, năm chương trình công tác trọng tâm và đạt kết quả thiết thực¹. Cán bộ, hội viên và các tầng lớp phụ nữ phát huy tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của hội, đưa

1. Ba phong trào "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình", "Nuôi dạy con tốt góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học", "Phụ nữ Quảng Ngãi năng động, sáng tạo, trung hậu, đảm đang".

Năm chương trình công tác trọng tâm của Hội là: bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và năng lực cho phụ nữ; hỗ trợ những hoạt động tạo thêm việc làm tăng thu nhập cho phụ nữ; chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình ấm no, hoà thuận, bền vững, tiến bộ; đổi mới tổ chức bộ máy và cán bộ, tập hợp quần chúng, xây dựng quỹ Hội; tổ chức nghiên cứu và vận động quần chúng tham gia xây dựng, giám sát, kiểm tra chính sách, pháp luật, cơ chế mới liên quan trực tiếp đến quyền lợi phụ nữ, nghiên cứu một số vấn đề về gia đình.

phong trào phụ nữ và hoạt động của các cấp Hội tiếp tục phát triển, góp phần cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh. Đội ngũ cán bộ Hội và cán bộ nữ trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước phát triển cả về số lượng và chất lượng, ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò trong việc tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, nhất là các chủ trương, chính sách có liên quan đến phụ nữ và trẻ em. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào xây dựng quỹ “Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”, ngày 19-5-1996 các cấp hội trong tỉnh đồng loạt phát động xây dựng quỹ. Số tiền huy động được trong dịp này hơn 275 triệu đồng, trong đó ủng hộ không hoàn lại hơn 147 triệu đồng. Trong 5 năm 1996-2000, các cấp hội phụ nữ trong tỉnh khai thác được gần 25 tỷ đồng, trên 5.000 chỉ vàng để hỗ trợ, giúp đỡ cho 45.500 lượt phụ nữ nghèo có việc làm, trong đó có 38.695 chị thoát khỏi nghèo đói. Với những thành tích đạt được, năm 1997 Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Liên đoàn lao động tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, các phong trào thi đua lao động sản xuất trong công nhân, viên chức, lao động. Trong 5 năm 1996-2000, đội ngũ công nhân, viên chức và lao động trong tỉnh đã áp dụng thành công 56 giải pháp kỹ thuật và hàng trăm sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi hàng chục tỷ đồng. Tiêu biểu là sáng kiến chế tạo và lắp đặt hệ thống khử bụi lò trong

sản xuất của tập thể công nhân, kỹ sư Công ty đường Quảng Ngãi; sáng kiến cải tiến, nâng cao công suất lò tuynen sản xuất gạch đất sét của công nhân, kỹ sư Nhà máy gạch Phong Niên; sáng kiến bảo quản giống cây trồng của công nhân lao động Trung tâm Kỹ thuật nông lâm nghiệp; sáng kiến nâng cấp máy bơm nước áp lực cao của công nhân, kỹ sư Công ty Cơ khí và Xây lắp An Ngãi; gia công khuôn thép thay ván và sử dụng kỹ thuật myta vào thi công các công trình thủy lợi của công nhân lao động Xí nghiệp Xây dựng thủy lợi, thủy điện. Sau 5 năm bị giải thể (1992-1996), từ năm 1996 thực hiện chủ trương của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, các Liên đoàn lao động cấp huyện được thành lập lại và đi vào hoạt động.

Hội Nông dân có nhiều hình thức vận động nông dân đẩy mạnh phong trào sản xuất giỏi, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, giúp đỡ các hội viên nghèo, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm sản xuất vươn lên trong cuộc sống. Năm 1996, các cấp hội nông dân trong tỉnh lập được bảy dự án, với số vốn hơn 800 triệu đồng, xây dựng quỹ hỗ trợ nông dân hơn 1 tỷ đồng giải quyết việc làm cho hàng ngàn hộ nông dân. Các cấp hội tích cực động viên nông dân thực hiện chuyển đổi phương thức hoạt động các hợp tác xã, góp vốn, ngày công lao động đào đắp kênh mương Thạch Nham, làm thủy lợi vừa và nhỏ, phát triển hệ thống giao thông nông thôn.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh thiếu niên thực hiện có hiệu quả hai phong trào: Thanh niên lập nghiệp và Tuổi trẻ giữ nước. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên được tăng cường. Năm 1996, các cấp

bộ đoàn trong tỉnh giới thiệu 1.513 đoàn viên ưu tú, được các cấp ủy đảng xem xét, kết nạp 366 đoàn viên vào đảng. Xuất phát từ yêu cầu tập hợp thanh niên trong thời kỳ mới, Tổng đội Thanh niên xung phong tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, bước đầu thực hiện một số dự án trồng rừng đầu nguồn Thạch Nham, tham gia Chương trình 327, phát triển kinh tế - xã hội trung du, miền núi.

Hội Cựu chiến binh tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, phối hợp với lực lượng công an, quân đội thực hiện tốt phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Các cấp hội đẩy mạnh Cuộc vận động “xây dựng cơ sở vững mạnh, hội viên cựu chiến binh gương mẫu, gia đình cựu chiến binh tiến bộ” và phong trào thi đua “Cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng”. Năm 1996, các cấp hội cựu chiến binh lập được 27 dự án, với số vốn 561 triệu đồng, giúp cho 560 cựu chiến binh phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Đến năm 1998, các cấp hội cựu chiến binh phối hợp với đoàn thanh niên xây dựng 50 dự án phát triển kinh tế, với số vốn gần 6 tỷ đồng tạo việc làm cho 4.450 thanh niên và cựu chiến binh. Ngày 28-9-1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có công văn số 18-CV/TU chỉ đạo thành lập Hội Cựu chiến binh cấp cơ sở. Năm 1996, toàn tỉnh có 11.552 hội viên cựu chiến binh, chiếm 65% tổng số cựu chiến binh.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng công tác vận động quần chúng thời kỳ này chưa được quan tâm đúng mức. Một số cấp ủy đảng và chính quyền chậm giải quyết những kiến nghị, đề xuất của mặt trận và các đoàn thể về những vấn đề mới nảy sinh trong thực hiện chủ trương, chính sách của

Đảng và Nhà nước, những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng chưa được kiện toàn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ, kinh phí và các phương tiện hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu công tác vận động quần chúng trong thời kỳ mới. Các mô hình, điển hình, kinh nghiệm tốt trong phong trào quần chúng tuy có sơ kết, tổng kết, nhưng chưa được nhân ra diện rộng. Nhiều vấn đề bức xúc của nhân dân chưa được giải quyết kịp thời. Công tác xây dựng lực lượng nòng cốt trong quần chúng còn hạn chế.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ chính trị mới rất nặng nề, khó khăn và phức tạp đòi hỏi Đảng ta phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng. Chính vì vậy, liên tục trong 5 năm 1996-2000, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về xây dựng Đảng, trong đó có các chủ trương đề ra trong Nghị quyết Trung ương 3 “Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước”, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) “Về một số vấn đề cơ bản cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”. Đây là hai nghị quyết có ý nghĩa rất quan trọng nhằm tạo bước chuyển biến mới, cơ bản trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương về công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ Quảng Ngãi tập trung thực hiện bốn nhiệm vụ cơ bản là: Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và trình độ trí tuệ của Đảng bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ

đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiếp tục củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, Đảng bộ Quảng Ngãi thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên quán triệt Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, thực hiện việc đưa đảng viên về sinh hoạt ở nơi cư trú, các quy định của Bộ Chính trị về 19 điều đảng viên không được làm. Để tăng cường công tác thông tin đến cán bộ, đảng viên ở cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định ban hành tài liệu “Thông tin nội bộ” phục vụ sinh hoạt chi bộ hàng tháng, củng cố hoạt động đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên.

Năm 1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định cho xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1945-1975*. Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng (3-2-1930 – 3-2-2000) và kỷ niệm 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2000), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, phối hợp cấp ủy các cấp tổ chức cuộc thi tìm hiểu lịch sử Đảng và lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi, thu hút trên 10 vạn người tham gia cuộc thi. Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thị xã tích cực mở các chương trình lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và hội viên các đoàn thể quần chúng. Kết quả quan trọng của các hoạt động này là đã tạo được sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong nội bộ Đảng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân kiên

định về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào sự lãnh đạo và đường lối đổi mới của Đảng, cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức, trong 5 năm 1996-2000, Đảng bộ Quảng Ngãi đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác kiện toàn, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên và công tác cán bộ. Tổ chức cơ sở đảng có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở, nơi tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, từ khi Đảng ta chủ trương chuyển đổi cơ chế kinh tế từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh chậm thích nghi với cơ chế mới, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội ở cơ sở. Trước tình hình đó, Đảng bộ xác định cần tập trung nâng cao tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, hạ thấp tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Do đó, cùng với tiếp tục sắp xếp, chuyển các tổ chức cơ sở đảng phù hợp với cơ chế mới và thực tiễn phong trào cách mạng ở địa phương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lập các tổ công tác giúp các tổ chức cơ sở đảng củng cố tổ chức, chấn chỉnh nội dung và hình thức sinh hoạt, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các tổ chức cơ sở đảng tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò trong cơ chế kinh tế mới. Năm 1997, Đảng bộ Quảng Ngãi tiến hành sơ kết 4 năm (1993-1997) thực hiện công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng. Kết quả cho thấy nhiều tổ chức cơ sở đảng đã thích nghi với

cơ chế mới, nội dung sinh hoạt thiết thực hơn, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu được tăng cường. Qua phân loại hàng năm, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng từ 15,5% năm 1992 lên 40,1% năm 1996. Ban Thường vụ Tỉnh ủy biểu dương, khen thưởng 17 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh tiêu biểu, đề nghị Trung ương khen 4 tổ chức cơ sở đảng tiêu biểu nhất, như Đảng bộ xã Bình Chương (Bình Sơn), Đảng bộ phường Trần Hưng Đạo (thị xã Quảng Ngãi), Chi bộ Nhà máy cơ khí An Ngãi (Đảng bộ khối Doanh nghiệp Nhà nước) và Chi bộ đồn 304 (Đảng bộ Bộ đội Biên phòng). Phát huy kết quả đạt được, trong 5 năm 1996-2000, các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh không ngừng tăng lên. Năm 1999, toàn Đảng bộ có 50,44% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, tăng 12,61% so với năm 1995. Công tác phát triển Đảng viên mới được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng bộ Quảng Ngãi kết nạp được 4.628 đảng viên, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên gần 26.000 đảng viên, sinh hoạt ở 695 tổ chức cơ sở đảng, thuộc 13 đảng bộ huyện, thị xã và 6 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy¹.

Cùng với đẩy mạnh công tác kiện toàn, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ Quảng Ngãi hết sức quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Tỉnh

1. Từ năm 1999, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi có 6 đảng bộ trực thuộc là: Đảng bộ Dân - Chính - Đảng, Đảng bộ Doanh nghiệp nhà nước, Đảng bộ Quân sự, Đảng bộ Công an, Đảng bộ Biên phòng và Đảng bộ Công ty Liên doanh lọc dầu Việt - Nga.

ủy đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 24-CT/TU, ngày 31-3-1998 về xây dựng quy hoạch cán bộ từ tỉnh đến cơ sở. Để rút kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn Đảng bộ huyện Tư Nghĩa và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm điểm chỉ đạo, các huyện, thị ủy chọn một đến hai điểm chỉ đạo trước khi triển khai ra diện rộng. Các chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chiến lược cán bộ đều nhấn mạnh: Cần phải đổi mới nhận thức về công tác cán bộ, lấy hiệu quả công tác và phẩm chất chính trị làm thước đo đánh giá, sử dụng cán bộ. Cùng với việc tổ chức quán triệt nội dung chỉ thị, các cấp ủy còn tiến hành điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng tình hình đội ngũ cán bộ và dự báo nhu cầu cán bộ trong những năm trước mắt. Trên cơ sở đó, các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở tiến hành quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ công chức, ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ các cấp, lựa chọn đội ngũ cán bộ đưa đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Đến tháng 6-2000, các địa phương, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã đã tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ giai đoạn 2000-2005 và những năm tiếp theo. Riêng đội ngũ cán bộ dự nguồn các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy hoạch được 727 đồng chí.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt nội dung nghị quyết và tiến hành tự phê bình, phê bình trong tổ chức đảng và đảng viên. Tự phê bình, phê bình được các cấp ủy xác định là khâu đột phá và là biện pháp có ý nghĩa then chốt bảo đảm cho cuộc vận

động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở Đảng bộ Quảng Ngãi đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Trước khi triển khai ra diện rộng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn hai điểm chỉ đạo kiểm điểm tự phê bình và phê bình là Ban Thường vụ Huyện ủy Mộ Đức và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đến ngày 20-6-2000, toàn tỉnh hoàn thành kiểm điểm tự phê bình, phê bình, gồm 13 đảng bộ huyện, thị xã, 63 ban cán sự, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc, các sở, ngành và 687 tổ chức cơ sở đảng. Quá trình kiểm điểm, các địa phương, đơn vị và cá nhân đảng viên đã bám sát nội dung trọng tâm cần kiểm điểm, nêu được các ưu, khuyết điểm, biện pháp khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, yếu kém. Một số nơi sử dụng hình thức bỏ phiếu kín để biểu quyết những vấn đề quan trọng nổi lên trong quá trình kiểm điểm. Qua tự phê bình, phê bình, các cấp ủy đã xem xét trách nhiệm cá nhân và tập thể, chỉ đạo kiểm tra, kết luận, xử lý những vụ, việc tiêu cực, nổi cộm có liên quan đến cán bộ, đảng viên. Kết quả, toàn Đảng bộ Quảng Ngãi có 49 đảng viên bị xử lý kỷ luật bằng các hình thức, trong đó khiển trách 24, cảnh cáo 13, cách chức 10, khai trừ khỏi Đảng 2 đồng chí. Trong số đảng viên bị xử lý kỷ luật có 7 đồng chí là cán bộ do Tỉnh ủy quản lý. Kết quả nổi bật nhất trong hai năm đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) là đã tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể các cấp, bước đầu phân tích, phê phán, cảnh tỉnh, những tổ chức đảng và đảng viên có biểu hiện mất đoàn kết, thiếu thống nhất, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về sắp xếp bộ máy các cơ quan đảng, các ban đảng của Tỉnh ủy được sắp xếp lại theo hướng giải thể, sáp nhập Ban Tài

chính Quản trị, Ban Nội chính, Ban Kinh tế vào Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ vào Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Công tác kiểm tra được tăng cường ở tất cả các cấp với nội dung và phương thức được nghiên cứu, bổ sung phù hợp hơn. Phạm vi kiểm tra rộng hơn, được tiến hành thường xuyên hơn. Nội dung kiểm tra bao gồm kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, kiểm tra sinh hoạt đảng, tài chính đảng. Kế hoạch kiểm tra bao gồm kiểm tra thường xuyên, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Ngày 27-5-1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 01-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Nội dung chỉ thị là cơ sở quan trọng để cơ quan kiểm tra Đảng và thanh tra Nhà nước phối hợp xử lý kịp thời cán bộ, đảng viên phạm sai lầm. Tổ chức thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra Đảng, cấp ủy các cấp tiến hành nhiều đợt kiểm tra nhằm kịp thời phát huy ưu điểm, chỉ rõ khuyết điểm, uốn nắn lệch lạc, xử lý đảng viên và tổ chức Đảng vi phạm kỷ luật Đảng. Trong 5 năm 1996-2000, Đảng bộ Quảng Ngãi đã xử lý kỷ luật hàng nghìn đảng viên, trong đó năm 2000 là năm có số lượng đảng viên bị xử lý kỷ luật nhiều nhất, với 420 trường hợp bằng các hình thức: khiển trách 88 đồng chí, cảnh cáo 69 đồng chí, cách chức 18 đồng chí, đảng kỷ phẩn đấu tiếp 199 đồng chí, khai trừ khỏi Đảng 15 trường hợp và xóa tên khỏi danh sách đảng viên 31 đồng chí.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, một trong

những nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng thời kỳ 1996-2000 là Đảng bộ Quảng Ngãi tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nội dung cơ bản để đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng được Tỉnh ủy xác định gồm: xây dựng, bổ sung và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng; cải tiến nội dung sinh hoạt cấp ủy, chương trình làm việc của ban chấp hành và ban thường vụ cấp ủy; giữ vững kỷ cương, đoàn kết, khắc phục bệnh quan liêu, đôn giản, hình thức trong sinh hoạt Đảng; đổi mới việc xây dựng các nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy; quyết định đề án của cơ quan nhà nước, đảm bảo tính khoa học, khách quan, thiết thực, được đông đảo quần chúng hưởng ứng và tự giác thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; coi trọng công tác tổng kết, nghiên cứu lý luận và thực tiễn để nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng. Nhờ đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nên Đảng bộ Quảng Ngãi từng bước khắc phục được tình trạng cấp ủy đảng bao biện làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo trên từng lĩnh vực cụ thể. Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân chủ động hơn đối với nhiệm vụ được giao. Mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ bước đầu được phát huy trên một số lĩnh vực, nhất là trong thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

Tuy nhiên, bên cạnh ưu điểm, công tác xây dựng Đảng trong những năm 1996-2000 vẫn còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Chất lượng công tác chính trị, tư tưởng của Đảng bộ chưa ngang tầm với yêu cầu và tính phức tạp của tình hình

chính trị, tư tưởng trong hoàn cảnh mới, nhất là những vấn đề mới nảy sinh trong thực hiện cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Việc chỉ đạo và thực hiện công tác chính trị, tư tưởng chưa chủ động, thiếu sắc bén. Việc nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thiếu kịp thời, chưa sát thực tế. Công tác quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa sâu, chất lượng và hiệu quả thấp. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng cách mạng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa ngăn chặn được.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ chưa tạo được chuyển biến cơ bản. Tổ chức cơ sở đảng tuy được kiện toàn, củng cố, nhưng chất lượng hoạt động yếu, chưa tương xứng với vai trò là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở. Đảng viên thực sự tiên phong gương mẫu chưa nhiều. Phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và phân tích chất lượng đảng viên ở nhiều nơi chưa đúng thực chất, còn nặng thành tích. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng yếu kém vẫn còn cao, năm 2000 còn 5,2%. Công tác phát triển đảng viên mới tăng chậm và chưa đều. Công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ của tỉnh vẫn còn nhiều bất cập, chưa thực hiện đúng việc định kỳ nhận xét, đánh giá cán bộ. Bổ nhiệm cán bộ có trường hợp còn nặng về bằng cấp, trái ngành nghề được đào tạo, chưa coi trọng hiệu quả công tác hoặc nặng về quá trình công tác, chưa lắng nghe và chú ý đúng mức đến cán bộ trẻ, cán bộ nữ có năng lực và có triển vọng. Công tác qui hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ thiếu đồng bộ, chưa vững chắc, còn khép kín, thiếu cán bộ giỏi trên nhiều lĩnh vực, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, các nhà doanh nghiệp, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Một bộ phận

cán bộ chưa sâu sát cơ sở, lãng phí của công, vun vén cá nhân gây bất bình trong nhân dân làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Thực hiện chính sách cán bộ chưa kịp thời, thiếu công bằng, nên chưa có tác dụng khuyến khích, động viên những cán bộ làm việc có hiệu quả, cán bộ công tác ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa.

Công tác kiểm tra ở một số cấp ủy còn lúng túng, bị động về xác định đối tượng, nội dung, kế hoạch và phương pháp tiến hành, xử lý chưa kịp thời, đúng đắn những thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức đảng và đảng viên. So với những năm trước, trong 5 năm 1996-2000 cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật bị xử lý kỷ luật tăng 7,54%.

Những kết quả đạt được trong đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng thời kỳ 1996-2000 chỉ mới là bước đầu. Bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chưa tinh gọn, chức năng, nhiệm vụ chưa thật rõ ràng, tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ, chất lượng hiệu quả hoạt động chưa cao. Trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành còn yếu kém.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) là một trong những Cuộc vận động chính trị rộng lớn của Đảng, nhưng chưa đạt được yêu cầu đề ra. Tinh thần tự phê bình, phê bình của tập thể, cá nhân đối với nhiệm vụ được giao còn thiếu tự giác, né tránh, nể nang, đoàn kết nội bộ có nơi chưa tốt. Nhiều vụ việc tiêu cực, nổi cộm trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng chưa được giải quyết dứt điểm.

*

* *

Năm năm 1996-2000 thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng trong điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã đạt được một số kết quả quan trọng. Kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức khá. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng góp phần tăng thêm tiềm lực kinh tế của tỉnh. Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, v.v.. có nhiều tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân từng bước được cải thiện. Số hộ có thu nhập khá, hộ giàu tăng. Số hộ đói, hộ nghèo giảm đáng kể. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân được tăng cường.

Tuy vậy, sau 10 năm (1991-2000) thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000 và sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra, nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chưa đạt được. Nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với các tỉnh trong khu vực và trong cả nước là một thực tế đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi phải nỗ lực vượt bậc, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo bước phát triển đột phá trong những năm đầu thế kỷ XXI, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Chương VI

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH (2001 - 2005)

I- NĂM VỮNG THỜI CƠ ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG THỂ TRẠNG QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN VÀ AN NINH NHÂN DÂN VỮNG CHẮC

Sau gần 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nỗ lực phấn đấu, giành được những kết quả rất quan trọng, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp, từ ngày 2 đến ngày 4-3-2001, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI được tổ chức tại Nhà Văn hóa Lao động tỉnh. Tham dự Đại hội có 296 đại biểu chính thức, đại diện cho gần 26.000 đảng viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và tham gia ý kiến góp phần xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX của

Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi). Trên cơ sở các văn kiện trình Đại hội của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, như Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện cuộc vận động theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) - (khóa VIII), Đại hội tiến hành thảo luận, đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ qua, tìm ra những nguyên nhân đạt được kết quả và những yếu kém, khuyết điểm, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2001-2005, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI và đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Với tinh thần dân chủ, trí tuệ, trách nhiệm, kỷ cương, đoàn kết và đổi mới, Đại hội nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (1996-2000) và khẳng định: Trong điều kiện rất khó khăn, kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển trên nhiều mặt. Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 8,56%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ. Văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị các cấp được củng cố.

Đại hội cũng nêu rõ những tồn tại, yếu kém. Kinh tế tuy có phát triển, nhưng chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt thấp. Nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, năng suất nhiều loại vật nuôi, cây trồng chưa cao, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều. Công nghiệp, dịch vụ còn nhiều mặt yếu, năng lực cạnh

tranh kém. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Tệ quan liêu, tham nhũng và một số tệ nạn xã hội khác chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng chưa được chăm lo đúng mức. Năng lực hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Đại hội phân tích sâu sắc các nguyên nhân của các kết quả đạt được và những tồn tại, yếu kém của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Trên cơ sở các định hướng phát triển của đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI và tình hình thực tiễn của tỉnh, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2001 - 2005 là *“Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tỉnh ta trở thành tỉnh có công nghiệp và dịch vụ phát triển. Phát triển nông nghiệp toàn diện và vững chắc theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, khôi phục các ngành nghề truyền thống mà tỉnh có nhiều lợi thế về nguyên liệu, lao động; góp phần cùng với Trung ương hình thành khu kinh tế Dung Quất và hoàn thành Nhà máy lọc dầu số 1. Xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư và phát triển. Chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động; cơ bản xóa hết hộ đói, giảm mạnh hộ nghèo; nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương”*¹.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI, tr.56.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu chủ yếu trong 5 năm 2001-2005: GDP tăng trưởng bình quân hàng năm 10 - 11%, GDP bình quân đầu người năm 2005 từ 280 - 300 USD. (Nếu tính cả sản phẩm Nhà máy lọc dầu số 1 thì tăng trưởng bình quân hàng năm là 18 - 19%, GDP đạt từ 400 - 500 USD).

Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân 5 - 5,5%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 18 - 19%/năm, (nếu tính cả sản phẩm Nhà máy lọc dầu số 1 thì tăng bình quân 41 - 42%/năm); giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 9 - 10%/năm.

Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP đến năm 2005. Tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 34-35% (nếu tính cả sản phẩm Nhà máy lọc dầu số 1 thì đạt 23-24%); tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 30-31% (nếu tính cả sản phẩm Nhà máy lọc dầu số 1 thì đạt 52-53%); tỷ trọng các ngành dịch vụ chiếm 34-35% (nếu tính cả sản phẩm Nhà máy lọc dầu số 1 thì đạt 23-24%). Sản lượng lương thực năm 2005 đạt 370 - 380 ngàn tấn (trong đó có 350 ngàn tấn thóc). Sản lượng mía cây đạt 800 - 850 ngàn tấn. Năng độ che phủ của rừng đạt 35%. Sản lượng thủy sản đạt 85 - 90 ngàn tấn. Giá trị xuất khẩu đạt 45 - 50 triệu USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 25 - 30 triệu USD. Vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm từ 28.000 - 30.000 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư nước ngoài trên 20.000 tỷ đồng. Giảm tỷ suất sinh hàng năm xuống còn 0,4 - 0,5%; tốc độ phát triển dân số vào năm 2005 còn 1,15%. Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm mỗi năm cho 30 - 32 ngàn lao động. Cơ bản xóa hết hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 12 - 15% vào năm 2005. Thực hiện đầy đủ công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 5 tuổi, hạn chế tới mức thấp nhất tỷ lệ người mắc các bệnh dịch nguy hiểm. Giảm tỷ lệ

suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 39,8% xuống còn dưới 30%; 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế đạt chuẩn, nâng số trạm y tế có bác sĩ lên 90%; 100% dân số ở đô thị và 80% ở vùng nông thôn được dùng nước sạch. Căn bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở các huyện đồng bằng, xây dựng 25% trường tiểu học, 15% trường trung học (cả trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. Bảo đảm 100% xã có điện và số máy điện thoại bình quân đạt từ 3 - 3,5 máy/100 dân vào năm 2005. Phủ sóng truyền hình đạt 85% toàn tỉnh. Tỷ lệ đạt các tiêu chuẩn về văn hóa: 50 - 60% số hộ gia đình, trên 90% cơ quan, trường học, đơn vị, cơ sở sản xuất, 50% - 55% khu dân cư. Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện đạt từ 65 - 70% và vững mạnh về quốc phòng - an ninh đạt trên 80%. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hàng năm đạt 2,5% dân số, bảo đảm chất lượng. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm. Tổ chức cơ sở đảng vững mạnh đạt từ 65- 70%, đảng viên đủ tư cách, phát huy tác dụng tốt từ 80 - 85% hàng năm. Bình quân mỗi năm kết nạp từ 1.400 - 1.500 đảng viên mới.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu trên, Đại hội chọn bốn khâu đột phá. *Một là*, cùng với quá trình xây dựng khu công nghiệp Dung Quất và đưa vào vận hành Nhà máy lọc dầu số 1, chủ động có kế hoạch phát triển các ngành nghề dịch vụ, các cơ sở công nghiệp, đào tạo lao động phục vụ khu công nghiệp Dung Quất, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm cho nhân dân trong tỉnh. *Hai là*, phát triển toàn diện ngành thủy sản mà trọng tâm là nuôi tôm, tạo nguồn nguyên liệu để chế biến xuất khẩu. *Ba là*, đầu tư tạo vùng nguyên liệu ổn định phục vụ cho công nghiệp chế

biến, trọng tâm là nguyên liệu mía nhằm đáp ứng nguyên liệu cho các nhà máy. *Bốn là*, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, trọng tâm là phát triển giao thông, thủy lợi.

Phát biểu tại Đại hội, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Trương Tấn Sang biểu dương những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đạt được trong 5 năm 1996-2000. Đồng thời, đồng chí cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm của Đảng bộ trong thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), như “tinh thần tự giác, tính trung thực trong tự phê bình, phê bình ở nhiều cấp vẫn hạn chế; hiện tượng nể nang, bằng mặt, không bằng lòng, thậm chí mất đoàn kết, bè phái cục bộ địa phương vẫn còn, có nơi khá nghiêm trọng, công tác quy hoạch, bố trí, sắp xếp cán bộ chưa tốt và thực tế đã để lại một số hậu quả mà Đảng bộ và Ban Chấp hành mới sẽ phải tiếp tục khắc phục”¹. Đồng chí yêu cầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2001-2005 gồm 45 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Võ Đức Huy được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Sy được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 13 đồng chí.

Ngày 8-10-2002, Ban Bí thư ra quyết định chuẩn y đồng chí Nguyễn Kim Hiệu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

1. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI, tr.103-104.

Ngày 4-9-2002 đồng chí Hồ Nghĩa Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng được Trung ương điều động về làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Võ Đức Huy nhận công tác khác.

Từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội có nhiệm vụ lịch sử đánh giá những thành tựu to lớn mà Đảng và nhân dân ta đã giành được trong suốt chặng đường 70 năm kể từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 15 năm đổi mới và 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000, rút ra những bài học kinh nghiệm, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới của Đảng nhằm tiếp tục đưa đất nước tiến lên trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Đại hội khẳng định: Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010): *“Đưa nước ta khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”*¹. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.159.

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ Quảng Ngãi có ý nghĩa lịch sử trọng đại, mở đường cho tỉnh Quảng Ngãi và cả nước vững bước tiến vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, với quyết tâm xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nội dung trọng tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Mục đích của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn như Đảng ta xác định là *“Xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại”*¹.

Sau nhiều năm thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, sản xuất nông nghiệp, đời sống xã hội nông thôn trong tỉnh có những bước phát triển nhất định. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là điện, giao thông, thủy lợi được tăng cường, đời sống vật chất và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 96.

tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể. Tuy vậy, đầu thế kỷ XXI, nông nghiệp, nông thôn Quảng Ngãi vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm, phân tán, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu, mang nhiều yếu tố tự phát, rủi ro cao, năng suất, chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp còn thấp, thiếu bền vững. Công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển chậm. Vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến thiếu ổn định, năng suất thấp. Hiệu quả kinh tế một số cây công nghiệp, như cây cao su, cây cà phê rất thấp. Quan hệ sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong thời kỳ mới.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, yếu kém, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống xã hội nông thôn, ngày 14-1-2002, Tỉnh ủy ra 5 nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 03-NQ/TU “Về việc kiên cố hóa kênh mương thủy lợi giai đoạn 2002 - 2005”, Nghị quyết số 04-NQ/TU “Về phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2002-2005”, Nghị quyết số 05-NQ/TU “Về phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến giai đoạn 2002-2005”, Nghị quyết số 06-NQ/TU “Về phát triển giao thông nông thôn miền núi giai đoạn 2002-2005”, Nghị quyết số 07-NQ/TU “Về chuyển đổi sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm”. Đây được coi là hệ thống các nghị quyết có quan hệ chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, có tác động hỗ trợ cho nhau trong quá trình thực hiện ba trong bốn khâu đột phá do Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh đề ra là phát triển toàn diện thủy sản, vùng nguyên liệu phục vụ

công nghiệp chế biến và phát triển giao thông, thủy lợi. Tuy mỗi nghị quyết có các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phù hợp với từng lĩnh vực khác nhau, nhưng đều có mục tiêu chung là xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn Quảng Ngãi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là tăng cường đầu tư chiều sâu cho sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm an ninh lương thực, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Với các hệ thống giải pháp đồng bộ, các nghị quyết đều hướng tới các mục tiêu cụ thể là: ổn định diện tích đất canh tác các cây lương thực chính 40.000 ha, sản lượng khoảng 350 đến 380 nghìn tấn lương thực; 12 đến 15 nghìn ha mía, sản lượng 800 đến 850 nghìn tấn; 2 đến 2,5 nghìn ha mì, sản lượng từ 60 đến 65 nghìn tấn; 2,5 đến 3 nghìn ha điều, sản lượng từ 2 đến 2,5 nghìn tấn; cải tạo các khu vườn tạp thành vườn kinh tế để phát triển một số cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị cao phục vụ công nghiệp chế biến, v.v..

Triển khai thực hiện nội dung các nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các quy hoạch, đề án, dự án cụ thể, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, chỉ đạo, hướng dẫn các ngành và địa phương trong tỉnh phát động phong trào quần chúng thi đua thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Tỉnh ủy và các chương trình, đề án, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra.

Sau hai năm thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, cuối tháng 11-2003, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đánh giá các kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các nghị quyết. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đề ra những nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung thực hiện đến năm 2005.

Đồng thời với ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp, trong 5 năm 2001-2005, Đảng bộ tập trung chỉ đạo các cấp ủy đảng thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Ngày 18-3-2002, Ban Chấp hành Trung ương ra 5 nghị quyết, trong đó có các nghị quyết về đẩy nhanh công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010, về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn. Quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy xây dựng chương trình hành động và chỉ đạo các huyện, thị ủy cụ thể hóa bằng việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, sát đúng với tình hình địa phương, đơn vị.

Sự chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương và Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông thôn, sự năng động, sáng tạo của quần chúng và nhất là áp dụng các cơ chế, chính sách đúng đắn, kịp thời, nên nông nghiệp Quảng Ngãi những năm 2001-2005 có bước phát triển khá. Hạ tầng kinh tế kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn được đầu tư xây dựng. Toàn tỉnh có hơn 1.300 km đường giao thông được đưa vào sử dụng, trong đó nhựa hóa, cứng hóa đường tỉnh lộ 329 km, đường liên huyện 412 km và đường liên xã 484 km, góp phần làm cho tất cả các tuyến đường từ huyện đến trung tâm các xã đồng bằng được nhựa hóa, cứng hóa; hầu hết các xã miền núi, ô tô đến được trung tâm xã. Hệ thống thủy lợi được nâng cấp, mở rộng với hơn 400 công trình được xây dựng mới hoặc tu bổ, 395 km kênh mương được kiên cố hóa. Trong 3 năm (2002-

2005), toàn tỉnh chuyển đổi 22.065 ha lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm, với năng suất bình quân 59,4 tạ/ha/vụ, tăng 11,3% so với năng suất lúa 3 vụ/năm. Số lượng tàu thuyền được đóng mới 1.344 chiếc, nâng tổng số tàu thuyền toàn tỉnh lên 4.279 chiếc vào năm 2005. Cơ sở hạ tầng nghề cá được tăng cường, với việc triển khai đầu tư xây dựng cảng cá Sa Huỳnh, bến neo đậu tàu thuyền Tịnh Hòa, vũng neo đậu tàu thuyền và khu dịch vụ hậu cần đảo Lý Sơn. Mô hình nuôi tôm trên cát và thủy sản nước ngọt ở một số huyện phát triển nhanh. Một số doanh nghiệp tư nhân chế biến sản phẩm thủy sản tiêu dùng trong nước và xuất khẩu được hình thành và bước đầu hoạt động có hiệu quả. Sự phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật từ những năm trước đây, nhất là trong 5 năm 2001-2005 là yếu tố quyết định góp phần làm cho nhiều chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra đều đạt và vượt kế hoạch. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 5,8%/năm. Sản lượng lương thực đạt trên 400 nghìn tấn. Giá trị sản xuất thu được trên 1 ha/năm từ 13,3 triệu đồng/năm (2000) lên 18,1 triệu đồng/năm (2005). Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tăng từ 70.014 tấn (2001) lên 91.199 tấn (2005), trong đó sản lượng tôm nuôi đạt 3.005 tấn. Ngành chăn nuôi, từ năm 2003 dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng và các loại dịch bệnh khác ở gia súc gây thiệt hại lớn, nhưng nhờ sớm khắc phục được dịch, bệnh, nên số lượng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm trong toàn tỉnh vẫn tăng. Bình quân hàng năm, đàn bò tăng 1,7%, đàn trâu tăng 2,1%, đàn lợn tăng 7,4%, gia cầm các loại tăng 6,2%. Đến năm 2005, toàn tỉnh có 48.283 con trâu, 243.714 con bò, trong đó có 30% bò lai Sind, 567.602 con lợn, lợn thịt xuất chuồng đạt hơn 43 nghìn tấn. Năm

2001-2005 là thời kỳ sản xuất lâm nghiệp đạt được nhiều kết quả to lớn nhờ các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, phát triển kinh tế trang trại, tham gia chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của Chính phủ, nhất là áp dụng rộng rãi các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển trồng rừng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Đến năm 2005, toàn tỉnh trồng được 32.181 ha rừng, trong đó rừng sản xuất đạt 16.600 ha; khoanh nuôi tái sinh 16.325; quản lý bảo vệ 95.479 ha, nâng độ che phủ rừng từ 25,5% (năm 2001) lên 34,5%.

Việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn nhiều tồn tại, yếu kém. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chuyển dịch chậm, tỷ trọng chăn nuôi, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ còn thấp, chưa hình thành được vùng nguyên liệu tập trung với quy mô lớn. Các loại cây nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến không đạt kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng. Cây mía chỉ đạt 67,7% về diện tích, 84,6% về năng suất và 60,9% về sản lượng. Các cây trồng khác, như cây lạc tiên, ổi, măng tre thực hiện không có hiệu quả. Cây điều, cây bông vải, cây cao su chỉ đạt tương ứng là 43,9%, 33,4% và 79,6% kế hoạch. Giá trị bình quân cây trồng thu được trên 1 ha còn thấp. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất chế biến còn chậm. Tình trạng phá rừng còn khá nghiêm trọng. Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản chậm, chưa đồng bộ với các quy hoạch về thủy lợi, điện. Nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm còn mang tính tự phát, gây ô nhiễm môi trường.

Công tác giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đất để làm trang trại đạt

thấp. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất triển khai chậm, thiếu đồng bộ làm hạn chế hiệu quả sử dụng đất và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Những năm 2001-2005 là những năm Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển. Hội nghị Trung ương 3 ra Nghị quyết về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Hội nghị Trung ương 5 ra Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân. Quốc hội ban hành Luật doanh nghiệp, v.v.. Đây là các cơ sở pháp lý rất quan trọng để Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh vận dụng để ra các chủ trương, chính sách phù hợp đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu, các ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế.

Ngày 17-5-2002, Hội nghị Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 08-NQ/TU về “Tăng cường phối hợp, đẩy nhanh tốc độ phát triển khu công nghiệp Dung Quất giai đoạn 2002-2005”. Đây là Nghị quyết chuyên đề cụ thể hóa một trong bốn khâu đột phá phát triển kinh tế của tỉnh được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra. Cùng với việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện ủy Bình Sơn và các ngành xây dựng các cơ chế, chính sách có liên quan trực tiếp đến phát triển khu công nghiệp Dung Quất, như quy định riêng về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trong khu công nghiệp Dung Quất, ban hành cơ chế “trực tiếp, trọn gói, một cửa” tại Ban đền bù, tái định cư và giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Dung Quất, ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp Dung Quất cấp

địa điểm xây dựng các công trình trong khu công nghiệp, v.v.. Để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp đẩy nhanh phát triển khu công nghiệp Dung Quất, Ban Thường vụ Tỉnh ủy củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo gồm 16 thành viên do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển kinh tế - xã hội phục vụ khu công nghiệp Dung Quất, phân công một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm Phó trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp Dung Quất. Với sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh với Ban Quản lý khu công nghiệp Dung Quất, việc xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giải tỏa, đền bù, tái định cư, thu hút dự án đầu tư, phát triển các loại hình dịch vụ, tiện ích, bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp Dung Quất đạt được nhiều kết quả. Trên thực tế, khu công nghiệp Dung Quất đã phát triển theo hướng hình thành một khu kinh tế tổng hợp bao gồm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu bảo thuế, khu cảng chuyên dùng, khu du lịch, dịch vụ, khu dân cư, khu hành chính

Để đẩy nhanh sự phát triển của khu công nghiệp Dung Quất, góp phần thúc đẩy vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kinh tế các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phát triển, ngày 9-9-2004, Bộ Chính trị ra Thông báo Kết luận số 155-TB/TW quyết định chuyển khu công nghiệp Dung Quất thành khu kinh tế Dung Quất, đề ra các giải pháp và chính sách cụ thể về quy hoạch, cơ chế, chính sách, mô hình tổ chức khu kinh tế Dung Quất. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, ngày 11-3-2005, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg thành lập khu kinh tế

Dung Quất. Theo quyết định này, khu kinh tế Dung Quất được xây dựng “thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển công nghiệp lọc - hóa dầu - hóa chất, các ngành công nghiệp nặng có quy mô lớn, bao gồm công nghiệp cơ khí, đóng tàu và sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu; gắn với việc phát triển và khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay quốc tế Chu Lai và đô thị công nghiệp - dịch vụ Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi. Đẩy nhanh tốc độ xây dựng và phát triển khu kinh tế Dung Quất cùng với khu kinh tế mở Chu Lai để sau năm 2010, các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và cả nước; là đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng, góp phần mở rộng thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên và trở thành cầu nối với thị trường nam Lào, đông bắc Thái Lan”.

Với sự nỗ lực phấn đấu của tỉnh và các bộ, ngành Trung ương, đến năm 2005, quy hoạch chi tiết các khu chức năng, hệ thống hạ tầng khung trong khu kinh tế Dung Quất đã cơ bản hoàn thành, như hệ thống đường giao thông, điện, nước, thông tin, trường dạy nghề, bệnh viện, đài truyền hình, khu nhà ở và các công trình dịch vụ tiện ích khác, với tổng vốn đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng. Cảng Dung Quất hoàn thành, hàng hóa qua cảng đạt trên 700 nghìn tấn, được xếp vào loại cảng biển có tốc độ phát triển nhanh nhất Việt Nam, với 70-100%/năm. Trong khu kinh tế có 92 dự án được cấp phép và chấp thuận đầu tư, với tổng vốn đăng ký trên 4,5 tỷ USD, trong đó có vốn Nhà

máy lọc dầu Dung Quất trên 2,5 tỷ USD; có 22 dự án đi vào hoạt động, giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ đạt trên 150 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 13 triệu USD, giải quyết việc làm cho 5.000 lao động.

Sau 5 năm kể từ khi thành lập Công ty liên doanh xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Vietross), do nhiều khó khăn của cả hai đối tác Việt Nam và Liên bang Nga, ngày 5-1-2003 liên doanh Vietross phải giải thể.

Ngày 12-3-2005, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam ra quyết định thành lập Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất để tiếp tục thực hiện dự án theo hình thức Việt Nam tự đầu tư. Sau hơn hai năm kiên trì, nỗ lực giải quyết những vấn đề về thiết kế, công nghệ, như hiệu chỉnh công suất của 15/22 phân xưởng công nghệ và phụ trợ, nâng dung tích của các khu bể chứa, bố trí lại mặt bằng, tăng cường hệ thống điều khiển tiên tiến nhất và nhất là bổ sung 2 phân xưởng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, loại bỏ xăng A83 và diesel công nghiệp, quy mô Nhà máy lọc dầu Dung Quất được Chính phủ phê duyệt, với công suất 6,5 triệu tấn/năm, vốn đầu tư 2,501 tỷ USD¹.

Từ tháng 5 đến tháng 9-2005, cả bốn gói thầu quan trọng nhất của dự án được ký kết với tổ hợp Technip. Dự án Nhà

1. Nhà máy được xây dựng trên mặt bằng có diện tích hơn 800 ha, trong đó có 338 ha mặt đất và 471 ha mặt biển, gồm bốn gói thầu chính. Gói thầu EPC 1+4 và 2+3: Các phân xưởng công nghệ, phao rót dầu một điểm neo, hệ thống đường ống và khu bể chứa dầu thô; hệ thống đường ống và khu bể chứa sản phẩm. Gói thầu EPC 5A: Đê chắn sóng. Gói thầu EPC 5B: Cảng xuất sản phẩm. Gói thầu EPC 7: Khu nhà điều hành và dịch vụ.

máy lọc dầu Dung Quất là dự án trọng điểm quốc gia, có tính chất công việc phức tạp, kỹ thuật công nghệ cao. Ngày 28-11-2005, Nhà máy lọc dầu Dung Quất được khởi công xây dựng. Theo kế hoạch, đầu năm 2009 nhà máy sẽ hoàn thành¹.

Cùng với việc tăng cường phối hợp, đẩy mạnh phát triển khu kinh tế Dung Quất, ngày 5-5-2003, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về “Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2003-2005 và định hướng đến năm 2010”. Nghị quyết đã đánh giá tình hình phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh từ khi tái lập tỉnh đến đầu năm 2003 và đề ra phương hướng phát triển công nghiệp đến năm 2005 và định hướng đến năm 2010 là “Phải bảo đảm yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa, quan hệ chặt chẽ với công nghiệp của Trung ương và của địa phương khác. Trong đó chú ý đến cơ hội và thách thức của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực và tính hợp lý giữa các ngành nghề, giữa công nghiệp Trung ương và công nghiệp địa phương để phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế, nội lực của tỉnh, hiệu quả hỗ trợ, tác động qua lại của việc phát triển khu kinh tế Dung Quất với các khu công nghiệp của tỉnh và các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề ở các huyện, thị xã. Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết giữa các loại hình doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh

1. Tháng 2-2009, Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho ra dòng sản phẩm dầu tiên, trở thành một trong những dấu mốc quan trọng trong lịch sử ngành dầu khí Việt Nam. Cuối tháng 5-2010, nhà máy chính thức được nhà thầu bàn giao cho phía Việt Nam quản lý, vận hành.

doanh”¹. Nghị quyết cũng nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2005, định hướng đến năm 2010.

Thực hiện Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh đến năm 2005, định hướng đến năm 2010, rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, v.v.. Trên cơ sở đó, trong 2 năm 2003-2005, tỉnh tập trung các nguồn vốn tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú, thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư - thương mại và kinh tế đối ngoại của tỉnh để tăng cường khả năng xúc tiến các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, phê duyệt quy hoạch 8 cụm công nghiệp ở các huyện, thị xã, phối hợp thúc đẩy sự phát triển khu công nghiệp Dung Quất. Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng lên nhanh chóng. Số lượng các dự án đầu tư vào 2 khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú trong 5 năm 2001-2005 tăng hơn gấp đôi so với các năm trước đó, với 48 dự án đi vào hoạt động và 28 dự án đang triển khai xây dựng. Diện tích đất được các dự án lấp đầy trong khu công nghiệp Quảng Phú đạt 75%, Tịnh Phong 67,8%. Sự nỗ lực phấn đấu thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh góp phần nâng giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trong 5 năm 2001-

1. Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 5-5-2003 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi “Về đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2003-2005 và định hướng đến năm 2010”, tr.3.

2005 là 15%. Một số sản phẩm hàng hóa được khẳng định trên thị trường và có tốc độ tăng bình quân hàng năm khá cao, như đường 4,3%, nước khoáng 5,7%, bia 20,6%, tinh bột mì 46,4%, thủy sản chế biến 17,5%, sữa 36,9%, v.v.. Một số ngành nghề thủ công truyền thống được khôi phục, một số ngành nghề mới ra đời hoạt động dưới hình thức kinh tế tiểu chủ, kinh tế hộ gia đình, cá thể có quy mô nhỏ và công nghệ đơn giản, v.v.. Riêng ở miền núi, đến cuối năm 2002 có 10 cơ sở chế biến tinh bột mì, một cơ sở sản xuất mây tre, hàng trăm cơ sở xay xát lương thực. Tỉnh hỗ trợ kinh phí khôi phục làng nghề dệt thổ cẩm truyền thống xã Ba Thành (Ba Tơ), xây dựng mới cơ sở chế biến chè Minh Long với công suất chế biến gần 1 tấn chè búp/ngày, v.v..

Quy mô một số ngành thương mại, dịch vụ được mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Các khu du lịch Mỹ Khê (Sơn Tịnh), Sa Huỳnh (Đức Phổ) được xây dựng xong quy hoạch chi tiết, bước đầu thu hút một số doanh nghiệp tham gia đầu tư. Các dịch vụ bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm được mở rộng, nâng cao về chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và đời sống của nhân dân.

Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến năm 2005, toàn tỉnh cổ phần hóa 36 doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa từng bước đi vào ổn định, mở rộng ngành nghề kinh doanh, đổi mới thiết bị, công nghệ, việc làm, thu nhập của người lao động khá hơn trước. Đối với kinh tế tập thể, tỉnh chuyển đổi

được 270 hợp tác xã, trong đó có 189 hợp tác xã nông nghiệp, 81 hợp tác xã thuộc các lĩnh vực khác. Các hợp tác xã sau chuyển đổi đã xác định được nội dung, phương thức quản lý và sản xuất, kinh doanh. Bước đầu có một số hợp tác xã sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, như hợp tác xã nông nghiệp Bình Dương (Bình Sơn), hợp tác xã kinh doanh - dịch vụ Tịnh Sơn (Sơn Tịnh), hợp tác xã vận tải Thống Nhất (thị xã Quảng Ngãi), quỹ tín dụng nhân dân xã Đức Hiệp (Mộ Đức). Để góp phần thúc đẩy phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến theo hướng tập trung chuyên canh, phát triển chăn nuôi, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng đề án mẫu thành lập hợp tác xã chuyên canh mía kết hợp với chăn nuôi thí điểm ở 3 hợp tác xã Tú Sơn (Mộ Đức), Phổ Nhơn (Đức Phổ), Tịnh Giang (Sơn Tịnh). Việc tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân có nhiều chuyển biến tích cực. Trong 5 năm 2001-2005, các ngành chức năng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 891 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 1.995 tỷ đồng, trong đó có 418 doanh nghiệp tư nhân, 412 công ty trách nhiệm hữu hạn, 57 công ty cổ phần; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 190 chi nhánh và 25 văn phòng đại diện, đồng thời giải thể 171 doanh nghiệp. Đến năm 2005, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 970 doanh nghiệp đang hoạt động, với tổng số vốn đăng ký 2.215 tỷ đồng. Nhiều doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích, như trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, đầu tư vào các khu công nghiệp, v.v..

Cùng với thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể phát triển, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo

các ngành chức năng xây dựng và triển khai thực hiện Đề án hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, chú trọng công tác xúc tiến đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất, kinh doanh thuận lợi; xác định các loại hàng hóa của tỉnh có lợi thế cạnh tranh để đầu tư phát triển, như hàng thủy sản chế biến, tinh bột mì, tinh dầu quế, dệt may, đá granit, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gia dụng, các loại nước trái cây đóng hộp, v.v.. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, đến năm 2005 trên địa bàn Quảng Ngãi có 7 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với tổng số vốn 13,74 triệu USD đang hoạt động; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) giai đoạn 2001-2005 thực hiện được 597 tỷ đồng, với một số dự án lớn như chương trình phát triển nông thôn, dự án hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng, các dự án sử dụng vốn JBIC, dự án đa dạng hóa nông nghiệp, dự án cơ sở hạ tầng nông thôn ADB, y tế nông thôn, giảm nhẹ thiên tai. Vốn của các tổ chức phi chính phủ (NGO) khoảng 50 tỷ đồng. Nhờ nguồn vốn ODA, NGO nhiều công trình hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn, như thủy lợi, trường học, trạm y tế, giao thông, trạm biến áp được xây dựng và nâng cấp. Đây là thời kỳ có nhiều dự án trong và ngoài nước đầu tư vào Quảng Ngãi, góp phần đưa tổng nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh 5 năm 2001-2005 lên 19.289 tỷ đồng (gấp 3,8 lần 5 năm 1996-2000), kim ngạch xuất khẩu năm 2005 lên 31 triệu USD, thu ngân sách 529 tỷ đồng.

Để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành và địa phương áp dụng các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các

công trình hạ tầng thiết yếu, nhất là giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc. Nhiều dự án lớn được triển khai thực hiện như đường Trà Bồng - Trà Phong, cầu Trà Khúc 2, cầu Cây Búa, cầu Sông Vệ, cầu Cộng Hòa, Nhà máy tinh bột mì Sơn Hải, Nhà máy muối Sa Huỳnh, hồ chứa nước Nước Trong¹, Bảo tàng tổng hợp, Quảng trường tỉnh, Bệnh viện đa khoa 600 giường, v.v.. Hệ thống điện được xây dựng mới và nâng cấp mở rộng, như hệ thống đường dây 500 KV Pleiku - Đốc Sỏi và trạm biến áp 220 KV Đốc Sỏi, các trạm biến áp 110 KV ở các địa phương. Hạ tầng bưu chính viễn thông tiếp tục được đầu tư mở rộng, với nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Đến năm 2005, số máy điện thoại trên địa bàn tỉnh đạt hơn 10 máy/100 dân, gấp hơn ba lần năm 2001.

Giai đoạn 2001-2005, sản xuất công nghiệp và các loại hình dịch vụ có bước phát triển nhanh, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Công nghiệp - xây dựng chưa tạo được bước đột phá cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp nhỏ bé. Đổi mới công nghệ chậm. Năng lực cạnh tranh của đa số sản phẩm công nghiệp chưa cao. Hạ tầng kỹ thuật cho phát triển công nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa hấp dẫn được các nhà đầu tư. Tiến độ phát triển các cụm công nghiệp chậm. Việc phát triển các ngành nghề thủ

1. Hồ chứa nước Nước Trong được xây dựng ở huyện Sơn Hà và Tây Trà, khởi công xây dựng ngày 9-12- 2005, có chức năng bổ sung nguồn nước thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham; tạo nguồn cấp nước công nghiệp, sinh hoạt cho khu kinh tế Dung Quất, thành phố Vạn Tường và các huyện đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi; cấp nước phục vụ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; giảm ngập lụt cho hạ du; phát điện (công suất 16MW). Dự kiến hoàn thành sau 5 năm kể từ ngày khởi công.

công truyền thống chưa được quan tâm đúng mức. Các siêu thị, trung tâm thương mại còn nhỏ lẻ, phân tán. Hệ thống chợ yếu kém. Dịch vụ thương mại ở miền núi phát triển chậm. Hạ tầng du lịch còn rất yếu kém, sản phẩm du lịch đơn điệu, không hấp dẫn du khách.

Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường có mặt còn buông lỏng. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên chưa được chặt chẽ, còn lãng phí. Tài nguyên rừng bị xâm hại nghiêm trọng. Nhiều cơ sở công nghiệp còn gây ô nhiễm môi trường. Mức độ ô nhiễm môi trường ở đô thị, các khu công nghiệp, nông thôn, vùng ven biển, v.v. ngày càng tăng. Khả năng hội nhập kinh tế quốc tế còn yếu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt thấp. Tỷ trọng nguồn vốn dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt thấp so với chỉ tiêu nghị quyết. Năng lực sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế còn yếu, khả năng cạnh tranh thấp. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhìn chung có quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, sản phẩm cạnh tranh yếu. Phần lớn các hợp tác xã sau chuyển đổi hoạt động cầm chừng, kém hiệu quả. Quy mô sản xuất kinh doanh của kinh tế tư nhân nhỏ bé, manh mún.

Sự phát triển của khu kinh tế Dung Quất còn chậm. Công tác phối hợp, quản lý và thực hiện trách nhiệm của tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ, nhất là công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư. Kết quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, chưa thật sự hấp dẫn các nhà đầu tư.

Kinh tế phát triển là một trong những điều kiện thuận lợi để Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Ngày 7-10-2002, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng đánh giá kết quả 5 năm (1997-2002) thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), bàn phương hướng, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và 2010. Kết quả nổi bật nhất trong sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo từ năm 1997 đến 2005 là Đảng bộ tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo, mở rộng quy mô và đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo. Đến năm 2005 toàn tỉnh có 28,51% trường tiểu học, 17,14% trường trung học phổ thông và trung học cơ sở đạt chuẩn. Nhiệm vụ phổ cập trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi ở các huyện đồng bằng và một số xã có điều kiện ở miền núi cơ bản hoàn thành. Đến năm 2005 có 85% xã, phường ở các huyện đồng bằng và hai huyện Minh Long và Lý Sơn được công nhận phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; có 81% xã, phường ở các huyện đồng bằng và huyện Minh Long được công nhận phổ cập trung học cơ sở. Số lượng học sinh Quảng Ngãi thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng nhanh, từ 9% năm 2000 lên 15% năm 2005, xếp vị trí thứ 16/64 tỉnh, thành phố trong cả nước. Mạng lưới trường, lớp, các cấp học, bậc học được củng cố và mở rộng, với nhiều loại hình khác nhau, như trường bán công, dân lập, tư thục, các trường chuyên nghiệp, dạy nghề. Nhiều địa phương trong tỉnh xây dựng được trung tâm học tập cộng đồng. Cơ sở vật chất trường, lớp học được tăng cường. Năm 2002, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành đề án xóa 400 phòng học tranh tre nứa lá và triển khai thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học. Năm học 2004-2005, toàn tỉnh có 2.682 phòng học cao tầng, chiếm tỷ lệ 36,36% tổng số phòng học toàn tỉnh, tăng 1.092 phòng học cao tầng so với 5 năm trước. Đội ngũ giáo viên

được bổ sung về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng. Đến năm 2005, đội ngũ giáo viên các cấp học cơ bản chuẩn hóa về mặt đào tạo, nhiều cán bộ quản lý và giáo viên vượt chuẩn đào tạo. Công tác phát triển đảng viên trong ngành giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Năm học 2004-2005, toàn ngành có 3.982 đảng viên, chiếm tỷ lệ 24,67%, cao hơn 5% so với năm 2000.

Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được Đảng bộ xác định là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng kết 5 năm 1997-2002 thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ về phát triển khoa học - công nghệ đến năm 2010 là: Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, góp phần giải đáp kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra. Từng bước nâng cao năng lực nội sinh, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh để tiếp thu, ứng dụng và làm chủ công nghệ tiên tiến. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với ứng dụng phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành kinh tế, chú trọng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thành tựu khoa học và công nghệ cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ một số công nghệ cao như công nghệ thông tin, nhất là công nghệ sinh học (chế biến thực phẩm, công nghệ hóa sinh, công nghệ vi sinh và công nghệ lên men) phục vụ phát triển nông - lâm - ngư nghiệp của tỉnh. Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ các cấp. Xã hội hóa hoạt động khoa học - công nghệ, khuyến

khích các ngành, các doanh nghiệp và mọi thành phần kinh tế đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại, ứng dụng giống cây, con có hiệu quả kinh tế vào sản xuất và đời sống. Quán triệt và thực hiện các nhiệm vụ của khoa học - công nghệ trong giai đoạn mới, trong 5 năm 2001-2005, hoạt động khoa học - công nghệ đã đẩy mạnh công tác tư vấn, phản biện các đề tài, dự án nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện 64 đề tài nghiên cứu khoa học. Một số đề tài nghiên cứu bước đầu đưa ra các luận cứ khoa học trong việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh; chuyển sản xuất từ 3 vụ lúa sang 2 vụ/năm, cải tạo đàn bò, đánh giá dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong môi trường đất, nước, rau quả trên địa bàn vùng chuyên canh rau và đề xuất các giải pháp khắc phục, cải tạo giống mía, xây dựng mô hình chuyên canh mía kết hợp chăn nuôi bò và các giải pháp đồng bộ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong bảo quản nông sản sau thu hoạch, như dưa hấu ở Mộ Đức, Bình Sơn, ngô ở Nghĩa Hành, lúa, mỳ ở Tư Nghĩa, kỹ thuật canh tác hành, tỏi ở Lý Sơn, nhân rộng mô hình nuôi tôm trên cát; thử nghiệm và làm chủ công nghệ sản xuất sơn tĩnh điện, công nghệ chế biến tinh bột mì, thiết bị ép - sấy khô bã mì, sản xuất nước giải khát linh chi mật ong đóng lon. Trong ứng dụng công nghệ thông tin, hầu hết các cơ quan hành chính cấp tỉnh và một số trường trung học phổ thông tiếp cận, khai thác Internet, hoàn thành đề án tin học hóa khối Đảng và tin học hóa quản lý hành chính nhà nước. Từ ngày 10-4-2004, trang thông tin điện tử Quảng Ngãi chính thức lên mạng Internet.

Ngày 27-4-2004, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 đến năm 2005, định hướng đến 2010. Trọng tâm thực hiện những nội dung cụ thể trong Nghị quyết Trung ương 5 được Tỉnh ủy xác định là nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của văn hóa; xây dựng con người Quảng Ngãi trong giai đoạn cách mạng mới; xây dựng môi trường văn hóa; xây dựng các loại hình văn hóa, các thiết chế văn hóa; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, v.v..

Sau 6 năm (1998-2004) tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), các nội dung xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể tập trung vận động cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Truyền thống văn hóa và các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam nói chung, Quảng Ngãi nói riêng được khơi dậy và phát huy. Nhiều giá trị mới từng bước được bổ sung, phát triển, nhất là ý chí vươn lên không cam chịu đói, nghèo, lạc hậu, quyết tâm đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh có kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, quốc phòng - an ninh vững mạnh. Môi trường văn hóa, các loại hình hoạt động văn hóa, các thiết chế văn hóa có nhiều tiến bộ. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng. Đến năm 2005, toàn tỉnh có 80% gia đình, 60% thôn, tổ dân phố và trên 90% cơ quan đạt danh hiệu văn hóa. Các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng, như bảo tàng tỉnh, bảo tàng chiến thắng Vạn Tường, nhà truyền thống huyện Ba Tơ, thư

viện huyện Lý Sơn, huyện Bình Sơn, trung tâm văn hóa các huyện Mộ Đức, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Sơn Tây. Trong 5 năm 1998-2004, các thư viện trong tỉnh bổ sung 29.543 bản sách, 200 loại báo, tạp chí, phục vụ 615.200 lượt đọc giả, luân chuyển hàng triệu lượt sách, báo. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, di tích văn hóa, lịch sử được chú trọng hơn. Tỉnh phối hợp với các cơ quan Trung ương tổ chức khai quật các di chỉ khảo cổ học ở Bình Châu (Bình Sơn), Sơn Tịnh, Lý Sơn, phát hiện được nhiều hiện vật của văn hóa Sa Huỳnh; nghiên cứu lập hồ sơ 307 ngôi nhà có kiến trúc cổ trên địa bàn tỉnh để bảo tồn; lập hồ sơ đề nghị công nhận thêm 3 di tích cấp quốc gia, 14 di tích cấp tỉnh. Đây cũng là giai đoạn nhiều di tích văn hóa, lịch sử được đầu tư kinh phí để tôn tạo, nâng cấp như khu chứng tích Sơn Mỹ, địa đạo Đám Toái, di tích chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường, bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng, nhà lưu niệm các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Giao, Nguyễn Chánh, v.v.. Đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà báo có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu, sáng tạo ra một số sáng tác văn học - nghệ thuật, báo chí, góp phần làm phong phú hơn đời sống tinh thần của nhân dân. Đến năm 2005, tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt 92%, phát thanh 97%. Công tác quản lý văn hóa thông tin được chú trọng hơn, nhất là hoạt động kinh doanh karaoke, internet, băng đĩa.

Hoạt động thể dục thể thao góp phần nâng cao thể lực, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân. Đến năm 2005, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao đạt 18,5% so với số dân trong tỉnh, tăng 5,5% so với năm 2000. Một số bộ môn thể thao truyền thống và hiện đại tiếp tục được phát huy. Số lượng vận động viên đạt huy chương cấp quốc gia tăng lên,

đặc biệt số vận động viên của tỉnh đạt 7 huy chương tại các kỳ SEA Games 21, 22 và Para Games 2.

Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo, được tăng cường về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Tỉnh đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng 3 trung tâm y tế huyện, triển khai xây dựng bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 600 giường, một số bệnh viện chuyên khoa, một số trung tâm y tế huyện và các cơ sở y tế khác. Đến năm 2005, gần 100% xã có trạm y tế, 70% trạm có bác sĩ. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai thực hiện có hiệu quả. Các dịch bệnh nguy hiểm, như SARS, cúm gia cầm được khống chế. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 5 tuổi đi vào nề nếp. Những sai phạm về y đức của một bộ phận cán bộ y tế được chấn chỉnh và khắc phục một bước. Công tác khám chữa bệnh miễn phí đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách được chú trọng hơn.

Ngày 7-1-2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 35-CT/TU về thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong tình hình mới. Chỉ thị nêu rõ những tiến bộ đạt được trong gần 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, góp phần giảm tỷ suất sinh từ 3,2 con năm 1995 xuống còn 2,2 con năm 2005; tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai đạt 79,2%, tăng 26,7% so với năm 1995; tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên còn 15,56%, giảm 13,7% so với năm 1995. Tuy nhiên, từ khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh dân số, ngày 9-1-2003, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu chưa đúng, tự phát sinh con

thứ ba trở lên. Đây là hiện tượng không bình thường có nguy cơ làm tăng dân số một cách đột biến. Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và hội đoàn thể tiếp tục quán triệt cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhận thức đúng đắn và thực hiện nghiêm túc quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp, các ngành đề ra các biện pháp cụ thể, sát thực, phân công cán bộ, đảng viên, đội ngũ công tác viên dân số đến từng nhà, gặp từng người tuyên truyền, vận động. Vì vậy, tình hình tăng dân số đột biến đã không xảy ra. Năm 2005, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,0%.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, đời sống của đa số các tầng lớp nhân dân ngày càng ổn định, từng bước được cải thiện. Nhưng bên cạnh đó, một bộ phận nhân dân còn thiếu việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn, nhất là ở miền núi. Trong 2 ngày 17 và ngày 18-4-2003, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (khóa XVI) tiến hành kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy (khóa XV), ngày 11-1-1999 và ra Kết luận của Hội nghị về công tác xóa đói, giảm nghèo ở miền núi. Hội nghị khẳng định: Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy (khóa XV) về xóa đói, giảm nghèo ở miền núi là một chủ trương đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân và giải quyết một cách toàn diện về xóa đói, giảm nghèo ở miền núi. Sau bốn năm thực hiện Nghị quyết (1999-2003), tình hình kinh tế - xã hội miền núi đã có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm nhiều so với trước, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc được nâng lên đáng kể, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn miền núi của tỉnh. Hội nghị cũng chỉ rõ

một số hạn chế, khuyết điểm như: Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Nghị quyết chưa sâu rộng, hiệu quả chưa cao. Việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xóa đói, giảm nghèo chưa đồng bộ. Tình hình đó làm cho tỷ lệ hộ đói, nghèo còn cao, kết quả xóa đói, giảm nghèo chưa vững chắc và không đồng đều, nhiều vấn đề xã hội đặt ra chưa giải quyết tốt, đặc biệt là các tập tục lạc hậu. Hội nghị phân tích, làm rõ nguyên nhân dẫn đến các tồn tại, yếu kém trong việc thực hiện Nghị quyết 10 và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở miền núi đến năm 2005.

Triển khai thực hiện Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo ở miền núi. Đến năm 2005 “tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm từ 60% năm 2001 còn 25%; mặt bằng dân trí, đời sống của đồng bào ngày càng nâng lên, các giá trị truyền thống tốt đẹp được giữ gìn và phát huy; hầu hết các xã miền núi có đường ô tô đến trung tâm xã và có điện, gần 100% xã có trạm y tế, có sử dụng máy điện thoại; 93% số xã có điểm bưu điện - văn hóa xã, cơ sở trường học được tăng cường, 94,6% số trẻ em trong độ tuổi đến trường được đi học”¹. Các kết quả đạt được trong công tác xóa đói, giảm nghèo ở miền núi góp phần giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo toàn tỉnh còn dưới 9%. Hàng năm giải quyết việc làm và tạo việc làm mới cho 30.000 lao động.

Ngày 20-5-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 12-CT/TU về đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án xuất khẩu lao động của tỉnh giai

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII, tháng 12-2005, tr.24.

đoạn 2003-2005. Năm 2005, toàn tỉnh có trên 300 người đi xuất khẩu lao động.

Hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, cứu trợ đồng bào bị bão lụt, v.v. được đông đảo nhân dân hưởng ứng, trở thành phong trào quần chúng rộng lớn. Đến năm 2005, kết hợp nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, sự hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, toàn tỉnh xây dựng và sửa chữa trên 1.600 nhà tình nghĩa, với tổng số tiền trên 20 tỷ đồng. Các chính sách xã hội đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người cao tuổi, người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam, v.v.. được các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các hội đoàn thể quan tâm thực hiện tốt.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng các lĩnh vực văn hóa - xã hội của tỉnh trong 5 năm đầu thế kỷ XXI còn nhiều vấn đề bức xúc, chưa tương xứng với vị trí, vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển. Chất lượng giáo dục vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là chất lượng dạy và học các bộ môn chính trị và giáo dục công dân. Đạo đức học đường có mặt xuống cấp nghiêm trọng. Tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định chưa được khắc phục có hiệu quả. Cơ sở vật chất trường lớp học, nhất là các huyện miền núi vẫn còn nhiều khó khăn. Một số chỉ tiêu về y tế không đạt kế hoạch đề ra. Quản lý nhà nước về y tế còn nhiều yếu kém. Y đức một bộ phận cán bộ, nhân viên y tế giảm sút, nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn có hiệu quả. Sự nghiệp phát triển văn hóa chưa vững chắc, chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Các sản phẩm văn hóa chưa có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật thể hiện, chưa có tác động sâu sắc, tích cực vào đời sống tư tưởng, tinh thần cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong

tỉnh. Sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền đối với khoa học - công nghệ chưa đúng mức, khoa học - công nghệ chưa thực sự giữ vị trí là quốc sách hàng đầu. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh còn thiếu nhiều cán bộ có trình độ cao, chuyên sâu và chuyên gia giỏi.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa đế quốc lợi dụng chống khủng bố, bảo vệ dân chủ, nhân quyền dùng sức mạnh quân sự phát động các cuộc chiến tranh xâm lược một số nước trên thế giới. Ở trong nước, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bao loạn lật đổ” và sẵn sàng can thiệp vũ trang nhằm chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam. Chúng lợi dụng các vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “nhân quyền” để chống phá ta quyết liệt với mưu đồ thành lập cái gọi là “Nhà nước Đêga độc lập” ở Tây Nguyên, “Nhà nước Khomer Crôm độc lập, tự trị” ở Tây Nam Bộ, “Vương quốc Mông tự trị” ở Tây Bắc, v.v..

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi xảy ra một số diễn biến khá phức tạp. Các tổ chức phản động lưu vong phát tán tài liệu có nội dung phản động kêu gọi, tập hợp lực lượng chống lại Nhà nước ta. Hoạt động truyền đạo trái pháp luật gia tăng, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đơn khiếu nại đòi lại cơ sở thờ tự của tôn giáo có nhiều diễn biến phức tạp. Tranh chấp ruộng đất, khiếu kiện đồng người liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định ở một số địa phương, cơ sở. Tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, nhất là mại dâm, ma túy, cờ bạc, v.v.. tăng nhanh.

Từ ngày 2 đến ngày 12-7-2003, Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khóa IX) ra Nghị quyết về chiến lược bảo vệ Tổ quốc

trong tình hình mới. Cùng với đánh giá tình hình thế giới và khu vực tác động đến nước ta, Hội nghị phân tích tình hình trong nước và kết quả thực hiện các nghị quyết về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, khẳng định những thành tựu đạt được, chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hội nghị xác định các quan điểm, mục tiêu, phương châm, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Về mục tiêu, Hội nghị khẳng định: Bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự nghiệp đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với Nghị quyết Trung ương 8, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 08 về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chính phủ ra Nghị quyết số 09 về chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

Quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về công tác quốc phòng - an ninh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền tăng cường củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ngày 31-12-2001, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về “Xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc”, chỉ đạo tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 02 - NQ/TW của Bộ Chính trị. Đến năm 2003, các địa phương hoàn thành việc xây dựng các phương án phòng thủ, kết hợp xây dựng khu vực phòng thủ với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống

nhân dân. Nhiều địa phương quan tâm xây dựng quỹ quốc phòng - an ninh và hỗ trợ tích cực cho công tác xây dựng, huấn luyện dân quân, tự vệ, dự bị động viên, tuyển quân.

Lực lượng vũ trang của tỉnh duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường công tác nắm tình hình, tổ chức được nhiều cuộc truy quét ở miền núi, ven biển, vùng giáp ranh và các địa bàn trọng điểm, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội, bảo vệ an toàn các mục tiêu, các ngày lễ lớn. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, quân số ổn định, nhất là các địa bàn trọng điểm. Công tác tuyển quân hàng năm đạt 100%, tỷ lệ quân nhân đạo ngũ giảm rõ rệt (năm 2003 chỉ còn 0,2%) Công tác chuẩn bị động viên quân đội và xây dựng lực lượng dự bị động viên được quan tâm thường xuyên. Nhiều xã, phường đạt tiêu chuẩn vững mạnh toàn diện về an ninh, quốc phòng.

Trong công tác an ninh, Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường phối hợp đẩy mạnh đấu tranh chống các hoạt động phá hoại về tư tưởng của địch, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, tích cực ngăn chặn việc phát tán tài liệu phản động trên địa bàn tỉnh. Công tác bảo vệ an ninh kinh tế được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả trong đấu tranh phòng, chống tội tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, tiền giả. Công tác bảo đảm an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, bão lụt, cứu hộ, cứu nạn được tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ hơn giữa các cấp, các ngành.

Tiếp tục triển khai thi hành Luật khiếu nại, tố cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền, các cơ quan tư pháp đẩy mạnh tuyên truyền, giải quyết đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của

phòng tiếp công dân tỉnh, ban hành các văn bản hướng dẫn các huyện, thị xã, các sở, ban, ngành về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Một số vụ việc bức xúc, tuy không thuộc thẩm quyền, nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo cá biệt nhằm giải quyết dứt điểm, không để dây dưa, kéo dài. Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư về “Một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy tổ chức hội nghị quán triệt, lập các đoàn kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tính từ ngày 1-1-2001 đến tháng 5-2002, các cơ quan chức năng tiếp nhận 8.508 vụ việc, gồm 7.778 vụ khiếu nại, 730 vụ tố cáo, trong đó có 42 vụ khiếu nại, 1 vụ tố cáo vượt cấp ra Trung ương, 42 vụ khiếu nại, tố cáo tập thể. Các khiếu nại, tố cáo chủ yếu tập trung vào lĩnh vực đất đai (62%). Đến tháng 5-2002, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tập trung giải quyết được 7.144 vụ, đạt 83,9%. Đối với 42 vụ khiếu nại, tố cáo tập thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chức năng khẩn trương giải quyết, được đông đảo nhân dân đồng tình. Nhờ đó, tình trạng khiếu nại, tố cáo bức xúc giảm nhiều so với trước, các khiếu nại vượt cấp bước đầu được hạn chế, góp phần không để tạo thành “điểm nóng”.

II- NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH

Từ năm 2001 đến 2005, các lĩnh vực kinh tế - xã hội có bước phát triển mạnh mẽ, quốc phòng - an ninh ngày càng

được củng cố. Kết quả đó là sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, gắn liền với sự đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Trung ương 7 (khóa VIII) về công tác tổ chức và cán bộ”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ từng cơ quan, đơn vị, các chức danh trong bộ máy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, v.v.. Trên cơ sở các chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, tỉnh hoàn thành công tác sắp xếp lại một số sở, ngành, như nhập Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em thành Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, chuyển chức năng quản lý nhà nước về môi trường từ Sở Khoa học - Công nghệ - Môi trường sang Sở Địa chính, tách Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao thành Sở Văn hóa - Thông tin và Sở Thể dục - Thể thao, thành lập Sở Ngoại vụ, thành lập Trung tâm dạy nghề một số đoàn thể nông dân, phụ nữ, thanh niên, v.v.. Kiện toàn, củng cố Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng các cuộc tiếp xúc cử tri, các kỳ họp, các hoạt động kiểm tra, giám sát các chủ trương, chính sách, các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở.

Hoạt động của bộ máy hành chính ngày càng chuyên nghiệp hơn. Đến năm 2005, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét,

điều chỉnh tổ chức bộ máy 20/26 sở, ngành và ba chi cục quản lý nhà nước chuyên ngành.

Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) bàn và ra Nghị quyết về “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn”. Nghị quyết yêu cầu các cấp ủy đảng trong 3 năm 2002-2005 phải giải quyết được ba vấn đề cơ bản là: Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị và xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở; thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở thực sự trong sạch, vững mạnh. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền cơ sở. Qua phân cấp, nhiều nơi chính quyền cơ sở chủ động hơn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn, triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, khuyến khích, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng cơ sở vật chất, phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân. Đến năm 2004, toàn tỉnh có 39/180 xã, phường, thị trấn có trụ sở làm việc kiên cố. Đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quy định, chất lượng được nâng lên.

Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng thị xã Quảng Ngãi trở thành thành phố tỉnh lỵ, trong 2 ngày 6 và 7-1-2003, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị (mở rộng) đánh giá kết quả thực hiện, đề ra các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục xây dựng thị xã thành thành phố. Kết luận của Hội nghị khẳng định: Tỉnh ủy (khóa XV) ban hành Nghị

quyết 09 về xây dựng thị xã Quảng Ngãi thành thành phố tỉnh lỵ là một chủ trương đúng đắn và cần thiết, mang tính toàn diện, đáp ứng được yêu cầu phát triển của thị xã và nguyện vọng của nhân dân. Việc tổ chức thực hiện nghị quyết đạt được những kết quả quan trọng, “kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP. Kết cấu hạ tầng từng bước được nâng cấp và xây dựng, bộ mặt thị xã ngày càng đổi mới, khang trang hơn. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, đã xóa hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống mức thấp, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững”¹. Cuối năm 2002, thị xã Quảng Ngãi được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III. Tuy nhiên, Hội nghị cũng thẳng thắn chỉ rõ một số tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy là: Công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết chưa được thực hiện chu đáo, nhiều sở, ngành và các huyện không tổ chức quán triệt cho cán bộ, đảng viên. Nhận thức về trách nhiệm của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đối với việc xây dựng thị xã Quảng Ngãi trở thành thành phố tỉnh lỵ chưa cao. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa tập trung đúng mức; đầu tư kết cấu hạ tầng cho thị xã chưa tương xứng; hầu hết các công trình trọng điểm chưa hoàn thành. Những tồn tại, hạn chế đó làm cho thị xã chưa thể hiện rõ nét vai trò là

1. Kết luận số 04-KL/TU, ngày 10-1-2003 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ chín về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 9 của Tỉnh ủy (khóa XV) và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng thị xã Quảng Ngãi thành thành phố tỉnh lỵ.

trung tâm chính trị, kinh tế - văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh. Hội nghị xác định mục tiêu đến năm 2005 thị xã Quảng Ngãi được công nhận là thành phố tỉnh lỵ.

Ngày 1-12-2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 145/2003/NĐ-CP “Về việc thành lập huyện Tây Trà” trên cơ sở tách một số xã phía tây huyện Trà Bồng. Ngày 26-8-2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2005/NĐ-CP “Về việc thành lập thành phố Quảng Ngãi”. Đến thời điểm này, tỉnh Quảng Ngãi có 14 huyện, thành phố, gồm 181 xã, phường, thị trấn.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI, nhiệm kỳ 2002-2007¹ và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2004-2009². Tổng số cử tri tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp đạt trên 99%. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trúng cử có 50/55 đại biểu, Hội đồng nhân dân huyện, thị xã có 460/470 đại biểu, Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn có 4.564/4.623 đại biểu. Tại kỳ họp thứ nhất, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bầu đồng chí Hồ Nghĩa Dũng làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Kim Hiệu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2004-2009. Tháng 5-2006, đồng chí Phạm Minh Toàn được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng

1. Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi khóa XI gồm: Đinh Hoài Bắc, Đỗ Tiến Dũng, Hoàng Trung Hải, Lý Văn Hạnh, Hồ AliSa, Trần Thị Thịnh, Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

2. Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhiệm kỳ 2004-2009 kéo dài đến đầu năm 2011.

chí Nguyễn Xuân Huế được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục có sự đổi mới về nội dung và phương thức tập hợp hội viên, đoàn viên, hướng về cơ sở, chú trọng vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng có nhiều khó khăn.

Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục hưởng ứng chủ trương của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về xây dựng “Quy Vĩ người nghèo”. Kết quả trong 5 năm (2001-2005), mặt trận các cấp vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh quyên góp được 13,5 tỷ đồng. Từ nguồn quỹ, mặt trận xây mới 1.561 nhà, sửa chữa 329 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo. Ngoài ra, mặt trận còn vận động các tầng lớp nhân dân nhường cơm, sẻ áo, giúp đỡ đồng bào vùng thiên tai, lũ lụt, nạn nhân chất độc da cam. Với vai trò là trung tâm đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, mặt trận tích cực vận động nhân dân tham gia giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền, thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XI, và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” ngày càng đi vào cuộc sống, trở thành phong trào rộng lớn. Trong 5 năm, toàn tỉnh xây dựng được 2.253 khu dân cư tiên tiến, chiếm 80,52% tổng số các khu dân cư trong tỉnh.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, mặt trận các cấp tăng cường việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện, nhân đạo, v.v..

Liên đoàn Lao động tỉnh bám sát các chủ trương của Tỉnh ủy và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức cho đoàn

viên học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo công đoàn cơ sở vận động đội ngũ giai cấp công nhân học tập nâng cao trình độ kiến thức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2005, tất cả công đoàn các huyện, thành phố ban hành quy chế phối hợp với chính quyền các cấp. Hầu hết các cơ quan, doanh nghiệp mở đại hội công nhân, viên chức và hội nghị cán bộ, công chức. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, công đoàn các cấp thực hiện tốt việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, nhất là người lao động dôi dư sau khi sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, người lao động làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Phong trào thi đua yêu nước trong công nhân viên chức và lao động, trọng tâm là phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo tiếp tục được các cấp công đoàn phát động, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất như rôbốt gấp chai, máy rửa két bia, hệ thống xử lý nước nấu bia của Nhà máy bia Dung Quất. Một số công trình được gắn biển chào mừng ngày thành lập Công đoàn Việt Nam, như công trình Nhà máy tinh bột mì Sơn Hải, cầu Cộng Hòa, v.v..

Hoạt động của Hội Phụ nữ và phong trào phụ nữ tiếp tục phát triển nhanh chóng, toàn diện. Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế đạt nhiều kết quả quan trọng. Đến năm 2005, các cấp hội khai thác và tiếp tục duy trì nguồn vốn với tổng số tiền 102,4 tỷ đồng cho 53.677 lượt phụ nữ vay, mượn, giúp hàng ngàn phụ nữ thoát nghèo. Đi đôi với cho vay vốn, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế thiết thực, hiệu quả, các cấp hội tập huấn chuyển giao kỹ thuật, tổ chức dạy nghề, tư vấn việc làm cho lao động nông

thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động nữ trong tỉnh qua đào tạo nghề.

Hội còn vận động cán bộ, hội viên thực hiện tốt việc xây dựng gia đình theo bốn chuẩn mực “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” kết hợp với học tập, đăng ký thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, tăng cường công tác hòa giải, kịp thời giải quyết mâu thuẫn, bức xúc trong nội bộ hội viên phụ nữ. Kết quả các hoạt động đã góp phần khẳng định uy tín của tổ chức Hội, thể hiện vai trò đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

Đội ngũ cán bộ nữ ngày càng trưởng thành và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tính chủ động, tích cực của các cấp hội đã được nâng lên, nhất là trong việc tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác cán bộ nữ, xây dựng, tạo nguồn cán bộ hội, giới thiệu cán bộ, hội viên ưu tú để cấp ủy Đảng xem xét kết nạp, đề xuất những vấn đề liên quan trực tiếp đến phụ nữ, trẻ em, v.v.. Hoạt động phối hợp liên tịch với chính quyền, các ban, ngành, hội đoàn thể được đẩy mạnh, uy tín của Hội được nâng lên, tổ chức Hội ngày càng vững mạnh, đội ngũ cán bộ Hội trưởng thành về nhiều mặt, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh. Năm 2003, cán bộ, hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ Quảng Ngãi vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Với hơn 370 nghìn người, chiếm 31,5% dân số toàn tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Thanh niên Quảng Ngãi là lực lượng xung kích trong phát triển kinh tế -

xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh. Nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí của thanh niên, các cấp ủy đảng, chính quyền đã tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn thanh niên và Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, nhất là các phong trào “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ giữ nước”. Thông qua các phong trào này, nhiều tập thể, cá nhân tiên tiến xuất hiện trong học tập, lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, v.v..

Đoàn và Hội Thanh niên các cấp từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, thu hút ngày càng đông đảo thanh niên tham gia tổ chức Đoàn, Hội. Các cơ sở đoàn trong tỉnh đã tạo điều kiện cho hơn 4.000 hộ đoàn viên, thanh niên được vay hơn 25 tỷ đồng từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm và vốn cho hộ nghèo để phát triển sản xuất. Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, bước đầu thu hút được nhiều doanh nghiệp trẻ tham gia. Đến năm 2005, có ba thương hiệu và hai sản phẩm của 5 doanh nghiệp được giải thưởng Sao Vàng đất Việt. Nhiều công trình thanh niên, phần việc thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả tốt. Được Trung ương Đoàn và tỉnh đầu tư 27 tỷ đồng, Tỉnh Đoàn xây dựng làng thanh niên lập nghiệp ở hai xã Ba Bích và Ba Lệ (Ba Tơ), theo kế hoạch sẽ có 400 hộ thanh niên đến lập nghiệp. Các phong trào: Hiến máu nhân đạo, Thanh niên tình nguyện bảo đảm an toàn giao thông huy động được hàng chục ngàn lượt đoàn viên, thanh niên tham gia. Cuộc vận động “Nghĩa tình miền núi - hải đảo” được các cấp bộ đoàn vận động đoàn viên, thanh niên quyên góp được 63,6 triệu đồng, 35.700 quyển vở, 24.000 bộ quần áo, đồ dùng học tập tặng trẻ em và học sinh nghèo các huyện

miền núi, hải đảo. Ghi nhận những thành tích đạt được, Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh tiếp tục phát huy vai trò trung tâm, nòng cốt trong các phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Hoạt động của Hội ngày càng đáp ứng thiết thực hơn nhu cầu và nguyện vọng của đông đảo hội viên. Từ năm 2001 đến năm 2005, các cấp hội tín chấp cho các hộ nông dân vay hơn 200 tỷ đồng vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 106 tỷ đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội, xây dựng quỹ hỗ trợ nông dân hơn 4 tỷ đồng. Từ các nguồn vốn vay, Hội đã giúp hàng nghìn hộ nông dân thoát nghèo. Trung tâm dạy nghề Hội Nông dân tỉnh được thành lập, tổ chức mở các lớp dạy nghề dài hạn, ngắn hạn, xây dựng các điểm trình diễn, các mô hình kinh tế để hội viên tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Trung ương Hội, Tỉnh hội đã xây dựng phương án hỗ trợ nông, ngư dân đầu tư cơ giới hóa nông, ngư nghiệp giai đoạn 2004-2008, bước đầu giao trên 200 máy nông nghiệp cho nông dân. Đến năm 2005, toàn tỉnh có hơn 148.000 hộ nông dân đăng ký thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi và thực tế đã có 78.615 hộ đạt tiêu chuẩn hộ sản xuất, kinh doanh giỏi, chiếm 33,4% hộ nông nghiệp. Hội vận động mỗi hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi nhận giúp đỡ từ 1 đến 3 hộ nông dân nghèo phát triển sản xuất.

Cùng với phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, Hội Nông dân tỉnh chỉ đạo các cấp hội phát động hội viên tích cực tham gia xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, hạn chế và từng

bước xóa bỏ các tập tục lạc hậu; tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, hội thi “Thôn nữ giỏi giang, duyên dáng” các cấp. Các phong trào đã tạo nên sắc thái mới, phong phú, đa dạng hơn trong đời sống văn hóa, tinh thần của hội viên. Hàng năm, qua bình xét, phân loại đã có trên 150 nghìn hộ đạt tiêu chí gia đình nông dân văn hóa, chiếm 62,5% số hộ nông dân toàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn mới”, các cấp Hội Cựu chiến binh đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, không ngừng củng cố, giữ vững và phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” cho cán bộ, hội viên. Nhiều hội viên cựu chiến binh hăng hái tham gia các cuộc vận động, các phong trào cách mạng ở cơ sở, tham gia cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở địa phương. Phong trào cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, xóa nhà tạm đạt được nhiều kết quả. Các cuộc vận động cựu chiến binh đóng góp quỹ từ thiện, quỹ tình thương, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, v.v.. phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Các cấp hội phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, tích cực đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái của các thế lực thù địch, kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội. Tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp ngày càng đi vào nền nếp. Số lượng cựu chiến binh tham gia tổ chức Hội ngày càng đông, nhiều

thế hệ. Đến cuối năm 2002, Hội Cựu chiến binh Quảng Ngãi có 16.748 hội viên.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, nhiệm vụ cách mạng đặt ra ngày càng nặng nề, đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao năng lực cầm quyền, thực sự tiêu biểu cho trí tuệ của dân tộc. Từ ngày 5 đến ngày 13-11-2001, Ban Chấp hành Trung ương tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình, đề ra giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí. Sau 2 năm thực hiện Cuộc vận động, bên cạnh những kết quả đạt được, Hội nghị thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế: Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhìn chung chưa tạo được chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng, chưa ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tình trạng tham nhũng, lãng phí tiếp tục tồn tại và phát triển trên nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa. Tiếp đó, ngày 9-12-2001, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 04-KL/TW về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”.

Quán triệt sâu sắc tinh thần các chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị mở rộng và chỉ đạo các cấp ủy đảng triển khai thực hiện nội dung Kết luận của Trung ương đến cán bộ, đảng viên. Theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đều xây dựng chương trình hành động, tổ chức kiểm điểm tự phê bình, phê bình, nêu rõ các vụ việc nổi cộm, bức xúc, tìm biện pháp giải quyết dứt điểm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập

các đoàn công tác giải quyết các vụ việc nổi cộm, bức xúc; kiện toàn bộ máy tổ chức và cán bộ; sơ kết việc thực hiện pháp lệnh chống tham nhũng, lãng phí, quy chế dân chủ ở cơ sở, thành lập bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2); chỉ đạo thực hiện việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh của cán bộ, công chức, tiếp tục thực hiện quy định 19 điều đảng viên không được làm. Do được chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, nên những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, cũng như các vụ việc mất đoàn kết nội bộ, tham nhũng, lãng phí giảm bớt. Kết quả của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực tiễn kiểm chứng, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Để tăng cường sự thống nhất trong Đảng về chính trị, tư tưởng, sự đồng thuận trong xã hội về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) đã ra Nghị quyết “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”. Ngày 21-6-2002, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Chương trình hành động số 08-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Trung ương 5. Chương trình hành động nêu rõ mục tiêu công tác tư tưởng, lý luận của Đảng bộ Quảng Ngãi đến năm 2010 là “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, làm cho công tác này thật sự là công tác của toàn Đảng, đồng thời phải thực hiện tính dân chủ, sáng tạo, có tính chiến đấu cao, tạo sự thống nhất trong Đảng và trong xã hội; động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; kiên quyết đấu tranh với những nhận thức không đúng, với chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, vạch trần và bác

bỏ những luận điệu xấu của các thế lực thù địch để toàn Đảng bộ, toàn dân đoàn kết, nhất trí, hăng hái xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp”¹. Ban Thường vụ Tỉnh Ủy ban hành quy định việc học tập quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị xã, tổ chức Hội thi tìm hiểu tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, Hội thi báo cáo viên giỏi về Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, học tập 10 chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ, tổ chức đợt tuyên truyền sâu rộng trong đồng bào các dân tộc thiểu số về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, v.v..

Xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh về mọi mặt được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, xác định là khâu đột phá trên tất cả các lĩnh vực. Ngày 10-9-2002, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 09-NQ/TU “Về xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Nghị quyết đề ra mục tiêu: “xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh ta là nhằm tạo ra một đội ngũ cán bộ trong các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, có khả năng nắm bắt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chính sách của

1. Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 21-6-2002 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 “Về công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”, tr. 4-5.

Đảng, Nhà nước, có năng lực hoạch định và triển khai thực hiện trong thực tế những công việc cụ thể phục vụ cho sự phát triển của tỉnh. Đội ngũ cán bộ phải đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, trẻ hóa, kết hợp hài hòa giữa các độ tuổi, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ. Bảo đảm thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị¹.

Sau hai năm quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy, công tác cán bộ của tỉnh có sự chuyển biến tích cực. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy cụ thể hóa các nghị quyết, quy định, quy chế của Trung ương và Tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ, tiến hành sắp xếp bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ có chuyển biến, tiến bộ về nhiều mặt, góp phần lựa chọn được đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực tập hợp, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của tỉnh trong tình hình mới.

Các cấp ủy tăng cường kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, trước hết là đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ. Tăng cường xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp của tư nhân, doanh

1. Nghị quyết số 09 - NQ/TU, ngày 10-9-2002 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi "Về xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa", tr. 5.

ngiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển của khu kinh tế Dung Quất, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Đảng ủy khu kinh tế Dung Quất.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương về việc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2001-2005, ngày 27 và ngày 28-8-2003, Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Tỉnh ủy được tổ chức. Đánh giá hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh, Hội nghị khẳng định: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được tăng cường, đời sống nhân dân được cải thiện, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên, năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp được phát huy và có hiệu lực, hiệu quả hơn trước. Thế và lực của tỉnh ngày càng được nâng lên. Tuy vậy, Hội nghị cũng chỉ ra những khuyết điểm, tồn tại: Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao, chưa vững chắc, GDP còn thấp cả về giá trị tuyệt đối và bình quân đầu người so với mức bình quân chung cả nước. Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp đến 2005 nhằm phấn đấu đạt và vượt mức chỉ tiêu do Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh đề ra.

Ngày 27-4-2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 25-CT/TU "Về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên". Chỉ thị nêu rõ, trong 3 năm 2001-2003, công tác phát triển đảng viên đạt được một số kết quả tích cực. Hầu hết các tổ chức đảng đã chú ý làm tốt công tác phát triển đảng viên. Đội ngũ đảng viên mới được kết nạp có chất lượng cao hơn trước, đa

số là trẻ, có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ, khắc phục được một bước các đơn vị không có đảng viên. Tuy nhiên, công tác phát triển đảng viên vẫn còn một số hạn chế, yếu kém. Số lượng đảng viên mới kết nạp tuy có tăng, nhưng không ổn định và chưa đạt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, bình quân trong ba năm chỉ kết nạp được 1.351 đảng viên. Một số địa bàn xung yếu, miền núi, vùng sâu, vùng xa, các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp ngoài quốc doanh số lượng đảng viên thấp, phát triển đảng viên chưa nhiều, chất lượng chưa cao, có nơi chưa có đảng viên. Việc phát triển đảng viên trẻ tuổi, nữ, dân tộc thiểu số, công nhân, nông dân chưa được quan tâm đúng mức. Để góp phần tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, phấn đấu trong 2 năm 2004-2005 kết nạp mỗi năm từ 1.400 đến 1.500 đảng viên. Đến năm 2005, toàn Đảng bộ kết nạp được 7.145 đảng viên. Nhiều đảng bộ kết nạp đảng viên vượt chỉ tiêu nghị quyết từ 20% trở lên, như các Đảng bộ Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Dân - Chính - Đảng tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 17-10-2003 của Ban Bí thư về công tác đổi thể đảng viên, Đảng bộ tỉnh tiến hành đổi thể vào dịp kỷ niệm các ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2), ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5), ngày Quốc khánh (2-9) đạt kết quả tốt.

Gắn với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng được tăng cường. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo Ủy ban kiểm tra các cấp có chương trình, kế hoạch kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên khi có

dấu hiệu vi phạm, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của đảng viên. Sau kiểm tra có đánh giá, thông báo kết quả và chỉ đạo xử lý khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém. Ủy ban Kiểm tra các cấp tích cực góp phần giải quyết các vụ việc nổi cộm, phức tạp, các vụ vi phạm pháp luật có liên quan đến cán bộ, đảng viên. Hàng năm, Đảng bộ Quảng Ngãi xử lý hàng trăm đảng viên vi phạm kỷ luật bằng các hình thức từ khiển trách đến khai trừ khỏi Đảng. Từ năm 2001 đến tháng 6-2005, Đảng bộ tỉnh xử lý kỷ luật bằng 651 đảng viên, chiếm 2,15% so với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ, trong đó khiển trách 257 đồng chí, cảnh cáo 282 đồng chí, cách chức 43 đồng chí và khai trừ khỏi Đảng 69 trường hợp.

Cùng với đổi mới mạnh mẽ công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức. Trong 5 năm 2001-2005, Đảng bộ Quảng Ngãi chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kết quả nổi bật nhất trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng giai đoạn này là Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh thành các nghị quyết chuyên đề, nhất là các khâu đột phá. Từ đó chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh thể chế hóa thành các đề án, dự án, kế hoạch cụ thể, ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện. Định kỳ có kiểm tra, sơ kết, tổng kết, phát huy mặt tích cực, uốn nắn thiếu sót, lệch lạc, bổ sung các biện pháp cụ thể, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong hành động.

Tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số yếu kém, bất cập. Công tác chính trị, tư tưởng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận của

Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa được quán triệt kịp thời, sâu rộng; việc tổ chức quán triệt nghị quyết cho nhân dân đạt kết quả thấp. Công tác tuyên truyền chưa góp phần tích cực giải quyết các vấn đề xã hội quan tâm như đền bù, giải tỏa, thực hiện quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị. Bên cạnh xu hướng tư tưởng tích cực là chủ yếu, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nói và làm theo nghị quyết của Đảng, học tập tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh nhưng chưa biến thành hành động thực tế. Tình trạng phai nhạt lý tưởng, sa sút về đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa ngăn chặn được. Cán bộ, nhân dân còn đòi hỏi nhiều hơn về sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, bản khoản về hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, bất bình trước tình trạng thiếu trách nhiệm, thái độ cửa quyền, sách nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức các cấp, nhất là ở các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân.

Công tác cán bộ vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, còn hụt hẫng về nhiều mặt, tinh thần trách nhiệm, năng lực quản lý, điều hành của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý còn hạn chế. Số cán bộ có trình độ chuyên sâu trong các lĩnh vực còn ít, số cán bộ đầu ngành, cán bộ đối ngoại còn thiếu; trình độ cán bộ giữa các khối, các ngành, các vùng không đồng đều. Một bộ phận cán bộ được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nhưng chưa phát huy hết khả năng trong công tác.

Đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường, thị trấn hầu hết tuổi đời cao, trình độ học vấn thấp, năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn yếu, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Việc nhận xét, đánh giá cán bộ của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đúng thực chất, công tác quy hoạch cán bộ chưa thể hiện được tầm nhìn chiến lược, thiếu tính dự báo, còn khép kín, chưa thực hiện phương châm “động” và “mở”, chưa kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; công tác đào tạo, bồi dưỡng thiếu kịp thời, có nơi chưa gắn đào tạo với quy hoạch; việc bố trí, sử dụng cán bộ có một số trường hợp chưa bảo đảm tiêu chuẩn, không đúng trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường của cán bộ, nặng về cơ cấu, chưa bảo đảm tính kế thừa; công tác cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số chưa được quan tâm đúng mức.

Một số cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 30 - Điều lệ Đảng chưa thường xuyên. Nhiều ủy ban kiểm tra chưa thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra theo, Điều lệ Đảng. Việc xử lý, khắc phục những mặt yếu kém sau kiểm tra chưa kịp thời, có việc thiếu kiên quyết.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng chưa thật sự đổi mới, còn những mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp. Sự lãnh đạo của một số cấp ủy còn chung chung, thiếu sâu sát cụ thể, nhất là việc vận dụng các quan điểm, chủ trương của Đảng. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa bám sát quy chế làm việc, phân công, phân nhiệm không rõ ràng. Việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng có lúc còn thiếu đồng bộ, chưa phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sức mạnh của toàn dân.

Sau khi hoàn thành Đại hội Đảng bộ các cấp, thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 6-12-2004 của Bộ Chính trị, từ ngày 14 đến 16-12-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII được tổ chức trọng thể tại hội

trường Công an tỉnh. Tham dự Đại hội có 299 đại biểu thay mặt cho 30.814 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội khẳng định thành tựu nổi bật của tỉnh trong 5 năm 2001-2005. Kinh tế tăng trưởng cao, bình quân hàng năm 10,3%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 325 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 21,58% lên 30%, nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 41,9% xuống còn 34,8%, dịch vụ giảm từ 36,5% xuống còn 35,2%. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật có bước phát triển đáng kể, nhất là giao thông, thủy lợi và khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp của tỉnh. Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, năm 2005 đạt 529 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch đề ra. Hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng - an ninh được tăng cường. Hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở có nhiều đổi mới, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Đại hội cũng nghiêm túc kiểm điểm những tồn tại, hạn chế: Kinh tế tuy phát triển với nhịp độ khá cao, nhưng thiếu bền vững, chưa có sự chuyển biến rõ nét và có tính đột phá. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Tiềm năng của tỉnh chưa được khơi dậy và phát huy. Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết. Đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ đổi mới, Đại hội bổ sung thêm ba

bài học kinh nghiệm. Đó là, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đề ra chủ trương đúng, kịp thời chọn giải pháp hữu hiệu để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo ra bước phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; tổ chức chỉ đạo thực hiện sâu sát, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, bổ sung những giải pháp khắc phục khiếm khuyết, uốn nắn lệch lạc bảo đảm nghị quyết của Đảng được thực thi trong cuộc sống.

Những thành tựu đạt được trong gần 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới là kết quả phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Nhiều tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến xuất hiện. Công ty đường Quảng Ngãi và huyện Ba Tơ vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Với niềm tin tưởng, lạc quan vào triển vọng phát triển của tỉnh sau khi Đảng và Nhà nước có những chủ trương đẩy nhanh phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, khu kinh tế Dung Quất, Nhà máy lọc dầu số 1, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát 5 năm 2005-2010 là: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa tỉnh ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển khá, đạt*

mức trung bình so với cả nước, trong đó công nghiệp có bước phát triển nhảy vọt, dịch vụ phát triển mạnh, nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa đa dạng và chất lượng. Cùng với Trung ương đẩy mạnh xây dựng và phát triển khu Kinh tế Dung Quất, trọng tâm là hoàn thành đúng tiến độ xây dựng nhà máy lọc dầu. Giảm nhanh các hộ nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội”¹.

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2010: Tốc độ tăng GDP từ 17-18%/năm, GDP bình quân đầu người 950-1.000 USD. Cơ cấu kinh tế công nghiệp - xây dựng chiếm 62-63%, dịch vụ chiếm 22-23%, nông nghiệp chiếm 15-16%. Sản lượng lương thực đạt 420.000 tấn; sản lượng mía cây đạt 500.000 tấn; sản lượng thủy sản đạt 95.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu trên 100 triệu USD. Vốn đầu tư toàn xã hội từ 68.000 tỷ đồng đến 70.000 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng dân số 1,02%. Tỷ lệ hộ nghèo dưới 20%. Tất cả các trạm y tế có bác sĩ. Xây dựng 10% trường mầm non, 50% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Hoàn thành xóa 17.000 nhà tạm cho hộ nghèo. Xây dựng 80-90% xã, phường vững mạnh về an ninh - quốc phòng. Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt 70%, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ 70%, bình quân mỗi năm kết nạp từ 1.400 đến 1.500 đảng viên.

1. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, tr. 61.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ, trong đó có hai nhiệm vụ đột phá và 2 chương trình trọng điểm.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2005-2010 gồm 49 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Phạm Đình Khối và đồng chí Nguyễn Xuân Huế được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Sau khi đồng chí Hồ Nghĩa Dũng được điều động lên Trung ương, đồng chí Phạm Đình Khối được cử giữ chức quyền Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 14-7-2006 và được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 18-5-2007. Đồng chí Cao Khoa được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 18-5-2007. Đồng chí Nguyễn Hòa Bình được Trung ương điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 4-4-2008 và được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 4-6-2010 thay đồng chí Phạm Đình Khối nghỉ hưu theo chế độ.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII là Đại hội của đoàn kết, dân chủ, trí tuệ, đổi mới, mở ra một thời kỳ phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

*
* *

Từ năm 2001 đến năm 2005, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng sẵn có của tỉnh, năng động, linh hoạt nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách tập trung mọi nguồn lực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực. Từ điểm xuất phát thấp, Quảng Ngãi đã vươn lên đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình

quân trong 5 năm là 10,3%. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 192 USD năm 2000 lên 325 USD năm 2005. Khu kinh tế Dung Quất và Nhà máy lọc dầu Dung Quất được đầu tư xây dựng, mở ra bước ngoặt mới đầy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ngày càng trưởng thành, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân được tăng cường. Tuy nhiên đến năm 2005, Quảng Ngãi vẫn còn là tỉnh nghèo. Kinh tế tăng trưởng nhanh, nhưng chưa có bước đột phá. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh, sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn ở mức thấp so với cả nước. Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu chưa được đẩy lùi làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những kết quả đạt được trong hơn 15 năm tái lập tỉnh, 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới là niềm cổ vũ, động viên Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi vững bước tiến vào thời kỳ phát triển có tính đột biến mới, đưa tỉnh thoát khỏi tình trạng kém phát triển trở thành một trong những tỉnh giàu mạnh của cả nước.

KẾT LUẬN

Ba mươi năm (1975-2005), tuy là một khoảng thời gian không dài trong lịch sử, nhưng đã liên tục diễn ra những biến đổi to lớn và sâu sắc trong hoạt động của Đảng bộ và đời sống nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tháng 3-1975, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với quân và dân toàn miền Nam đồng loạt mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ ngụy quân và bộ máy ngụy quyền, chi viện sức người, sức của góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài, đầy hy sinh, gian khổ, thiết lập, củng cố hệ thống chính quyền cách mạng, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Trung ương, hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình. Suốt 14 năm (1975-1989), Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách, cần kiệm xây dựng, bảo vệ quê hương và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Chỉ trong 3 năm 1976-1979, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã cơ bản hoàn thành công

cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đưa phần lớn tư liệu sản xuất và hộ nông dân vào các hợp tác xã. Trong thời kỳ đầu 1977-1979, hợp tác xã đã thể hiện tính ưu việt của nó là tạo điều kiện để tổ chức lại sản xuất, phân công lao động, phân bổ lại đất đai và các loại cây trồng, vật nuôi, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, đưa một bộ phận nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh, tập trung sức người, sức của khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích đất canh tác, xây dựng, củng cố hệ thống hồ, đập, kênh mương thủy lợi và các công trình phục vụ dân sinh khác. Tuy nhiên, do hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại, sự chống phá của các thế lực thù địch và nhất là cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp không còn phù hợp với hoàn cảnh mới và những sai lầm nghiêm trọng, kéo dài về chủ trương chính sách lớn, về tổ chức thực hiện của Đảng đã làm cho nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Trước yêu cầu của thực tiễn cuộc sống, thực hiện chủ trương của Trung ương, từ năm 1981 đến năm 1985, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình đã lãnh đạo nhân dân từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trọng tâm là tổ chức thực hiện Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp; Quyết định số 25/CP- 26/CP của Chính phủ về phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, quyền tự chủ về tài chính, mở rộng hình thức khoán trong các đơn vị kinh tế của Nhà nước, Nghị quyết Trung ương 8 (khoá V) về xóa bỏ bao cấp trong giá và lương ... Việc tổ chức thực hiện các chủ trương trên, nhất là khoán 100 đã làm thay đổi tư duy về cách thức tổ chức sản xuất, quản lý và phân phối sản

phẩm, tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp tỉnh Nghĩa Bình phát triển mạnh mẽ, mùa màng bội thu. Năm 1985, lần đầu tiên trong lịch sử bình quân lương thực tính theo đầu người vượt mốc 300 kg/năm. Tỉnh Nghĩa Bình không những đã tự cân đối được lương thực, thực phẩm, mà còn có đóng góp lớn cho Nhà nước trong thời điểm cả nước đang lâm vào tình trạng thiếu thốn lương thực gay gắt nhất. Với những thành tích xuất sắc đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 1985.

Cũng trong thời kỳ này, công trình thủy lợi Thạch Nham, công trình trọng điểm cấp Nhà nước, được xây dựng, thực sự đã tạo ra bước phát triển đột phá đối với nông nghiệp Quảng Ngãi. Thủy lợi hóa ở đồng bằng cơ bản đã được thực hiện. Đời sống kinh tế - xã hội nông thôn ngày càng tiến bộ, văn minh. Công trình thủy lợi Thạch Nham là một trong những công trình góp phần đổi đời người nông dân Quảng Ngãi. Đạt được kết quả to lớn đó và để công trình hoàn thành, ngoài sự đầu tư lớn của Nhà nước, nhân dân Quảng Ngãi đã đóng góp hàng chục tỷ đồng, hàng triệu ngày công thi công công trình, hàng nghìn hộ dân phải di dời nhà cửa, chịu mất đất hoặc hoa màu mà không yêu cầu Nhà nước bồi thường để xây dựng công trình.

Công trình thủy lợi Thạch Nham đã trở thành một trong những công trình kinh tế - xã hội tiêu biểu, điểm nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong thời kỳ xây dựng lại quê hương sau chiến tranh, đã đi vào lịch sử như là sự tiếp nối, phát huy đến đỉnh cao truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo của nhân dân Quảng Ngãi được vun đắp suốt hàng nghìn năm lịch sử.

Thời kỳ sau giải phóng đến năm 1989 cũng là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghĩa Bình đã làm hết sức mình để huy động nhân tài, vật lực góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc, giúp đỡ nhân dân Campuchia, trực tiếp là tỉnh Ratanakiri thoát khỏi họa diệt chủng, xây dựng lại đất nước; đồng cam, cộng khổ, đoàn kết, chia sẻ khó khăn, giúp đỡ Đảng bộ và nhân dân tỉnh Chămpaxắc (Lào) xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng. Tuyên truyền, giáo dục nhân dân nâng cao cảnh giác, đấu tranh làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch.

Từ tháng 7-1989, tỉnh Quảng Ngãi được tái lập. Đây là một thuận lợi lớn để Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và nguồn lực sẵn có về con người, điều kiện tự nhiên của tỉnh và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Phát triển nông nghiệp bước đầu đã gắn với công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Công trình thủy lợi Thạch Nham đã cơ bản hoàn thành, bắt đầu phát huy tác dụng, mở ra triển vọng to lớn trong phát triển nông nghiệp, ổn định đời sống kinh tế - xã hội nông thôn. Công nghiệp chế biến mía đường và sau đường có bước phát triển đáng kể. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có chuyển biến tốt. Đời sống nhân dân được cải thiện. Đảng bộ trưởng thành thêm một bước. Truyền thống quê hương tiếp tục được phát huy.

Đặc biệt, từ khi Nhà máy lọc dầu số 1 được Thủ tướng Chính phủ quyết định xây dựng tại Dung Quất đã đưa Quảng Ngãi bước vào thời kỳ phát triển mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cùng với Nhà máy lọc dầu, sau hơn 10

năm xây dựng (1994-2005), hiệu quả hoạt động của khu kinh tế Dung Quất từng bước đã được khẳng định trong thực tiễn, mở ra một tư duy mới về xây dựng mô hình khu kinh tế ở Việt Nam. Khu kinh tế Dung Quất đang dần dần trở thành hạt nhân tăng trưởng, động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực miền Trung và Tây Nguyên, góp phần quyết định đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2001-2005 đạt 10,3%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được nâng lên một bước quan trọng. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo được củng cố vững chắc.

Ba mươi năm lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ Quảng Ngãi đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, kế tục xứng đáng truyền thống vẻ vang của Đảng bộ, song yếu kém, khuyết điểm còn nhiều, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả chung của phong trào cách mạng của tỉnh. Những yếu kém, khuyết điểm đó là trong nhận thức và tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, có những thời điểm còn mang tính chủ quan, duy ý chí, rập khuôn, máy móc, không tính đến điều kiện đặc thù của địa phương, nhất là lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đưa tư liệu sản xuất và nông dân vào hợp tác xã; đưa một bộ phận

dân cư di xây dựng vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh; đầu tư phát triển cây cà phê, cao su, dâu tằm; thực hiện chính sách bồi thường, tái định cư, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho nhân dân vùng bị thu hồi đất; thực hiện chủ trương xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, y tế. Sự lãnh đạo của Đảng bộ trong đổi mới chưa được tiến hành đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Trong công tác xây dựng Đảng, tuy Đảng bộ đã quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, nhưng công tác cán bộ đang là khâu yếu, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ vẫn chưa có tầm nhìn chiến lược, chưa có quy hoạch cơ bản, lâu dài. Trong đánh giá cán bộ còn có hiện tượng thiếu khách quan, cố chấp, hẹp hòi, có trường hợp đề bạt cán bộ chưa đủ quy trình hoặc đề bạt chưa đúng tầm cả về phẩm chất đạo đức và trình độ, năng lực. Thiếu cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi ở các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp, các doanh nghiệp, cán bộ thực thi các dự án, cán bộ đầu đàn về khoa học - công nghệ. Thậm chí, có những lúc, những thời điểm phải trả giá đắt vì đoàn kết trong nội bộ không được quan tâm đúng mức, bị chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương che lấp.

Mặc dù còn có khuyết điểm, yếu kém, nhưng thành tựu của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đạt được trong 30 năm (1975-2005) là to lớn và quan trọng. Những thành tựu đó bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện; từ sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể nhân dân, sự

đoàn kết gắn bó bền chặt giữa đồng bào các dân tộc, các tôn giáo và đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Thành tựu đó còn bắt nguồn từ truyền thống yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được khẳng định trong các thời kỳ lịch sử.

Từ thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng thời kỳ 1975-2005, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi rút ra một số kinh nghiệm quý báu sau đây:

Một là, nắm vững và chủ động vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước vào thực tiễn tình hình địa phương.

Quảng Ngãi là một tỉnh duyên hải miền Trung, từng là một trong những trung tâm của phong trào cách mạng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân, có lợi thế phát triển cả về nông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung, có khu kinh tế Dung Quất, Nhà máy lọc dầu số 1 và cảng biển nước sâu Dung Quất. Nhân dân Quảng Ngãi có truyền thống yêu nước và cách mạng. Đó là nguồn lực nội sinh vô cùng quan trọng cần được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề cốt lõi là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị phải am hiểu tình hình, nắm rõ đặc điểm của địa phương để quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chủ động đề ra mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp khả thi, các chương trình, kế hoạch công tác, phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện với tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao, kiên định, vững vàng trước mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Thực tiễn 30 năm xây dựng và bảo vệ quê hương đã chứng minh rằng cách mạng là sáng tạo. Giai đoạn lịch sử nào, Đảng bộ chủ động, sáng tạo, vận dụng đúng chủ trương, chính sách của Đảng phù hợp với thực tiễn địa phương, thì cách mạng thắng lợi, phong trào cách mạng đi lên. Thắng lợi của Đảng bộ trong chỉ đạo giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm những năm 80, không những đã tự cân đối được lương thực, giải quyết được nhu cầu lương thực cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh mà còn chi viện cho các tỉnh bạn và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần cùng đất nước vượt qua nạn thiếu đói lương thực gay gắt. Quảng Ngãi là tỉnh có thiên nhiên khắc nghiệt, thường xuyên bị thiên tai tàn phá nặng nề. Nhận thức sâu sắc những bất lợi của điều kiện tự nhiên, Đảng bộ đã dày công nghiên cứu, tìm tòi và nhiều năm đã tập trung ngân sách đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi như năm 1987, tỉnh đã dành đến 35% vốn xây dựng cơ bản thuộc ngân sách tỉnh đầu tư cho các công trình thủy lợi. Đó là một trong những quyết định đúng đắn, sáng tạo, có tính lịch sử, để từ đó người dân Quảng Ngãi mới có những công trình thủy lợi như Thạch Nham và hàng trăm hồ, đập thủy lợi lớn nhỏ khắp các vùng, miền trong tỉnh. Hệ thống giao thông, thủy lợi được xây dựng từ năm 1975 đến nay, chẳng những là biểu tượng về sự ưu việt của chế độ mới, mà còn thực sự đã tạo bước ngoặt phát triển cho nông nghiệp Quảng Ngãi, đổi đời người nông dân Quảng Ngãi.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã phát huy tối đa nội lực, khơi dậy ý chí năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường, phát huy cao độ khối đại đoàn kết toàn dân để khai thác hai tiềm

năng, thế mạnh của tỉnh là đất đai và con người Quảng Ngãi. Đồng thời, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh vừa tích cực, chủ động nắm bắt thời cơ, tranh thủ các nguồn ngoại lực để phát triển nhanh, bền vững, vừa chống tư tưởng trông chờ, thụ động hoặc nôn nóng, chủ quan, duy ý chí. Khu kinh tế Dung Quất đã và đang là biểu tượng của tư duy kinh tế năng động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế thế giới.

Hai là, quán triệt tư tưởng “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Trong những năm 1975-2005 cách mạng nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, đất nước thống nhất và quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hoàn cảnh mới của đất nước vừa có những thời cơ, thuận lợi mới, nhưng đồng thời cũng có những khó khăn, thách thức không nhỏ, đòi hỏi đội ngũ cán bộ cùng với lòng nhiệt huyết cách mạng cần phải có tri thức, đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, bình tĩnh, sáng suốt trước những biến cố, những bước ngoặt trong quá trình vận động và phát triển của lịch sử. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng, vai trò quyết định của công tác cán bộ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ đã quan tâm đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng những cán bộ có phẩm chất, năng lực, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị; chống suy thoái về nhận thức tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, chống quan liêu, tham nhũng.

Ngay từ những năm đầu mới giải phóng, Đảng bộ đã lựa chọn và cử nhiều cán bộ, đảng viên đi học các lớp đào tạo,

bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Nhờ được đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ Quảng Ngãi đã có bước trưởng thành, kế tục xứng đáng truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên của tỉnh được tăng cường cho các tỉnh Tây Nguyên, chuyên gia giúp đỡ nhân dân Campuchia và Lào. Nhiều người đã trở thành cán bộ chủ chốt, nắm các chức vụ chủ chốt, các cương vị quan trọng ở các tỉnh bạn và các bộ, ngành Trung ương. Trong thực tiễn lao động, sản xuất và chiến đấu, không ít cán bộ, đảng viên gương mẫu, đi đầu trong tiếp thu cái mới, cái tiến bộ, có sức cảm hoá, lôi cuốn quần chúng nhân dân thực hiện đường lối của Đảng. Không ít cán bộ, đảng viên của Đảng bộ nêu gương sáng về đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, thực sự là những tấm gương tiêu biểu, được nhân dân tin tưởng, yêu mến.

Ba là, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, thường xuyên tự phê bình, phê bình là nhân tố bảo đảm vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ.

Đoàn kết là một truyền thống quý báu của Đảng ta và nhân dân ta. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên chăm lo xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, phải tăng cường củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Thấm nhuần lời dạy của Người, từ ngày thành lập đến nay, Đảng bộ Quảng Ngãi luôn coi trọng việc xây dựng và tăng cường khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ. Truyền thống đó tiếp tục được phát huy trong điều kiện, hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh, giúp Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi vượt qua mọi khó

khăn, thử thách, đạt được nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Ba mươi năm kiên trì thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho thấy, dù mỗi giai đoạn cách mạng có những đặc điểm, những nhiệm vụ và phương pháp cách mạng khác nhau, nhưng bài học đoàn kết vẫn giữ nguyên giá trị của nó. Đoàn kết, trước hết là đoàn kết trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, là đoàn kết giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; là phát huy dân chủ, tăng cường vai trò, trách nhiệm cá nhân của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu; là thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trên tinh thần đồng chí, thương yêu lẫn nhau. Đoàn kết hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa cá nhân, bè phái, tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ luôn gắn liền với mở rộng và phát huy dân chủ, biết lắng nghe ý kiến, sáng kiến của đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ trẻ cũng là một kinh nghiệm quý được rút ra trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ. Nhờ mở rộng và phát huy dân chủ, nên trong những năm đầu mới giải phóng, Đảng bộ đã huy động được một lực lượng lớn cán bộ, đảng viên và nhân dân tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất, nhanh chóng ổn định cuộc sống. Đặc biệt, nhờ đoàn kết, phát huy trí tuệ tập thể, biết lắng nghe ý kiến đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và sự kiên trì phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, công trình thủy lợi Thạch Nham, khu kinh tế Dung Quất và rất nhiều công trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh đã được hoàn thành, đi vào hoạt động, mang lại hiệu quả lớn không chỉ về mặt kinh tế, đời sống mà còn có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng.

Bốn là, thường xuyên củng cố, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân.

Thường xuyên củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã trở thành truyền thống quý báu, có tính quy luật trong lịch sử phát triển của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước, Đảng bộ Quảng Ngãi luôn luôn nhận thức sâu sắc sự nghiệp cách mạng chỉ có thể thắng lợi khi Đảng quan tâm chăm lo lợi ích thiết thực của các tầng lớp nhân dân, của đồng bào vùng căn cứ kháng chiến, vùng sâu, vùng xa, đồng bào các dân tộc thiểu số, các tôn giáo. Đảng vì dân, dân tin Đảng thì sự nghiệp cách mạng sẽ thành công. Trong thời kỳ thực hiện cơ chế kinh tế tập trung, bao cấp cũng như trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ đã luôn luôn quan tâm giải quyết những vấn đề thiết thực, có liên quan đến lợi ích của các tầng lớp dân cư; chú trọng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện các chính sách xã hội, kiên quyết đấu tranh với tệ quan liêu, coi thường quần chúng, v.v..

Thực tiễn đã chứng minh rằng cách tốt nhất để củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân là mọi chủ trương của Đảng phải xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của nhân dân, tôn trọng lợi ích hợp pháp của các tầng lớp nhân dân. Chính từ những bức xúc về đời sống, việc làm, thu nhập của nhân dân mà Đảng bộ đã tổ chức thực hiện tốt nhiều chủ trương của Đảng hợp với lòng dân, được dân ủng hộ như khoán 100, khoán 10, phát triển kinh tế trang trại, v.v. trong sản xuất nông nghiệp; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các xí nghiệp quốc doanh; xóa bỏ tình trạng ngăn sông cấm chợ, thừa nhận quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quy luật giá trị trong sản xuất và

phân phối lưu thông; khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần, v.v..

Miền núi Quảng Ngãi chiếm hơn 62,8% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, cửa ngõ phía tây nối liền các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và vùng hạ Lào, nên khu vực này có vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh; là địa bàn cư trú của hơn 32 vạn đồng bào các dân tộc thiểu số, chiếm 14,8% dân số toàn tỉnh. Nhận thức sâu sắc vị trí quan trọng của miền núi, ngay từ những năm đất nước còn gặp nhiều khó khăn, Đảng bộ đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Năm 1992 và nhất là năm 1999, Tỉnh ủy (khoá XV) đã ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển giao thông, thủy lợi, xây dựng các công trình phục vụ dân sinh như nước sạch, mạng lưới điện, hệ thống trường học, trạm y tế. Đây là những chủ trương, chính sách đúng đắn, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội miền núi phát triển, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc thiểu số vươn lên xóa đói, giảm nghèo.

Những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy được trong 30 năm (1975-2005), xây dựng và bảo vệ quê hương là hành trang quý báu để Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tự tin bước vào những thập niên đầu thế kỷ XXI, những thập niên của thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tỉnh Quảng Ngãi vượt qua tình trạng là một tỉnh nghèo, kém phát triển, hòa nhịp cùng đất nước phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

PHỤ LỤC

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Nhiệm kỳ 1973-1975)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Tấn Tỏa (tức Võ Hanh)	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Nghĩa	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Đoàn Nhật Nam	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Võ Trọng Nguyễn (tức Chanh)	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Lê Đà (tức Hồng)	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trương Văn Khang	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trần Quang Hiến	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Trương Ngọc Hồ	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Phạm Trọng (tức Nhỏ)	Tỉnh ủy viên
10	Lê Công Ngũ	Tỉnh ủy viên
11	Phan Minh Nga	Tỉnh ủy viên
12	Lý Sang	Tỉnh ủy viên
13	Y Đênh	Tỉnh ủy viên
14	Huỳnh Thị Mỹ	Tỉnh ủy viên
15	Đình Xuân Trâm	Tỉnh ủy viên
16	Cao Văn Luật	Tỉnh ủy viên
17	Thu Hảo	Tỉnh ủy viên
18	Trịnh Minh Khánh (tức Ái Nghĩa)	Tỉnh ủy viên
19	Lê Thiệu (tức Thanh Hà)	Tỉnh ủy viên

20	Nguyễn Ngạt	Tỉnh ủy viên
21	Nguyễn Thị Xuân (tức Vân)	Tỉnh ủy viên
22	Đình Văn Lá	Tỉnh ủy viên
23	Phạm Văn Soa	Tỉnh ủy viên
24	Hồ Chí Mân	Tỉnh ủy viên
25	Phạm Cường (tức Ngọc Trâm)	Tỉnh ủy viên
26	Ngọc Sương	Tỉnh ủy viên
27	Châu Thị Đoàn	Tỉnh ủy viên
28	Lê Xuân Đài (tức Lê Ban)	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
29	Võ Quyên	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
30	Nguyễn Hữu Tiến	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NGHĨA BÌNH
(Lâm thời, từ tháng 12-1975 đến tháng 3-1977)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Tấn Tỏa (tức Hanh)	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Trung Tín (tức Nam)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Nghĩa (tức Nhâm)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Võ Văn Đình (tức Hoàng)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
5	Đình Bá Lộc (tức Cường)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
6	Trương Công Nghị (tức Bình)	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Võ Trọng Nguyễn (tức Chanh)	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Lê Hồng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trương Văn Khang	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Văn	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đình Xuân Ba	Tỉnh ủy viên
12	Phạm Trọng (tức Nhó)	Tỉnh ủy viên
13	Trần Kỳ (tức Hồng)	Tỉnh ủy viên
14	Nguyễn Bích (tức Bình)	Tỉnh ủy viên
15	Ngô Tý (tức Hiệu)	Tỉnh ủy viên
16	Lê Công Ngũ (tức Thành Tâm)	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Ngọc Anh (tức Hồng Giao)	Tỉnh ủy viên
18	Phan Minh Nga	Tỉnh ủy viên
19	Lý Sang	Tỉnh ủy viên

20	Y Đênh (tức Linh)	Tỉnh ủy viên
21	Văn Tấn Ích (tức Thanh Tùng)	Tỉnh ủy viên
22	Trần Sậu (tức Thanh)	Tỉnh ủy viên
23	Nguyễn Thị Nga	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Thị Vỹ	Tỉnh ủy viên
25	Huỳnh Thị Mỹ	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Văn Bút	Tỉnh ủy viên
27	Chung Hùng	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Bày (tức Long)	Tỉnh ủy viên
29	Đào Cang (tức Trường)	Tỉnh ủy viên
30	Nguyễn Trọng (tức Hà)	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Văn Cao	Tỉnh ủy viên

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NGHĨA BÌNH
(Khóa I, nhiệm kỳ 1977-1979)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Văn Đình (tức Hoàng)	Quyền Bí thư Tỉnh ủy
2	Võ Trọng Nguyễn (tức Chanh)	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Nghĩa (tức Nhâm)	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Mai Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Ấn (tức Bút)	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trương Công Nghị (Thanh Bình)	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đình Văn Gát (Đình Xuân Trâm)	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Tô Đình Cơ (tức Tiến)	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trương Quang Phấn (tức Chân)	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Ngọc Anh	Tỉnh ủy viên
11	Nguyễn Thị Nga	Tỉnh ủy viên
12	Lê Đình Bản	Tỉnh ủy viên
13	Phan Bích (tức Bình)	Tỉnh ủy viên
14	Phan Văn Bốn (tức Trinh)	Tỉnh ủy viên
15	Trần Đình Châu (tức Diệp)	Tỉnh ủy viên
16	Trần Hải Dương (tức Văn)	Tỉnh ủy viên
17	Lê Đà	Tỉnh ủy viên
18	Lê Đoán	Tỉnh ủy viên
19	Nguyễn Hữu Đức	Tỉnh ủy viên
20	Tạ Công Hiền (Mai Lương)	Tỉnh ủy viên

21	Tô Văn Liễu	Tỉnh ủy viên
22	Huỳnh Thị Mỹ	Tỉnh ủy viên
23	Trình Nghiê	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Đức Ngọ	Tỉnh ủy viên
25	Lê Công Ngũ	Tỉnh ủy viên
26	Đình Rưng (Đình Xuân Ba)	Tỉnh ủy viên
27	Nguyễn Sỹ	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Tùng Tam	Tỉnh ủy viên
29	Đình Văn Thôi (Khang)	Tỉnh ủy viên
30	Ngô Văn Tý (Hiệu)	Tỉnh ủy viên
31	Đỗ Minh Toại	Tỉnh ủy viên
32	Nguyễn Trọng	Tỉnh ủy viên
33	Đình Thị Vỹ	Tỉnh ủy viên
34	Nguyễn Du	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
35	Nguyễn Văn Kế	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)

- Từ tháng 3-1978, đồng chí Nguyễn Quang Lâm - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản được Bộ Chính trị chỉ định giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Ngày 15-7-1977, các đồng chí Đình Tân, Trương Ngọc Hồ được giữ chức Ủy viên Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Ngày 15-1-1978, các đồng chí Phạm Văn Đánh, Trần Quang Hiến, Châu Khải Địch được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NGHĨA BÌNH
(Khóa II, nhiệm kỳ 1979-1982)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Lâm	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Võ Văn Đình	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Võ Trọng Nguyễn	Ủy viên Ban Thường vụ, Trực Đảng
4	Đình Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Tô Đình Cơ	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Bút	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Mai Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Trương Quang Chân	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đình Xuân Trâm	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Trương Thanh Bình	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trương Thanh Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đỗ Minh Toại	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Phan Mạnh Trinh	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Võ Bồn (Ninh)	Tỉnh ủy viên
15	Lê Đình Bản (Chánh)	Tỉnh ủy viên
16	Trần Đình Châu (Diệp)	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Du	Tỉnh ủy viên

18	Trần Diễm (Hiển)	Tỉnh ủy viên
19	Trần Diêu (Vân)	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Hữu Đức	Tỉnh ủy viên
21	Lê Xuân Đài (Ban)	Tỉnh ủy viên
22	Lê Đoán	Tỉnh ủy viên
23	Vũ Tấn Hạt	Tỉnh ủy viên
24	Đình Rưng (Ba)	Tỉnh ủy viên
25	Nguyễn Xuân Lai (Mai)	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Mão (Quý)	Tỉnh ủy viên
27	Trần Cao Minh	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Thị Mỹ	Tỉnh ủy viên
29	Trần Hồng Nam	Tỉnh ủy viên
30	Đình Văn Nụ (Xoa)	Tỉnh ủy viên
31	Lê Công Ngũ	Tỉnh ủy viên
32	Nguyễn Đức Ngộ	Tỉnh ủy viên
33	Trình Nghiê	Tỉnh ủy viên
34	Nguyễn Thị Qua (Dung)	Tỉnh ủy viên
35	Nguyễn Sỹ	Tỉnh ủy viên
36	Nguyễn Tùng Tam (Vân)	Tỉnh ủy viên
37	Đình Văn Khôi (Khang)	Tỉnh ủy viên
38	Nguyễn Trọng (Nam Hà)	Tỉnh ủy viên
39	Nguyễn Hữu Trực (Hai)	Tỉnh ủy viên
40	Nguyễn Đình Trường (Quyên)	Tỉnh ủy viên
41	Nguyễn Văn Ván	Tỉnh ủy viên
42	Đỗ Mịch	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
43	Ngô Lê Triêm	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
44	Nguyễn Thị Diệp	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
45	Từ Tân Châu (Tân Vũ)	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)

Ghi chú:

- Ngày 3-1-1980, đồng chí Võ Văn Đình được giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Quang Lâm đi học lớp quản lý kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh do chuyên gia Liên Xô giảng.

- Ngày 10-12-1980, đồng chí Trần Kiên - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình thay đồng chí Nguyễn Quang Lâm nghỉ chữa bệnh.

- Tháng 4-1982, đồng chí Võ Trung Thành - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình thay đồng chí Trần Kiên trúng cử vào Ban Bí thư Trung ương (khóa V).

- Tháng 8-1982, đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng được Trung ương chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình thay đồng chí Võ Trung Thành từ trần.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NGHĨA BÌNH
(Khóa III, nhiệm kỳ 1983-1986)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Quang Thắng	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Đình Tân	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Tô Đình Cơ	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Võ Trọng Nguyễn	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Trương Thanh Bình	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đình Xuân Trâm	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Bút	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đỗ Minh Toại	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Mạnh Trinh	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Châu Khải Địch	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Xuân Mai (Lan)	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Du	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Nguyễn Thị Diệp	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Nguyễn Duy Quý	Ủy viên Ban Thường vụ
15	Võ Quyên	Ủy viên Ban Thường vụ
16	Trương Quang Chân	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Trọng (Nam Hà)	Tỉnh ủy viên
18	Trần Cao Minh	Tỉnh ủy viên
19	Huỳnh Thị Mỹ	Tỉnh ủy viên

20	Võ Hải Ninh	Tỉnh ủy viên
21	Nguyễn Đức Ngộ	Tỉnh ủy viên
22	Đỗ Mịch	Tỉnh ủy viên
23	Lê Thành Tâm	Tỉnh ủy viên
24	Trần Cao Vân	Tỉnh ủy viên
25	Nguyễn Văn Ván	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Thị Kim Dung	Tỉnh ủy viên
27	Từ Tân Vũ	Tỉnh ủy viên
28	Lê Ban	Tỉnh ủy viên
29	Trần Hồng Diệp	Tỉnh ủy viên
30	Lê Đình Chánh	Tỉnh ủy viên
31	Quốc A Soa	Tỉnh ủy viên
32	Trần Hồng Vân	Tỉnh ủy viên
33	Huỳnh Công Tâm	Tỉnh ủy viên
34	Nguyễn Trắc	Tỉnh ủy viên
35	Võ Ban	Tỉnh ủy viên
36	Hoàng Quang Đạo	Tỉnh ủy viên
37	Trần Văn Nhẫn	Tỉnh ủy viên
38	Tô Tử Thanh	Tỉnh ủy viên
39	Trần Anh Kiệt	Tỉnh ủy viên
40	Trần Thị Nhàn	Tỉnh ủy viên
41	Lê Văn Đẩu	Tỉnh ủy viên
42	Đình Thoang	Tỉnh ủy viên
43	Lê Văn Tấn	Tỉnh ủy viên
44	Trần Ngọc Tuyên	Tỉnh ủy viên
45	Ngô Minh Ngọc	Tỉnh ủy viên
46	Lê Văn	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
47	Lê Văn Minh	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NGHĨA BÌNH
(Khóa IV, nhiệm kỳ 1986-1989)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Quang Thắng	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Tô Đình Cơ	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Đình Tân	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Võ Trọng Nguyễn	Phó Bí thư Tỉnh ủy
5	Nguyễn Duy Quý	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Hồng Vân	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đình Thoang	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Ngô Minh Ngọc	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Võ Quyền	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Văn Ván	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trần Văn Nhẫn	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Du	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Trần Cao Minh	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Đỗ Minh Toại	Ủy viên Ban Thường vụ
15	Võ Phi Hồng	Ủy viên Ban Thường vụ
16	Tô Tử Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
17	Từ Tân Vũ	Ủy viên Ban Thường vụ
18	Hoàng Quang Đạo	Ủy viên Ban Thường vụ
19	Huỳnh Công Tâm	Tỉnh ủy viên
20	Lê Văn Đẩu	Tỉnh ủy viên

21	Nguyễn Trác	Tỉnh ủy viên
22	Nguyễn Đức Ngộ	Tỉnh ủy viên
23	Nguyễn Thị Kim Dung	Tỉnh ủy viên
24	Lê Ban	Tỉnh ủy viên
25	Quốc A Soa	Tỉnh ủy viên
26	Lê Văn Tấn	Tỉnh ủy viên
27	Trần Hồng Diệp	Tỉnh ủy viên
28	Văn Minh	Tỉnh ủy viên
29	Võ Ban	Tỉnh ủy viên
30	Trần Thị Nhàn	Tỉnh ủy viên
31	Mai Ái Trực	Tỉnh ủy viên
32	Phan Thành Lang	Tỉnh ủy viên
33	Trần Minh Sang	Tỉnh ủy viên
34	Hoàng Trương	Tỉnh ủy viên
35	Võ Xuân Thanh	Tỉnh ủy viên
36	Phạm Bình	Tỉnh ủy viên
37	Trần Sự	Tỉnh ủy viên
38	Lê Văn Khá	Tỉnh ủy viên
39	Trần Văn Lang	Tỉnh ủy viên
40	Nguyễn Huỳnh	Tỉnh ủy viên
41	Nguyễn Hay	Tỉnh ủy viên
42	Nguyễn Thị Thanh Liêm	Tỉnh ủy viên
43	Phạm Hữu Tôn	Tỉnh ủy viên
44	Lê Quang Yển	Tỉnh ủy viên
45	Trần Thu	Tỉnh ủy viên
46	Nguyễn Xuân Dương	Tỉnh ủy viên
47	Hoàng Ngọc Trân	Tỉnh ủy viên
48	Lý Văn Hạnh	Tỉnh ủy viên
49	Nguyễn Văn Thắm	Tỉnh ủy viên

50	Đoàn Văn Téo	Tỉnh ủy viên
51	Đoàn Văn Câu	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
52	Lê Nhờ	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
53	Mai Thị Thanh	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
54	Bùi Trần Hà	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
55	Võ Đức Huy	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
56	Mai Văn Hội	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
57	Huỳnh Đăng Khanh	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
58	Trần Văn Mười	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
59	Phạm Bá Khanh	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
60	Nguyễn Hữu Hảo	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
61	Trần Huệ	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
62	Văn Thị Sáu	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
63	Phạm Nhơn	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
64	Nguyễn Xuân Huế	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
65	Nguyễn Thị Khá	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Thời kỳ đầu tái lập tỉnh 1989-1991)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Quang Thắng	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Võ Trọng Nguyễn	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Trần Cao Minh	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Trần Hồng Vân	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Từ Tân Vũ	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đỗ Minh Toại	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Vấn	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Võ Quyên	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Hoàng Ngọc Trân	Tỉnh ủy viên
10	Lý Văn Hạnh	Tỉnh ủy viên
11	Lê Ban	Tỉnh ủy viên
12	Phạm Bình	Tỉnh ủy viên
13	Quốc A Soa	Tỉnh ủy viên
14	Lê Văn Tấn	Tỉnh ủy viên
15	Phạm Hữu Tôn	Tỉnh ủy viên
16	Trần Thị Nhân	Tỉnh ủy viên
17	Hoàng Trương	Tỉnh ủy viên
18	Nguyễn Đức Ngọ	Tỉnh ủy viên
19	Võ Xuân Thanh	Tỉnh ủy viên

20	Trần Quang Hiển	Tỉnh ủy viên
21	Lê Quang Yển	Tỉnh ủy viên
22	Phạm Bá Khanh	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
23	Phạm Nhơn	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
24	Võ Đức Huy	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
25	Mai Văn Hội	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)
26	Nguyễn Xuân Huế	Tỉnh ủy viên (dự khuyết)

Ghi chú:

- Từ tháng 6 đến tháng 11-1991, đồng chí Võ Trọng Nguyễn giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy .

- Từ ngày 30-12-1989, các đồng chí Hoàng Ngọc Trân, Phạm Hữu Tôn, Nguyễn Văn Được được giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy .

- Từ ngày 23-9-1989, các đồng chí Phạm Bá Khanh, Võ Đức Huy, Mai Văn Hội, Nguyễn Xuân Huế được chuyển giữ chức Ủy viên (chính thức) Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; các đồng chí Trần Anh Kiệt, Nguyễn Văn Được, Hồ Ngọc Chu, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Tư A, Đinh Thị Minh Hoái, Võ Công Cự, Vũ Tùng Vi, Nguyễn Đức Tư, Phạm Anh Trung được bầu giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Khóa XIV, nhiệm kỳ 1991-1996)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Minh Toại	Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Văn Đước	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Văn Vấn	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Phạm Hữu Tôn	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Trần Hồng Vân	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Hoàng Trương	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Võ Công Cự	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Đức Tư	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Võ Quyên	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Trần Anh Kiệt	Tỉnh ủy viên
11	Phạm Nam Tào	Tỉnh ủy viên
12	Lê Quang Yến	Tỉnh ủy viên
13	Nguyễn Thị Thanh Liêm	Tỉnh ủy viên
14	Nguyễn Kim Hiệu	Tỉnh ủy viên
15	Phạm Văn Thọ	Tỉnh ủy viên
16	Cao Xuân Thủy	Tỉnh ủy viên
17	Phạm Hồng Thái	Tỉnh ủy viên
18	Lê Văn Tấn	Tỉnh ủy viên
19	Đinh Thị Minh Hoái	Tỉnh ủy viên
20	Nguyễn Thượng Dũng	Tỉnh ủy viên

21	Lý Văn Hạnh	Tỉnh ủy viên
22	Trần Thị Nhàn	Tỉnh ủy viên
23	Đinh Văn Tơ	Tỉnh ủy viên
24	Phạm Minh Toàn	Tỉnh ủy viên
25	Mai Văn Hội	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Xuân Huế	Tỉnh ủy viên
27	Võ Đức Huy	Tỉnh ủy viên
28	Phạm Đông Hưng	Tỉnh ủy viên
29	Phan Tư A	Tỉnh ủy viên
30	Nguyễn Thanh Tân	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Văn Trang	Tỉnh ủy viên
32	Phạm Sy	Tỉnh ủy viên
33	Ngô Quang Sinh	Tỉnh ủy viên
34	Phạm Anh Trung	Tỉnh ủy viên
35	Nguyễn On	Tỉnh ủy viên
36	Lê Hồng Khánh	Tỉnh ủy viên
37	Phạm Bá Khanh	Tỉnh ủy viên
38	Nguyễn Hữu Tiến	Tỉnh ủy viên
39	Trần Thị Ngọc Lan	Tỉnh ủy viên
40	Hồ Ngọc Chu	Tỉnh ủy viên
41	Võ Xuân Thanh	Tỉnh ủy viên

Ghi chú:

- Từ ngày 30-5-1992, đồng chí Nguyễn Văn Vấn được giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Từ ngày 30-5-1992, các đồng chí Trần Anh Kiệt, Phạm Nam Tào, Lê Quang Yến được giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Từ ngày 5-5-1994, các đồng chí Trần Công Anh, Đinh Văn Dũng, Huỳnh Tấn Lợi, Huỳnh Thanh Tịnh, Trần Lê Trung, Nguyễn Đức Tâm được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Từ ngày 5-5-1994, đồng chí Võ Đức Huy được giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Khóa XV, nhiệm kỳ 1996-2000)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Đức Huy	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Thanh Tân	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Đức Tâm	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Phạm Sy	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Phạm Nam Tào	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Huỳnh Thanh Tịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Lý Văn Hạnh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đinh Thị Minh Hoái	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Mai Văn Hội	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Trần Bảo Phát	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Kim Hiệu	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Lê Quang Yển	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Trần Lê Trung	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Phạm Văn Thọ	Tỉnh ủy viên
15	Nguyễn Xuân Huế	Tỉnh ủy viên
16	Cao Xuân Thủy	Tỉnh ủy viên
17	Nguyễn Văn Trang	Tỉnh ủy viên
18	Đinh Văn Dũng	Tỉnh ủy viên
19	Phạm Hồng Thái	Tỉnh ủy viên
20	Đỗ Tiến Dũng	Tỉnh ủy viên

21	Đình Văn Tơ	Tỉnh ủy viên
22	Phạm Đông Hưng	Tỉnh ủy viên
23	Huỳnh Tấn Lợi	Tỉnh ủy viên
24	Nguyễn Hữu Tiến	Tỉnh ủy viên
25	Trần Đức Hiệp	Tỉnh ủy viên
26	Phạm Đình Khôi	Tỉnh ủy viên
27	Nguyễn Thị Dẻo	Tỉnh ủy viên
28	Phạm Minh Toàn	Tỉnh ủy viên
29	Trần Thị Ngọc Lan	Tỉnh ủy viên
30	Đoàn Thị Thanh	Tỉnh ủy viên
31	Trương Văn An	Tỉnh ủy viên
32	Trần Công Anh	Tỉnh ủy viên
33	Nguyễn Ngọc Cừ	Tỉnh ủy viên
34	Cao Văn Lệ	Tỉnh ủy viên
35	Võ Công Cự	Tỉnh ủy viên
36	Phạm Hữu Tôn	Tỉnh ủy viên
37	Cao Khoa	Tỉnh ủy viên
38	Lê Hồng Khánh	Tỉnh ủy viên
39	Hoàng Ngọc Trân	Tỉnh ủy viên
40	Trần Ngọc Cán	Tỉnh ủy viên
41	Lê Quang Thích	Tỉnh ủy viên
42	Nguyễn On	Tỉnh ủy viên
43	Trương Ngọc Nhi	Tỉnh ủy viên
44	Đặng Vỹ Lê	Tỉnh ủy viên
45	Hồ Minh Sơn	Tỉnh ủy viên

Ghi chú:

- Từ ngày 10-6-2000, đồng chí Phạm Sy được phân công giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Trục Đảng .

- Từ ngày 6-8-1999, các đồng chí Nguyễn Thanh Quang, Phạm Thanh Hải được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Đồng chí Huỳnh Minh Giữ được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ ngày 6-8-1999, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy từ ngày 27-10-1999.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Khóa XVI, nhiệm kỳ 2001-2005)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Đức Huy	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Phạm Sỹ	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Kim Hiệu	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Huỳnh Minh Giũ	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Lý Văn Hạnh	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đinh Thị Minh Hoái	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Xuân Huế	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Phạm Đông Hưng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Cao Khoa	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Lê Quang Yển	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Lê Thu	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Phạm Đình Khôi	Tỉnh ủy viên
13	Phạm Minh Toàn	Tỉnh ủy viên
14	Trần Công Anh	Tỉnh ủy viên
15	Bùi Hoài Ân	Tỉnh ủy viên
16	Trần Ngọc Cán	Tỉnh ủy viên
17	Trần Ngọc Căng	Tỉnh ủy viên
18	Cao Bá Chiến	Tỉnh ủy viên
19	Hoàng Nam Chu	Tỉnh ủy viên

20	Nguyễn Ngọc Cừ	Tỉnh ủy viên
21	Nguyễn Thị Dẻo	Tỉnh ủy viên
22	Đỗ Dục	Tỉnh ủy viên
23	Đỗ Tiến Dũng	Tỉnh ủy viên
24	Đinh Văn Dũng	Tỉnh ủy viên
25	Phạm Thanh Hải	Tỉnh ủy viên
26	Hồ Việt Hồng	Tỉnh ủy viên
27	Cao Văn Lệ	Tỉnh ủy viên
28	Đinh Thị Loan	Tỉnh ủy viên
29	Huỳnh Tấn Lợi	Tỉnh ủy viên
30	Nguyễn Lự	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Minh	Tỉnh ủy viên
32	Trần Thao Mười	Tỉnh ủy viên
33	Huỳnh Văn Năm	Tỉnh ủy viên
34	Trương Ngọc Nhi	Tỉnh ủy viên
35	Phạm Hồng Phương	Tỉnh ủy viên
36	Nguyễn Thanh Phương	Tỉnh ủy viên
37	Nguyễn Thanh Quang	Tỉnh ủy viên
38	Nguyễn Hồng Sơn	Tỉnh ủy viên
39	Võ Ngọc Thạch	Tỉnh ủy viên
40	Lê Quang Thích	Tỉnh ủy viên
41	Phạm Văn Thọ	Tỉnh ủy viên
42	Đoàn Thị Thanh	Tỉnh ủy viên
43	Đinh Như Tro	Tỉnh ủy viên
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Tỉnh ủy viên
45	Lê Văn Vĩnh	Tỉnh ủy viên

Ghi chú:

- Từ ngày 28-12-2001, các đồng chí Phạm Đình Khôi, Phạm Minh Toàn được giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Từ ngày 4-9-2002, đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam được Trung ương chỉ định giữ chức Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Võ Đức Huy nhận công tác ở Ban Kinh tế Trung ương.

- Từ ngày 8-10-2002, đồng chí Nguyễn Kim Hiệu được giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Từ ngày 7-11-2003, đồng chí Võ Thái Nguyên được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Khóa XVII, nhiệm kỳ 2005-2010)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Nghĩa Dũng	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Phạm Đình Khôi	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Nguyễn Xuân Huế	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Cao Khoa	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Huỳnh Minh Giữ	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Lê Xuân Hòa	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đinh Thị Loan	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Phạm Minh Toàn	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Minh	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Phạm Thanh Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đỗ Tiến Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Nguyễn Hoàng Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Trần Ngọc Căng	Tỉnh ủy viên
15	Đinh Thị Biểu	Tỉnh ủy viên
16	Trần Ngọc Cán	Tỉnh ủy viên
17	Cao Bá Chiến	Tỉnh ủy viên
18	Nguyễn Chín	Tỉnh ủy viên
19	Hoàng Nam Chu	Tỉnh ủy viên

20	Lê Viết Chũ	Tỉnh ủy viên
21	Thái Văn Đồng	Tỉnh ủy viên
22	Trương Thị Xuân Hồng	Tỉnh ủy viên
23	Nguyễn Đức Huỳnh	Tỉnh ủy viên
24	Lê Mỹ Liên	Tỉnh ủy viên
25	Huỳnh Tấn Lợi	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Lự	Tỉnh ủy viên
27	Trần Thao Mười	Tỉnh ủy viên
28	Huỳnh Văn Năm	Tỉnh ủy viên
29	Huỳnh Thị Thúy Nga	Tỉnh ủy viên
30	Võ Thái Nguyên	Tỉnh ủy viên
31	Nguyễn Duy Nhân	Tỉnh ủy viên
32	Võ Tuấn Nhân	Tỉnh ủy viên
33	Trần Văn Nhân	Tỉnh ủy viên
34	Trương Ngọc Nhi	Tỉnh ủy viên
35	Phạm Viết Nho	Tỉnh ủy viên
36	Nguyễn Thanh Phương	Tỉnh ủy viên
37	Phạm Hồng Phương	Tỉnh ủy viên
38	Phạm Như Sô	Tỉnh ủy viên
39	Nguyễn Hồng Sơn	Tỉnh ủy viên
40	Hồ Văn Thế	Tỉnh ủy viên
41	Lê Quang Thích	Tỉnh ủy viên
42	Phạm Trường Thọ	Tỉnh ủy viên
43	Nguyễn Xuân Thủy	Tỉnh ủy viên
44	Đình Như Tro	Tỉnh ủy viên
45	Nguyễn Minh Tuấn	Tỉnh ủy viên
46	Trương Văn Tuyền	Tỉnh ủy viên
47	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Tỉnh ủy viên
48	Hoàng Quốc Vệ	Tỉnh ủy viên
49	Trương Quang Việt	Tỉnh ủy viên

Ghi chú:

- Đồng chí Phạm Đình Khối được giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 14-7-2006, Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 18-5-2007.

- Từ ngày 18-5-2007, đồng chí Cao Khoa được giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Đồng chí Nguyễn Hòa Bình được Trung ương chỉ định giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 4-4-2008, được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 4-6-2010.

- Từ ngày 5-6-2007, đồng chí Trần Ngọc Căng được giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy .

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Ân được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ ngày 26-5-2008, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy từ ngày 21-7-2008.

- Từ ngày 26-5-2008, đồng chí Dương Văn Tô được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Từ ngày 13-4-2009, các đồng chí Nguyễn Tăng Bính, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Minh Tài, Phạm Thị Thu Trang được giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	5
Lời Giới thiệu	7

Chương I

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH, TRƯỚC MẮT, TỪNG BƯỚC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG (THÁNG 3-1975 - THÁNG 12-1975)	11
--	----

I- Thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, tích cực đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước	11
II- Từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống	23

Chương II

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, TIẾN HÀNH CẢI TẠO, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, NÊU CAO NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1982)	38
I- Tỉnh Nghĩa Bình thành lập, tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh	38

361

II- Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực nông nghiệp, công - thương nghiệp, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế	57
--	----

Chương III

TIẾP TỤC THÁO GỖ KHÓ KHĂN, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ, TỪNG BƯỚC CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1983-1989)	95
--	----

I- Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, tạo sự chuyển biến mới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân	95
II- Ổn định tình hình kinh tế - xã hội, thực hiện tốt công tác chuẩn bị tái lập tỉnh Quảng Ngãi	124

Chương IV

ĐẢNG BỘ QUẢNG NGÃI TÁI LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1989-1995)	151
---	-----

I- Tỉnh Quảng Ngãi tái lập, lãnh đạo ổn định tổ chức và xây dựng hệ thống chính trị, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách	151
II- Kiên trì thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh	165

Chương V

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2000)	209
--	-----

I- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh	209
---	-----

362

II- Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh,
thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng 235

Chương VI

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ,
VĂN HÓA - XÃ HỘI, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH,
NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ,
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH
(2001 - 2005) 257

I- Năm vững thời cơ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp
hóa, hiện đại hóa, xây dựng thế trận quốc phòng toàn
dân và an ninh nhân dân vững chắc 257

II- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của
Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh 293

Kết luận 318

Phụ lục 331

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: Th.S NGUYỄN MINH

NGUYỄN VIỆT THANH

NGUYỄN TẤN NINH

PHẠM THỊ HUỆ

Trình bày bìa: NGUYỄN PHƯƠNG MAI

Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO

Sửa bản in: VIỆT THANH - ÁNH HỒNG

Đọc sách mẫu: PHẠM THỊ HUỆ

In 2.000 cuốn, khổ 15x22 cm, tại Công ty in Tiền bộ, Hà Nội.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 886-2010/CXB/45-105/NXBCTQG.

Quyết định xuất bản số: 4639-QN/NXBCTQG, ngày 08/9/2010.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2010.